UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /QĐ-CĐY

Hải Phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành chương trình đào tạo năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 1279/BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng trên cơ sở Trường Trung học Y tế Hải Phòng;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1550/VBHN-BLĐTBXH ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược, Hộ sinh trình độ Cao đẳng năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - NCKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược, Hộ sinh trình độ Cao đẳng năm 2026 của trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng

(Có chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 được thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ tháng 8 năm 2026 của trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

Điều 3. Các đơn vị trực thuộc Trường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT-NCKH&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đào Văn Tùng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81/QĐ-CĐY ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng)

Tên ngành, nghề đào tạo : Điều dưỡng
Mã ngành, nghề : 6720301
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp THPT
Thời gian đào tạo : 36 tháng

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, kiểm tra tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho người bệnh trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có y đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 101 tín chỉ .

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng đa khoa đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ ở trình độ Cao đẳng; có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và hành nghề đúng pháp luật; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng, nghiên cứu khoa học; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế và tự học vươn lên.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Kiến thức**

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;

- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- Trình bày được các nguyên lý về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực ngành Điều Dưỡng.
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và đạo đức số trong môi trường làm việc.
- Mô tả được quy trình lưu trữ, xử lý dữ liệu trên bệnh án điện tử trong quản lý người bệnh và thực hành nghề Điều Dưỡng.
- Có kiến thức cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

• **Kỹ năng**

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Thể hiện Năng lực số cơ bản (thao tác kỹ thuật, an toàn thông tin, sử dụng thiết bị số) để thích ứng với môi trường làm việc y tế thông minh. Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên môn và công cụ số hỗ trợ vận hành, giám sát và xử lý công việc của ngành Điều Dưỡng. Ứng dụng các nền tảng số (platforms) để giao tiếp, cộng tác, báo cáo và quản lý hồ sơ trong quá trình học tập và làm việc. Phân tích và khai thác dữ liệu số để đưa ra giải pháp kỹ thuật hoặc đề xuất cải tiến quy trình. Vận hành, kiểm tra và đánh giá thiết bị/máy móc có tích hợp công nghệ số hoặc IoT.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Có kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Tuân thủ quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và đạo đức số trong quá trình làm việc.
- Chủ động học tập và cập nhật các công nghệ số mới trong lĩnh vực nghề nghiệp.
- Thực hiện giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc số, sử dụng các công cụ trực tuyến.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng tại bệnh viện;
- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng;
- Điều dưỡng tại viện dưỡng lão/trung tâm chăm sóc người cao tuổi;
- Điều dưỡng làm việc tại các phòng y tế trường học/cơ quan;
- Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe tại nhà;
- Cơ hội du học và làm việc ở các nước tiên tiến: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức…

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Tổng số môn học là 39, số môn phải học là: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 115 Tín chỉ (2808 giờ) (bao gồm GDTC, GDQP)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương:19 tín chỉ: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 82 tín chỉ: 2163 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	**Năng lực cơ bản (năng lực chung)**	
1	NLCB1	Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc. Có kiến thức cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.
2	NLCB2	Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

3	NLCB3	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
4	NLCB4	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
II	**Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)**	
1	NLCL1	Áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc người bệnh thông qua việc xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, phục hồi chức năng đúng quy trình; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh. Có kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.
2	NLCL2	Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng.
3	NLCL3	Có đủ kiến thức y học cơ sở, kiến thức - kỹ năng chuyên ngành để thực hiện các phương pháp, kỹ thuật điều dưỡng phục vụ nhu cầu của người bệnh,
4	NLCL4	Vận hành thành thạo an toàn và bảo quản tốt các trang thiết bị chuyên ngành điều dưỡng;
5	NLCL5	Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh sử dụng thành thạo một số dụng cụ trợ giúp đơn giản hỗ trợ trong điều trị; Hướng dẫn thành thạo các phương pháp chăm sóc Điều dưỡng gia đình và cộng đồng.
III	**Năng lực nâng cao**	
1	NLNC1	Tổ chức và quản lý khoa phòng Điều dưỡng một cách khoa học
2	NLNC2	Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.
3	NLNC3	Tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.
4	NLNC4	Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.
5	NLNC5	Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Trong đó		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**19**	**435**	**157**	**255**	**23**
MH 1	Giáo dục chính trị	**5**	**75**	41	29	5LT
MH 2	Pháp luật	**2**	**30**	18	10	2LT
MH 3	Giáo dục thể chất	**2**	**60**	5	51	4TH
MH 4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	**3**	**75**	36	35	4
MH 5	Tin học	**3**	**75**	15	58	2TH
MH 6	Tiếng Anh	**4**	**120**	42	72	2LT/4TH
II	**Các môn học/mô đun chuyên môn**					
II.1	**Môn học/mô đun cơ sở**	**29**	**555**	**319**	**206**	**30**
MĐ 7	**Mô đun: Cấu tạo và chức năng cơ thể người**	**6**	**106**	**74**	**28**	**4**
	Hóa - Hóa sinh		29	20	8	1
	Sinh học và Di truyền		17	16	0	1
	Giải phẫu - Sinh lý		52	30	20	2
	Lý sinh		8	8	0	0
MĐ 8	**Mô đun: Đại cương sự hình thành bệnh tật và phục hồi**	**5**	**89**	**74**	**12**	**3**
	Sinh lý bệnh- Miễn dịch		25	20	4	1
	Vi sinh - Ký sinh trùng		16	12	4	0
	Dược lý		32	26	4	2LT
	Dinh dưỡng - Tiết chế		16	16		
MH 9	Tâm lý - Y đức - Tổ chức y tế	**2**	**30**	28	0	2LT
MH 10	Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	**3**	**60**	30	28	2(1LT/1TH)
MH 11	Sức khỏe - Môi trường - Vệ sinh - Nâng cao sức khỏe và Hành vi con người	**3**	**45**	42	0	3LT

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Trong đó			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MH 12	Điều dưỡng cơ sở 1	**4**	**90**	28	55	7(3LT/4TH)
MH 13	Điều dưỡng cơ sở 2	**4**	**90**	28	55	7(3LT/4TH)
MH 14	Kiểm soát nhiễm khuẩn	**2**	**45**	15	28	2(1LT/1TH)
II.2	**Môn học/mô đun chuyên môn**	**53**	**1608**	**327**	**1193**	**88**
MH 15	Y học cổ truyền	**2**	**45**	15	28	2
MH 16	Kỹ thuật điều dưỡng nâng cao	**2**	**45**	15	28	2(1LT/1TH)
MH 17	CSSKNLB Nội khoa-CSSK tâm thần	**4**	**62**	60	0	2(LT)
MH 18	TTLS CSSKNLB Nội khoa	**4**	**170**	0	160	10(TH)
MH 19	Dịch tễ và các bệnh Truyền nhiễm	**3**	**95**	28	60	2LT/5TH
MH 20	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	**2**	**32**	30	0	2LT
MH 21	TTLS Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	**4**	**170**	0	160	10TH
MH 22	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	**2**	**30**	28	0	2LT
MH 23	TTLS Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	**3**	**128**	0	120	8TH
MH 24	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	**2**	**30**	28	0	2LT
MH 25	TTLS Chăm sóc sức khỏe trẻ em	**3**	**128**	0	120	8TH
MH 26	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	**3**	**100**	15	80	1LT/4TH
MH 27	Quản lý Điều dưỡng	**2**	**30**	28	0	2LT
MH 28	Thống kê y học - nghiên cứu khoa học	**2**	**30**	28	0	2LT
MH 29	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	**2**	**60**	15	40	5(1LT/4TH)
MH 30	Phục hồi chức năng	**3**	**75**	15	57	3(1LT/2TH)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Trong đó			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MH 31	Chăm sóc người bệnh cao tuổi	**4**	**108**	22	80	1(LT)/5TH
MH 32	Thực tập tốt nghiệp	**6**	**270**	0	260	10
	Tổng cộng môn học bắt buộc	**101**	**2598**	**803**	**1654**	**141**
II.3	**Môn học/mô đun tự chọn (chọn 2 trong 7 môn học sau)**	**14**	**210**	**196**	**0**	**14**
MH 33	Ngoại ngữ chuyên ngành Y	2	30	28	0	2LT
MH 34	Điều dưỡng thảm họa	2	30	28	0	2LT
MH 35	Các chương trình y tế quốc gia	2	30	28	0	2LT
MH 36	Dược lâm sàng	2	30	28	0	2LT
MH 37	Chăm sóc sức khỏe Trẻ em nâng cao	2	30	28	0	2LT
MH 38	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao	2	30	28	0	2LT
MH 39	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	2	30	28	0	2LT
	Tổng	**115**	**2808**	**999**	**1654**	**155**

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học

+ Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;

+ Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để sinh viên được học tập và thực tế trên lâm sàng;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ

3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

7.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

7.3. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học

a) Cuối mỗi học kỳ, hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

b) Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

c) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 30 phút đến 60 phút, thời gian làm bài thi thực hành từ 30 phút đến 240 phút tùy môn học.

d) Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một người học;

đ) Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số giờ của môn học đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học phải bố trí giáo viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

e) Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học từ 1 - 2 ngày làm việc;

g) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;

h) Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;

i) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học.

7.4. Hướng dẫn tính điểm môn học điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

7.4.1. Điểm môn học

a) Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5,0 trở lên.

7.4.2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{n} a_1 \times n_1}{\sum_{n} n_1}$$

Trong đó:

+ *A*: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ *i*: là số thứ tự môn học;

+ a_i: là điểm của môn học thứ i;

+ n_i: là số tín chỉ của môn học thứ i;

+ n: là tổng số môn học trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các môn học mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ;

c) Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học, điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học được miễn trừ và môn học điều kiện;

d) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học thì chưa tính khối lượng học tập của môn học đó trong thời gian được tạm hoãn.

7.4.3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học có điểm cao nhất.

7.4.4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

7.5. Hướng dẫn quy đổi điểm môn học và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy

7.5.1. Quy đổi điểm môn học

a) Điểm môn học được tính theo khoản 1 Điều 16 của Thông tư 04/2012- BLĐTB&XH theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

- Loại đạt:

A 8,5 - 10 giỏi

B 7,0 - 8,4 khá

C 5,5 - 6,9 trung bình

D 4,0 - 5,4 trung bình yếu

- Loại không đạt:

F dưới 4,0 kém

b) Đối với những môn học, mô-đun chưa đủ cơ sở để tính điểm khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ điểm thành phần để đánh giá do được phép hoãn kiểm tra, thi;

X: Chưa nhận được kết quả kiểm tra, thi;

R: Đối với môn học, mô-đun được miễn hoặc được cho phép chuyển điểm kèm theo kết quả.

c) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những quy định đã nêu ở điểm a khoản này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F;

d) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp: Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun, người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự thi, nhưng phải được hiệu trưởng cho phép; người học không tham dự đủ bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc thi hết môn học, mô-đun vì những lý do khách quan, được nhà trường chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, người học có mức điểm I phải hoàn thành xong các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ còn nợ để được chuyển điểm;

đ) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của người học từ khoa/bộ môn chuyển lên;

e) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp: Điểm môn học, mô-đun được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số môn học, mô-đun được phép thi sớm để giúp người học học vượt. Những môn học, mô-đun được công nhận kết quả, khi người học chuyển từ trường khác đến hoặc công nhận giữa các chương trình.

7.5.2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của môn học, mô-đun phải được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số thang điểm 4 như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, hiệu trưởng quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp.

4.5.3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo khoản 2 Điều 16 của Thông tư 04/2022- BLĐTB&XH.

7.6. Hướng dẫn xếp hạng năm đào tạo và học lực

7.6.1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức, kỹ năng tích lũy người học được xếp hạng năm đào tạo: người học năm thứ nhất, người học năm thứ hai, người học năm thứ ba. Tùy thuộc khối lượng kiến thức, kỹ năng của từng chương trình, hiệu trưởng quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức, kỹ năng để chuyển xếp hạng năm đào tạo.

7.6.2. Xếp loại kết quả học tập
a) Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ được căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy trong học kỳ đó theo thang điểm 4, cụ thể:
- Loại xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,50 đến 4,00;
- Loại giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,00 đến 3,49;
- Loại khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 2,99;
- Loại trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
- Loại yếu: điểm trung bình chung tích lũy thấp hơn 2,00.
b) Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ xếp loại kết quả học tập, không tính mức kỷ luật được quy định tại Điều 17 của Thông tư 04/2022- BLĐTB&XH;
- Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi, không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ.
3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.

7.7. Hướng dẫn xét điều kiện tốt nghiệp

7.7.1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:
a) Tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình;
b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;
c) Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;
d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
đ) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.
7.7.2. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
7.7.3. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.

7.8. Hướng dẫn xếp loại tốt nghiệp

7.8.1. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4, như sau:
- Loại xuất sắc: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,50 đến 4,00;
- Loại giỏi: điểm trung bình chung tích lũy từ 3,00 đến 3,49;
- Loại khá: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 2,99;
- Loại trung bình: điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
7.8.2. Người học có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
a) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ;
b) Có khối lượng học tập phải học lại quá 10% thời lượng của chương trình đào tạo;
c) Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học tập tại trường, không tính mức kỷ luật được quy định tại Điều 17 của Thông tư 04/2022- BLĐTB&XH.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Tên môn học: Giáo dục chính trị
Mã môn học: MH 1
Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ; Thảo luận: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

Môn học được triển khai ở giai đoạn đầu của khóa học nhằm hình thành nền tảng tư tưởng, lập trường chính trị và phương pháp nhận thức khoa học cho sinh viên, giúp sinh viên tiếp thu hiệu quả các môn học khác như môn học pháp luật, giáo dục quốc phòng và anh ninh, các môn học về đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp và các môn chuyên ngành chăm sóc sức khỏe.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm: khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Với sinh viên ngành Điều dưỡng, môn học có tính định hướng đặc biệt trong việc hình thành nhân cách nghề nghiệp, nâng cao ý thức phục vụ nhân dân, rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong làm việc chuẩn mực, tuân thủ những giá trị cốt lõi của ngành.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn thành môn Giáo dục chính trị, sinh viên ngành Điều dưỡng có khả năng nắm vững nền tảng chính trị – tư tưởng, hiểu và vận dụng pháp luật trong thực hành nghề nghiệp; hình thành kỹ năng giao tiếp – ứng xử, xử lý tình huống y tế theo đúng đạo đức và quy định pháp luật; có năng lực tự chủ, trách nhiệm với người bệnh, cộng đồng và với bản thân trong rèn luyện phẩm chất người Điều dưỡng

CĐR 1: Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các giai đoạn của đất nước nhất là trong giai đoạn đổi mới hiện nay; hiểu rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển ngành Y tế, đổi mới hệ thống y tế, công tác dân số, phòng chống dịch bệnh. Sinh viên có ý thức tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp của người Điều dưỡng: nhân ái, trung thực, thận trọng, công bằng, tận tâm chăm sóc người bệnh. Tuân thủ nghiêm túc chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng Việt Nam và quy tắc ứng xử của ngành Y để từ đó xây dựng môi trường làm việc khoa học, lành mạnh, an toàn, thân thiện và hiệu quả. **(**CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc).

Để đạt được chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển của đất nước và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng các kiến thức được học để hình thành tư duy lý luận và tư duy khoa học trong việc phân tích, nhận diện bản chất các sự việc, sự vật, hiện tượng trong thực tiễn; tư duy

phản biện và đánh giá thông tin trong việc phân tích, so sánh, lập luận để bảo vệ quan điểm đúng đắn, nhận diện thông tin sai lệch, xuyên tạc trên mạng xã hội hoặc trong đời sống.
Thông qua học tập bộ môn, sinh viên hình thành kỹ năng giao tiếp, thảo luận, bày tỏ quan điểm cá nhân, nâng cao năng lực tự học, lập kế hoạch học tập và rèn luyện, tự đánh giá bản thân và có định hướng hoàn thiện.
Vận dụng kiến thức lý luận vào phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống xã hội, rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng lý tưởng sống và các vấn đề khác trong quá trình quá trình học tập, lao động, sinh hoạt hàng ngày. Có kỹ năng ứng xử có văn hóa, nhân ái, tôn trọng người bệnh, giữ vững lập trường, bản lĩnh nghề nghiệp trước khó khăn.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt ý thức công dân, tôn trọng và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong học tập, nghề nghiệp và đời sống. Từ đó góp phần hình thành đạo đức, nhân cách, tác phong của người cán bộ y tế tương lai: trung thực, trách nhiệm, nhân ái, tận tụy với người bệnh; tôn trọng, đoàn kết, hỗ trợ đồng nghiệp; có tinh thần phục vụ nhân dân và cống hiến cho cộng đồng. Có tinh thần tự giác học tập suốt đời, chủ động rèn luyện bản thân, tiếp thu quan điểm đúng đắn về chính trị và đạo đức nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành và xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1. Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2. Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4. Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5. Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6. Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	**75**	**41**	**29**	**05**

2.. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: **Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin** Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: **Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh** Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam
2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng
2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc
2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
2.1.2. Do nhân dân làm chủ
2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp
2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
2.2.2. Phát triển nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân lộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội
2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế
2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh
2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh
2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh
2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại
2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại
2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng cửa nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, sổ tay giáo viên, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh và các tài liệu liên quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Các kiến thức cơ bản về:

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển của đất nước;

+ Những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay;

+ Nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng tư duy lý luận và tư duy khoa học trong việc phân tích, nhận diện bản chất các sự việc, sự vật, hiện tượng trong thực tiễn;

+ Kỹ năng tư duy phản biện và đánh giá thông tin trong việc phân tích, so sánh, lập luận để bảo vệ quan điểm đúng đắn, nhận diện thông tin sai lệch, xuyên tạc trên mạng xã hội hoặc trong đời sống.
+ Kỹ năng giao tiếp, thảo luận, bày tỏ quan điểm cá nhân, nâng cao năng lực tự học, lập kế hoạch học tập và rèn luyện, tự đánh giá bản thân và có định hướng hoàn thiện.
+ Kỹ năng ứng xử có văn hóa, nhân ái, tôn trọng người bệnh, giữ vững lập trường, bản lĩnh nghề nghiệp trước khó khăn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:
+ Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động, tinh thần hợp tác trong hoạt động nhóm, chấp hành tốt nội quy của trường lớp, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao;
+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 02 bài. Hình thức trắc nghiệm.
- Thi kết thúc môn học: Hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng chương trình môn học:

Môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng tại trường cao đẳng Y tế Hải Phòng, thực hiện vào học kỳ I năm thứ nhất.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Đối với giảng viên:
+ Kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại;
+ Sử dụng các phương tiện trực quan: hình ảnh tư liệu lịch sử, video thời sự, biểu đồ;
+ Lấy người học làm trung tâm, tăng cường các hoạt động tương tác, thảo luận;
+ Đảm bảo tính giáo dục, định hướng tư tưởng trong từng bài giảng, kết nối lý luận chính trị với đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử trong môi trường làm việc và thực tiễn nói chung.
- Đối với sinh viên:
+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của giảng viên;
+ Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các hoạt động học tập, tích cực trong thảo luận nhóm;
+ Lắng nghe ý kiến góp ý, kết luận của giảng viên.

3. Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

2. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Triết học Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Đặng Quang Định và cộng sự (2022), Triết học Mác – Lênin trong nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

13. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

17. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

18. Lê Hữu Nghĩa (2017), Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới của Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

19. Nguyễn Đình Thuận (2023), Thuật ngữ lý luận chính trị, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

20. Quốc hội (2025), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Nhà xuất bản Lao động.

Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC PHÁP LUẬT

Tên môn học: Pháp luật
Mã môn học: MH 2
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; *(Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; Kiểm tra lý thuyết: 02 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật, giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Người học có kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật để thiết lập môi trường làm việc an toàn, giảm thiểu rủi ro trong môi trường làm việc. (CĐR1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc).

CĐRMH2: Vận dụng sự hiểu biết về các ngành luật cụ thể để hình thành kỹ năng phân biệt hành vi hợp pháp và không hợp pháp trong việc chăm sóc sức khoẻ của cá nhân, gia đình và cộng đồng. (CĐR2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khoẻ và nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của các cá nhân, gia đình và cộng đồng. CĐR8. Thể hiện tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở tư duy phản biện /phê phán).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, pháp luật lao động, pháo luật hành chính, pháp luật hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học,

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành (tại trường)	Kiểm tra (thực hành)
1	Bài 1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2.Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3. Pháp luật dân sự	5	2	3	
4	Bài 4. Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5. Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6. Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7. Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	**2**			**2**
	Tổng cộng	**30**	**18**	**10**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: **Hiến pháp** Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
2.1.1. Khái niệm hiến pháp
2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
2.2.1. Chế độ chính trị
2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: Pháp luật dân sự Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh
2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
2.3.1.1. Quyền sở hữu
2.3.1.2. Quyền khác đối với tài sản.
2.3.2. Hợp đồng
2.3.2.1. Khái niệm
2.3.2.2. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự.
2.3.2.3. Chủ thể của hợp đồng dân sự.
2.3.2.4. Nội dung của hợp đồng dân sự.

Bài 4: Pháp luật lao động Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
2.1.1. Khái niệm Luật Lao động.
2.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động.
2.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động.
2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
2.2.1. Pháp luật lao động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể quan hệ pháp luật lao động,
2.2.2. Luật Lao động tôn trọng sự thoả thuận hợp pháp của các bên chủ thể quan hệ luật lao động, khuyến khích những thoả thuận có lợi hơn cho người lao động.
2.2.3. Nguyên tắc trả lương theo lao động.
2.2.4. Nguyên tắc thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
2.3.3. Hợp đồng lao động
2.3.4. Tiền lương
2.3.5. Bảo hiểm xã hội
2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
2.3.7. Kỷ luật lao động
2.3.8. Tranh chấp lao động
2.3.9. Công đoàn

Bài 5: Pháp luật hành chính Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
2.1.1. Khái niệm Luật hành chính
2.1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính.
2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
2.2.1. Vi phạm hành chính
2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: Pháp luật hình sự Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh.
2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
2.2.1.Tội phạm
2.2.2. Hình phạt

Bài 7: **Pháp luật phòng, chống tham nhũng** Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng
2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector/ Tivi
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo, giáo trình.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài test trắc nghiệm, tự luận.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng người học thông qua các bài tự luận, thuyết trình, đi thực tế.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành.

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài (hình thức trắc nghiệm).
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài (hình thức trắc nghiệm).
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm tại phòng thi máy.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học được sử dụng trong giảng dạy cho trình độ cao đẳng giáo dục nghề nghiệp, đối tượng là học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên:

+ Khi giảng dạy nên sử dụng các hình ảnh trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các kiến thức môn học;

+ Sử dụng các thiết bị của môn học;

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ, quy định khi thực hiện môn học;

+ Đi học đủ, đúng giờ, hoàn thành bài tập đúng hạn;

+ Vệ sinh cá nhân sạch sẽ, tác phong gọn gàng, trang phục đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Chú trọng rèn luyện sinh viên kỹ năng nghề nghiệp: quản lý thời gian, làm việc theo nhóm.
- Tập trung vào các nội dung trọng tâm gắn với làm việc thực tế.

4. Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2019.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.

4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2023.

6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2018.

7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020, sửa đổi bổ sung năm 2025.

8. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

9. Luật Tổ chức Chính phủ 2025.

10. Luật Tổ chức Quốc hội sửa đổi 2025.

11. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

12. Nghị quyết 04-NQ/TW của Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới.

13. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

14. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

15. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

16. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2019.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

22. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Tên môn học: Giáo dục thể chất
Mã môn học: MH 3
Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là một trong những nội dung quan trọng của đào tạo nghề nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động.

2. Tính chất

Là môn học chung bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Trình bày được ý nghĩa, tác dụng của thể dục thể thao đối với cơ thể; thực hiện thuần thục, đúng kỹ thuật các bài tập thể dục liên hoàn (tay không hoặc với dụng cụ) và thể hiện thái độ tự giác, nghiêm túc trong tập luyện (CĐR1).

CĐRMH 2: Phân tích được cấu trúc kỹ thuật, thực hiện đúng các giai đoạn vận động và đạt tiêu chuẩn thành tích các nội dung điền kinh cơ, đồng thời thể hiện tinh thần vượt khó trong quá trình rèn luyện thể lực (CĐR1).

CĐRMH 3: Giải thích được các quy định cơ bản của Luật thi đấu và thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật chuyên môn cùng chiến thuật thi đấu của môn thể thao đã chọn (CĐR1).

CĐRMH 4: Có khả năng tự tổ chức, điều hành các buổi tập luyện độc lập hoặc theo nhóm một cách an toàn; tự giác duy trì thói quen rèn luyện thân thể hàng ngày ngoài giờ học để nâng cao sức khỏe và tầm vóc cá nhân (CĐR8).

CĐRMH 5: Nhận thức rõ vai trò của sức khỏe cá nhân, có trách nhiệm bảo vệ môi trường tập luyện chung và biết cách vận dụng các kỹ năng vận động đã học vào việc giải tỏa áp lực, nâng cao năng suất lao động và xây dựng lối sống lành mạnh (CĐR2).

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người, người học nghề, người lao động.
- Nắm vững một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

2. Về kỹ năng

- Thực hành những kỹ thuật cơ bản của một số môn thể dục thể thao được quy định trong chương trình.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thói quen vận động, tập luyện thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe thường xuyên.
- Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểmtra
I	Giáo dục thể chất chung	38	3	33	2

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểmtra
1	Lý thuyết nhập môn	3	3		
2	Thực hành				
	* Điền kinh:				
	- Chạy cự ly trung bình (hoặc chạy việt dã)	6		6	
	- Chạy cự ly ngắn	6		6	
	- Nhảy xa (hoặc nhảy cao)	6		6	
	- Kiểm tra	1			1
	* Thể dục:				
	- Thể dục cơ bản	10		10	
	- Bài thể dục buổi sáng	6		6	
	- Kiểm tra	1			1
II	Giáo dục thể chất nghề nghiệp	22	2	18	2
1	Lý thuyết	2	2		
2	Thực hành: Aerobic, Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Thể dục dụng cụ, Điền kinh	18		18	
	Kiểm tra	2			2
Cộng		**60**	**5**	**51**	**4**

2. Nội dung chi tiết

I. Giáo dục thể chất chung

1. Lý thuyết nhập môn Thời gian: 3 giờ

1.1. Vị trí, mục tiêu, yêu cầu môn học

1.2. Ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với sức khỏe con người và người học nghề

1.3. Giới thiệu nội dung chương trình, cơ sở khoa học về lý luận giáo dục thể chất nghề nghiệp, những tiêu chuẩn và yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và rèn luyện thể chất, những yêu cầu đạt được khi kết thúc môn học.

2. Môn điền kinh

2.1. Mục đích

- Giới thiệu những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn điền kinh;
- Trang bị cho người học nghề những hiểu biết chung về môn điền kinh và ý nghĩa tác dụng của môn điền kinh đối với sức khỏe con người;
- Củng cố sức khỏe và tăng cường thể lực cho người học nghề.

2.2. Yêu cầu

- Nêu được những động tác kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh;
- Thực hiện được phương pháp tập hòa luyện môn điền kinh;
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

2.3. Nội dung các môn điền kinh

2.3.1. Chạy cự ly ngắn: Thời gian: 6 giờ

a) Giới thiệu môn chạy cự ly ngắn;

b) Tác dụng của các bài tập cự ly ngắn đối với việc rèn luyện sức khỏe con người;

c) Thực hành động tác kỹ thuật

- Các động tác bổ trợ chạy: chạy bước nhỏ, nâng cao đầu gối, chạy đạp sau, kỹ thuật đánh tay tại chỗ;
- Kỹ thuật chạy giữa quãng: Giới thiệu kỹ thuật chạy đường thẳng, các bài tập tốc độ cao cự ly đến 100m;
- Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát: cách đóng bàn đạp và thực hiện kỹ thuật xuất phát thấp theo khẩu lệnh; xuất phát và chạy lao sau xuất phát 10 - 30m;
- Kỹ thuật về đích và đánh đích: tại chỗ đánh đích, chạy tốc độ chậm đánh đích, chạy tốc độ nhanh đánh đích;
d) Một số phương pháp tập luyện và bài tập với tốc độ nhanh.
2.3.2. Chạy cự ly trung bình và việt dã (800m, 1500m, 3000m) Thời gian: 5 giờ
a) Tác dụng của bài tập chạy cự ly trung bình và việt dã đối với việc rèn luyện sức khỏe con người;
b) Thực hành động tác kỹ thuật
- Ôn tập các động tác bổ trợ chạy: chạy bước nhỏ, nâng cao đầu gối, chạy đạp sau, kỹ thuật đánh tay tại chỗ;
- Kỹ thuật chạy giữa quãng: kỹ thuật chạy đường thẳng, đường vòng trong sân điền kinh, kỹ thuật chạy việt dã trên địa hình tự nhiên (lên dốc, xuống dốc, vượt chướng ngại vật, ..);
- Kỹ thuật xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát: tư thế thân, chân, tay, đầu khi xuất phát cao, sự khác nhau giữa xuất phát thấp và xuất phát cao.
- Phân phối tốc độ trong chạy cự ly trung bình và việt dã; sự phối hợp giữ các bước thở và bước chạy; khắc phục hiện tượng cực điểm trong khi chạy;
c) Một số phương pháp tập luyện và rèn luyện sức bền cự ly trung bình và việt dã.
2.3.3. Nhảy xa Thời gian: 3 giờ
a) Giới thiệu kỹ thuật môn nhảy xa;
b) Tác dụng của bài tập nhảy xa đối với việc rèn luyện sức khỏe con người;
c) Thực hành động tác kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi; chuẩn bị chạy đà, giậm nhảy, động tác trên không và rơi xuống đất;
d) Một số bài tập và phương pháp tập luyện sức mạnh tốc độ trong nhảy xa.
2.3.4. Nhảy cao Thời gian: 3 giờ
a) Giới thiệu các kiểu nhảy cao;
b) Tác dụng của bài tập nhảy cao đối với việc rèn luyện sức khỏe con người;
c) Thực hành động tác kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng: chuẩn bị chạy đà, giậm nhảy, động tác trên không và rơi xuống đất;
d) Một số bài tập và phương pháp tập luyện sức mạnh bột phá và sự phát triển tố chất mềm dẻo, khéo léo trong nhảy cao.
3. Môn thể dục cơ bản Thời gian: 10 giờ
3.1. Mục đích
- Giới thiệu những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện một số nội dung thể dục cơ bản, phân loại thể dục cơ bản;
- Trang bị cho người học nghề những kiến thức về thể dục cơ bản và ý nghĩa tác dụng của môn thể dục đối với sức khỏe con người;
- Củng cố sức khỏe và tăng cường thể lực cho người học nghề.
3.2. Yêu cầu
- Nêu được kỹ thuật các động tác thể dục cơ bản quy định trong chương trình;
- Biết cách tập luyện môn thể dục;
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.
3.3. Nội dung thể dục cơ bản
- Thể dục tay không.
- Thể dục với dụng cụ đơn giản.

4. Bài thể dục buổi sáng

4.1. Mục đích

- Trang bị cho người học nghề những kiến thức về thể dục cơ bản và ý nghĩa tác dụng của môn thể dục đối với sức khỏe con người;
- Củng cố sức khỏe và tăng cường thể lực cho người học nghề.

4.2. Yêu cầu

- Nêu được kỹ thuật các động tác thể dục, biết cách tập luyện các động tác thể dục;
- Rèn luyện tính kiên trì, khéo léo thông qua từng động tác;
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

4.3. Nội dung thể dục cơ bản

- Các bài tập thể dục;
- Phát triển các tố chất giúp người học tự luyện tập.

II. Giáo dục thể chất nghề nghiệp Thời gian: 18 giờ

1. Môn cầu lông

1.1. Mục đích

- Giới thiệu sự phát triển môn cầu lông;
- Trang bị những hiểu biết cơ bản về môn cầu lông, kỹ thuật và phương pháp tập luyện môn cầu lông;
- Ý nghĩa, tác dụng của môn cầu lông đối với việc rèn luyện sức khỏe và thể lực con người.

1.2. Yêu cầu

- Nêu được những kỹ thuật cơ bản nhất của môn cầu lông;
- Biết phương pháp tập luyện môn cầu lông;
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

1.3. Thực hành kỹ thuật môn cầu lông

- Tư thế cơ bản và cách cầm vợt;
- Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chếch), bước đơn, bước kép, bước đệm;
- Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay;
- Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay;
- Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ;
- Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu);
- Kỹ thuật đập cầu;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

2. Các môn bóng (bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ)

2.1. Mục đích

- Giới thiệu lịch sử ra đời, sự phát triển các môn bóng, những đặc điểm kỹ thuật và phương pháp tập luyện các môn bóng;
- Trang bị những hiểu biết cơ bản về các môn bóng, ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện các môn bóng đối với sức khỏe con người;
- Rèn luyện sức khỏe và thể lực cho người học nghề.

2.2. Yêu cầu

- Nêu được những kỹ thuật cơ bản nhất của các môn bóng;
- Biết phương pháp tập luyện và thi đấu;
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra.

2.3. Thực hành kỹ thuật các môn bóng

2.3.1. Môn bóng chuyền

- Tư thế cơ bản, các bước di chuyển;
- Kỹ thuật bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2);
- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1);

- Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt;
- Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt;
- Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

2.3.2. Môn bóng đá

- Kỹ thuật di chuyển;
- Kỹ thuật dẫn bóng bằng má trong bàn chân;
- Kỹ thuật giữ bóng;
- Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân;
- Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
- Kỹ thuật ném biên;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

2.3.3. Môn bóng rổ

- Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển;
- Kỹ thuật dẫn bóng;
- Kỹ thuật chuyền bóng về trước bằng hai tay trước ngực
- Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay;
- Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai;
- Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực;
- Kỹ thuật hai bước ném rổ;
- Một số Điều luật thi đấu, sân bãi, dụng cụ, tổ chức thi đấu.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Sân thể dục, nhà đa năng
2. Trang thiết bị máy móc: Còi, cờ, đồng hồ bấm giờ, bóng, vợt
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình môn học
4. Các điều kiện khác: Kiểm tra y học, theo dõi sức khỏe, điều chỉnh nhóm tập, phù hợp đối tượng.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài học lý thuyết, thực hành.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và các bài học thực hành.

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức thực hành.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học được thực hiện vào học kỳ 1, học kỳ 2 năm thứ nhất, hoặc học kỳ 1 năm thứ 2.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giảng viên chuyên trách có trình độ Đại học thể dục thể thao, được tập huấn về chương trình giáo dục thể chất, bồi dưỡng nghiệp vụ để tổ chức giảng dạy.
- Đối với người học:

+ Dự lớp: Tham gia các hoạt động tích cực trên lớp.

+ Chuẩn bị thể lực, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

+ Có đầy đủ điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, làm bài tập ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.
+ Tham gia dự thi kết thúc học phần.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Kết hợp chặt chẽ các hoạt động thể thao với luyện tập thể thao ngoài giờ, tự rèn luyện.
4. Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

10. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

11. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

14. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

15. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh
Mã môn học: MH 4
Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1. Phân tích và chủ động nhận diện được các biểu hiện, âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, từ đó thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh thần cảnh giác cách mạng cao trong học tập cũng như đời sống xã hội (CĐR1).

CĐRMH 2. Đánh giá và xác định rõ được vai trò, trách nhiệm của bản thân, gia đình và nhà trường trong công tác phòng chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội, phòng thủ dân sự; chủ động, tự giác đề xuất hoặc tham gia vào các phong trào giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương và nơi học tập (CĐR1).

CĐRMH 3. Vận dụng đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo và sự kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh; có ý thức trách nhiệm công dân, tích cực tham gia tuyên truyền và bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc (CĐR1).

CĐRMH 4. Thực hiện chính xác và thuần thục các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội cũng như các tư thế, kỹ thuật tháo lắp và sử dụng các loại vũ khí bộ binh thông thường, chấp hành nghiêm kỷ luật quân đội, nếp sống văn minh và lễ tiết tác phong quân nhân (CĐR2).

CĐRMH 5. Chủ động và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương cơ bản (cầm máu, cố định xương gãy, hô hấp nhân tạo); có khả năng tự lực và phối hợp đội nhóm tốt, sẵn sàng ứng phó, khắc phục hậu quả khi xảy ra các tình huống thiên tai, dịch bệnh hoặc tai nạn khẩn cấp trong thực tế (CĐR2, 8).

CĐRMH 6. Thể hiện tư duy tự chủ, ý thức tự giác rèn luyện lối sống kỷ luật, tác phong nhanh nhẹn; sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ khi được điều động tham gia vào lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên hoặc các hoạt động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo quốc gia (CĐR2).

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1. Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2. Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
6	Bài 6. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7. Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11. Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12. Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	**75**	**36**	**35**	**4**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
2.2. Các nội dung chính
2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
2.4. Điều kiện thực hiện môn học
2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
2.5. Thảo luận

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc
2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc
2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam
2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
2.4. Thảo luận

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
2.3. Thảo luận

Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước
2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
2.4. Thảo luận

Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

1. Mục tiêu Thời gian: 5 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực
2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt.
2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh
2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn
2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới
2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân
2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân
2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
2.4. Thảo luận

Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới
2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới
2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng
2.2.2. Chính quy
2.2.3. Tinh nhuệ
2.2.4. Từng bước hiện đại
2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam
2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp
2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp
2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay
2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ
2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu
2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc
2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại
2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay
2.4. Thảo luận

Bài 11: Đội ngũ đơn vị Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội
2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang
2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang
2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc
2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
2.2. Đội hình trung đội
2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
2.3. Đổi hướng đội hình
2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
2.4. Thực hành

Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
2.1.1. Súng trường CKC
2.1.2. Súng tiểu liên AK
2.1.3. Súng trung liên RPĐ cỡ 7,62 mm
2.1.4. Súng diệt tăng B41
2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh
2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1
2.3. Thực hành

Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời
2.1.1. Mục đích
2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời
2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu
2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời
2.2. Cố định tạm thời xương gãy
2.2.1. Mục đích
2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy
2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy
2.3. Hô hấp nhân tạo
2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
2.4. Kỹ thuật chuyển thương
2.4.1. Mang vác bằng tay
2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

- Phần lí thuyết được giảng dạy trên phòng học.
- Phần thực hành được giảng dạy tại bãi tập, thao trường đảm bảo theo quy định.

(Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh-Đại học Hải Phòng)

2. Trang thiết bị, máy móc

2.1. Máy tính, phông chiếu, projecter.
2.2. Mô hình vũ khí:
- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bổ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97 cắt bổ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.3. Máy bắn tập:
- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.4. Thiết bị khác:
- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);

- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.5. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;
+ Trang phục dã chiến;
+ Mũ Kêpi;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Thắt lưng;
+ Giầy da;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Biển tên;
+ Ca vát.

- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục hè;
+ Mũ cứng;
+ Mũ mềm;
+ Giầy vải;
+ Tất sợi;
+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
+ Thắt lưng;
+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

3.1. Tài liệu:

- Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh trình độ cao đẳng;
- Tài liệu tham khảo

3.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPĐ, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn Φ1, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Một số nội dung về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân;
- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng;
- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia;
- Biển đảo Việt Nam, bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam;
- Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, súng trường CKC.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức thực hành.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Tự luận, trắc nghiệm, thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng chương trình môn học:

Môn học được sử dụng trong giảng dạy cho trình độ cao đẳng giáo dục nghề nghiệp, đối tượng là học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Khi giảng dạy nên sử dụng các hình ảnh trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các kiến thức môn học;

+ Sử dụng các thiết bị của môn học;

+ Khi hướng dẫn thực hành cần sử dụng các mô hình thật, giáo viên phải bám sát hỗ trợ người học kĩ năng, uốn nắn các thao tác cơ bản.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ, quy định khi thực hiện môn học.

+ Đi học đủ, đúng giờ, hoàn thành bài tập đúng hạn.

+ Vệ sinh cá nhân sạch sẽ, tác phong gọn gàng, trang phục đúng quy định.

3. Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII", Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC TIN HỌC

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 5

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; *(Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành tại trường: 58 giờ; Kiểm tra thực hành: 02 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (CĐR 9. Thể hiện năng lực số cơ bản (thao tác kỹ thuật, an toàn thông tin, sử dụng thiết bị số) để thích ứng với môi trường làm việc y tế thông minh).

CĐRMH2: Người học có khả năng sử dụng ứng dụng máy tính trong một số công tác nghiên cứu khoa học và công tác quản lý hồ sơ người bệnh (CĐR 6. Tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng; CĐR7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành (tại trường)	Kiểm tra (thực hành)
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	**75**	**15**	**58**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính
2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin
2.1.1.1. Thông tin
2.1.1.2. Dữ liệu
2.1.1.3. Xử lý thông tin
2.1.2. Phần cứng
2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
2.1.2.2. Thiết bị nhập
2.1.2.3. Thiết bị xuất
2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ
2.2. Phần mềm
2.2.1. Phần mềm hệ thống
2.2.2. Phần mềm ứng dụng
2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
2.2.4. Phần mềm nguồn mở
2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ
2.4. Mạng cơ bản
2.4.1. Những khái niệm cơ bản
2.4.2. Internet, Intranet, Extranet
2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng
2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
2.4.3.2. Tốc độ truyền
2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps…)
2.4.4. Phương tiện truyền thông
2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
2.4.4.2. Băng thông
2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
2.4.5. Download, Upload
2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông
2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông
2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
2.6.1. An toàn lao động
2.6.2. Bảo vệ môi trường
2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính
2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)
2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin
2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ
2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành
2.1.1. Windows là gì?
2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
2.1.3. Desktop
2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
2.1.5. Menu Start
2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
2.1.9. Sử dụng chuột
2.2. Quản lý thư mục và tập tin
2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
2.3. Sử dụng Control Panel
2.3.1. Khởi động Control Panel
2.3.2. Region and Language
2.3.3. Devices and Printers
2.3.4. Programs and Features
2.4. Một số phần mềm tiện ích
2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
2.4.2. Phần mềm diệt virus
2.5. Sử dụng tiếng Việt
2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin
2.7. Đa phương tiện
2.8. Sử dụng máy in
2.8.1. Lựa chọn máy in
2.8.2. In

Chương III. Xử lý văn bản cơ bản Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản
2.1.1. Khái niệm văn bản.
2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.
2.2. Sử dụng Microsoft Word
2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
2.2.2.3. Lưu tập tin
2.2.2.4. Đóng tập tin
2.2.3. Định dạng văn bản
2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
2.2.3.4.1. Bảng (Table)
2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
2.2.4. In văn bản
2.2.5. Phân phối văn bản
2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)
2.2.1. Khái niệm bảng tính
2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường
2.2. Sử dụng Microsoft Excel
2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
2.2.2.2. Lưu bảng tính
2.2.2.3. Đóng bảng tính
2.3. Thao tác với ô
2.3.1. Các kiểu dữ liệu
2.3.2. Cách nhập dữ liệu
2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
2.3.3.1. Xóa dữ liệu
2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu
2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)
2.4.1. Dòng và cột
2.4.1.1. Thêm dòng và cột
2.4.1.2. Xoá dòng và cột
2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính
2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
2.5. Định dạng ô, dãy ô
2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
2.5.2. Định dạng văn bản
2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
2.6. Biểu thức và hàm
2.6.1. Biểu thức số học
2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
2.6.2. Hàm
2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
2.6.2.2. Toán tử so sánh =, < , >
2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)
2.7. Biểu đồ
2.7.1. Tạo biểu đồ
2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ
2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính
2.8.1. Trình bày trang tính để in
2.8.2. Kiểm tra và in
2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình
2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình
2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình
2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint
2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản
2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint
2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản
2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture
2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox
2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt
2.2.1.7. Chèn Audio, Video
2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình
2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet
2.1.1. Tổng quan về Internet
2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet
2.2. Khai thác và sử dụng Internet
2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
2.2.1.4. Đánh dấu
2.2.2. Sử dụng Web
2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
2.2.2.3. Lưu nội dung
2.2.2.4. In
2.2.3. Thư điện tử (Email)
2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử
2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng
2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử
2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng
2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo..

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài test trắc nghiệm, tự luận.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng người học thông qua việc thực hành tại phòng thực hành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành.

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài (hình thức vấn đáp).
- Kiểm tra định kỳ: 02 bài (hình thức thực hành).
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi thực hành tại phòng thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học được sử dụng trong giảng dạy cho trình độ cao đẳng giáo dục nghề nghiệp, đối tượng là học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên:

+ Khi giảng dạy nên sử dụng các hình ảnh trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các kiến thức môn học;

+ Sử dụng các thiết bị của môn học;

+ Khi hướng dẫn thực hành, giáo viên phải bám sát hỗ trợ người học kĩ năng, uốn nắn các thao tác cơ bản.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ, quy định khi thực hiện môn học;

+ Đi học đủ, đúng giờ, hoàn thành bài tập đúng hạn;

+ Vệ sinh cá nhân sạch sẽ, tác phong gọn gàng, trang phục đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Chú trọng rèn luyện sinh viên kỹ năng nghề nghiệp: quản lý thời gian, làm việc theo nhóm.
- Tập trung vào các nội dung trọng tâm gắn với làm việc thực tế.

4. Tài liệu tham khảo

1. Quyết định 131/QĐ-TTg (2022): Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030".

2. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3. Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Tỵ, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2018.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2020.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2018.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2020.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2018.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2019./.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC TIẾNG ANH

Tên môn học: Tiếng Anh
Mã môn học: MH 6
Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; *(Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành tại trường: 72 giờ; Kiểm tra lý thuyết và thực hành: 06 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (CĐR10. NLCB4. Đạt năng lực sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên Tiếng Anh) ở trình độ tương đương Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, phục vụ cho học tập, nghiên cứu và giao tiếp chuyên môn.)

CĐRMH2: Người học thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn. (CĐR 8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề, cụ thể:

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan

đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.
d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành (tại trường)	Kiểm tra
1	Bài 1. Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3. Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2 (LT)
6	Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6. Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8. Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2 (TH)
11	Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11. Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12. Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2 (TH)
	Tổng cộng	**120**	**42**	**72**	**6**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Gia đình và bạn bè (family and friends) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Gia đình;
2.1.2. Nghề nghiệp;
2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Động từ "to be";
2.2.2. Tính từ sở hữu;
2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
2.2.4. Thì hiện tại đơn.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
2.3.2. Bài tập True/False.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
2.4.2. Hỏi và trả lời.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
2.5.3. Bài tập True/False.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (leisure time) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Các môn thể thao;
2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rãnh rỗi.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
2.5.4. Bài tập True/False.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (places) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
2.1.2. Các tính từ thông dụng;
2.1.3. Các đồ vật trong nhà;
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;
2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;
2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;
2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (food and drink) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn’t, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với much hoặc many;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (special occasions) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
2.5.3. Thảo luận.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ nghỉ (vacation) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Thì quá khứ đơn;
2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
2.2.4. Động từ hợp quy tắc.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
2.5.3. Bài tập True/False.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (activities) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;

- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
2.2.2. To infinivive and Gerund.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: A letter;
2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. Sở thích (hobbies and interests) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích , các môn thể thao đi chung với động từ: play, go và do;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Sở thích;
2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Thì quá khứ đơn;
2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (future plans) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Lễ hội;
2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. Ngoại hình và tính cách (appearance and personality) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;
2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. So sánh hơn (Comparative);
2.2.2. So sánh nhất (Superlative).
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: My travel page;
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. Công nghệ (technology) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
2.1.1. Các thiết bị công nghệ;
2.1.2. Công nghệ.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)
2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
2.2.2. Cấu trúc How long...?;
2.2.3. Giới từ For và since.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
2.3.2. Bài tập True/False.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12. Mua sắm (shopping) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)
Các từ vựng liên quan đến mua sắm.
2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
2.2.2. Thì quá khứ đơn;
2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.
2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.
2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.
2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;
2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
2.6. Kỹ năng viết (Writing)
Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.
1.2. Về kỹ năng:
- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.
1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022- BLĐTB&XH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.
Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Môn học được bảo lưu, công nhận kết quả học tập áp dụng theo quy định chung cho tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.
- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.
- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.
- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.
- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 04/2022- BLĐTB&XH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
4. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
5. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
6. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
7. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.
8. Oxford Learner's Dictionary: www.oxfordlearnersdictionaries.com/us

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CƠ THỂ NGƯỜI

Tên mô đun: Cấu tạo và chức năng cơ thể người
Mã mô đun: MĐ 7
Thời gian thực hiện mô đun: 106 giờ; (Lý thuyết: 74 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun bắt buộc thuộc khối môn học/mô dun cơ sở

2. Tính chất: Chương trình các môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ thể người từ phân tử đến tế bào, từ tế bào đến các hệ cơ quan; các chất hóa học cơ bản cấu tạo nên cơ thể sống và sự chuyển hóa của các chất; các nguyên lý nhiệt động học, vận chuyển vật chất trong cơ thể, áp dụng vào các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu mô đun

- CĐRMĐ 1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý, hóa sinh và lý sinh để giải thích các hoạt động chức năng bình thường và các biểu hiện bất thường phổ biến trên người bệnh trong quá trình chăm sóc điều dưỡng. (CĐR 2)
- CĐRMĐ 2: Giải thích được ý nghĩa các chỉ số chuyển hóa cơ bản và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh lý thường gặp để phối hợp theo dõi, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người bệnh. (CĐR 2)
- CĐRMĐ 3: Xác định chính xác các mốc giải phẫu trên cơ thể người để thực hiện đúng, an toàn các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa. (CĐR 3;4)
- CĐRMĐ 4: Thể hiện được tác phong chuyên nghiệp, tinh thần tự học, khả năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường học tập lâm sàng. (CĐR 5;8)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được cấu tạo, vị trí và chức năng của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người bình thường làm cơ sở để phân biệt các tình trạng bệnh lý.
- Phân tích được quá trình chuyển hóa các chất và ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh trong đánh giá tình trạng người bệnh.
- Trình bày được các nguyên lý lý sinh ứng dụng trong việc sử dụng các thiết bị y tế và thực hiện các thủ thuật điều dưỡng.
- Mô tả được các đặc điểm di truyền cơ bản và biểu hiện của một số bệnh tật di truyền thường gặp để tư vấn sức khỏe cộng đồng.

2. Về kỹ năng

- Xác định đúng các mốc giải phẫu, vị trí các cơ quan trên tranh vẽ, mô hình và trực tiếp trên người bệnh phục vụ cho việc thăm khám và thực hiện kỹ thuật.
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật định nhóm máu và nhận định được kết quả xét nghiệm sinh lý, hóa sinh cơ bản.
- Giải thích được cơ chế của các tai biến hoặc thay đổi sinh lý thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh dựa trên kiến thức y học cơ sở.
- Liên hệ và vận dụng linh hoạt kiến thức mô đun vào các môn học chuyên ngành Điều dưỡng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ tỉ mỉ, chính xác và trung thực trong học tập và thực hành.
- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn tài sản chung, mô hình học cụ và môi trường học tập.
- Chủ động cập nhật kiến thức y học mới, xây dựng ý thức tự học và rèn luyện y đức của người điều dưỡng tương lai.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Chương I. Hóa - Hóa sinh	**29**	**20**	**08**	**01**
A	**Phần lý thuyết**				
1	Bài 1. Hóa học Gucid	1	1		
2	Bài 2. Hóa học Lipid	1	1		
3	Bài 3. Hóa học Protid	1	1		
4	Bài 4. Hóa học Hemoglobin	1	1		
5	Bài 5. Hóa học Acid Nucleic	1	1		
6	Bài 6. Enzym	1	1		
7	Bài 7. Năng lượng sinh học	1	1		
8	Bài 8. Chuyển hóa Glucid	3	3		
9	Bài 9. Chuyển hóa Lipid	2	2		
10	Bài 10. Chuyển hóa Protid	1	1		
11	Bài 11. Chuyển hóa Hemoglobin	2	2		
12	Bài 12. Chuyển hóa Acid Nucleic	1	1		
13	Bài 13. Hóa sinh gan – mật	2	2		
14	Bài 14. Hóa sinh thận – nước tiểu	2	2		
15	Kiểm tra	1			1
B	**Phần thực hành**				
1	Bài 1. Phương pháp lấy, bảo quản bệnh phẩm làm xét nghiệm hóa sinh	1		1	
2	Bài 2. Hóa học Glucid	1		1	
3	Bài 3. Hóa học Lipid	1		1	
4	Bài 4. Hóa học Protein	1		1	
5	Bài 5. Nước tiểu	4		4	
	Chương II. Sinh học và di truyền	**17**	**16**	**0**	**01**
1	Bài 1. Đặc điểm tế bào của cơ thể người và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.	4	4		
2	Bài 2. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền.	2	2		
3	Bài 3. Phương pháp nghiên cứu di truyền cơ bản ở người, điều trị và phòng bệnh di truyền.	2	2		
4	Bài 4. Nhiễm sắc thể và bệnh học nhiễm sắc thể thường.	2	2		
5	Bài 5. Một số hội chứng rối loạn nhiễm sắc thể giới tính.	2	2		
6	Bài 6. Di truyền đơn gen ở người	4	4		
7	Bài 7. Quá trình phát triển cá thể (Bài				

	đọc tham khảo thêm)				
8	Kiểm tra	1			1
	Chương III. Giải phẫu - sinh lý	**52**	**30**	**20**	**2**
1	Bài 1. Đại cương giải phẫu - sinh lý. Đại cương về cơ thể sống	1	1		
2	Bài 2. Sinh lý máu	5	3	2	
3	Bài 3. Giải phẫu hệ xương khớp	5	3	2	
4	Bài 4. Giải phẫu hệ cơ, mạch máu, thần kinh ngoại vi	5	3	2	
5	Bài 5. Giải phẫu hệ thần kinh	5	3	2	
6	Bài 6. Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn	5	3	2	
7	Bài 7. Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp	5	3	2	
8	Bài 8. Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa	8	4	4	
9	Bài 9. Giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu	5	3	2	
10	Bài 10. Giải phẫu sinh lý hệ sinh dục	4	2	2	
11	Bài 11. Sinh lý tuyến nội tiết	2	2		
12	Kiểm tra	2			2
	Chương IV. Lý sinh	**8**	**8**	**0**	**0**
1	Bài 1. Các nguyên lý nhiệt động và ứng dụng trong y học	2	2		
2	Bài 2. Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật.	2	2		
3	Bài 3. Lý sinh tuần hoàn và lý sinh hô hấp.	2	2		
4	Bài 4. Ánh sáng và cơ thể sống	2	2		
	Cộng	**106**	**74**	**28**	**4**

2. Nội dung chi tiết

Chương I. Hóa - Hóa sinh

A - Phần lý thuyết

Bài 1: Hóa học Glucid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại, vai trò, tiêu hóa và hấp thu glucid.
- Trình bày được cấu tạo, tính chất chung của monosaccharid, oligosaccharid, polysaccharid.

2. Nội dung

2.1. Monosaccarid

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Cách gọi tên

2.1.3. Cấu tạo của monosaccarid

2.1.4. Tính chất của monosaccarid và dẫn xuất

2.1.5. Một số monosaccarid thường gặp

2.2. Oligosaccarid

2.2.1. Sacarose

2.2.2. Lactose

2.2.3. Maltose

2.3. Polysacarid

2.3.1. Polysacarid thuần

2.3.2. Polysacarid tạp

Bài 2: Hóa học Lipid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày định nghĩa, phân loại và vai trò của lipid đối với cơ thể.
- Trình bày cấu tạo của lipid.

2. Nội dung

2.1. Thành phần cấu tạo lipid

2.1.1. Acid béo

2.1.2. Alcol

2.2. Phân loại lipid

2.2.1. Lipid thuần

2.2.2. Lipid tạp

Bài 3: Hóa học Protid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày cấu tạo định nghĩa, tính chất của acid amin, peptid.
- Trình bày cấu tạo định nghĩa, tính chất, chức năng của protein.

2. Nội dung

2.1. Acid amin

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Cấu tạo acid amin

2.1.3. Phân loại

2.1.4. Tính chất của acid amin

2.2. Peptid

2.3. Protein

2.3.1. Phân loại

2.3.2. Cấu trúc protein

2.3.3. Tính chất lý hóa của protein

Bài 4: Hóa học Hemoglobin Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày cấu tạo và tính chất của hemoglobin.
- Trình bày các loại hemoglobin ở người.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo

2.1.1. Cấu tạo Hem

2.1.2. Cấu tạo globin

2.1.3. Các loại Hb ở người

2.1.4. Cấu trúc của hemoglobin

2.2. Tính chất

2.2.1. Tính chất kết hợp với khí

2.2.2. Oxy hóa Hb tạo Methemoglobin

2.2.3. Tính chất như enzym peroxydase

Bài 5: Hóa học Acid Nucleic Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày thành phần hóa học của nucleotid và acid nucleic.
- Trình bày cấu trúc và vai trò sinh học của AND, ARN.

2. Nội dung

2.1. Thành phần hóa học của nucleic và acid nucleic

2.2. Nucleosid, nucleotid

2.3. Acid nucleic

Bài 6: Enzym Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được danh pháp, phân loại theo quốc tế của enzym.
- Trình bày thành phần cấu tạo của phân tử enzym.

2. Nội dung

2.1. Cách gọi tên và phân loại enzym

2.2. Cấu trúc phân tử của enzym

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzym

2.4. Giới thiệu một số Coenzym

Bài 7: Năng lượng sinh học Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày đặc điểm và nêu ý nghĩa của chuỗi hô hấp tế bào.
- Trình bày được định nghĩa, ý nghĩa của sự phosphoryl - oxy hóa, nêu được các loại liên kết phosphat.
- Trình bày đặc điểm và nêu ý nghĩa của chu trình acid citric (chu trình Krebs).

2. Nội dung

2.1. Bản chất của chuỗi hô hấp tế bào

2.2. Chuỗi hô hấp tế bào

2.2.1. Các giai đoạn chuỗi hô hấp tế bào

2.2.2. Ý nghĩa chuỗi hô hấp tế bào

2.3. Chu trình acid citric (chu trình Krebs)

Bài 8: Chuyển hóa Glucid Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được quá trình chuyển hóa glucid trong cơ thể.
- Phân tích được quá trình chuyển hóa glucid ở tế bào và mô.

2. Nội dung

2.1. Tiêu hóa và hấp thu glucid

2.2. Thoái hóa glucose

2.3. Tổng hợp glucid

2.4. Rối loạn chuyển hóa glucid

2.5. Một số xét nghiệm đánh giá chuyển hóa glucid

Bài 9: Chuyển hóa Lipid Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được quá trình chuyển hóa lipid trong cơ thể.
- Mô tả sự tạo thành và phân tích được ý nghĩa lâm sàng của các lipo-protein trong máu.

- Phân tích được các giai đoạn của quá trình thoái hóa và tổng ho

2. Nội dung

2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid
2.2. Thoái hóa lipid
2.3. Tổng hợp lipid
2.4. Lipo-protein - Dạng lipid vận chuyển
2.5. Một số rối loạn chuyển hóa lipid.
2.6. Một số xét nghiệm đánh giá chuyển hóa lipid

Bài 10: Chuyển hóa Protid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày sự thoái hóa chung của acid amin.
- Trình bày sự tổng hợp acid amin
- Trình bày chu trình urê
- Trình bày sự liên quan giữa chu trình urê và chu trình acid citric.

2. Nội dung

2.1. Tiêu hóa peptid và protein
2.2. Thoái hóa acid amin
2.3. Tổng hợp acid amin
2.4. Rối loạn chuyển hóa protein
2.5. Phân tích ý nghĩa xét nghiệm Urê trong máu

Bài 11: Chuyển hóa Hemoglobin Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày sơ đồ thoái hóa hemoglobin
- Giải thích các hiện tượng vàng da

2. Nội dung

2.1. Thoái hóa hemoglobin
2.1.1. Tiêu hóa
2.1.2. Thoái hóa hemoglobin
2.1.3. Rối loạn chuyển hóa hemoglobin
2.2. Tổng hợp hemoglobin
2.2.1. Tổng hợp hem
2.2.2. Tổng hợp globin
2.3. Xét nghiệm Bilỉubin máu

Bài 12: Chuyển hóa Acid Nucleic Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày thành phần hóa học của nucleotid và acid nucleic.
- Trình bày cấu trúc và vai trò sinh học của AND, ARN.

2. Nội dung

2.1. Qúa trình tiêu hóa và hấp thu acid nucleic
2.2. Thoái hóa purin nucleotid
2.3. Xét nghiệm acid uric máu

Bài 13: Hóa sinh gan – mật Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày thành phần hóa học của gan, mật

- Trình bày các chức phận hóa sinh của gan, mật
- Nêu nhận xét nghiệm sinh hóa thường làm để tham dò chức năng gan, mật

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Thành phần hóa học của gan
2.3. Chức phận của gan
2.4. Những xét nghiệm hóa sinh hệ thống gan mật

Bài 14: Hóa sinh thận và nước tiểu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày các chức năng của thận
- Trình bày tính chất chung của nước tiểu
- Trình bày các tinhh chất bất thường có trong nước tiểu

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Chức năng của thận
2.3. Các tính chất chung của nước tiểu
2.4. Thành phần hóa học của nước tiểu
2.5. Các chất bất thường có trong nước tiểu.

Kiểm tra Thời gian: 1 giờ

B - Phần thực hành

Bài 1: Phương pháp lấy, bảo quản bệnh phẩm làm xét nghiệm hóa sinh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Chuẩn bị đúng, đủ đụng cụ, hóa chất để tiến hành lấy máu, nước tiểu và các dịch để làm hóa sinh.
- Hướng dẫn được người bệnh cách lấy nước tiểu để làm xét nghiệm hóa sinh.
- Thực hiện kĩ thuật lấy máu và các loại dịch làm xét nghiệm hóa sinh.
- Rèn được tính cẩn thận, gọn gàng, sạch sẽ trong xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Lấy và bảo quản mẫu máu
2.1.1. Chuẩn bị dụng cụ
2.1.2. Chuẩn bị người bệnh
2.1.3. Các loại ống nghiệm sử dụng trong xét nghiệm lâm sàng
2.1.4. Cách lấy máu
2.1.5. Cách tách huyết thanh
2.1.6. Cách lấy máu toàn phần hay huyết tương
2.1.7. Cách bảo quản mẫu máu
2.1.8. Các nguyên nhân dẫn đến sai số khi lấy máu
2.2. Lấy và bảo quản nước tiểu
2.2.1. Dụng cụ
2.2.2. Lấy và bảo quản nước tiểu
2.2.3. Lấy và bảo quản một số dịch khác

Bài 2: Hóa học Glucid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày nguyên tắc và xác định được tính khử của các monosaccarid, disacarid.
- Trình bày được nguyên tắc của phản ứng selivanoff và ứng dụng.

- Trình bày nguyên tắc và xác định đơn vị cấu tạo của disacharid và polysacharid.

2. Nội dung

2.1. Tính khử của monosacharid

Xác định tính khử của disacharid

Phản ứng selivanoff xác định các ceton

2.4. Thủy phân và xác định thành phần của disacharid

Bài 3: Hóa học Lipid Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày nguyên tắc và tiến hành được quá trình nhũ tương hoá dầu lạc.
- Trình bày nguyên tắc và tiến hành được phản ứng xà phòng hoá.

2. Nội dung

2.1. Nhũ tương hóa dầu lạc

2.2. Phản ứng xà phòng hóa acid béo

Bài 4: Protein Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên tắc và cách tiến hành phản ứng đặc trưng xác định acid amin.
- Trình bày được nguyên tắc và tiến hành phản ứng biure - ứng dụng.
- Trình bày được nguyên tắc và tiến hành tủa protein - ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Phản ứng ninhydrin tìm acid α amin

2.2. Phản ứng biure

2.3. Sự kết tủa protein

Bài 5: Nước tiểu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên tắc và xác định được các chất bất thường trong nước tiểu.
- Nhận định và giải thích được kết quả xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật đo pH nước tiểu

2.2. Tìm protein niệu bằng phương pháp đun sôi

2.3. Định tính glucose niệu bằng phản ứng Benedict

2.4. Định tính ceton niệu bằng phản ứng Legal

2.5. Phân tích nước tiểu toàn bộ

Chương II. Sinh học di truyền

Bài 1: Đặc điểm tế bào của cơ thể người và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được cấu trúc và chức năng của màng tế bào.
- Trình bày được cấu trúc và chức năng của các bào quan và các thành phần thuộc tế bào chất.
- Trình bày được cấu trúc và chức năng các thành phần chính của nhân tế bào.
- Giải thích được một số hình thức vận chuyển các chất qua màng tế bào

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo cơ bản của tế bào người

2.1.1. Màng tế bào

2.1.1.1. Cấu trúc màng tế bào

2.1.1.2. Chức năng màng tế bào
2.1.2. Tế bào chất
2.1.2.1. Ribosom
2.1.2.2. Mạng lưới nội chất
2.1.2.3. Bộ Golgi
2.1.2.4. Tiêu thể
2.1.2.5. Peroxysom
2.1.2.6. Ty thể
2.1.2.7. Trung thể
2.1.2.8. Bộ khung xương tế bào
2.1.3. Nhân tế bào
2.1.3.1. Cấu tạo của nhân
2.1.3.2. Chức năng của nhân
2.2. Các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào
2.2.1. Vận chuyển thụ động (khuếch tán qua màng tế bào)
2.2.2. Vận chuyển chủ động (vận chuyển tích cực)
2.2.3. Vận chuyển đặc biệt (nhập bào - xuất bào)

Bài 2: Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các bằng chứng chứng minh acid nucleic là cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền.
- Trình bày được cấu trúc và các đặc điểm của ADN.
- Giải thích được cấu trúc và các đặc điểm của ARN phù hợp với chức năng của chúng, phân loại được các loại ARN trong tế bào.

2. Nội dung

2.1. Những bằng chứng chứng minh acid nucleic là cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền.
2.1.1. Các chứng minh gián tiếp
2.1.2. Biến nạp: Truyền thông tin di truyền nhờ ADN
2.1.3. Sự xâm nhập của ADN virus vào vi khuẩn
2.2. Acid nucleic
2.2.1. Acid deoxyribonucleic (ADN)
2.2.2. Acid ribonucleic (ARN)
2.3. Chức năng của acid nucleic
2.3.1. Quá trình sao chép ADN
2.3.2. Sao chép ADN nhờ phiên (sao) mã ngược
2.3.3. Qúa trình tổng hợp ARN (phiên mã)
2.4. Đặc điểm của mã di truyền

Bài 3: Phương pháp nghiên cứu di truyền cơ bản ở người, điều trị và phòng bệnh di truyền. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Kể tên được các phương pháp nghiên cứu di truyền ở người.
- Nêu được mục đích của các phương pháp nghiên cứu di truyền người áp dụng trong cộng đồng.
- Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh di truyền.
- Trình bày được các phương pháp phòng bệnh di truyền.
- Vận dụng được kiến thức về di truyền học để tư vấn một số tình huống trong hôn nhân.

2. Nội dung

2.1. Các phương pháp nghiên cứu di truyền
2.1.1. Phương pháp di truyền tế bào
2.1.2. Phương pháp di truyền hóa sinh
2.1.3. Phương pháp di truyền phân tử
2.1.4. Phương pháp lập và phân tích phả hệ
2.1.5. Phương pháp khảo sát con sinh đôi
2.1.6. Phương pháp quan sát nếp vân da
2.1.7. Phương pháp di truyền quần thể di truyền
2.1.8. Phương pháp thăm khám lâm sàng bệnh
2.2. Phương hướng điều trị bệnh di truyền
2.2.1. Phương pháp điều trị đặc hiệu
2.2.2. Phương pháp điều trị không đặc hiệu
2.3. Phương hướng phòng bệnh di truyền
2.3.1. Phòng bệnh trước hôn nhân
2.3.2. Phòng bệnh trước khi thụ thai
2.3.3. Phòng bệnh sau khi có thai

Bài 4: Nhiễm sắc thể và bệnh học nhiễm sắc thể thường Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các tiêu chuẩn cơ bản để xếp loại bộ nhiễm sắc thể người.
- Trình bày được các loại bệnh lý nhiễm sắc thể thường ở người.

2. Nội dung

2.1. Nhiễm sắc thể người
2.1.1. Tiêu chuẩn xếp bộ NST người (lập Karyotyp)
2.1.2. Các quy định quốc tế về xếp bộ NST người
2.2. Bệnh lý nhiễm sắc thể
2.2.1. Đột biến số lượng nhiễm sắc thể
2.2.1.1. Đa bội thể
2.2.1.2. Lệch bội
2.2.1.3. Các trường hợp lệch bội ở NST thường
2.2.2. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể

Bài 5: Một số hội chứng rối loạn nhiễm sắc thể giới tính Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được chức năng của nhiễm sắc thể giới tính X và Y.
- Trình bày được đặc điểm vật thể giới tính ở người.
- Nêu được biểu hiện lâm sàng chủ yếu, cơ chế phát sinh và xét nghiệm đặc hiệu của một số hội chứng rối loạn NST giới tính ở người.

2. Nội dung

2.1. Nhiễm sắc thể (NST) giới tính
2.1.1. NST (X) và chức năng của nó
2.1.2. NST (Y) và chức năng của nó
2.2. Vật thể giới tính ở người
2.2.1. Vật thể Barr
2.2.2. Vật thể dùi trống
2.2.3. Vật thể Y
2.3. Một số hội chứng rối loạn NST giới

2.3.1. Hội chứng Turner
2.3.2. Hội chứng Klinerfelter
2.3.3. Hội chứng 47,XYY
2.3.4. Hội chứng 47,XXX
2.3.5. Hiện tượng lưỡng giới

Bài 6: Di truyền đơn gen ở người Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nội dung các quy luật di truyền
- Trình bày được đặc điểm di truyền của hệ nhóm máu ABO.

2. Nội dung

2.1. Di truyền hai alen
2.1.1. Di truyền trên NST thường
2.1.2. Di truyền liên kết NST giới
2.2. Di truyền nhiều alen

Bài 7: Quá trình phát triển cá thể

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các phương thức sinh sản của sinh vật
- Trình bày được các giai đoạn cơ bản của sự phát triển cá thể
- Trình bày được các nhân tố quyết định hay ảnh hưởng đến sự phát triển cá thể
- Trình bày được một số thực nghiệm về phôi, sự tái sinh, hiện tượng đa phôi

2. Nội dung

2.1. Khái quát
2.1.1. Khái quát về sinh học phát triển
2.1.2. Sinh sản và phát triển
2.2. Các phương thức sinh sản của sinh vật
2.2.1. Sinh sản vô tính
2.2.2. Sinh sản hữu tính
2.2.3. Các hình thức sinh sản đặc biệt
2.3. Quá trình phát triển cá thể
2.3.1. Giai đoạn tạo giao tử - Các tế bào sinh dục
2.3.2. Giai đoạn tạo hợp tử - Sự thụ tinh
2.3.3. Giai đoạn phôi thai
2.3.4. Giai đoạn sinh trưởng
2.3.5. Giai đoạn trưởng thành
2.3.6. Giai đoạn già lão
2.3.7. Giai đoạn tử vong
2.4. Cơ chế điều khiển phát triển cá thể ở giai đoạn phôi thai
2.4.1. Chương trình thông tin di truyền
2.4.2. Hoạt động của operon trong sự phát triển cá thể
2.5. Các nhân tố ảnh hưởng lên sự phát triển phôi
2.5.1. Vai trò của môi trường ngoại cảnh đối với sự phát triển phôi
2.5.2. Cơ sở sinh học của sự phát triển quái thai
2.6. Một số thực nghiệm về phôi
2.6.1. Sự chuyển nhân và tạo dòng tế bào đặc hiệu
2.6.2. Sự chuyển gen
2.6.3. Sinh vật trong ống nghiệm và thụ tinh trong ống nghiệm

2.7. Sự tái sinh
2.8. Đa phôi
Kiểm tra Thời gian: 1 giờ
Chương III. Giải phẫu - sinh lý
Bài 1. Đại cương giải phẫu - sinh lý. Đại cương về cơ thể sống Thời gian: 1 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Trình bày được khái niệm và các thuật ngữ giải phẫu cơ bản liên quan đến định hướng cơ thể.
- Trình bày được đặc điểm của tế bào và các loại mô cơ bản (cơ tử cung và biểu mô đường sinh dục).
- Giải thích được các đặc điểm cơ bản của cơ thể sống và cơ chế duy trì nội môi.
- Vận dụng kiến thức đại cương để làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành Hộ sinh.
- Hình thành tác phong làm việc khoa học, tỉ mỉ và chuẩn xác.
2. Nội dung
2.1. Giải phẫu đại cương
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Phương thức mô tả giải phẫu
2.2. Đại cương sinh lý
2.2.1. Định nghĩa
2.2.2. Vị trí của môn sinh lý học
2.3. Đại cương về cơ thể sống
2.3.1. Đặc điểm của sự sống
2.3.2. Đại cương về tế bào
2.4. Mô
2.4.1. Biểu mô
2.4.2. Mô liên kết
2.4.3. Mô cơ
2.4.4. Mô thần kinh
Bài 2. Sinh lý máu Thời gian: 5 giờ
Lý thuyết Thời gian: 3 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Trình bày được cấu tạo và chức năng của máu trong thời kỳ không mang thai và sự thay đổi huyết học khi mang thai.
- Giải thích được chức năng của hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và các chỉ số xét nghiệm máu cơ bản.
- Phân tích đặc điểm hệ nhóm máu ABO và hệ Rh (yếu tố bất đồng nhóm máu mẹ con).
- Trình bày được các giai đoạn đông máu và ý nghĩa của việc kiểm soát đông máu trong giai đoạn chuyển dạ và sau đẻ.
- Vận dụng kiến thức để giải thích ý nghĩa các xét nghiệm máu trong quản lý thai nghén.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.
2. Nội dung
2.1. Tính chất lí hoá của máu
2.2. Chức năng của máu
2.3. Cấu tạo của máu
2.3.1. Huyết tương
2.3.2. Huyết cầu

Thực hành Sinh lý máu (Xác định nhóm máu) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Chuẩn bị đầy đủ, chính xác dụng cụ và hóa chất để xác định nhóm máu.
- Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu hệ ABO bằng phương pháp huyết thanh mẫu, đảm bảo kết quả chính xác.

2. Nội dung

2.1. Nguyên tắc
2.2. Chuẩn bị
2.2.1. Dụng cụ
2.2.2. Người bệnh
2.3. Tiến hành
2.4. Đọc kết quả

Bài 3. Giải phẫu hệ xương khớp Thời gian: 5 giờ

Lý thuyết Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được chức năng của bộ xương và cấu tạo các loại khớp.
- Mô tả chi tiết cấu tạo, các đường kính của xương chậu và các eo của khung chậu nữ giới liên quan đến cơ chế đẻ.
- Trình bày đặc điểm xương cột sống và xương chi.

Vận dụng kiến thức để đánh giá khung chậu trên lâm sàng sản khoa.

- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương xương khớp
2.1.1. Phân loại xương theo cấu trúc bên trong
2.1.2. Phân loại xương theo hình thể bên ngoài
2.1.3. Khớp
2.1.4. Chức năng của bộ xương
2.2. Xương sọ mặt
2.2.1. Xương sọ
2.2.2. Xương mặt
2.2.3. Các khớp
2.2.4. Áp dụng lâm sàng
2.3. Xương thân mình
2.3.1. Xương cột sống
2.3.2. Xương sườn
2.3.3. Xương ức
2.3.4. Áp dụng lâm sàng
2.4. Xương và khớp chi trên
2.4.1. Xương vùng vai
2.4.2. Xương cánh tay
2.4.3. Xương cẳng tay
2.4.4. Xương cổ tay, bàn tay, ngón tay
2.4.5. Các khớp động chính của chi trên
2.4.6. Áp dụng lâm sàng
2.5. Xương và khớp chi dưới
2.5.1. Xương chậu và khung chậu

2.5.2. Xương đùi
2.5.3. Xương cẳng chân
2.5.4. Các xương bàn chân
2.5.5. Xương bánh chè
2.5.6. Các khớp động chính của chi dưới
2.5.7. Áp dụng lâm sàng

Thảo luận Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Chỉ và mô tả được các chi tiết của xương chậu, cột sống và xương sọ thai nhi trên mô hình.
- Xác định được các mốc xương quan trọng trên cơ thể người để đo các đường kính ngoài của khung chậu.

2. Nội dung

2.1. Các xương sọ mặt
2.1.1. Phần sọ
2.1.2. Phần mặt
2.2. Xương thân mình
2.2.1. Xương cột sống
2.2.2. Xương sườn
2.2.3. Xương ức
2.3. Xương chi trên
2.3.1. Xương đòn
2.3.2. Xương bả vai
2.3.3. Xương cánh tay
2.3.4. Xương cẳng tay
2.3.5. Các xương bàn tay
2.4. Xương chi dưới
2.4.1. Xương chậu
2.4.2. Xương đùi
2.4.3. Xương bánh chè
2.4.3. Xương cẳng chân
2.4.4. Các xương bàn chân

Bài 4. Giải phẫu hệ cơ - mạch máu - thần kinh ngoại vi Thời gian: 5 giờ

Lý thuyết Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Mô tả được cấu tạo, chức năng các nhóm cơ thân mình, đặc biệt là các cơ vùng thành bụng và đáy chậu.
- Trình bày được vị trí, đường đi của các mạch máu lớn và thần kinh chi phối vùng chậu hông.
- Nêu được các điểm mạch có thể ép cầm máu và các vị trí tiêm bắp an toàn.
- Vận dụng kiến thức để giải thích sự thay đổi của hệ cơ bụng khi mang thai và ý nghĩa của cơ đáy chậu trong cuộc đẻ.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

I. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng đầu - mặt - cổ

2.1. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng đầu mặt
2.1.1. Các cơ mặt
2.1.2. Các cơ nhai

2.1.3. Mạch máu và thần kinh
2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng cổ
2.2.1. Các cơ vùng cổ
2.2.2. Mạch máu và thần kinh vùng cổ
2.3. Áp dụng

II. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên, chi dưới và thân mình

2.1. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng thân mình
2.1.1. Cơ vùng ngực
2.1.2. Cơ vùng bụng
2.1.3. Cơ vùng lưng
2.1.4. Mạch máu, thần kinh
2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên
2.2.1. Cơ
2.2.2. Mạch máu
2.2.3. Thần kinh
2.3. Cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới
2.3.1. Cơ
2.3.2. Mạch máu
2.3.3. Thần kinh
2.4. Áp dụng lâm sàng
2.4.1. Cơ
2.4.2. Động mạch
2.4.3. Tĩnh mạch
2.4.4. Thần kinh

Thảo luận Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Chỉ đúng vị trí các cơ vùng đáy chậu, cơ thành bụng trên mô hình/tranh vẽ.
- Xác định được vị trí đường đi của các động mạch chính và các vùng thần kinh chi phối chính ở chi trên, chi dưới.

2. Nội dung

2.1. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng đầu mặt cổ
2.1.1. Các cơ
2.1.2. Mạch máu, thần kinh
2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng thân mình
2.2.1. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng ngực
2.2.2. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng bụng
2.2.3. Cơ, mạch máu, thần kinh vùng lưng
2.3. Cơ, mạch máu, thần kinh chi trên
2.3.1. Cơ chi trên
2.3.2. Mạch máu chi trên
2.3.3. Thần kinh chi trên
2.4. Cơ, mạch máu, thần kinh chi dưới
2.4.1. Cơ chi dưới
2.4.2. Mạch máu chi dưới

Bài 5. Giải phẫu hệ thần kinh Thời gian: 5 giờ
Lý thuyết Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được cấu tạo nơ-ron và sự phân chia các bộ phận của hệ thần kinh.
- Mô tả vị trí, chức năng của tủy sống và não bộ (vùng dưới đồi và tuyến yên - liên quan mật thiết đến nội tiết sinh sản).
- Giải thích được cơ chế cung phản xạ và hoạt động của hệ thần kinh thực vật trong điều khiển hoạt động các tạng (tử cung, bàng quang).
- Vận dụng kiến thức để hiểu về cơ chế đau trong chuyển dạ và các phương pháp giảm đau.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

I. Đại cương hệ thần kinh

2.1. Tế bào và mô thần kinh
2.1.1. Nơron hay tế bào thần kinh chính thức
2.1.2. Các tế bào thần kinh đệm
2.2. Các loại nơron
2.2.1. Nơron cảm giác
2.2.2. Nơron vận động
2.2.3. Nơron liên hợp
2.3. Sự phân chia hệ thần kinh

II. Tủy sống

2.1. Vị trí
2.2. Hình thể ngoài
2.3. Hình thể trong
2.3.1. Chất xám
2.3.2. Chất trắng
2.3.3. Ống trung tâm
2.4. Chức năng của tủy sống
2.4.1. Chức năng dẫn truyền
2.4.2. Chức năng phản xạ
2.4.3. Các phản xạ tủy

III. Não và các dây thần kinh sọ não

2.1. Hành não và cầu não
2.1.1. Hành não
2.1.2. Cầu não
2.1.3. Chức năng của hành não và cầu não
2.2. Trung não
2.2.1. Vị trí, hình thể ngoài
2.2.2. Hình thể trong
2.2.3. Chức năng của trung não
2.3. Tiểu não
2.3.1. Vị trí
2.3.2. Hình thể ngoài
2.3.3. Hình thể trong
2.3.4. Chức năng của tiểu não
2.4. Não thất IV
2.4.1. Vị trí

2.4.2. Hình thể ngoài
2.5. Gian não
2.5.1. Đồi thị
2.5.2. Các vùng quanh đồi thị
2.5.3. Não thất III
2.5.4. Chức năng của gian não
2.6. Đại não
2.6.1. Vị trí và kích thước
2.6.2. Hình thể ngoài
2.6.3. Hình thể trong
2.6.4. Chức năng vỏ đại não
2.7. Các màng não – tủy
2.8. Các dây thần kinh sọ não
IV. Hệ thần kinh thực vật
2.1. Cấu tạo chung hệ thần kinhthực vật
2.1.1. Các trung tâm của thần kinh thực vật
2.1.2. Các sợi thần kinh thực vật
2.1.3. Hạch thần kinh thực vật
2.1.4. Đám rối thần kinh thực vật
2.2. Chức năng hệ thần kinh thực vật

Thảo luận Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Chỉ được các thùy não, các vùng chức năng và đường đi của các dây thần kinh chính trên mô hình.
- Vẽ và giải thích được sơ đồ cung phản xạ.

2. Nội dung

I. Hệ thần kinh trung ương
2.1. Tủy sống
2.1.1. Vị trí
2.1.2. Hình thể ngoài và phân đoạn
2.1.3. Hình thể trong
2.2. Não bộ
2.2.1. Hành não
2.2.2. Cầu não
2.2.3. Trung não
2.2.4. Tiểu não
2.2.5. Đại não
2.2.6. Gian não
2.3. Màng não tủy và hệ thống não thất
2.3.1. Màng não tủy
2.3.2. Các não thất
II. Hệ thần kinh ngoại biên
2.1. Các đôi dây thần kinh sọ não
2.2. Các đôi dây thần kinh sống

Bài 6. Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn Thời gian: 5 giờ

Lý thuyết Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Mô tả cấu tạo, vị trí của tim và hệ thống mạch máu toàn thân.
- Trình bày được chu kỳ tim, các thông số huyết động.
- Mô tả được sự thay đổi của hệ tuần hoàn ở phụ nữ có thai.
- Vận dụng kiến thức để theo dõi mạch, huyết áp cho sản phụ.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

I. Giải phẫu hệ tuần hoàn

2.1. Giải phẫu tim

2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài của tim

2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo

2.1.3. Áp dụng thực tế

2.2. Giải phẫu mạch máu

2.2.1. Cấu trúc mạch máu

2.2.2. Các mạch máu chính trong cơ thể

2.2.3. Áp dụng thực tế

II. Sinh lý hệ tuần hoàn

2.1. Sinh lý tim

2.1.1. Cấu trúc và chức năng cơ tim

2.1.2. Hệ thống nút tự động của tim

2.1.3. Các đặc tính sinh lý của cơ tim

2.1.4. Chu kì hoạt động của tim

2.1.5. Các biểu hiện bên ngoài của chu chuyển tim

2.2. Các vòng tuần hoàn mạch máu

2.2.1. Vòng đại tuần hoàn (Vòng tuần hoàn dinh dưỡng)

2.2.2. Vòng tiểu tuần hoàn (Vòng tuần hoàn chức phận)

2.3. Sinh lý tuần hoàn động mạch

2.3.1. Các loại huyết áp (HA):

2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp

2.4. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

2.4.1. Huyết áp tĩnh mạch

2.4.2. Các nguyên nhân chuyển máu từ tĩnh mạch về tim

2.5. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Thảo luận Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Chỉ được cấu tạo tim, tên các nhánh động mạch chính trên mô hình.
- Xác định được vị trí đối chiếu của tim và các điểm bắt mạch trên cơ thể.
- Phân biệt được sự khác nhau giữa tuần hoàn người trưởng thành trên sơ đồ.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu tim

2.1.1. Vị trí

2.1.2. Hình thể ngoài

2.1.3. Hình thể trong, cấu tạo

2.2. Phân đoạn động mạch chủ và chia nhánh từng đoạn

2.2.1. Quai động mạch chủ
2.2.2. Động mạch chủ ngực
2.2.3. Động mạch chủ bụng
2.2.3. Các nhánh tận
2.3. Vòng đại tuần hoàn và tiểu tuần hoàn
2.4. Tĩnh mạch cửa

Bài 7. Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp Thời gian: 5 giờ

Lý thuyết Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Mô tả cấu tạo các cơ quan dẫn khí và phổi.
- Giải thích được các động tác hô hấp, sự trao đổi khí tại phổi và vận chuyển khí trong máu.
- Trình bày được sự thay đổi về nhịp thở và dung tích phổi khi tử cung to dần ở cuối thai kỳ.
- Vận dụng kiến thức để hướng dẫn sản phụ cách thở khi chuyển dạ.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

Giải phẫu bộ máy hô hấp

2.1. Giải phẫu lồng ngực
2.1.1. Hình thể và kích thước
2.1.2. Đặc điểm cấu tạo của lồng ngực
2.1.3. Áp dụng thực tế
2.2. Giải phẫu mũi
2.2.1. Vị trí và hình thể ngoài
2.2.2. Hình thể trong và cấu trúc
2.2.3. Áp dụng thực tế
2.3. Giải phẫu họng (hầu)
2.3.1. Vị trí và hình thể ngoài
2.3.2. Hình thể trong và cấu trúc
2.3.3. Áp dụng thực tế
2.4. Giải phẫu thanh quản
2.4.1. Vị trí và hình thể ngoài
2.4.2. Hình thể trong và cấu trúc
2.4.3. Áp dụng thực tế
2.5. Giải phẫu khí quản
2.5.1. Vị trí và hình thể ngoài
2.5.2. Cấu tạo
2.5.3. Áp dụng thực tế
2.6. Giải phẫu phế quản
2.6.1. Vị trí và hình thể ngoài
2.6.2. Cấu tạo phế quản
2.6.3. Áp dụng thực tế
2.7. Giải phẫu phổi và màng phổi
2.7.1. Vị trí – hình thể của phổi và màng phổi
2.7.2. Cấu tạo của phổi và màng phổi
2.7.3. Rốn phổi
2.7.4. Áp dụng thực tế

Sinh lý hô hấp
2.1. Hiện tượng cơ học trong hô hấp
2.1.1. Các động tác hô hấp
2.1.2. Nhịp thở và tần số thở
2.1.3.Các thể tích, dung tích hô hấp
2.2. Chức năng vận chuyển khí của máu
2.2.1. Quá trình máu vận chuyển oxy từ phổi đến mô
2.2.2 Quá trình máu vận chuyển cacbonic từ mô đến phổi
2.2.3. Quá trình trao đổi khí ở phổi
2.3. Áp dụng thực tế
2.3.2. Ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh
2.3.3. Ứng dụng trong cấp cứu ngạt thở
Thảo luận Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Chỉ và mô tả đúng các bộ phận của hệ hô hấp trên mô hình/tranh vẽ.
- Xác định được các mốc giải phẫu để nghe phổi.
2. Nội dung
2.1. Giải phẫu lồng ngực
2.1.1. Hình thể
2.1.2. Đặc điểm
2.1.3. Cấu tạo của lồng ngực
2.2. Các cơ quan thuộc bộ máy hô hấp
2.2.1. Giải phẫu mũi
2.2.2. Giải phẫu họng
2.2.3. Giải phẫu thanh quản
2.2.4. Giải phẫu khí quản
2.2.5. Giải phẫu phế quản
2.2.6. Giải phẫu phổi
2.2.7. Giải phẫu màng phổi
Bài 8. Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa Thời gian: 8 giờ
Lý thuyết Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Mô tả cấu tạo ống tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa.
- Giải thích các hoạt động cơ học, hóa học và quá trình hấp thu dinh dưỡng.
- Phân tích các thay đổi thường gặp ở hệ tiêu hóa khi mang thai.
- Vận dụng kiến thức để tư vấn dinh dưỡng hợp lý cho phụ nữ mang thai.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.
2. Nội dung
I. Giải phẫu tiêu hóa
2.1. Giải phẫu hệ thống ống tiêu hóa
2.1.1. Giải phẫu miệng
2.1.2. Giải phẫu thực quản
2.1.3. Giải phẫu dạ dày
2.1.4. Giải phẫu tá tràng
2.1.5. Giải phẫu ruột non
2.1.6. Giải phẫu ruột già

2.2. Giải phẫu hệ thống tuyến tiêu hóa
2.2.1. Giải phẫu gan
2.2.2. Giải phẫu tụy
II. Sinh lý tiêu hóa
2.1. Đại cương
2.2. Hoạt động sinh lý của hệ thống ống tiêu hóa
2.2.1. Hiện tượng cơ học trong tiêu hóa thức ăn
2.2.2. Hoạt động hóa học trong tiêu hóa thức ăn
2.2.3. Hiện tượng hấp thu các chất ở ruột non và ruột già
2.3. Hoạt động sinh lý của hệ thống tuyến tiêu hóa
2.3.1. Sinh lý gan
2.3.2. Sinh lý tụy

Thảo luận Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Chỉ đúng vị trí, hình thể các tạng tiêu hóa trên mô hình và đối chiếu lên các phân khu ổ bụng trên cơ thể người.
- Mô tả được đường đi của mật và vị trí của các mạch máu chính nuôi dưỡng các tạng.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu hệ thống ống tiêu hóa
2.1.1. Giải phẫu miệng
2.1.2. Giải phẫu thực quản
2.1.3. Giải phẫu dạ dày
2.1.4. Giải phẫu tá tràng
2.1.5. Giải phẫu ruột non
2.1.6. Giải phẫu đại tràng
2.2. Giải phẫu hệ thống tuyến tiêu hóa
2.2.1. Giải phẫu gan
2.2.2. Giải phẫu tụy

Bài 9. Giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu Thời gian: 5 giờ

Lý thuyết Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Trình bày cấu tạo hệ tiết niệu.
- Giải thích chức năng tạo nước tiểu, điều hòa nội môi và nội tiết của thận.
- Phân tích mối liên quan giải phẫu giữa bàng quang, niệu đạo với tử cung và âm đạo.
- Vận dụng kiến thức trong kỹ thuật đặt sonde tiểu và theo dõi nước tiểu sản phụ.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

I. Giải phẫu hệ tiết niệu
2.1. Giải phẫu thận
2.1.1. Vị trí
2.1.2. Hình thể ngoài
2.1.3. Hình thể trong và cấu tạo của thận
2.1.4. Mạch máu và thần kinh
2.2. Niệu quản
2.3. Bàng quang
2.3.1. Vị trí

2.3.2. Hình thể và cấu tạo
2.4. Niệu đạo
2.4.1. Niệu đạo nam
2.4.2. Niệu đạo nữ

II. Sinh lý hệ tiết niệu

2.1. Đặc điểm cấu tạo của một đơn vị thận
2.1.1. Cầu thận
2.1.2. Ống thận
2.2. Chức năng tạo nước tiểu của thận
2.2.1. Quá trình lọc ở cầu thận
2.2.2. Trao đổi chất ở ống thận
2.3. Các chức năng điều hòa nội môi của thận
2.3.1. Thận điều hòa thành phần và nồng độ của các chất trong huyết tương
2.3.2. Thận điều hòa áp suất thẩm thấu của huyết tương
2.3.3. Thận điều hòa thể tích máu và dịch ngoại bào
2.3.4. Thận điều hòa pH máu
2.3.5. Thận điều hòa huyết áp
2.3.6. Thận điều hòa sản sinh hồng cầu
2.4. Cảm giác khát
2.5. Sự bài xuất nước tiểu và một số ứng dụng lâm sàng
2.5.1. Chức năng bài xuất nước tiểu
2.5.2. Cơ sở sinh lý cuả các thuốc lợi tiểu
2.5.3. Thận nhân tạo

Thảo luận Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Chỉ được cấu tạo chi tiết của thận và đơn vị thận trên mô hình.
- Phân biệt được đặc điểm niệu đạo nam và niệu đạo nữ trên mô hình phục vụ kỹ thuật thủ thuật.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu thận
2.1.1. Vị trí
2.1.2. Hình thể ngoài
2.1.3. Hình thể trong
2.1.4. Cấu tạo
2.1.5. Mạch máu và thần kinh
2.2. Niệu quản
2.2.1. Vị trí
2.2.2. Hình thể
2.2.3. Cấu tạo
2.3. Bàng quang
2.3.1. Vị trí
2.3.2. Hình thể ngoài
2.3.3. Hình thể trong và cấu tạo
2.4. Niệu đạo
2.4.1. Niệu đạo nam
2.4.2. Niệu đạo nữ

Bài 10. Giải phẫu sinh lý hệ sinh dục Thời gian: 4 giờ

Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Mô tả chi tiết cấu tạo cơ quan sinh dục nam và nữ.
- Trình bày cấu tạo và chức năng của tuyến vú.
- Giải thích chức năng nội tiết, ngoại tiết của buồng trứng và chu kỳ kinh nguyệt.
- Phân tích được sự thay đổi của cơ quan sinh dục nữ trong thai kỳ và sau đẻ.
- Vận dụng kiến thức vào việc thăm khám sản khoa và tư vấn kế hoạch hóa gia đình.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

I. Giải phẫu hệ sinh dục

2.1. Cấu tạo giải phẫu cơ quan sinh dục nam

2.1.1. Tinh hoàn

2.1.2. Mào tinh hoàn

2.1.3. Ống dẫn tinh

2.1.4. Túi tinh

2.1.5. Ống phóng tinh

2.1.6. Tuyến tiền liệt

2.1.7. Tuyến hành niệu đạo

2.1.8. Dương vật

2.1.9. Mạch máu và thần kinh

2.2. Cấu tạo giải phẫu cơ quan sinh dục nữ

2.2.1. Buồng trứng

2.2.2. Vòi trứng (vòi tử cung)

2.2.3. Tử cung

2.2.4. Âm đạo

2.2.5. Âm hộ

2.2.6. Vú

2.2.7.Mạch máu và thần kinh

II. Sinh lý hệ sinh dục

2.1. Sinh lý sinh dục nam

2.1.1. Chức năng của tinh hoàn

2.1.2. Tinh dịch và sự phóng tinh

2.2. Sinh lý sinh dục nữ

2.2.1. Chức năng của buồng trứng

2.2.2. Hiện tượng thụ thai

2.2.3. Tuổi dậy thì và tuổi mãn kinh

2.2.4. Các biện pháp phòng tránh thai

2.2.5. Áp dụng lâm sàng

Thảo luận Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Chỉ và mô tả được các bộ phận của hệ sinh dục nam và nữ trên mô hình.
- Mô tả được các dây chằng giữ tử cung tại chỗ và liên quan của tử cung với các tạng lân cận.

2. Nội dung

2.1. Hệ sinh dục nam

2.1.1. Tinh hoàn

2.1.2. Mào tinh hoàn
2.1.3. Ống dẫn tinh
2.1.4. Túi tinh
2.1.5. Ống phóng tinh
2.1.6. Tuyến tiền liệt
2.1.7. Tuyến hành niệu đạo
2.1.8. Dương vật
2.2. Hệ sinh dục nữ
2.2.1. Buồng trứng
2.2.2. Vòi trứng (vòi tử cung)
2.2.3. Tử cung
2.2.4. Âm đạo
2.2.5. Âm hộ

Bài 11. Sinh lý tuyến nội tiết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:
- Trình bày định nghĩa, đặc điểm và cơ chế điều hòa bài tiết hormone.
- Giải thích tác dụng của các hormone tuyến yên, tuyến giáp, tuyến thượng thận và tuyến tụy.
- Trình bày được các hormone đặc trưng của thai kỳ và vai trò của chúng.
- Nhận biết các biểu hiện rối loạn nội tiết thường gặp.
- Vận dụng kiến thức để chăm sóc và theo dõi các tình trạng liên quan đến nội tiết trong sản khoa.
- Xây dựng tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về các tuyến nội tiết
2.1.1. Tiêu chuẩn về tuyến nội tiết
2.1.2. Hormon
2.2. Giải phẫu sinh lý vùng dưới đồi
2.2.1. Những hormon vùng dưới đồi
2.2.2. Điều hoà bài tiết hormon
2.3. Giải phẫu sinh lý tuyến yên
2.3.1. Đặc điểm giải phẫu
2.3.2. Đặc điểm sinh lý
2.3.3. Các rối loạn chức năng tuyến yên trên lâm sàng
2.4. Giải phẫu sinh lý tuyến giáp
2.4.1. Đặc điểm giải phẫu
2.4.2. Đặc điểm sinh lý
2.4.3. Rối loạn hoạt động của tuyến giáp
2.5. Tuyến cận giáp
2.5.1. Đặc điểm giải phẫu
2.5.2. Đặc điểm sinh lý
2.5.3. Rối loạn chức năng tuyến cận giáp
2.6. Giải phẫu sinh lý tuyến thượng thận
2.6.1. Đặc điểm giải phẫu
2.6.2. Đặc điểm sinh lý
2.7. Sinh lý tuyến tụy nội tiết
2.7.1. Những hormon của tuyến tụy
2.7.2. Những rối loạn chức năng nội tiết của tuyến tụy
2.8. Hệ thống điều hoà đường huyết

2.8.1. Các hormon làm tăng đường huyết:
2.8.2. Các hormon làm giảm đường huyết
Kiểm tra Thời gian: 2 giờ
Chương IV. Lý sinh
Bài 1: Các nguyên lý nhiệt động và ứng dụng trong y học Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu:
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nội dung các nguyên lý nhiệt động.
- Giải thích được một số ứng dụng trong y học của hai nguyên lý nhiệt động.
- Vận dụng hệ thống lý thuyết đã học vào giải thích một số hiện tượng lý sinh học trong cơ thể.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng.
2. Nội dung:
2.1. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học và ứng dụng trong y học
2.1.1. Hệ nhiệt động (Hệ thống nhiệt động)
2.1.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học
2.1.3. Áp dụng nguyên lý thứ nhất cho hệ thống sống
2.2. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học và ứng dụng trong y học
2.2.1. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học và sự dịch chuyển Entropi trong hệ thống sống
2.2.2. Áp dụng nguyên lý thứ hai cho hệ thống sống
Bài 2: Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu:
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các hiện tượng vận chuyển chất trong cơ thể sinh vật.
- Trình bày được sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
- Vận dụng hệ thống lý thuyết đã học vào giải thích một số hiện tượng lý sinh học trong cơ thể.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng.
2. Nội dung:
2.1. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật
2.1.1. Các phân tử, ion và dung dịch trong cơ thể sinh vật
2.1.2. Các hiện tượng vận chuyển cơ bản của vật chất trong cơ thể sinh vật
2.2. Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào
2.2.1. Màng tế bào
2.2.2. Vận chuyển của vật chất qua màng
2.2.3. Động lực và cơ chế vận chuyển vật chất qua màng tế bào
Bài 3: Lý sinh tuần hoàn và lý sinh hô hấp. Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu:
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nội dung cơ bản của lý sinh tuần hoàn
- Trình bày được nội dung cơ bản của lý sinh hô hấp.
- Vận dụng hệ thống lý thuyết đã học vào giải thích một số hiện tượng lý sinh học trong cơ thể.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng.
2. Nội dung:
2.1. Lý sinh tuần hoàn
2.1.1. Tính chất vật lý của hệ tuần hoàn
2.1.2. Sự thay đổi của áp suất và tốc độ chảy của máu trong các đoạn mạch
2.1.3. Đặc điểm về thể dịch của máu và hệ tuần hoàn máu
2.1.4. Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tuần hoàn máu
2.2. Lý sinh hô hấp

2.2.1. Hoạt động hô hấp
2.2.2. Sự vận chuyển khí trong cơ thể
2.2.3. Vai trò của máu đối với sự trao đổi khí
2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

Bài 4: Ánh sáng và cơ thể sống Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
- Nêu được tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
- Vận dụng hệ thống lý thuyết đã học vào giải thích một số hiện tượng lý sinh học trong cơ thể.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng.

2. Nội dung:

2.1. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
2.1.1. Định luật hấp thụ ánh sáng
2.1.2. Ứng dụng quang phổ hấp thụ phân tử
2.1.3. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
2.1.4. Sự di chuyển năng lượng trong hệ sinh vật
2.2. Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
2.2.1. Đại cương tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
2.2.2. Một số quá trình quang sinh và ứng dụng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Phấn bảng, tivi, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình; giáo án, số lên lớp, sổ tay giáo viên, tài liệu tham khảo; powerpoint, bài tập thảo luận nhóm; mô hình, tranh giải phẫu, tranh ảnh minh họa, Bộ karyotyp mẫu, bộ tranh phả hệ di truyền.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Các kiến thức cơ bản về chuyển hóa glucid, lipid, protid và các rối loạn thường gặp, hóa sinh gan - mật, thận - nước tiểu và một số dịch trong cơ thể;

+ Cấu tạo cơ bản và chức năng của tế bào người, phân tích được đặc điểm di truyền chủ yếu của nhóm bệnh di truyền đơn gen do hai alen, biểu hiện lâm sàng và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh tật di truyền ở người.

+ Cấu tạo và chức năng, hoạt động chức năng và điều hoà hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể người bình thường.

+ Các khái niệm lý sinh y dược: các nguyên lý nhiệt động học, vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật, lý sinh tuần hoàn, lý sinh hô hấp, ánh sáng và cơ thể sống...

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Hóa sinh, Sinh học và di truyền, Giải phẫu sinh lý, Lý sinh để áp dụng vào các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có trách nhiệm giữ gìn mô hình, tranh vẽ, dụng cụ học tập.

+ Nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác khi học tập.

2. Phương pháp:

+ Kiểm tra thường xuyên: 01 bài, hình thức trắc nghiệm (chương Sinh học và di truyền).

+ Kiểm tra định kỳ: 01 bài, hình thức trắc nghiệm (chương Hóa sinh, Lý sinh); 01 bài, hình thức thực hành (chương Giải phẫu – Sinh lý).

+ Hình thức thi kết thúc môn học: Hình thức trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng điều dưỡng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng thực hiện vào năm thứ nhất.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

2.1. Chuẩn bị

- Đối với giảng viên:

+ Cung cấp tài liệu, yêu cầu nội dung sinh viên cần chuẩn bị.

+ Hướng dẫn cho sinh viên tự học trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ phương tiện, vật liệu dạy học.

+ Sử dụng các phương pháp giảng dạy, chuẩn bị kế hoạch dạy học đầy đủ.

- Đối với sinh viên:

+ Đọc đề cương, tài liệu và thực hiện các yêu cầu tự học trong từng bài học.

+ Liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu qua các địa chỉ email, điện thoại theo giờ quy định của giảng viên.

+ Chuẩn bị các phương tiện trình bày, thảo luận nhóm khi đến lớp.

2.2. Tổ chức dạy - học

- Đối với giảng viên:

+ Thực hiện theo kế hoạch dạy học đã chuẩn bị để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Thuyết trình, hướng dẫn, tổ chức thảo luận nhóm, kiểm tra học sinh.

+ Tăng cường sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Đối với sinh viên:

+ Tham gia tích cực trình bày sản phẩm chuẩn bị bài.

+ Hăng hái đóng góp ý kiến trong thảo luận.

+ Lắng nghe ý kiến góp ý, kết luận của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Thực hiện theo đúng trình tự các bài học.
- Đảm bảo sự kết nối giữa các bài học.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Tạ Thành Văn (2025), Hóa sinh lâm sàng, Đại học Y Hà Nội, NXB Y học

2. Nguyễn Thị Phương Mai (2020), Hóa sinh đại cương, Đại học Y Dược Hải Phòng, NXB Y học.

3. Nguyễn Thị Phương Mai (2020), Thực tập hóa sinh đại cương, Đại học Y Dược Hải Phòng, NXB Y học.

4. Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương (2013), Sinh học, Nhà xuất bản giáo dục.

5. Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương (2013), Di truyền Y học, Nhà xuất bản giáo dục.

6. GT Sinh học và di truyền - Lý sinh (2019), Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình.

7. Bộ môn Giải phẫu - Trường Đại học Y Hà Nội (2022), Giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học.

8. Frank H Netter, Nguyễn Quang Quyền dịch (2023), ATLAS giải phẫu người, ấn bản thứ 8, Nhà xuất bản Y học.

9. Phạm Thị Minh Đức (2022), Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học.

10. Bộ môn Giải phẫu – Trường Đại học Y Hà Nội (2023), Giải phẫu hệ thống, Nhà xuất bản Y học.

11. Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học - Trường Đại Học Y Dược Thái Nguyên (2020), Giáo trình vật lý - lý sinh y học, Trường Đại Học Y Dược Thái Nguyên

12. Nguyễn Thị Kim Ngân (2001), Giáo trình Lý sinh học, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

13. Bộ môn vật lý - Trường Đại Học Y Hà Nội (2015), Vật lý - lý sinh y học, NXB Y học

14. Bộ môn Lý sinh y học - Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng (2020), Giáo trình Lý sinh y học, Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN
ĐẠI CƯƠNG SỰ HÌNH THÀNH BỆNH TẬT VÀ PHỤC HỒI

Tên mô đun: Đại cương sự hình thành bệnh tật và phục hồi
Mã mô đun: MĐ 8
Thời gian thực hiện mô đun: 89 giờ (Lý thuyết: 74 giờ; Thực hành: 12 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun bắt buộc thuộc khối môn học/mô đun cơ sở.

2. Tính chất: Chương trình các môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về những thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh; đặc điểm hình thể, chu kỳ phát triển, tác hại của một số ký sinh trùng gây bệnh, miễn dịch của cơ thể với vi sinh vật; các khái niệm về thuốc, dược động học của thuốc, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và cách sử dụng của các thuốc thiết yếu, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm, từ đó áp dụng vào các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu mô đun

- CĐRMĐ 1: Lựa chọn được các kiến thức cơ bản về sinh lý bệnh – miễn dịch, mô học – giải phẫu bệnh để giải thích những tổn thương cơ bản tế bào và mô, thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh (CĐR 2;8).
- CĐRMĐ 2: Áp dụng được các kiến thức về đặc điểm hình thể, chu kỳ phát triển, tác hại của một số ký sinh trùng gây bệnh, miễn dịch của cơ thể với vi sinh vật để diễn giải được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, cơ sở để chẩn đoán nguyên nhân, phòng bệnh và điều trị (CĐR 2;8).
- CĐRMĐ 3: Áp dụng được các kiến thức về dược lý để sử dụng thuốc trong xử trí và chăm sóc người bệnh (CĐR 2;8).
- CĐRMĐ 4: Áp dụng các kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm để xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho một số đối tượng, đề phòng ngộ độc thức ăn (CĐR 2;8).
- CĐRMĐ 5: Thể hiện được tinh thần học tập tích cực, cập nhật thông tin, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm (CĐR 2;8).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Mô tả được các tổn thương cơ bản tế bào và mô, những thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh. .
- Trình bày được đặc điểm sinh vật học, khả năng gây bệnh, phương pháp lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, phương pháp phòng bệnh và điều trị một số vi khuẩn và virus gây bệnh thường gặp.
- Trình bày được miễn dịch của cơ thể với vi sinh vật, ứng dụng phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh vật và phòng bệnh do vi sinh vật.
- Trình bày được đặc điểm hình thể, chu kỳ phát triển, tác hại, phương pháp phòng bệnh và điều trị một số ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.
- Nhận biết một số tiêu bản về vi khuẩn.
- Trình bày được khái niệm về thuốc, dược động học của thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định và cách sử dụng của các thuốc thiết yếu.
- Trình bày các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm. Năng lượng và dinh dưỡng hợp lý cho mọi lứa tuổi.
- Giải thích nguyên nhân các bệnh thiếu dinh dưỡng và biện pháp phòng chống.
- Trình bày nguyên nhân, các biện pháp đề phòng ngộ độc thức ăn và vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Về kỹ năng

- Xác định được viêm, mô khí quản, tổn thương tế bào và mô. Quan sát được các tổn thương giải phẫu bệnh trên tiêu bản, chỉ được các tổn thương trên tranh.
- Vận dụng được kiến thức đã học để đưa ra các chẩn đoán và xử trí ở các học phần lâm sàng.
- Vận dụng những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng cho bản thân và cộng đồng.
- Sử dụng đúng các thuốc thường dùng để vận dụng trong điều trị trên lâm sàng.
- Quản lý thuốc đúng qui chế trong phạm vi được phân công.
- Vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng được một số khẩu phần ăn hợp lý cho từng nhóm đối tượng.
- Vận dụng những kiến thức đã học trong học phần này vào nghề nghiệp phục vụ bảo vệ và nâng cao sức khoẻ cá nhân, gia đình và cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.
- Xây dựng được ý thức trách nhiệm về chế độ dinh dưỡng ảnh hưởng đến kết quả điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tôn trọng các phong tục tập quán và văn hóa của cộng đồng.

III. Nội dung môn học

Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương I: Sinh lý bệnh – Miễn dịch	**25**	**20**	**4**	**1**
A	**Phần lý thuyết**				
1	Bài 1. Giới thiệu môn Sinh lý bệnh và các khái niệm về bệnh	1	1		
2	Bài 2. Miễn dịch học cơ bản và miễn dịch học bệnh lý	2	2		
3	Bài 3. Rối loạn chuyển hóa	2	2		
4	Bài 4. Sinh lý bệnh quá trình viêm	2	2		
5	Bài 5. Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt - Sốt	2	2		
6	Bài 6. Sinh lý bệnh tạo máu	2	2		
7	Bài 7. Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	2		
8	Bài 8. Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	2		
9	Bài 9. Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa, sinh lý bệnh chức năng gan	2	2		
10	Bài 10. Sinh lý bệnh tuần hoàn	2	2		
11	Bài 11 . Sinh lý bệnh hệ nội tiết	1	1		

STT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
12	Kiểm tra				1
B	**Phần thực hành**				
13	Bài 1. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải	2		2	
14	Bài 2. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm	2		2	
	Chương II: Vi sinh – Ký sinh trùng	**16**	**11,5**	**4**	**0,5**
A	**Phần lý thuyết**				
1	Bài 1. Hình thể - cấu trúc - sinh lý của vi khuẩn. Các đường truyền nhiễm.		1		
2	Bài 2. Kháng sinh và kháng kháng sinh		1		
3	Bài 3. Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp (Tụ cầu vàng, phế cầu, lậu cầu, lỵ, uốn ván, lao, tả, bạch hầu).		3		
4	Bài 4. Đại cương virus.		0,5		
5	Bài 5. Một số virus gây bệnh thường gặp (virus cúm, virus sởi, các virus viêm gan).		1		
6	Bài 6. Đại cương ký sinh trùng y học.		1		
7	Bài 7. Đơn bào gây bệnh (Amip, trùng roi)		1		
8	Bài 8. Một số giun sán thường gặp (Giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim, sán lá gan nhỏ, sán lá phổi, sán dây).		3		
10	Kiểm tra				1
B	**Phần thực hành**				
11	Bài 1. Quan sát hình thể một số loại giun sán và trứng giun sán			2	
12	Bài 2. Quan sát hình thể một số loại vi khuẩn thường gặp			2	
	Chương III: Dược lý	**32**	**27**	**4**	**1**
A	**Phần lý thuyết**				
1	Bài 1. Dược lý đại cương	2	2		
2	Bài 2. Thuốc hạ sốt, giảm đau, kháng viêm, thuốc điều trị bệnh Gout	2	2		
3	Bài 3. Thuốc gây tê và mê	1	1		
4	Bài 4. Thuốc an thần- gây ngủ- chống co giật	2	2		
5	Bài 5. Thuốc chống dị ứng	1	1		

STT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
6	Bài 6. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp	2	2		
7	Bài 7. Thuốc điều trị thiếu máu	1	1		
8	Bài 8. Thuốc hạ lipid máu	1	1		
9	Bài 9. Vitamin	1	1		
10	Bài 10. Dung dịch tiêm truyền	1	1		
11	Bài 11. Thuốc điều trị bệnh đường tiêu hóa	2	2		
12	Bài 12. Thuốc chống giun sán	1	1		
13	Bài 13. Thuốc kháng sinh - Sulfamid kháng khuẩn	3	3		
14	Bài 14. Thuốc nội tiết và điều chỉnh rối loạn nội tiết	2	2		
15	Bài 15. Thuốc tác dụng trên tim mạch và lợi tiểu	2	2		
16	Bài 16. Thuốc điều trị bệnh lao phong	1	1		
17	Bài 17. Thuốc dùng trong khoa mắt, tai mũi họng, da liễu, sản phụ khoa	1	1		
18	Bài 18. Thuốc sát khuẩn, thuốc dùng ngoài da	1	1		
B	**Phần thực hành**				
19	Nhận dạng một số nhóm thuốc	4		4	
20	Kiểm tra	1			1
	Chương IV: Dinh dưỡng – Tiết chế	**16**	**15,5**	**0**	**0,5**
1	Bài 1. Đại cương về dinh dưỡng. Các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm	4	4		
2	Bài 2. Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý	3	3		
3	Bài 3. Phòng, chống ngộ độc thức ăn	3	3		
4	Bài 4. Chế độ ăn bệnh lý	3	3		
5	Bài 5. Chương trình dinh dưỡng	2,5	2,5		
	Kiểm tra	0,5			0,5
	Cộng	**89**	**74**	**12**	**3**

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Sinh lý bệnh – Miễn dịch

A- Phần lý thuyết

Bài 1. Giới thiệu môn Sinh lý bệnh và các khái niệm về bệnh Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của sinh lý bệnh trong y học, các thời kỳ của một bệnh trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh
2. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập

2. Nội dung

2.1.Đại cương
2.1.1. Giới thiệu môn sinh lý bệnh
2.1.2. Vị trí môn sinh lý bệnh
2.2.Tính chất và vai trò của môn sinh lý bệnh trong y học
2.2.1. Tính chất của sinh lý bệnh trong y học
2.2.2. Vai trò của sinh lý bệnh trong y học
2.3. Quan niệm hiện nay về bệnh
2.3.1. Hiểu biết về bệnh qua quan niệm về sức khỏe
2.3.2. Những yếu tố để định nghĩa bệnh
2.3.3. Quan niệm khoa học về bệnh nguyên học
2.3.4. Khái niệm về bệnh sinh học
2.3.5. Các thời kỳ của một bệnh

Bài 2. Miễn dịch học cơ bản và miễn dịch học bệnh lý Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của quá mẫn týp 1, týp 2, týp 3 và týp 4
2. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của bệnh tự miễn
3. Vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của miễn dịch và miễn dịch bệnh lý trong phòng bệnh và chăm sóc người bệnh.
4. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập

2. Nội dung

2.1. Miễn dịch học cơ bản
2.1.1. Miễn dịch tự nhiên (miễn dịch không đặc hiệu)
2.1.1.1. Khái niệm
2.1.1.2. Các hàng rào của đáp ứng miễn dịch tự nhiên
2.1.2. Miễn dịch thu được (miễn dịch đặc hiệu)
2.1.2.1. Khái niệm
2.1.2.2. Phân loại miễn dịch đặc hiệu
2.1.2.3. Đặc điểm của đáp ứng miễn dịch đặc hiệu
2.1.3. Các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch
2.1.3.1. Cơ quan Lympho trung ương
2.1.3.2. Cơ quan Lympho ngoại vi
2.1.3.3. Các tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch
2.2. Miễn dịch bệnh lý
2.2.1. Quá mẫn
2.2.1.1 Quá mẫn týp 1

2.2.1.2 Quá mẫn týp 2
2.2.1.3 Quá mẫn týp
2.2.2. Suy giảm miễn dịch
2.2.2.1 Suy giảm miễn dịch bẩm sinh
2.2.2.2 Suy giảm miễn dịch mắc phải
2.2.3. Rối loạn sản xuất kháng thể
2.2.3.1 Bệnh rối loạn globulin miễn dịch
2.2.3.2 Bệnh tự miễn

Bài 3. Rối loạn chuyển hóa Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh người bệnh tiểu đường
2. Phân tích được các rối loạn protid huyết tương
3. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của mất nước và điện giải
4. Giải thích được các cơ chế gây phù thường gặp
5. Giải thích được một số trường hợp nhiễm acid thường gặp
6. Thể hiện được sự hợp tác với các thành viên trong nhóm, để bước đầu cung cấp các thông tin, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.
7. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2.Nội dung

2.1. Rối loạn chuyển hóa glucid
2.1.1. Rối loạn cân bằng Glucose máu
2.1.1.1. Giảm glucose máu
2.1.1.2. Tăng glucose máu
2.1.2. Bệnh đái tháo đường
2.1.2.1. Nguyên nhân
2.1.2.2. Cơ chế bệnh sinh
2.2. Rối loạn chuyển hóa protid
2.2.1. Rối loạn tổng hợp về lượng
2.2.2. Rối loạn protid huyết tương
2.2.2.1. Vai trò của protid huyết tương
2.2.2.2. Thay đổi về lượng protid huyết tương
2.2.2.3. Thay đổi về thành phần protid huyết tương
2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất
2.3.1 Rối loạn gen cấu trúc
2.3.2. Rối loạn gen điều hòa
2.4. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải
2.4.1. Cân bằng xuất nhập muối và nước trong cơ thể
2.4.1.1. Cân bằng xuất nhập nước
2.4.1.2. Cân bằng xuất nhập muối
2.4.2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải
2.4.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước
2.4.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải
2.5. Rối loạn cân bằng acid-base
2.5.1. Nhiễm acid
2.5.2. Nhiễm base
2.5.3. Đánh giá cân bằng acid- base

Bài 4. Sinh lý bệnh quá trình viêm Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích các phản ứng của quá trình viêm để nhận định các giai đoạn của bệnh và khả năng hồi phục của cơ thể sau viêm.
2. Vận dụng những kiến thức đã học về các phản ứng chính tại ổ viêm, hậu quả của các phản ứng chính trong ổ viêm để đưa ra chẩn đoán và chăm sóc khi tngười bệnh bị viêm nhiễm.
3. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Phân loại viêm
2.1.3. Các biến đổi chủ yếu trong viêm
2.2. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm
2.2.2. Hình thành dịch rỉ viêm
2.2.1. Rối loạn vận mạch
2.2.1.1. Co mạch
2.2.1.2. Xung huyết động mạch
2.2.1.3. Xung huyết tĩnh mạch
2.2.1.4. Ứ máu
2.2.2. Hình thành dịch rỉ viêm
2.2.3. Bạch cầu xuyên mạch
2.2.4. Bạch cầu thực bào
2.3. Rối loạn chuyển hóa
2.4. Rối loạn tổn thương mô và tăng sinh tế bào
2.4.1. Tổn thương mô
2.4.2. Tăng sinh tế bào
2.5. Nguyên tắc xử trí ổ viêm

Bài 5. Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt- Sốt Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích được các rối loạn chức phận chính của các cơ quan trong sốt.
2. Vận dụng những kiến thức đã học về tăng giảm thân nhiệt, các yếu tố ảnh hưởng đến sốt, các giai đoạn của sốt để chăm sóc khi người bệnh sốt và hạ thân nhiệt.
3. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt
2.1.1. Khái niệm điều hòa thân nhiệt
2.1.2. Rối loạn điều hoà thân nhiệt
2.2. Sinh lý bệnh quá trình sốt
2.2.1. Định nghĩa
2.2.2. Nguyên nhân gây sốt
2.3.1 Giai đoạn sốt tăng
2.2.3. Các giai đoạn của quá trình sốt
2.2.4. Ảnh hưởng của sốt
2.2.5. Ý nghĩa của sốt, nguyên tắc xử trí sốt

Bài 6. Sinh lý bệnh tạo máu Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích được những biểu hiện thích nghi của cơ thể khi thiếu máu.
2. Giải thích được cơ chế tăng, giảm các loại bạch cầu máu.
3. Vận dụng những kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán và chăm sóc người bệnh có bệnh lý về máu.
4. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1.1. Nhắc lại sinh lý máu
2.1.2. Nhắc lại về tạo máu
2.2. Rối loan cấu tạo hồng cầu
2.2.1. Tổ chức hồng cầu
2.2.2. Thiếu máu
2.2.3. Những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu
2.3. Rối loạn cấu tạo bạch cầu
2.3.1. Tổ chức bạch cầu
2.3.2. Quá trình biệt hóa bạch cầu
2.3.3. Rối loạn cấu tạo bạch cầu
2.4. Rối loạn cấu tạo tiểu cầu
2.4.1. Tổ chức tiểu cầu
2.4.2. Quá trình biệt hóa tiểu cầu
2.4.3. Rối loạn quá trình đông máu và chống đông

Bài 7. Sinh lý bệnh chức năng hô hấp Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.
2. Phân tích nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuyếch tán khí.
3. Phân tích các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.
4. Vận dụng cơ chế bệnh sinh trong chăm sóc người bệnh hô hấp.
5. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm về hô hấp
2.1.2. Sơ lược cấu trúc bộ máy hô hấp
2.1.3. Khái quát chức năng hô hấp
2.1.4. Điều hoà hô hấp
2.2. Rối loạn chức năng hô hấp
2.2.1. Rối loạn quá trình thông khí
2.2.2. Rối loạn quá trình khuyếch tán
2.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển
2.2.4. Rối loạn hô hấp tế bào
2.2.5. Một số xét nghiệm và nghiệm pháp thăm dò chức năng hô hấp.
2.3. Thiểu năng hô hấp
2.3.1. Khái niệm
2.3.2. Nguyên nhân thiểu năng hô hấp

2.3.3. Phân loại
2.3.3.1. Theo lâm sàng
2.3.3.2. Theo thể tích oxy và carbonic trong máu

Bài 8. Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu

1. Mục tiêu Thời gian: 02 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích các thay đổi của nước tiểu, máu trong bệnh thận.
2. Phân tích cơ chế biểu hiện của người bệnh viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn, suy thận mạn
3. Vận dụng những kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán và chăm sóc người bệnh có bệnh lý về hệ tiết niệu.
4. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Một số đặc điểm cấu trúc của thận
2.1.2. Chức năng của thận
2.2. Cơ chế những thay đổi về nước tiểu và máu trong một số bệnh lý
2.2.1. Thay đổi về nước tiểu
2.2.2. Thay đổi về máu
2.3. Một số bệnh lý thường gặp ở thận
2.3.1. Viêm ống thận cấp
2.3.2. Viêm cầu thận cấp
2.3.3. Viêm cầu thận mạn
2.3.4. Thận hư nhiễm mỡ
2.3.4. Suy thận

Bài 9. Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa, Sinh lý bệnh chức năng gan Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của tiêu chảy cấp
2. Phân tích tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày-tá tràng.
3. Phân tích cơ chế bệnh sinh các biểu hiện ở người bệnh hội chứng tiêu lỏng, tắc ruột và táo bón.
4. Phân tích cơ chế các biểu hiện người bệnh rối loạn chức năng gan
5. Vận dụng những kiến thức đã học về sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa và gan để đưa ra chẩn đoán và chăm sóc người bệnh có bệnh lý về hệ tiêu hóa và gan mật
6. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Sinh lý bệnh tiêu hóa tại dạ dày
2.1.1. Rối loạn tiêu hóa tại dạ dày
2.1.2. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày tá tràng
2.1.2.1. Cân bằng tiết dịch dạ dày
2.1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến bệnh loét dạ dày tá tràng
2.1.2.3. Nguyên tắc điều trị
2.2. Rối loạn tiêu hóa tại ruột
2.2.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột
2.2.1.1. Rối loạn tiết dịch mật

2.2.1.2. Rối loạn tiết dịch tụy
2.2.1.3. Rối loạn tiết dịch ruột
2.2.2. Rối loạn co bóp tại ruột
2.2.2.1. Hội chứng tiêu chảy
2.2.2.2. Táo bón
2.2.2.3. Rối loạn hấp thu
2.3. Sinh lý bệnh chức năng gan
2.3.1. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan
2.3.2. Các rối loạn chức năng gan
2.3.3. Suy gan
2.3.3.1 Suy gan cấp
2.3.3.2 Suy gan mạn tính

Bài 10. Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Phân tích cơ chế chung của suy tim, cơ chế biểu hiện của suy tim trái và suy tim phải, tăng huyết áp.
2. Vận dụng những kiến thức đã học về sinh lý bệnh tuần hoàn để đưa ra chẩn đoán và chăm sóc người bệnh có bệnh lý về tim mạch và huyết áp.
3. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Nhắc lại chức năng tuần hoàn
2.1.1. Khả năng thích nghi với yêu cầu cấp máu
2.1.2. Giảm và mất khả năng thích nghi trong cấp máu
2.2. Suy tuần hoàn
2.2.1. Suy tim
2.2.1.1. Định nghĩa
2.2.1.2. Nguyên nhân chung gây suy tim
2.2.1.3. Cơ chế chung suy tim
2.2.1.4. Phân loại suy tim
2.2.1.5. Cơ chế của các biểu hiện trong suy tim
2.2.2. Rối loạn hoạt động của hệ mạch máu
2.2.2.1. Vữa xơ động mạch (VXĐM)
2.2.2.2. Cao huyết áp
2.2.2.3. Hạ huyết áp

Bài 11: Sinh lý bệnh hệ nội tiết Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

1. Phân tích được cơ chế, nguyên nhân, hậu quả các trường hợp rối loạn nội tiết thường gặp.
2. Vận dụng những kiến thức đã học về sinh lý bệnh hệ nội tiết để đưa ra chẩn đoán và chăm sóc người bệnh có bệnh lý về hệ nội tiết.
3. Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Hoạt động của tuyến nội tiết
2.1.1. Nguồn kích thích
2.1.2. Phương thức tác dụng của hormone
2.1.3. Cơ chế tác dụng của hormone

2.1.3.1. Cơ chế tác dụng thông qua AMP vòng
2.1.3.2.Cơ chế tác dụng thông qua hoạt hoá hệ gen
2.2. Điều hoà bài tiết hormone
2.2.1.Cơ chế điều hoà ngược âm tính
2.2.2.Cơ chế điều hoà ngược dương tính
2.2.3. Ngoài ra sự hằng định của hormone còn do:
2.3. Rối loạn cân bằng nội tiết
2.3.1. Ưu năng tuyến nội tiết
2.3.1.1. Định nghĩa:
2.3.1.2. Nguyên nhân
2.3.1.3. Phân biệt nguyên nhân ưu năng tuyến
2.3.1.4. Hậu quả của ưu năng tuyến
2.3.1.5. Ưu năng giả
2.3.2. Thiểu năng nội tiết
2.3.2.1. Định nghĩa
2.3.2.2. Nguyên nhân:
2.3.2.3. Phân biệt nguyên nhân thiểu năng
2.3.2.4. Hậu quả của thiểu năng tuyến
2.3.2.5. Thiểu năng giả

B. Phần thực hành

Bài 1. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Quan sát được các biểu hiện xảy ra khi tiến hành thí nghiệm và dùng kiến thức đã học giải thích các biểu hiện đó
- Ứng dụng được trong chẩn đoán và thực tế lâm sàng.
- Làm được thí nghiệm và vận dụng được vào xử trí người bệnh
- Cận thận, đảm bảo an toàn trong thực hành

2. Nội dung

2.1. Quan sát thí nghiệm
2.2. Giải thích cơ chế
2.3. Ứng dụng trong chăm sóc

Bài 2. Quan sát hiện tượng viêm Thời gian : 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Quan sát được các biểu hiện xảy ra khi tiến hành thí nghiệm và dùng kiến thức đã học giải thích các biểu hiện đó
- Ứng dụng được trong chẩn đoán và thực tế lâm sàng.
- Làm được thí nghiệm và vận dụng được vào xử trí người bệnh
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cẩn thận, đảm bảo an toàn trong thực hành

2. Nội dung

2.1. Quan sát thí nghiệm
2.2. Giải thích cơ chế
2.3. Ứng dụng trong chăm sóc

Chương II: Vi sinh – Ký sinh trùng

Bài 1. Hình thể - cấu trúc - sinh lý của vi khuẩn. Các đường truyền nhiễm.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:

Về kiến thức:
- Trình bày được cấu trúc cơ bản của vi khuẩn và phân loại được ba loại hình thể chính của vi khuẩn.
- Trình bày được đặc điểm sinh lý của vi khuẩn, liệt kê được ba đường lây bệnh chính của vi sinh vật.
- Trình bày được 4 cơ chế tác động của thuốc kháng sinh để tiêu diệt vi khuẩn.
Về kỹ năng:
- Vận dụng được những kiến thức đã học phân biệt dược vi khuẩn Gram dương và Gram âm.
- Xác định được biện pháp phòng ngừa tương ứng với từng đường truyền nhiễm.
Về thái độ:
- Vận dụng được những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán, điều trị một số bệnh truyền nhiễm.
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao nhận thức về phòng chống bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng. Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm trong học tập và và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.

2. Nội dung

2.1. Hình thể của vi khuẩn
2.1.1. Cầu khuẩn (Cocci)
2.1.2. Trực khuẩn
2.1.3. Xoắn khuẩn
2.2. Cấu trúc của vi khuẩn
2.2.1. Nhân (Nuclear body):
2.2.2. Nguyên sinh chất (Cytoplasm)
2.2.3. Màng nguyên sinh chất (Crystoplasmic membrane and mesosome)
2.2.4. Vách tế bào (Sell wall)
2.2.5. Vỏ (Capsule)
2.2.6. Lông (Flagella)
2.2.8. Nha bào (Spore)
2.3. Sinh lý của vi khuẩn
2.3.1. Dinh dưỡng của vi khuẩn
2.3.2. Hô hấp của vi khuẩn
2.3.3. Chuyển hóa của vi khuẩn
2.3.4. Phát triển của vi khuẩn
2.4. Các đường lây bệnh của vi khuẩn

Bài 2. Kháng sinh và kháng kháng sinh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:
Về kiến thức:
- Trình bày được định nghĩa và phân loại các nhóm kháng sinh phổ biến hiện nay.
- Phân tích được các cơ chế tác động của kháng sinh trên tế bào vi khuẩn.
- Giải thích được nguyên nhân của sự đề kháng thuốc kháng sinh.
- Trình bày các biện pháp chủ yếu để hạn chế nguy cơ kháng thuốc của vi khuẩn.
Về kỹ năng:
- Vận dụng những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng cho bản thân và cộng đồng cho bản thân và cộng đồng.
Về thái độ:
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm, chính xác, trong tuyên truyền ý thức bảo vệ nguồn thuốc kháng sinh.

2. Nội dung

2.1. Kháng sinh

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại kháng sinh

2.1.3. Cơ chế tác động của thuốc kháng sinh

2.1.4. Sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn

2.2. Kháng kháng sinh

2.2.1. Định nghĩa và cơ chế kháng thuốc kháng sinh

2.2.2. Một số biện pháp hạn chế gia tăng vi khuẩn kháng thuốc

2.2.3. Kháng sinh đồ

Bài 3. Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:

Về kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm sinh vật học và khả năng gây bệnh của một số vi khuẩn thường gặp.
- Trình bày các bệnh phẩm dùng để chẩn đoán và các phương pháp chẩn đoán một số vi khuẩn thường gặp.
- Trình bày được khả năng gây bệnh, biện pháp phòng bệnh và điều trị đối với một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp.

Về kỹ năng:

- Vận dụng được những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng cho bản thân và cộng đồng.

Về thái độ:

- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng. Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.
- Ý thức được vai trò của điều dưỡng trong việc giám sát tuân thủ phác đồ điều trị và quản lý bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Tụ cầu vàng (staphylococcus aureus)

2.2. Phế cầu (streptococcus pneumoniaes)

2.3. Lậu cầu (neisseria gonorrhoeae)

2.4. Vi khuẩn lỵ (shigella)

2.5. Vi khuẩn tả (vibrio cholerae)

2.6. Trực khuẩn uốn ván (clostridium tetani)

2.7. Vi khuẩn lao (mycobacterium tuberculosis)

2.8. Trực khuẩn bạch hầu (corynebacterium diphtheriae)

Bài 4. Đại cương về virus Thời gian: 0,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:

Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc của virus. Phân loại virus trần và virus có vỏ.
- Phân tích các giai đoạn nhân lên của virus trong tế bào chủ.
- Trình bày được hậu quả của tế bào khi virus xâm nhập vào tế bào chủ.

Về kỹ năng:

- Vận dụng được những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật cho bản thân và cộng đồng.

- Nhận thức được tính chất bắt buộc ký sinh của virus để có thái độ đúng đắn phòng ngừa lây nhiễm virus tránh lạm dụng kháng sinh.
Về thái độ:
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng. Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.
- Tuyên truyền rộng rãi ý nghĩa của tiêm vaccin phòng bệnh do virus.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sinh học của virus
2.1.1. Hình thể
2.1.2. Cấu trúc cơ bản bao gồm các thành phần chính
2.2. Sự nhân lên của virus trong tế bào cảm thụ
2.2.1. Sự hấp phụ của virus trên bề mặt tế bào cảm thụ 2.2.2. Sự xâm nhập của virus vào trong tế bào cảm thụ
2.2.3. Sự tổng hợp các thành phần cấu trúc của virus
2.2.4. Giai đoạn lắp ráp
2.2.5. Giai đoạn giải phóng
2.3. Hậu quả của sự tương tác của virus với tế bào cảm thụ
2.3.1. Hủy hoại tế bào
2.3.2. Sự sai lạc nhiễm sắc thể
2.3.3. Tạo ra các hạt virus không hoàn chỉnh

Bài 5. Một số virus gây bệnh thường gặp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:
Về kiến thức:
- Trình bày được đặc điểm sinh vật học của một số virus gây bệnh thường gặp. Phân loại được virus có vỏ bao ngoài và virus trần.
- Phân tích được khả năng gây bệnh của nhóm virus lây bệnh qua đương hô hấp, tiêu hóa và qua đường máu.
- Trình bày được nguyên tắc chẩn đoán, điều trị phòng bệnh do virus gây nên.
Về kỹ năng:
- Vận dụng được những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật cho bản thân và cộng đồng.
- Giải thích được sự khác biệt của thuốc kháng virus và kháng sinh để tránh lạm dụng thuốc.
Về thái độ:
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng. Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.

2. Nội dung

2.1. Virus cúm
2.2. Virus sởi
2.3. Virus viêm gan (Virus viêm gan A và virrus viêm gan B)

Bài 6. Đại cương ký sinh trùng y học Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:
Về kiến thức:
- Nêu được các khái niệm cơ bản trong khoa học ký sinh trùng.
- Mô tả những đặc điểm của ký sinh trùng và phân loại được các nhóm ký sinh.
- Mô tả được các kiểu chu kỳ phát triển của ký sinh trùng.
- Trình bày được các tác hại của ký sinh trùng.

- Trình bày được các biện pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nêu được nguyên tắc điều trị bệnh ký sinh trùng.
- Trình bày được nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.
Về kỹ năng:
- Vận dụng được những kiến thức đã học giải thích được cơ chế gây bệnh và tác hại của một số ký sinh trùng.
- Vận dụng được những kiến thức đã học hỗ trợ chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh do ký sinh trùng cho bản thân và cộng đồng
Về thái độ:
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng. Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm cơ bản dùng trong khoa học ký sinh trùng
2.1.1. Ký sinh trùng
2.1.2. Vật chủ
2.1.3. Hiện tượng ký sinh
2.1.4. Phương thức ký sinh của ký sinh trùng
2.2. Chu kỳ
2.2.1. Khái niệm
2.2.2. Các kiểu chu kỳ thường gặp của ký sinh trùng
2.3. Đặc điểm của ký sinh trùng
2.3.1. Đặc điểm hình thể, kích thước
2.3.2. Đặc điểm cấu tạo cơ quan
2.3.3. Đặc điểm sinh sản
2.4. Đặc điểm sinh tồn của ký sinh trùng
2.5. Tác hại của ký sinh trùng
2.6. Đặc điểm chung của bệnh ký sinh trùng
2.7. Chẩn đoán bệnh ký sinh trùng
2.7.1. Chẩn đoán lâm sàng
2.7.2. Chẩn đoán xét nghiệm
2.8. Điều trị bệnh ký sinh trùng
2.9. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng

Bài 7. Đơn bào gây bệnh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này người học đạt được:
Về kiến thức:
- Mô tả được hình thể của một số ký sinh trùng thuộc loại đơn bào gây bệnh thường gặp.
- Trình bày được chu kỳ phát triển và tác hại của một số ký sinh trùng thuộc loại đơn bào gây bệnh thường gặp.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng chống một số bệnh do một số ký sinh trùng thuộc loại đơn bào thường gặp gây ra.
Về kỹ năng:
- Vận dụng được những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng cho bản thân và cộng đồng
Về thái độ:
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng. Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.

2. Nội dung

2.1. Amip

2.2. Trùng roi (Flagellata)

2.2.1. Trùng roi đường ruột

2.2.2. Trùng roi âm đạo

Bài 8. Một số giun sán thường gặp Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học người học đạt được:

Về kiến thức:

- Trình bày được các đặc điểm hình thể và phân loại nhóm ký sinh trùng y học.
- Trình bày được các kiểu chu kỳ phát triển và ý nghĩa trong việc nắm vững chu kỳ trong dịch tễ học.
- Trình bày được tác hại của một số giun sán thường gặp.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và phòng bệnh giun sán thường gặp.

Về kỹ năng:

- Vận dụng được những kiến thức đã học để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, vận dụng vào vấn đề phòng bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng cho bản thân và cộng đồng.

Về thái độ:

- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng.
- Thể hiện tính tỉ mỉ, chính xác, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.

2. Nội dung

2.1. Giun đũa (Ascaris lumbricoides)

2.2. Giun móc,mỏ (Acylostoma duodenale)

2.3. Giun tóc (Trichuris trichiura)

2.4. Giun kim (Enterobious vermicularis)

2.5. Sán lá gan nhỏ (Clonorchis sinensis)

2.6. Sán lá phổi (Paragonimus ringeri/ P. westermani)

2.7. Sán dây (Toenia)

Phần thực hành

Bài 1: Quan sát hình thể một số loại giun sán và trứng giun sán Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm hình ảnh đại thể của một số loại giun sán thường gặp.
- Mô tả được các đặc điểm nhận dạng của các loại trứng giun sán trên tiêu bản hiển vi.

Về kỹ năng

- Thao tác thành thạo kính hiển vi quang học để phát hiện và quan sát trứng giun sán trên các tiêu bản.
- Phân biệt được sự khác biệt về hình thể, màu sắc của một số loại trứng giun sán.
- Thực hiện đúng quy trình bảo quản, vệ sinh kính hiển vi và xử lý rác thải y tế sau khi kết thúc buổi thực hành đúng quy định kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học trong phòng thực hành vi sinh.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo vệ tài sản chung, đảm bảo an toàn cho bản thân và cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Cách sử dụng kính hiển vi với vật kính 10k

2.2. Quan sát hình ảnh giun, sán bằng mắt thường và trên kính hiển vi quang học với vật kính 10k

2.3. Quan sát hình ảnh trứng giun, sán

2.4. Tổ chức cho sinh viên quan sát hình ảnh giun sán và trứng giun sán

2.5. Yêu cầu sinh viên vẽ lại vào vở thực hành

Bài 2: Quan sát hình thể một số loại vi khuẩn thường gặp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Về kiến thức

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và các quy định bảo quản kính hiển vi.
- Mô tả được đặc điểm hình thể, cách sắp xếp và tính chất bắt màu của một số loại vi khuẩn thường gặp.

Về kỹ năng

- Thao tác thành thạo kính hiển vi quang học để quan sát tiêu bản nhuộm soi.
- Phân biệt được sự khác biệt về hình thể và tính chất bắt màu thuốc nhuộm Gram của một số loại vi khuẩn thường gặp.
- Thực hiện đúng quy trình vệ sinh kính hiển vi và thu dọn khu vực thực hành sau khi kết thúc buổi học theo đúng tiêu chuẩn phòng xét nghiệm.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học trong phòng thực hành vi sinh.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo vệ tài sản chung, đảm bảo an toàn cho bản thân và cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Cách sử dụng kính hiển vi với vật kính 100k

2.2. Quan sát hình ảnh các vi khuẩn

2.3. Tổ chức cho sinh viên quan sát hình ảnh vi khuẩn và yêu cầu sinh viên vẽ lại vào vở thực hành

Chương III: Dược lý

Bài 1. Dược lý đại cương Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, liều lượng, quan niệm về dùng thuốc, dược động học của thuốc, những yếu tố quyết định tác dụng của thuốc.
- Trình bày được các cách tác dụng của thuốc

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về thuốc

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc của thuốc

2.1.3. Liều lượng thuốc

2.1.4. Quan niệm về dùng thuốc

2.2. Dược động học của thuốc

2.2.1. Hấp thu

2.2.2. Phân phối thuốc

2.2.3. Chuyển hóa thuốc

2.2.4. Thải trừ thuốc

2.3. Các cách tác dụng của thuốc

2.3.1. Tác dụng tại chỗ và tác dụng toàn thân
2.3.2. Tác dụng chính và tác dụng phụ
2.3.3. Tác dụng hồi phục và không hồi phục
2.3.4. Tác dụng chọn lọc và tác dụng đặc hiệu
2.3.5. Tác dụng hiệp đồng và đối lập
2.3.6. Tác dụng đảo ngược
2.4. Những yếu tố quyết định tác dụng của thuốc
2.4.1. Về phía thuốc
2.4.2. Về phía người bệnh

Bài 2. Thuốc hạ sốt, giảm đau, kháng viêm, thuốc điều trị bệnh Gout. Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được đại cương, nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.
- Trình bày tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc aspirin, ibuprofen,paracetamol, diclofenac, mobic, colchicin.

2. Nội dung

2.1.Thuốc hạ sốt, giảm đau, kháng viêm
2.1.1. Đại cương:
2.1.1.1. Khái niệm
2.1.1.2. Tác dụng chính và cơ chế
2.1.2. Thuốc thường dùng;
2.1.2.1. Acid Acethyl salicylic
2.1.2.2. Indomethacin
2.1.2.3. Ibuprofen
2.1.2.4. Diclophenac
2.1.2.5. Pracetamol
2.1.2.6. Dẫn xuất Oxicam
2.1.3. Nguyên tắc sử dụng
2.2. Thuốc điều trị bệnh Gout
2.2.1. Đại cương
2.2.2. Thuốc thường dùng: Colchicin

Bài 3. Thuốc gây tê, gây mê Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được đại cương về thuốc gây tê và mê.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định và cách dùng một số loại thuốc gây tê, gây mê thường dùng.

2. Nội dung

2.1. Thuốc gây tê
2.1.1. Đại cương
2.1.1.1 Định nghĩa
2.1.1.2. Các phương pháp gây tê
2.1.2. Một số thuốcgây tê thường dùng
2.1.2.1. Novocain
2.1.2.2. Lidocain hydroclorid
2.1.2.3. Bupivacain
2.1.2.4. Ethylclorid
2.1.2.5.Tetracain

2.2. Thuốc gây mê
2.2.1. Đại cương
2.2.1.1. Định nghĩa
2.2.1.2. Tiêu chuẩn một thuốc mê tốt
2.2.1.3. Phân loại
2.2.2. Một số thuốc gây mê thường dùng
2.2.2.1. Halothan
2.2.2.2. Thiopentan natri
2.2.2.3. Ketamin

Bài 4. Thuốc an thần - gây ngủ - chống co giật Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được đại cương về thuốc an thần-gây ngủ- chống co giật.
- Trình bày được đại cương về bệnh động kinh
- Trình bày được tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc được học.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về thuốc an thần - Gây ngủ - Chống co giật
2.1.1. Tác dụng
2.1.2. Nguyên tắc sử dụng:
2.2. Một số thuốc thường dùng
2.2.1. Clorpromazin
2.2.2 Diazepam
2.2.3. Phenobarbital
2.3. Thuốc chống động kinh.
2.3.1. Valproat
2.3.2. Carbamazepin

Bài 5. Thuốc chống dị ứng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày đượccơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng
- Trình bày được tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc được học.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Phân loại thuốc chống dị ứng
2.1.3. Thuốc kháng Histamin tổng hợp
2.1.4. Tác dụng
2.1.5. Tác dụng không mong muốn
2.1.6. Chỉ định chung
2.1.7. Chống chỉ định chung
2.1.8 .Nguyên tắc sử dụng
2.2. Một số Thuốc thường dùng
2.2.1. Clorphenamin
2.2.2. Diphenhydramin
2.2.3. Prometazin hydroclorid
2.2.4. Loratadin

Bài 6. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của các thuốc giảm ho long đờm thường dùng.
- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của các thuốc làm giãn co trơn khí, phế quản thường dùng.

2. Nội dung

2.1. Thuốc giảm ho, long đờm

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Các thuốc giảm ho - long đờm

- Codein photphat (Methylmorphin)
- Dextromethophan
- Alimemazin (Theralen)
- Noscapin (Narcotin)
- Terpin hydrat
- Acethylcystein (Mucomyst, Acemux)
- Bromohexin(Bisolvon)

2.2. Thuốc làm giãn cơ trơn khí, phế quản

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các thuốc chữa hen thường dùng

2.2.2.1. Salbutamol (Ventolin)

2.2.2.2. Theophylin

2.2.2.3. Fensprid (Pneumorel)

2.2.2.4. Ipratropium (Xem thêm).

Bài 7. Thuốc điều trị thiếu máu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân gây thiếu máu và phân loại thuốc chống thiếu máu.
- Trình bày được tác dụng chỉ định và cách dùng các thuốc chống thiếu máu.

2. Nội dung

2.2.1. Đại cương

2.2.1.1. Khái niệm thiếu máu

2.2.1.2. Nguyên nhân gây thiếu máu

2.2.1.3. Phân loại thuốc chống thiêu máu

2.2.2. Các thuốc chống thiếu máu

2.2.2.1. Sắt (II) oxalat (Ferosioxalai)

2.2.2.2 VitaminB12: (Cyanocobalamin, Vitamin L2)

2.2.2.3. Acid folic (Vitamin B9, Vitamin L1)

Bài 8. Thuốc hạ Lipid máu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số vấn đề về sự tăng Lipoprotein máu, phân loại thuốc hạ Lipid máu.
- Trình bày được tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, cách dùng các thuốc hạ Lipid máu thường dùng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về sự tăng Lipid máu và phân loại thuốc hạ Lipid máu

2.1.1. Sự tăng Lipoprotein máu

2.1.2. Phân loại thuốc hạ Lipid máu

2.2. Các thuốc
2.2.1. Các dẫn xuất statin
2.2.2. Các dẫn xuất của acid fibric

Bài 9. Vitamin Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được vai trò của Vitamin, trình bày được nguyên nhân gây thiếu Vitamin và nguyên tắc sử dụng Vitamin.
- Trình bày được nguồn gốc, chỉ định, cách dùng các Vitamin thường dùng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về Vitamin
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Vai trò
2.1.3. Nhu cầu vitamin của cơ thể
2.1.4. Phân loại
2.1.5. Nguyên tắc sử dụng vitamin
2.1.6. Chống chỉ định
2.2. Nhóm Vitamin tan trong nước
2.2.1. Vitamin B1 (Thiamin)
2.2.2. Vitamin B2 (Riboflavin)
2.2.3. Vitamin B6 (Pyridoxin)
2.2.4. Vitamin B12 (Cyanocobalamin, Hydroxocobalamin)
2.2.5. VitaminC: (Acid Ascorbic)
2.2. Nhóm Vitamin tan trong dầu
2.2.1. Đặc điểm chung
2.2.2. Các vitamin
2.2.2.2. Vitamin D (Calci ferol)
2.2.2.3. Vitamin E (Tocopherol): Xem tài liệu
2.2.2.4. Vitamin K: xem bài thuốc đông máu.

Bài 10. Dung dịch tiêm truyền Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được cách phân loại và đặc điểm của dung dịch tiêm truyền.
- Trình bày được cách sử dụng một số dung dịch tiêm truyền thường dùng.
- Trình bày được những chú ý khi sử dụng dung dịch tiêm truyền.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
- Phân loại dung dịch tiêm truyền
- Đặc điểm của dung dịch tiêm truyền
2.2. Các dung dịch tiêm truyền thường dùng
2.2.1. Các dung dịch bù nước và điện giải:
- Dung dịch Natriclorid đẳng trương 0,9%
- Dung dịch Natriclorid ưu trương 5% hoặc 10%- Dung dịch Kaliclorid
- Dung dịch Ringerlactac
- Dung dịch Natrihydrocarbonat đẳng trương 1,4%
2.2.2 Các dung dịch cung cấp năng lượng
- Dung dịch Glucose đẳng trương 5%
- Dung dịch Glucose ưu trương 10-30%

- Dung dịch Alvesin, Moriamin
2.2.3 Các dung dịch thay thế huyết tương:
- Dextran
- Subtosan
- Huyết tương khô
2.3. Chú ý khi sử dụng dung dịch tiêm truyền

Bài 11. Thuốc trị bệnh đường tiêu hóa Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cách sử dụng của một số thuốc chữa viêm loét dạ dày - tá tràng thường dùng.
- Trình bày được tác dụng, cách sử dụng thuốc chữa tiêu chảy.
- Trình bày được tác dụng, cách sử dụng thuốc: Lợi mật, thông mật, thuốc nhuận tràng, tẩy.

2. Nội dung

2.1. Thuốc điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng
2.1.1. Maalox
2.1.2. Cimetidin
2.1.3. Omeprazol
2.1.4. Viên nghệ mật ong
2.2. Thuốc điều trị bệnh tiêu chảy
- Oresol
- Biosubtyl
- Smecta
2.3. Thuốc điều trị bệnh lỵ amíp (Amibe)
2.3.1. Berberin
2.3.2. Metronidazol (Klion, Flagyl)
2.3.3. Dehydro emetin

Bài 12. Thuốc trị Giun sán Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cách dùng của các thuốc điều trị giun, sán thường dùng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Thuốc điều trị giun
2.2.1. Mebendazol (Vermox)
2.2.2. AlbendazoI (zentel)
2.2.3. Pyrvinium pamoat:
2.2.4. Diethyl carbamazin (D.E.C)
2.2.5. Hạt bí đỏ (Hạt bí ngô)
2.2.6. Niclosamid
2.2.7. Praziquantel (Xem tài liệu)

Bài 13. Thuốc kháng sinh - sulfamid kháng khuẩn Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, phân loại thuốc kháng sinh và nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách sử dụng một số thuốc kháng sinh thường dùng.

2. Nội dung

Đại cương về kháng sinh

2.1.1. Sự ra đời của kháng sinh

2.1.2. Định nghĩa thuốc kháng sinh

2.1.3. Phân loại kháng sinh

2.1.3.1. Dựa vào tính nhạy cảm của vi khuẩn với kháng sinh

2.1.3.2. Dựa vào cơ chế tác dụng của kháng sinh

2.1.3.3. Dựa vào cấu trúc hóa học

2.1.4. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh

2.2. Nhóm beta - lactam: (β -Lactam)

2.2.1. Tác dụng và cơ chế tác dụng

2.2.2 Tính chất và dược động học

2.2.3. Tác dụng không mong muốn

2.2.4. Chống chỉ định

2.2.5. Các Penicilin

2.2.6. Các Cephalosporin

2.3. Nhóm Aminoglycosid (AG)

2.4. Nhóm Lincosamid

2.5. Nhóm Macrolid

2.6. Nhóm Phenicol: (Cloramphenicol)

2.7. Nhóm Tetracyclin

2.8. Nhóm Quinolon

2.9. Nhóm thuốc kháng nấm

2.10. Nhóm Sulfamid kháng khuẩn

Bài 14. Thuốc nội tiết và điều chỉnh rối loạn nội tiết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vai trò, đặc điểm của nội tiết tố.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cách dùng các hormon thường dùng.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cách dùng các thuốc điều chỉnh rối loạn nội tiết.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về Hormon (Nội tiết tố)

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Vai trò của nội tiết tố

2.1.3. Đặc điểm của nội tiết tố

2.1.4. Phân loại

2.1.4.1. Dựa vào cấu trúc hóa học: chia làm 2 nhóm

2.1.4.2. Dựa vào cơ quan bài tiết

2.2. Các Hormon thường dùng

2.2.1. Glucocorticoid

2.2.1.1. Nguồn gốc

2.2.1.2. Tác dụng

2.2.1.3. Tác dụng không mong muốn

2.2.1.4. Chỉ định

2.2.1.5. Chống chỉ định

2.2.1.6. Chú ý khi dùng thuốc

2.2.1.7. Các thuốc thường dùng
- Hydrocortison
- Prednisolon: (Delta hydrocortison)
- Dexamethason: (Prednisolon F): Xem them tài liệu.
- Depersolon
- Solu - medrol (metyl prenisolon)
2.2.2. Testosteron: Tham khảo
2.2.3. Progesteron: Tham khảo
2.2.4. Estrogen: Tham khảo

Bài 15. Thuốc dụng trên tim mạch, thuốc lợi tiểu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cách dùng của thuốc điều trị suy tim thường dùng
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn và cách dùng các thuốc điểu trị tăng huyết áp, thuốc điều ùị cơn đau thắt ngực, thuốc điều trị loạn nhịp tim-
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cách dùng thuốc lợi tiểu thường dùng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Thuốc điều trị suy tim: Digoxin
2.3. Thuốc điều trị cơn đau thắt ngực
2.3.1. Trinitrin (Nitroglycerin, Lenitral, Glycerin trinitrat)
2.3.2. Propranolol (thuốc chẹn β-adrenergic)
2.3.3. Nifedipin (Adalate) Thuốc chẹn kênh Calci:
2.4. Thuốc điều trị tăng huyết áp
2.4.1 Thuốc chẹn kênh Calci(Xem phần 3.3)
Nifedipin(thế hệ 1); Amlodipin; Istradipin; Nicardipin; Verapamin(thế hệ 2)
2.4.2 Thuốc ức chế men chuyển Angiotensin (EAC: Enzym angiotensin converting)
2.4.3 Thuốc ức chế thụ thể AT2 (AngiotensinII): Losartan
2.5. Thuốc lợi tiểu
2.5.1. Phân loại
2.5.2. Một số thuốc lợi tiểu thường dùng
- Hydroclorothiazaid (Hypothiazid)
- Furosemid (Lasix, Lasilix, Trofurit)
- Spironolacton (Aldacton)
- Manitol
2.6. Thuốc điều trị shock phản vệ: Adrenalin (Epinephrin)

Bài 16. Thuốc điều trị lao, phong Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được cách phân loại và nguyên tắc sử dụng thuốc chống lao.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, cách dùng các thuốc chống lao, phong thường dùng.
- Trình bày được một số phác đồ điều trị lao theo chương trình chống lao quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1 Vài nét về bệnh lao
2.1.2.Phân loại thuốc chống lao

2.1.3 Nguyên tắc sử dụng thuốc chống lao
2.1.4. Các thuốc chống lao thường dùng
Isoniazid (Rimifon, INH)
Rifampicin (Rimactan)
Ethambutol (Dexambutol, Myambutol)
Pyrazinamid
Streptomycin (xem bài kháng sinh)
Một số phác đồ điều trị lao theo chương trình chống lao quốc gia
Công thức 1: 2 SHR27 /6 HE
Công thức 2: 2 SHRZE/1 HRZE/5 HsR3E3
Công thức 3: 2 HR2/4 HR

Bài 17. Thuốc dùng trong chuyên khoa mắt, tai mũi họng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được cách sử dụng được một số thuốc dùng tại chỗ trong khoa tai, mũi, họng.
- Trình bày được các dạng thuốc, những nguyên tắc khi sử dụng thuốc tra mắt, nhỏ mắt.
- Trình bày được cách sử dụng các thuốc thường dùng trong chuyên khoa mắt.

2. Nội dung

2.1. Thuốc dùng trong chuyên khoa tai mũi họng
2.1.1. Đại cương
2.1.2. Các thuốc dùng tại chỗ trong tai mũi họng
2.1.2.1 Các thuốc dùng ở tai
2.1.2.2 Các thuốc dùng đối với mũi xoang
2.1.2.3 Thuốc dùng đối với họng - thanh quản
2.2. Thuốc dùng trong chuyên khoa mắt
2.2.1. Đại cương
2.2.2 Một số thuốc thường dùng trong khoa mắt
2.2.2.1 Nhóm thuốc dùng trong khám bệnh, chẩn đoán
2.2.2.2. Các thuốc giãn đồng tử
2.2.2.3. Thuốc co đồng tử
2.2.2.4. Nhóm thuốc kháng sinh

Bài 18. Thuốc sát khuẩn, thuốc dùng ngoài da Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được cơ chế tác dụng và phân loại các thuốc sát khuẩn, tẩy uế.
- Trình bày được các dạng thuốc, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc dùng ngoài da.
- Trình bày được cách dùng các thuốc sát khuẩn và thuốc dùng ngoài da.

2. Nội dung

2.1. Thuốc sát khuẩn, tẩy uế
2.1.1. Đại cương
2.1.2. Một số thuốc sát trùng, tẩy uế
2.1.2.1. Nước Oxy già (dung dịch Hydroperoxyd, H_2O_2)
2.1.2.2. Các chế phẩm của Iod
2.1.2.3. Các Cloramin: (Xem tài liệu).
2.2. Thuốc dùng ngoài da
2.2.1. Đại cương
2.2.2. Một số thuốc thường dùng
2.2.2.1. Thuốc chống nấm

Thuốc chữa ghẻ, ngứa
Thuốc chống viêm

Chương IV: Dinh dưỡng - Tiết chế

Bài 1. Đại cương về dinh dưỡng. Các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vai trò, nhu cầu và nguồn cung cấp của các chất dinh dưỡng sinh năng lượng (P, L, G) và không sinh năng lượng (Vitamin, khoáng chất).
- Phân loại được các nhóm thực phẩm trong tự nhiên dựa trên giá trị dinh dưỡng đặc trưng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc phối hợp đa dạng thực phẩm để đảm bảo đủ chất dinh dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về dinh dưỡng
2.2. Vai trò và nhu cầu của các dinh dưỡng đối với cơ thể
2.2.1. Protid
2.2.2. Lipid
2.2.3. Glucid
2.2.4. Vitamin
2.2.5. Chất khoáng
2.2.6. Chất xơ
2.2.7. Nước

Bài 2. Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được cách tính nhu cầu năng lượng của cơ thể và các nguyên tắc xây dựng một khẩu phần ăn hợp lý.
- Tính toán được nhu cầu năng lượng và thiết kế được thực đơn cơ bản cho một đối tượng cụ thể theo lứa tuổi hoặc đặc điểm lao động.
- Có ý thức tự giác trong việc tư vấn và áp dụng chế độ ăn khoa học cho bản thân và cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu năng lượng của con người.
2.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý
2.3. Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam
2.4. Chế độ ăn hợp lý cho một số trường hợp đặc biệt

Bài 3. Phòng, chống ngộ độc thức ăn Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Nhận biết được các dấu hiệu ngộ độc thực phẩm và thực hiện được các bước xử trí, dự phòng ngộ độc tại cộng đồng.
- Thể hiện thái độ nghiêm túc và trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm

2. Nội dung

2.1. Đại cương về ngộ độc thức ăn
2.2. Ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng chống
2.2.1. Ngộ độc thức ăn do Salmonella
2.2.2. Ngộ độc thức ăn do tụ cầu

2.2.3. Ngộ độc thức ăn do Clotridium Botulium
2.2.4. Phòng chống ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn

Bài 4. Chế độ ăn bệnh lý Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Giải thích được nguyên tắc xây dựng chế độ ăn cho một số bệnh lý thường gặp (như tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh lý tiêu hóa).
- Kỹ năng: Xây dựng được thực đơn tiết chế phù hợp với tình trạng bệnh lý và giai đoạn điều trị của người bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng nhu cầu cá nhân của người bệnh và có trách nhiệm phối hợp chế độ ăn vào quy trình chăm sóc điều trị.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của chế độ ăn bệnh lý
2.2. Nguyên tắc xây dựng chế độ ăn bệnh lý.
2.3. Chế độ ăn bệnh lý cho một số bệnh thường gặp
2.3.1. Chế độ ăn cho bệnh đái tháo đường.
2.3.2. Chế độ ăn cho bệnh béo phì
2.3.3. Chế độ ăn cho bệnh cao huyết áp.
2.3.4. Chế độ ăn cho bệnh tiêu chảy và nhiễm khuẩn ở trẻ em.

Bài 5. Chương trình dinh dưỡng Thời gian: 2,5 tiết

1. Mục tiêu

- Trình bày được mục tiêu và nội dung của các chương trình dinh dưỡng quốc gia đang triển khai tại Việt Nam.
- Tham gia triển khai được các hoạt động truyền thông, giáo dục dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ tăng trưởng tại cơ sở y tế.
- Chủ động cập nhật kiến thức về chính sách dinh dưỡng và có tinh thần trách nhiệm trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm tình hình dinh dưỡng của nước ta hiện nay
2.2. Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng
2.3. Vai trò dinh dưỡng trong một số bệnh mạn tính có liên quan đến dinh dưỡng

Kiểm tra Thời gian:0,5 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực tập
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tranh ảnh minh họa, tài liệu phát tay cho sinh viên, tài liệu tham khảo, câu hỏi thảo luận tình huống sổ tay giáo viên, sổ lên lớp, các thuốc và dạng thuốc theo chương trình được học.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

1.1. Về kiến thức:

- Các kiến thức cơ bản về những thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh.
- Các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh vật học, khả năng gây bệnh, phương pháp lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, nhận biết một số tiêu bản về vi khuẩn, phương pháp phòng bệnh và điều trị một số vi khuẩn và virus gây bệnh thường gặp, miễn dịch của cơ thể với vi sinh vật, ứng dụng phản ứng miễn dịch vào chẩn đoán vi sinh vật và phòng bệnh do vi sinh vật; đặc điểm hình thể, chu kỳ phát triển, tác hại, phương pháp phòng bệnh và điều trị một số ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

- Các kiến thức cơ bản về khái niệm về thuốc, dược động học của thuốc và tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định và cách sử dụng của các thuốc thiết yếu.
- Đánh giá khả năng trình bày vai trò các chất dinh dưỡng, nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn, chế độ ăn bệnh lý và các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm.

1.2. Về kỹ năng:

- Vận dụng được kiến thức đã học để đưa ra các chẩn đoán và xử trí ở các học phần lâm sàng và cộng đồng; sử dụng đúng các thuốc thường dùng và quản lý thuốc đúng qui chế để vận dụng trong điều trị trên lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tính toán nhu cầu năng lượng, thiết kế thực đơn cho các đối tượng và kỹ năng tư vấn, truyền thông giáo dục dinh dưỡng tại cộng đồng.

1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Xây dựng tác phong tỉ mỉ, chính xác và tư duy logic trong học tập.
- Có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng, có trách nhiệm và đảm bảo an toàn trong khi thực hành.
- Xây dựng được ý thức trách nhiệm về chế độ dinh dưỡng ảnh hưởng đến kết quả điều trị và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tôn trọng các phong tục tập quán và văn hóa của cộng đồng.

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài, hình thức trắc nghiệm (chương Vi sinh – Ký sinh trùng).
- Kiểm tra định kỳ: 02 bài, hình thức trắc nghiệm (chương Sinh lý bệnh – Miễn dịch); (chương Dược lý và Dinh dưỡng – Tiết chế).
- Hình thức thi kết thúc môn học: Hình thức trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy sinh viên ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng tại trường cao đẳng Y tế Hải Phòng, thực hiện vào năm thứ nhất.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

2.1. Chuẩn bị

- Đối với giảng viên:

+ Cung cấp tài liệu, yêu cầu nội dung sinh viên cần chuẩn bị.
+ Hướng dẫn cho sinh viên tự học trước khi đến lớp.
+ Chuẩn bị đầy đủ phương tiện, vật liệu dạy học.
+ Sử dụng các phương pháp giảng dạy, chuẩn bị kế hoạch dạy học đầy đủ.

- Đối với sinh viên:

+ Đọc đề cương, tài liệu và thực hiện các yêu cầu tự học trong từng bài học
+ Liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu qua các địa chỉ email, điện thoại theo giờ quy định của giảng viên.
+ Chuẩn bị các phương tiện trình bày, thảo luận nhóm khi đến lớp.

2.2. Tổ chức dạy-học

- Đối với giảng viên:

+ Thực hiện theo kế hoạch dạy học đã chuẩn bị để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
+ Thuyết trình, hướng dẫn, tổ chức thảo luận nhóm, kiểm tra học sinh.
+ Tăng cường sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

-Thực hiện theo đúng trình tự các bài học.
- Đảm bảo sự kết nối giữa các bài học.
- Lượng giá thường xuyên và kết thúc bài học.
- Cần có các ví dụ minh họa bằng hình vẽ và liên hệ với các triệu chứng bệnh trên lâm sàng để làm sáng tỏ và dễ hiểu.

- Phần thực hành Vi sinh - ký sinh trùng cần chú ý hướng dẫn phương pháp lấy bệnh phẩm để kết quả được chính xác, liên hệ với thực tế lâm sàng.
- Nội dung chương trình dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng cho người bệnh cần trích dẫn và làm rõ các nội dung.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Miễn dịch - Sinh lý bệnh (2017), Sinh lý bệnh học, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học
2. Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch (2018), Sinh lý bệnh, Trường Cao đẳng y tế Thái Bình, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế (2012), Dinh dưỡng và vệ sinh thực phẩm, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
4. Bộ Y tế (2014), Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
5. Bộ Y tế (2019), Dinh dưỡng lâm sàng, Viện Dinh dưỡng, Nhà xuất bản Y học
6. Bộ Y tế. (2018), Dược học và thuốc thiết yếu, Nhà xuất bản y học.
7. Bộ Y Tế (2018), Ký sinh trùng, Nhà xuất bản Y học.
8. Bộ Y Tế (2017), Vi sinh – Ký sinh trùng, Nhà xuất bản Y học.
9. Đào Văn Phan và NNK. (2014), Dược lý học, Thuốc và dược học, NXB Bộ Y Tế.
10. Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái (2020), Ký sinh trùng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Nhà xuất bản Y học.
11. Lê Huy Chính (2019), Vi sinh y học, Bộ môn Vi sinh y học, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.
12. Lê Thanh Tùng, Vũ Thế Hùng (2018), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Trường đại học điều dưỡng Nam Định, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
13. Nguyễn Hùng Cường, Phạm Thị Tâm (2019), Vi sinh y học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Nhà xuất bản Y học.
14. Phạm Thiệp và NNK (2018), Thuốc biệt dược và cách sử dụng, NXB Bộ Y Tế.
15. Trường Đại Học Y Hà Nội. (2016), Giáo trình Dược lý học, Nhà xuất bản y học.
16. Trường Đại Học Y Hà Nội (2017), Giáo trình Dược lý học Lâm sàng, Nhà xuất bản y học.
17. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2020), Dinh dưỡng học, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH
MÔN HỌC TÂM LÝ-Y ĐỨC-TỔ CHỨC Y TẾ

Tên môn học: Tâm lý - Y đức - Tổ chức Y tế
Mã môn học: MH 9
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; thảo luận: 0; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Tâm lý – Y đức – Tổ chức y tế là môn học bắt buộc thuộc môn học cơ sở trong chương trình đào tạo cao đẳng chính quy.
- Tính chất: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tâm lý, y đức, quản lý và tổ chức y tế; giúp người học có nhận thức đúng và áp dụng được vào các hoạt động chuyên môn trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Môn học đáp ứng các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp điều dưỡng Việt Nam trình độ cao đẳng và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Trình bày được quy định về phẩm chất, quy định, chuẩn đạo đức và quy tắc ứng xử của người điều dưỡng để thể hiện hình ảnh người điều dưỡng có đạo đức và y đức trong thực hành điều dưỡng (CĐR 1,5,8)
- CĐRMH 2: Trình bày được tâm lý người bệnh, tâm lý lứa tuổi từ đó áp dụng các liệu pháp tâm lý giải quyết các vấn đề tâm lý của người bệnh trong thực hành điều dưỡng (CĐR 5,8).
- CĐRMH 3: Trình bày được hệ thống tổ chức và quản lý các cơ sở y tế, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động y tế, lập kế hoạch y tế từ đó tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực để chăm sóc người bệnh trong thực hành điều dưỡng (CĐR 6).
-CĐRMH 4: Thể hiện tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Sử dụng được công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Tự tin thực hiện các kỹ thuật trong học tập (CĐR 8,9).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được kiến thức cơ bản về tâm lý học y học, tâm lý người bệnh và giao tiếp y tế. Trình bày được hệ thống tổ chức y tế và quản lý y tế cơ sở.
- Hiểu được chấn thương tâm lý, liệu pháp tâm lý và nguyên tắc y đức. Nguyên tắc quản lý bệnh viện, lập kế hoạch và giám sát y tế.
- Nắm được nghĩa vụ, trách nhiệm đạo đức của người điều dưỡng và vai trò của điều dưỡng trong tổ chức hoạt động y tế.

2. Về kỹ năng:

- Giao tiếp hiệu quả, tư vấn và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh. Tham gia lập kế hoạch và quản lý chăm sóc người bệnh.
- Nhận biết và xử lý phù hợp các biểu hiện tâm lý của người bệnh. Theo dõi, giám sát và báo cáo hoạt động chuyên môn đúng quy định.
- Thực hiện đúng chuẩn mực y đức trong chăm sóc và điều trị. Phối hợp hiệu quả với nhóm chăm sóc sức khỏe trong bệnh viện.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thái độ tận tâm, trung thực và tôn trọng người bệnh. Thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức trách điều dưỡng.
- Chủ động rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp. Tuân thủ quy chế chuyên môn và quy định của ngành y tế.
- Chịu trách nhiệm về hành vi và chất lượng chăm sóc người bệnh. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực y tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
	Chương I. Tâm lý học y học, y đức	15	14		1
1	Bài 1. Đại cương về tâm lý học y học	2	2		
3	Bài 2. Tâm lý người bệnh	2	2		
4	Bài 3. Tâm lý giao tiếp với người bệnh	2	2		
5	Bài 4. Chấn thương tâm lý và các biệp pháp dự phòng	2	2		
6	Bài 5. Liệu pháp tâm lý	1	1		
6	Bài 6. Y đức	1	1		
7	Bài 7. Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế	4	4		
	Chương II: Quản lý và tổ chức y tế	15	14		1
8	Bài 8. Hệ thống Tổ chức Y tế Việt Nam	1	1		
9	Bài 9. Tổ chức và quản lý y tế cơ sở	1	1		
10	Bài 10. Đại cương về quản lý và quản lý y tế	1	1		
11	Bài 11. Tổ chức và quản lý bệnh viện	2	2		
12	Bài 12. Lập kế hoạch Y tế	4	4		
13	Bài 13. Theo dõi đánh giá hoạt động y tế	3	3		
14	Bài 14. Giám sát các hoạt động y tế	2	2		
	Kiểm tra	2			2
	Tổng	**30**	**28**	**0**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về tâm lý học y học Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những nội dung cơ bản của tâm lý học và tâm lý học y học;
- Vận dụng kiến thức đã học vào quá trình chăm sóc người bệnh;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược lịch sử phát triển tâm lý học.
2.2. Định nghĩa tâm lý học.
2.3. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý.
2.4. Nhiệm vụ của tâm lý học.
2.5. Bản chất của hiện tượng tâm lý.
2.6. Đặc điểm của hiện tượng tâm lý.
2.7. Sự xuất hiện của hiện tượng tâm lý.
2.8. Sự phát triển của hiện tượng tâm lý.
2.9. Phân loại các hiện tượng tâm lý.
2.10. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học.
2.11. Đại cương về tâm lý y học.

Bài 2: Tâm lý người bệnh Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm về tâm lý người bệnh; các biểu hiện tâm lý và phản ứng tâm lý ở người bệnh;
- Nhận biết được một số biểu hiện và phản ứng tâm lý của người bệnh;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Bệnh tật và tâm lý người bệnh.
2.2. Khái niệm về tâm lý người bệnh.
2.3. Các biểu hiện tâm lý thường gặp ở người bệnh.
2.4. Các phản ứng tâm lý của người bệnh.

Bài 3: Tâm lý giao tiếp với người bệnh Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự giao tiếp với người bệnh; các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh;
- Vận dụng được bước đầu các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự giao tiếp.
2.1.1. Yếu tố đặc trưng của sự giao tiếp giữa cán bộ y tế và người bệnh.
2.1.2. Các yếu tố của cán bộ y tế và người bệnh.
2.1.3. Các yếu tố về môi trường xã hội và điều kiện giao tiếp.
2.2. Các qui tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
2.3. Những điều cần lưu ý trong một số tình huống cụ thể.

Bài 4: Chấn thương tâm lý và các biện pháp dự phòng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, các yếu tố gây chấn thương tâm lý; triệu chứng, hậu quả và biện pháp đương đầu với chấn thương tâm lý;
- Vận dụng các biện pháp đương đầu với chấn thương tâm lý;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về chấn thương tâm lý.
2.2. Các yếu tố gây chấn thương tâm lý.
2.3. Cách ứng xử, năng lực và các chấn thương tâm lý chính phải vượt qua trong các giai đoạn của cuộc đời.
2.4. Tính chất và phương thức gây bệnh của chấn thương tâm lý.
2.5. Các dấu hiệu và triệu chứng của chấn thương tâm lý.
2.6. Các hậu quả tác động của chấn thương tâm lý.
2.7. Các biện pháp đương đầu với chấn thương tâm lý.

Bài 5: Liệu pháp tâm lý Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm liệu pháp tâm lý, cơ sở xây dựng liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý;
- Vận dụng được một số liệu pháp tâm lý trong quá trình chăm sóc người bệnh;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về liệu pháp tâm lý.
2.2. Cơ sở xây dựng liệu pháp tâm lý.

2.3. Các loại liệu pháp tâm lý.
2.3.1. Liệu pháp tâm lý gián tiếp.
2.3.2. Liệu pháp tâm lý trực tiếp.

Bài 6: Y đức Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm về đạo đức và y đức; lịch sử đạo đức y học;
- Vận dụng kiến thức đã học vào quá trình chăm sóc người bệnh;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức.
2.2. Phân biệt khái niệm y đức, y đạo và y thuật.
2.3. Lịch sử đạo đức y học.

Bài 7: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nghĩa vụ, yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên;
- Thực hiện y đức trong quá trình chăm sóc người bệnh.
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Nghĩa vụ của người cán bộ y tế.
2.2. Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa.
2.3. Những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
2.4. Qui định về y đức của Bộ Y tế.
2.5. Chức năng nhiệm vụ của Y sĩ đa khoa.

Bài 8: Hệ thống tổ chức y tế Việt Nam. Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được hệ thống tổ chức ngành y tế và ngành điều dưỡng Việt Nam; nhiệm vụ phòng điều dưỡng bệnh viện;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Tổ chức chung của ngành y tế.
2.2. Tổ chức theo các tuyến:
- Tuyến y tế Trung ương.
- Y tế tuyến tỉnh.
- Y tế tuyến cơ sở.
- Y tế tư nhân.

2.3. Tổ chức y tế ngành.

Bài 9: Tổ chức và quản lý y tế cơ sở Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa và nguyên tắc quản lý theo mục tiêu;
- Vẽ và giải thích được chu trình quản lý;
- Nhận thức được vai trò của y tế cơ sở trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm y tế cơ sở.
2.2. Y tế huyện, quận, thị xã.
2.3. Y tế xã, phường, thị trấn.

Bài 10: Đại cương về quản lý y tế Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa và nguyên tắc quản lý theo mục tiêu.
- Vẽ và giải thích được chu trình quản lý.
- Nhận thức tầm quan trọng của quản lý y tế trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Nội dung

2.1. Quản lý là gì.
2.2. Quy trình quản lý.
2.2.1. Lập kế hoạch.
2.2.2. Thực hiện kế hoạch.
2.2.3. Đánh giá.
2.3. Chức năng quản lý.

Bài 11: Tổ chức và quản lý bệnh viện Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa, chức năng nhiệm vụ bệnh viện; mô hình tổ chức, quản lý bệnh viện; nội dung, cơ chế quản lý và biện pháp đổi mới bệnh viện;
- Vẽ và giải thích được sơ đồ mô hình quản lý, tổ chức bệnh viện;
- Nhận thức được nhiệm vụ cơ bản của bệnh viện trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về bệnh viện.
2.2. Mô hình tổ chức bệnh viện.
2.3. Mô hình quản lý bệnh viện.
2.4. Nội dung quản lý bệnh viện.
2.5. Cơ chế quản lý bệnh viện.
2.6. Biện pháp đổi mới bệnh viện.

Bài 12: Lập kế hoạch y tế Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nội dung các bước lập kế hoạch y tế;
- Vận dụng được kiến thức vào lập kế hoạch y tế;
- Nhận thức được tầm quan trọng của lập kế hoạch y tế trong giải quyết những vấn đề sức khỏe của cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.
2.2. Các bước lập kế hoạch.
2.2.1. Phân tích tình hình hiện tại.
2.2.2. Xác định vấn đề sức khỏe, lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên.
2.2.3. Xác định mục tiêu.
2.2.4. Lựa chọn giải pháp/ hoạt động.
2.2.5. Lập kế hoạch hoạt động.

Bài 13: Theo dõi và đánh giá hoạt động y tế Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm theo dõi và đánh giá, các bước lên kế hoạch theo dõi; đánh giá hoạt động y tế;
- Vận dụng kiến thức tính chỉ số trong đánh giá;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về theo dõi và đánh giá.

2.2. Các bước lên kế hoạch theo dõi và công cụ theo dõi.

2.2.1. Các bước lên kế hoạch theo dõi.

2.2.2. Công cụ theo dõi.

2.3. Đánh giá chương trình hoạt động y tế.

2.3.1. Các hình thức đánh giá.

2.3.2. Các chỉ số dùng trong đánh giá.

2.3.3. Các bước của quy trình đánh giá.

Bài 14: Giám sát hoạt động y tế Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng của giám sát; nguyên tắc, phương pháp, hình thức và các bước cơ bản trong giám sát.
- Thực hành xây dựng bảng kiểm dùng cho giám sát;
- Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong làm việc nhóm và coi trọng vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm giám sát.

2.2. Tầm quan trọng của giám sát.

2.3. Nguyên tắc cơ bản của giám sát.

2.4. Phương pháp và hình thức giám sát.

2.5. Các bước hoạt động giám sát.

2.6. Xây dựng công cụ giám sát.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết đủ ánh sáng, bàn ghế
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, mạng internet.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.
4. Các điều kiện khác khác: Bút trình chiếu, loa, micro.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành các bài tập tình huống tâm lý, y đức; quản lý và tổ chức y tế.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu:
  + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học theo quy định.
  + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Tâm lý-Y đức-Tổ chức y tế được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề y của trường Cao đẳng y tế Hải Phòng ngành Hộ sinh, trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học
- Đối với người học: Đi học đầy đủ, nghiên túc các buổi học; tham gia nội dung thảo luận, luyện tập tình huống tâm lý người bệnh, giao tiếp với người bệnh, lập kế hoạch y tế, đánh giá, giám sát hoạt động y tế nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về tâm lý người bệnh, thực hiện y đức của cán bộ y tế và hệ thống tổ chức ngành y tế, ngành điều dưỡng Việt Nam, lập kế hoạch y tế, đánh giá hoạt động y tế.

4. Tài liệu cần tham khảo:

[1]- Bộ Y tế (2017). *Quản lý và Tổ chức Y tế,* Nhà xuất bản Y học.

[2]- Bộ môn Tổ chức quản lý Y tế, trường Đại học Y Hà Nội (2016). *Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế*. Nhà xuất bản Y học.

[3]- Bộ Y tế (2018), Tâm lý học Y học - Y đức, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]- TTCP (2013), "Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030".

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIAO TIẾP - GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Tên môn học: Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe
Mã môn học: MH 10
Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 01 giờ lý thuyết và 01 giờ thực hành).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ I năm thứ hai đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm các kiến thức về đặc điểm tâm lý cá nhân, sự biến đổi tâm lý người bệnh; tầm quan trọng của công tác giáo dục sức khỏe trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người; các kỹ năng giao tiếp, giáo dục sức khỏe cơ bản; các biện pháp giao tiếp có hiệu quả đối với người bệnh và trong công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe .

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Trình bày và phân tích được các khái niệm, vai trò, nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp; các nội dung, phương pháp và phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng (CĐR 2; 5; 8; 9).
- CĐRMH 2: Thực hiện hiệu quả các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và một số đối tượng đặc biệt; cung cấp thông tin, thông báo tin xấu và xử lý tình huống giao tiếp phù hợp với đạo đức nghề nghiệp (CĐR 2; 5; 6; 8).
- CĐRMH 3: Thực hiện được hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe và xây dựng kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng trong các tình huống cụ thể (CĐR1; 2; 5; 6; 8).
- CĐRMH 4: Thể hiện thái độ giao tiếp chuẩn mực, tôn trọng người bệnh, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong mọi tình huống; Làm việc nhóm hiệu quả, chủ động học tập và tự đánh giá nhằm nâng cao các kỹ năng giao tiếp - giáo dục sức khỏe (CĐR1; 5; 6; 8).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

Phần 1: Giao tiếp
- Trình bày được những kiến thức về kỹ năng giao tiếp cơ bản.
- Trình bày được kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và một số đối tượng đặc biệt.
- Trình bày được kỹ năng cung cấp thông tin và thông báo tin xấu cho người bệnh, gia đình người bệnh.

Phần 2: Giáo dục sức khỏe
- Trình bày được các phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe.
- Trình bày được các nội dung và chủ đề chính cần truyền thông - giáo dục sức khỏe.
- Trình bày được nguyên tắc và các bước của quá trình tư vấn sức khỏe.
- Trình bày được kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng.

2. Về kỹ năng

Phần 1: Giao tiếp
- Ứng dụng được các kỹ năng giao tiếp cơ bản đã học vào việc giải quyết các tình huống trong chăm sóc người bệnh và trong cuộc sống.
- Thực hành được kỹ năng giao tiếp cơ bản với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và một số đối tượng đặc biệt trong các tình huống giả định tại phòng thực hành.

- Lựa chọn được những kỹ năng giao tiếp phù hợp với từng nhóm đối tượng.
- Thực hiện được các kỹ năng cung cấp thông tin và thông báo tin xấu phù hợp với đạo đức nghề nghiệp trong thực hành điều dưỡng.

Phần 2: Giáo dục sức khỏe

- Lựa chọn và sử dụng phù hợp các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe trong các tình huống giả định tại phòng thực hành.
- Ứng dụng được kiến thức về giáo dục sức khỏe vào công tác tuyên truyền phòng chống dịch, bệnh để nâng cao sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng.
- Thực hành được những nội dung, chủ đề chính cần truyền thông - giáo dục sức khỏe.
- Thực hành được quá trình tư vấn sức khỏe cho đối tượng trong tình huống giả định tại phòng thực hành.
- Rèn luyện được các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng thực hiện hành vi sức khỏe lành mạnh nhằm làm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tàn tật.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ giao tiếp chuẩn mực, tôn trọng người bệnh, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tinh thần trách nhiệm trong chăm sóc, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Thể hiện khả năng làm việc nhóm hiệu quả và chủ động học tập, tự rèn luyện và có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm nâng cao năng lực giao tiếp - giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Phần 1. Giao tiếp				
1	Bài 1. Kỹ năng giao tiếp cơ bản	2	2	0	0
2	Bài 2. Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp	2	2	0	0
3	Bài 3. Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh	12	4	8	0
4	Bài 4. Kỹ năng giao tiếp với một số đối tượng đặc biệt	8	4	4	0
5	Bài 5. Kỹ năng cung cấp thông tin và thông báo tin xấu	5	3	2	0
6	Kiểm tra	1			1
	Phần 2. Giáo dục sức khỏe				
7	Bài 1. Đại cương về truyền thông - giáo dục sức khỏe	2	2	0	0
8	Bài 2. Các phương pháp và phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe	6	2	4	0
9	Bài 3. Các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe	8	4	4	0

10	Bài 4. Những nội dung, chủ đề chính cần truyền thông - giáo dục sức khỏe	2	2	0	0
11	Bài 5. Tư vấn sức khỏe	6	2	4	0
12	Bài 6. Lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe	5	3	2	0
13	Kiểm tra	1			1
	Cộng	**60**	**30**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Giao tiếp

Bài 1: Kỹ năng giao tiếp cơ bản Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được khái niệm, phân loại và tầm quan trọng của giao tiếp.
2. Mô tả được các kỹ năng giao tiếp cơ bản.
3. Phân tích được sự hiểu biết lẫn nhau và trở ngại tâm lý trong giao tiếp.
4. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp cơ bản trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
5. Thể hiện được sự tự tin, tôn trọng, tính cẩn thận và nghiêm túc trong giao tiếp; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực ứng xử của người cán bộ y tế.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Tầm quan trọng của giao tiếp đối với cán bộ y tế
2.1.1. Khái niệm giao tiếp
2.1.2. Phân loại hình thức giao tiếp
2.1.3. Tầm quan trọng của giao tiếp đối với cán bộ y tế
2.2. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản
2.2.1. Kỹ năng tiếp xúc và thiết lập mối quan hệ
2.2.2. Giao tiếp không lời
2.2.3. Kỹ năng nói
2.2.4. Kỹ năng lắng nghe
2.2.5. Kỹ năng đặt câu hỏi
2.2.6. Kỹ năng kiểm tra nhận thức và phản hồi
2.2.7. Kỹ năng giải thích
2.2.8. Kỹ năng khuyến khích
2.2.9. Kỹ năng thể hiện sự đồng cảm
2.2.10. Kỹ năng quan sát
2.2.11. Kỹ năng thuyết trình
2.2.12. Kỹ năng tóm tắt
2.3. Sự hiểu biết lẫn nhau và trở ngại tâm lý trong giao tiếp
2.3.1. Sự hiểu biết lẫn nhau trong quá trình giao tiếp
2.3.2. Trở ngại tâm lý trong giao tiếp
2.3.3. Những yếu tố mang lại hiệu quả giao tiếp

Bài 2: Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được một số nguyên tắc trong giao tiếp với đồng nghiệp của cán bộ y tế.
2. Mô tả được một số kỹ năng cần rèn luyện trong giao tiếp với đồng nghiệp.
3. Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp để xử lý một số tình huống điển hình với đồng nghiệp một cách phù hợp và hiệu quả.
4. Thể hiện được tinh thần làm việc tập thể, hợp tác, giúp đỡ và tôn trọng đồng nghiệp.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Một số nguyên tắc giao tiếp với đồng nghiệp
2.2. Kỹ năng làm việc nhóm
2.2.1. Khái niệm về làm việc nhóm
2.2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong làm việc nhóm
2.3. Xung đột và kỹ năng giải quyết xung đột
2.3.1. Khái niệm xung đột
2.3.2. Các loại xung đột
2.3.3. Nguyên nhân xung đột
2.3.4. Kỹ năng giải quyết xung đột
2.4. Kỹ năng tham dự hội họp
2.5. Kỹ năng tranh luận và thể hiện chính kiến cá nhân

Bài 3: Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được một số quy định về đạo đức y học cần tuân thủ khi giao tiếp với người bệnh.
2. Mô tả được giao tiếp của cán bộ y tế với người bệnh và gia đình người bệnh.
3. Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp cơ bản để thực hiện hiệu quả một số tình huống giao tiếp điển hình với người bệnh và gia đình người bệnh.
4. Thể hiện được sự tự tin, tôn trọng, tính cẩn thận và nghiêm túc trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 4 giờ

2.1. Một số quy định về đạo đức y học cần tuân thủ khi giao tiếp với người bệnh
2.2. Giao tiếp của người cán bộ y tế với người bệnh
2.2.1. Những lưu ý trong giao tiếp của người cán bộ y tế và người bệnh
2.2.2. Các kiểu giao tiếp giữa người cán bộ y tế và người bệnh
2.3. Giao tiếp của người cán bộ y tế với gia đình người bệnh
2.3.1. Vai trò của gia đình trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh
2.3.2. Các mối quan hệ của người chăm sóc với người bệnh
2.3.3. Một số điểm cần lưu ý khi giao tiếp với gia đình người bệnh
2.3.4. Kỹ năng giao tiếp với gia đình người bệnh trong nhận định người bệnh

Thực hành: Thời gian: 8 giờ

Kỹ năng giao tiếp với người bệnh

2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng giao tiếp
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ năng giao tiếp với gia đình người bệnh
2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai gia đình người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng giao tiếp
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 4: Kỹ năng giao tiếp với một số đối tượng đặc biệt Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được nguyên tắc giao tiếp với một số đối tượng đặc biệt.
2. Mô tả được đặc điểm giao tiếp và những kỹ năng cần thiết của cán bộ y tế khi giao tiếp với một số đối tượng đặc biệt.
3. Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp phù hợp với từng đối tượng đặc biệt để xử lý các tình huống điển hình trong chăm sóc sức khỏe một cách hiệu quả và an toàn.
4. Thể hiện được tính nghiêm túc, sự cảm thông và tôn trọng đối với một số đối tượng đặc biệt.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 4 giờ

2.1. Một số nguyên tắc khi giao tiếp với các đối tượng đặc biệt
2.2. Giao tiếp với trẻ em
2.2.1. Giao tiếp với trẻ sơ sinh
2.2.2. Giao tiếp với trẻ từ 12 đến 36 tháng
2.2.3. Giao tiếp với trẻ từ 3 đến 6 tuổi
2.2.4. Giao tiếp với trẻ từ 6 đến 12 tuổi
2.2.5. Giao tiếp với trẻ vị thành niên
2.3. Giao tiếp với người cao tuổi
2.3.1. Một số đặc điểm của người cao tuổi
2.3.2. Kỹ năng giao tiếp của người cán bộ y tế
2.4. Giao tiếp với người khuyết tật hoặc hạn chế một số chức năng
2.4.1. Giao tiếp với người hạn chế về nghe
2.4.2. Giao tiếp với người điếc
2.4.3. Giao tiếp với người hạn chế về thị giác
2.4.4. Giao tiếp với người bị mất ngôn ngữ
2.4.5. Giao tiếp với người bị giảm trí nhớ

Thực hành: Thời gian: 4 giờ

2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng giao tiếp
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 5: Kỹ năng cung cấp thông tin và thông báo tin xấu Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được kỹ năng cung cấp thông tin cho người bệnh và gia đình người bệnh.
2. Trình bày được kỹ năng thông báo tin xấu cho người bệnh và gia đình người bệnh.
3. Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp phù hợp để cung cấp thông tin và thông báo tin xấu cho người bệnh và gia đình người bệnh.
4. Thể hiện được sự tự tin, tính cẩn thận, đồng cảm và nghiêm túc trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 3 giờ

2.1. Kỹ năng cung cấp thông tin cho người bệnh
2.1.1. Khái niệm về cung cấp thông tin cho người bệnh
2.1.2. Chọn thời điểm và địa điểm cung cấp thông tin
2.1.3. Yêu cầu với người cung cấp thông tin
2.1.4. Yêu cầu với người nhận thông tin
2.1.5. Quá trình cung cấp thông tin cho người bệnh
2.2. Kỹ năng thông báo tin xấu
2.2.1. Khái niệm về tin xấu và thông báo tin xấu
2.2.2. Quá trình chuẩn bị để thông báo tin xấu cho người bệnh
2.2.3. Quá trình thông báo tin xấu cho người bệnh
2.2.4. Sau khi thông báo tin xấu
2.2.5. Thái độ của cán bộ y tế khi thông báo tin xấu

Thực hành: Thời gian: 2 giờ

2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng giao tiếp
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kiểm tra: Thời gian: 1 giờ

Phần 2: Giáo dục sức khỏe

Bài 1: Đại cương về truyền thông - giáo dục sức khỏe Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được một số khái niệm liên quan đến truyền thông - giáo dục sức khỏe.
2. Mô tả được định nghĩa, ý nghĩa, mục đích, vị trí và vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.
3. Trình bày được những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe.
4. Mô tả và giải thích được sơ đồ mô hình truyền thông - giáo dục sức khỏe.
5. Trình bày được hệ thống truyền thông - giáo dục sức khỏe.
6. Vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe cho cá nhân, tập thể và cộng đồng.
7. Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học, tự rèn luyện để chủ động nâng cao kiến thức và kỹ năng của bản thân trong công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe cho cá nhân, tập thể và cộng đồng.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Đại cương về truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.1. Một số khái niệm liên quan đến truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.2. Truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.3. Ý nghĩa của truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.4. Mục đích của truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.5. Vị trí của truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.6. Vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.7. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.1.8. Mô hình truyền thông - giáo dục sức khỏe (gồm 5 bước)
2.2. Hệ thống truyền thông - giáo dục sức khỏe

2.2.1. Tuyến trung ương
2.2.2. Tuyến tỉnh/thành phố
2.2.3. Tuyến quận/huyện
2.2.4. Tuyến xã/phường và thôn/bản

Bài 2: Các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được khái quát về phương pháp và phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.
2. Mô tả được khái niệm và phân loại phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày được phương pháp và các hình thức của phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe.
4. Lựa chọn được phương pháp và phương tiện khi tiến hành truyền thông - giáo dục sức khỏe phù hợp với đối tượng ở cộng đồng.
5. Thực hiện được buổi nói chuyện và thảo luận nhóm về truyền thông - giáo dục sức khỏe theo chủ đề đã chuẩn bị trong nội dung thực hành.
6. Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động nâng cao kiến thức và kỹ năng nhằm thực hiện hiệu quả các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Khái quát về phương pháp và phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.2. Phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.2.1. Khái niệm
2.2.2. Phân loại phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3. Phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.1. Khái niệm
2.3.2. Các hình thức của phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe gián tiếp
2.3.3. Các hình thức của phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe trực tiếp

Thực hành: Thời gian: 4 giờ

Tổ chức nói chuyện truyền thông - giáo dục sức khỏe:

2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Thảo luận nhóm về truyền thông - giáo dục sức khỏe:

2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 3: Các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe.
2. Vận dụng được các kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để thực hiện hoạt động truyền thông theo chủ đề đã chuẩn bị khi thăm hộ gia đình.

3. Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng để thực hiện tốt các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 4 giờ

2.1. Kỹ năng tìm hiểu
2.2. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp
2.3. Kỹ năng nói (truyền đạt)
2.4. Kỹ năng quan sát
2.5. Kỹ năng đặt câu hỏi
2.6. Kỹ năng lắng nghe
2.7. Kỹ năng cung cấp thông tin
2.8. Kỹ năng trao đổi, giải thích
2.9. Kỹ năng sử dụng phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.10. Kỹ năng hướng dẫn thực hành
2.11. Kỹ năng khuyến khích, động viên
2.12. Kỹ năng thu nhận thông tin phản hồi

Thực hành: Thời gian: 4 giờ

Tổ chức thăm hộ gia đình:

2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 4: Những nội dung, chủ đề chính cần truyền thông – giáo dục sức khỏe

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được các nội dung cơ bản và các chủ đề chính cần truyền thông - giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

2. Vận dụng được những nội dung cơ bản và các chủ đề chính trong truyền thông - giáo dục sức khỏe để xây dựng và thực hiện hoạt động truyền thông phù hợp tại cộng đồng.

3. Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học và tự rèn luyện để chủ động nâng cao kiến thức và kỹ năng của bản thân khi thực hiện hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Những nội dung cơ bản cần truyền thông - giáo dục sức khỏe tại cộng đồng
2.1.1. Giáo dục cho bà mẹ, trẻ em
2.1.2. Giáo dục dinh dưỡng, an toàn thực phẩm
2.1.3. Giáo dục vệ sinh trong nhà trường
2.1.4. Giáo dục bảo vệ môi trường
2.1.5. Giáo dục phòng chống các bệnh tật
2.1.6. Giáo dục về vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp
2.1.7. Giáo dục về cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý
2.2. Những chủ đề chính cần truyền thông - giáo dục sức khỏe tại cộng đồng
2.2.1. Kế hoạch hóa gia đình (chăm sóc sức khỏe sinh sản)
2.2.2. Bảo vệ bà mẹ khi mang thai

2.2.3. Nuôi con bằng sữa mẹ
2.2.4. Sự phát triển của trẻ em
2.2.5. Tiêm chủng
2.2.6. Phòng chống bệnh tiêu chảy trẻ em
2.2.7. Phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính
2.2.8. Thực hiện nếp sống vệ sinh
2.2.9. Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh do muỗi truyền
2.2.10. Phòng chống các rối loạn do thiếu hụt Iodine
2.2.11. Phòng chống hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS)
2.2.12. Phòng chống bệnh lây từ súc vật sang người
2.3. Những nội dung thực hành cơ bản tại gia đình

Bài 5: Tư vấn sức khỏe Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được khái niệm, mục đích và các nguyên tắc tư vấn sức khỏe.
2. Mô tả được 5 bước của quá trình tư vấn sức khỏe.
3. Trình bày được các nội dung thực hiện trong quá trình tư vấn sức khỏe.
4. Mô tả được yêu cầu của người tư vấn sức khỏe.
5. Vận dụng được kiến thức và kỹ năng tư vấn sức khỏe để thực hiện đầy đủ một quy trình tư vấn theo chủ đề đã chuẩn bị trong thực hành.
6. Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng để thực hiện hiệu quả một quá trình tư vấn sức khỏe.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Khái niệm về tư vấn sức khỏe
2.2. Mục đích của tư vấn sức khỏe
2.3. Nguyên tắc của tư vấn sức khỏe
2.3.1. Chọn thời gian và thời điểm thích hợp
2.3.2. Xác định được nhu cầu tư vấn của đối tượng
2.3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết cho đối tượng
2.3.4. Thảo luận để tìm ra biện pháp giải quyết vấn đề
2.3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của đối tượng
2.3.6. Không phán xét đối tượng
2.4. Các bước của quá trình tư vấn sức khỏe (5 bước)
2.4.1. Bước 1: Nhận biết nhu cầu và tạo mối quan hệ tốt với đối tượng
2.4.2. Bước 2: Xác định nhu cầu của đối tượng
2.4.3. Bước 3: Giúp đối tượng cách xác định mục tiêu và lựa chọn giải pháp
2.4.4. Bước 4: Giúp đối tượng lựa chọn và thực hiện giải pháp thích hợp nhất
2.4.5. Bước 5: Giúp đối tượng lập kế hoạch và triển khi thực hiện
2.5. Thực hiện quá trình tư vấn sức khỏe
2.5.1. Những việc cần chuẩn bị trước khi tư vấn
2.5.2. Thực hiện tư vấn
2.6. Yêu cầu của người tư vấn sức khỏe

Thực hành: Thời gian: 4 giờ

Tư vấn sức khỏe
2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 6: Lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe.
2. Mô tả được những điều cần chú ý khi lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày được các bước của lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe
4. Xây dựng được bảng kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe hoàn chỉnh theo chủ đề cụ thể đã chuẩn bị trong nội dung thực hành, phù hợp với đối tượng.
5. Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động tự học và tự rèn luyện, nhằm nâng cao năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 3 giờ

2.1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.2. Những điều cần chú ý khi lập kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3. Các bước lập kế hoạch
2.3.1. Lựa chọn vấn đề ưu tiên để truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.2. Xác định đối tượng đích truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.3. Xây dựng mục tiêu truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.4. Xác định nội dung truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.5. Xác định nguồn lực, phương tiện, phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.6. Thử nghiệm phương tiện, phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe
2.3.7. Xây dựng chương trình hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe cụ thể
2.3.8. Lập kế hoạch đánh giá hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe

Thực hành: Thời gian: 2 giờ

Lập bảng kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe:
2.1. Chuẩn bị sinh viên đóng vai người bệnh, người cán bộ y tế và dụng cụ
2.2. Trình tự thực hành kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe
2.3. Thao tác mẫu theo từng tình huống
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kiểm tra: Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính, loa/đài, video.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp, các phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe: tờ rơi, báo, tạp chí, tranh lật, sách lật, áp phích...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm. Sinh viên phải trình bày được các kiến thức cơ bản về giao tiếp - giáo dục sức khỏe.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua thực hành giao tiếp, tư vấn, truyền thông - giáo dục sức khỏe và lập bảng kế hoạch truyền thông - giáo dục sức khỏe tại phòng thực hành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài hình thức thực hành.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng ngành Điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập tình huống giao tiếp - giáo dục sức khỏe để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của người học.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần thực hiện giao tiếp, tư vấn, truyền thông - giáo dục sức khỏe mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được nội dung các bước của quá trình giao tiếp, tư vấn, truyền thông - giáo dục sức khỏe, đồng thời lắng nghe, quan sát sinh viên thực hành để nhận xét, góp ý cho sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về Giao tiếp – Giáo dục sức khỏe.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2016), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp.
2. Trường Đại học Y Dược TP HCM (2017), Giáo trình Truyền thông và Giáo dục sức khỏe.
3. Nguyễn Minh Tuấn (2019), Giáo trình Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2023), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp dành cho cán bộ y tế, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG - VỆ SINH – NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

Tên môn học: Sức khỏe-Môi trường-vệ sinh-Nâng cao sức khỏe và hành vi con người
Mã môn học: MH 11
Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; thảo luận: 0; kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Sức khỏe - Môi trường & vệ sinh là môn học bắt buột thuộc môn học cơ sở trong chương trình đào tạo cao đẳng chính quy.
- Tính chất: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sức khỏe, môi trường và vệ sinh; các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và biện pháp bảo vệ sức khỏe. Kiến thức về sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe, về hành vi và hành vi sức khỏe. Giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các hoạt động thực hành điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về sức khỏe môi trường, tác động của ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và vệ sinh đối với sức khỏe từ đó thiết lập môi trường an toàn, giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe (CĐR 1,2)
- CĐRMH 2: Trình bày được các kiến thức về quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch, các biện pháp phòng chống dịch và điều tra xử lý một vụ dịch. Nguyên tắc dự phòng tác hại nghề nghiệp và tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học trong thực hành điều dưỡng (CĐR 4).
- CĐRMH 3: Trình bày được kiến thức nâng cao sức khỏe và hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi để vận dụng thay đổi hành vi nhằm nâng cao sức khỏe trong thực hành điều dưỡng (CĐR 4).
- CĐRMH 4: Có khả năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch thay đổi hành vi nhằm nâng cao sức khỏe cho người bệnh (CĐR 3).
- CĐRMH 5: Thể hiện tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Sử dụng công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập (CĐR 8).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về sức khỏe môi trường, ô nhiễm môi trường và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
- Phân tích được tác hại của hóa chất độc, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, chất thải, các yếu tố nghề nghiệp và tác nhân sinh học đối với sức khỏe cộng đồng.
- Mô tả được nguyên tắc vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường học, vệ sinh cơ sở y tế, vệ sinh lao động và các biện pháp phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và bệnh nghề nghiệp.
- Trình bày được các kiến thức về sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe, về hành vi và hành vi sức khỏe.
- Trình bày được quy trình lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh môi trường, xử lý chất thải, cung cấp nước sạch và phòng chống ô nhiễm trong cộng đồng.
- Vận dụng được các biện pháp phòng chống côn trùng truyền bệnh, phòng chống tai nạn thương tích và tham gia bao vây, dập tắt dịch tại cộng đồng.
-Nhận diện được các nguy cơ môi trường và nguy cơ nghề nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe phù hợp.

- Vận dụng được các phương pháp tiếp cận trong hoạt động nâng cao sức khỏe phù hợp với đối tượng.
- Xây dựng được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe đơn giản theo đúng quy trình.
- Thực hiện được kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe cơ bản.
- Làm việc nhóm và phối hợp hiệu quả trong các hoạt động nâng cao sức khỏe.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh và phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng và nơi làm việc.
- Chủ động thực hiện và vận động cộng đồng thực hiện các biện pháp dự phòng bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và nâng cao sức khỏe.
- Có ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Sức khỏe-Môi trường-Vệ sinh	**30**	**28**		**2**
1	Bài 1. Sức khỏe môi trường, đánh giá nguy cơ môi trường	2	2		
2	Bài 2. Những hóa chất độc trong môi trường và những yếu tố ảnh hưởng đến nhiễm độc	2	2		
3	Bài 3. Ô nhiễm không khí trong nhà, ngoài nhà	1	1		
4	Bài 4. Cung cấp nước sạch và ô nhiễm nước	2	2		
5	Bài 5. Xử lý chất thải	2	2		
6	Bài 6. Phòng và diệt các côn trùng truyền bệnh	2	2		
7	Bài 7. Vệ sinh cá nhân	1	1		
8	Bài 8. Vệ sinh trường học	2	2		
9	Bài 9. Vệ sinh bệnh viện, trạm y tế	2	2		
10	Bài 10. Vệ sinh lao động	2	2		
11	Bài 11. Phòng chống tai nạn thương tích	2	2		
12	Bài 12. Phòng dịch, bao vây dập tắt một vụ dịch ở cộng đồng	4	4		
13	Bài 13. Những nguyên tắc dự phòng về tác hại nghề nghiệp, Bệnh nghề nghiệp	2	2		
14	Bài 14. Tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học	2	2		
	Chương 2. Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	**15**	**14**		**1**
1	Bài 1. Giới thiệu về sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	3		
2	Bài 2. Tiếp cận và phát triển năng lực nâng cao sức khỏe	3	3		
3	Bài 3. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	3	3		
4	Bài 4. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	5	5		
	Cộng	**45**	**42**	**0**	**3**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. SỨC KHỎE-MÔI TRƯỜNG-VỆ SINH

Bài 1: Sức khỏe môi trường, đánh giá nguy cơ môi trường Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm, các yếu tố môi trường và mối liên quan giữa môi trường và sức khỏe; đánh giá nguy cơ môi trường;
- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào xác định nguy cơ môi trường;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành bảo vệ môi trường sống.

2. Nội dung

2.1. Sức khỏe môi trường.
2.1.1. Khái niệm về môi trường và sức khỏe.
2.1.2. Các yếu tố tác động đến sức khỏe.
2.1.3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường và sức khỏe.
2.1.4. Các bệnh tật liên quan đến môi trường.
2.1.5. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường.
2.2. Đánh giá nguy cơ môi trường.
2.2.1. Khái niệm yếu tố nguy cơ, nguy cơ.
2.2.2. Đặc điểm của các yếu tố nguy cơ sức khỏe môi trường.
2.3. Lượng giá nguy cơ sức khỏe và khung quản lý nguy cơ.
2.3.1. Lượng giá nguy cơ.
2.3.2. Quản lý nguy cơ.

Bài 2: Những hóa chất độc trong môi trường và những yếu tố ảnh hưởng đến nhiễm độc Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được định nghĩa chất thải độc hại, nguồn gốc, phân loại, đường xâm nhập, hấp thụ, chuyển hóa, đào thải và yếu tố ảnh hưởng tới độc tính của chất thải độc hại;
- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học xác định biện pháp thích hợp để phòng chống chất thải độc hại;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành bảo vệ môi trường sống.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, nguồn gốc, phân loại, xâm nhập, chuyển hóa, đào thải và yếu tố ảnh hưởng tới độc tính của chất thải độc hại.
2.1.1. Định nghĩa về chất thải độc hại.
2.1.2. Nguồn phát sinh của chất thải độc hại.
2.1.3. Các loại chất thải.
2.1.4. Sự xâm nhập của các chất thải độc vào cơ thể.
2.1.5. Sự hấp thụ, chuyển hóa và đào thải của chất thải độc hại.
2.1.6. Những yếu tố ảnh hưởng tới độc tính của chất thải độc.
2.2. Những ảnh hưởng của chất thải độc hại đối với sức khỏe.
2.2.1. Chất độc gây kích thích hoặc gây loét.
2.2.2. Chất độc gây ngạt.
2.2.3. Chất độc gây độc cho các hệ thống hoặc các cơ quan.
2.2.4. Chất độc sinh u bướu, biến dị và độc với thai nhi.
2.3. Các biện pháp phòng chống chất độc hại bảo vệ sức khỏe của nhân dân.
2.3.1. Phòng chống ô nhiễm chất thải độc ở khu dân cư.
2.3.2. Phòng chống ô nhiễm, chất thải độc ở nơi làm việc và khu công nghiệp.

Bài 3: Ô nhiễm không khí trong nhà, ngoài nhà Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm, nguồn gốc, ảnh hưởng của ô nhiễm không khí và những biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí;
- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để phòng chống ô nhiễm không khí;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành bảo vệ môi trường sống.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm cơ bản về không khí và ô nhiễm không khí.
2.1.1. Khí quyển.
2.1.2. Không khí.
2.1.3. Thành phần không khí.
2.1.4. Khái niệm về ô nhiễm không khí.
2.2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí.
2.2.1. Ô nhiễm ngoài nhà.
2.2.2. Ô nhiễm trong nhà.
2.3. Những ảnh hưởng của ô nhiễm không khí ngoài trời.
2.3.1. Ảnh hưởng đến khí quyển.
2.3.2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến khí hậu.
2.3.3. Ảnh hưởng đối với sức khỏe con người.
2.3.4. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến thực bì và phá hủy vật liệu.
2.3.5. Ảnh hưởng của một số hợp chất khí độc hại với con người.
2.4. Những biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí.
2.4.1. Một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí ngoài nhà.
2.4.2. Một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí trong nhà.

Bài 4: Cung cấp nước sạch, ô nhiễm nước Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Trình bày được vai trò quan trọng của nước sạch đối với sức khoẻ con người, tiêu chuẩn cho một nguồn nước sạch.

Trình bày được các hình thức cung cấp nước chủ yếu ở các vùng địa chất;

Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, hậu quả và các biện pháp bảo vệ nguồn nước; bệnh thường gặp do yếu tố sinh học, lý học và hóa học;

- Kỹ năng:

Thực hiện được các biện pháp vệ sinh môi trường, xử lý chất thải, cung cấp nước sạch và phòng chống ô nhiễm trong cộng đồng.

Nhận diện, đánh giá được các nguy cơ môi trường và nguy cơ nghề nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe phù hợp.

Xây dựng được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe giả định theo đúng quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành bảo vệ môi trường sống.

2. Nội dung

2.1. Cung cấp nước sạch.
2.1.1. Vai trò của nước sạch
2.1.2. Tiêu chuẩn một nguồn nước sạch
2.1.3. Các nguồn nước trong thiên nhiên.
2.1.4. Các hình thức cung cấp nước.
2.1.5. Các biện pháp làm sạch nước

2.2. Ô nhiễm nước.
2.2.1. Nguồn gốc của ô nhiễm nước.
2.2.2. Những hậu quả do nguồn nước bị ô nhiễm.
2.2.3. Các biện pháp bảo vệ nguồn nước.
2.2.4. Những bệnh thường gặp do yếu tố sinh học.
2.2.5. Những bệnh thường gặp do yếu tố lý học và hóa học.

Bài 5: Xử lý chất thải Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:
  Nêu được định nghĩa và phân loại chất thải.
  Trình bày được những tác hại của chất thải đối với sức khỏe.
  Nêu được những hình thức xử lí phân người chủ yếu hiện nay ở nước ta.
  Nêu nguyên tắc của hố tiêu hai ngăn hợp vệ sinh.
  Nêu được nguyên tắc của hố tiêu tự hoại.
- Kỹ năng:
  Phân tích ưu nhược điểm của các loại hình nhà tiêu
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  Nhận thức được tầm quan trọng của con người đối với việc cải tạo và bảo vệ môi trường.

2. Nội dung

2.1. Chất thải là gì?
2.2. Phân loại chất thải.
2.2.1. Theo nguồn gốc chất thải.
2.2.2. Theo dạng chất thải.
2.3. Tác động của chất thải đến môi trường và sức khỏe
2.3.1. Chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh
2.3.2. Chất thải là một nguồn chứa các mầm bệnh
2.4. Các biện pháp xử lý chất thải
2.4.1. Vai trò của xử lý chất thải trong làm sạch môi trương và bảo vệ sức khỏe con người.
2.4.2. Các hình thức xử lý chất thải.

Bài 6: Phòng và diệt các côn trùng truyền bệnh Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:
  Nêu được tên những sinh vật và côn trùng là vật trung gian truyền bệnh cho người.
  Trình bày được các tác hại của chuột trong vai trò truyền bệnh cho người.
  Trình bày được các tác hại của ruồi trong vai trò truyền bệnh cho người.
  Trình bày được các tác hại của muỗi trong vai trò truyền bệnh cho người.
- Kỹ năng:
  Đề xuất được các biện pháp đơn giản trong đề phòng và diệt các côn trùng phòng bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  Có ý thức trách nhiệm trong việc phòng các con vật trung gian truyên bệnh tại cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.
2.2. Một số côn trùng và sinh vật truyền bệnh thường gặp
2.2.1. Muỗi.
2.2.2. Ruồi nhà.
2.2.3. Bọ chét.

Bài 7: Vệ sinh cá nhân Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Trình bày được ý nghĩa của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe.

Nêu được nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân.

Trình bày được cách giữ gìn vệ sinh thân thể và các giác quan.

Trình bày được cách giữ gìn vệ sinh trong ăn uống.

- Kỹ năng:

Đề xuất được các biện pháp đảm bảo vệ sinh trong thực tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được tầm quan trọng của vệ sinh đối với sức khỏe con người

2. Nội dung

2.1. Vai trò của vệ sinh cá nhân.

2.2. Nội dung của vệ sinh cá nhân.

2.3. Vệ sinh thân thể và các giác quan.

2.4. Vệ sinh trang phục.

2.5. Vệ sinh ăn uống.

2.6. Vệ sinh trong học tập, lao động, vui chơi giải trí và trong giấc ngủ.

Bài 8: Vệ sinh trường học Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Nêu được các tiêu chuẩn vệ sinh của môi trường trường học và lớp học.

Trình bày được các tiêu chuẩn vệ sinh của các phương tiện học tập (bàn, ghế, bảng...).

- Kỹ năng:

Phân tích được những nguyên nhân và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được tầm quan trọng của vệ sinh trường học đối với sức khỏe học sinh

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Yêu cầu vệ sinh xây dựng trường học.

2.2.1. Địa điểm xây dựng.

2.2.2. Tiêu chuẩn diện tích.

2.2.3. Các công trình vệ sinh trong trường học.

2.3. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học.

2.4. Yêu cầu vệ sinh của bàn, ghế, bảng

2.4.1. Bàn học

2.4.2. Ghế ngồi

2.4.3. Cách sắp xếp bàn, ghế trong phòng học

2.4.4. Bảng viết

2.4.5. Cặp sách

2.5. Bệnh học đường – Nguyên nhân và biện pháp phòng tránh

2.5.1. Định nghĩa

2.5.2. Bệnh cận thị học đường

2.5.3. Bệnh cong vẹo cột sống

Bài 9: Vệ sinh bệnh viện - Trạm y tế Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Kể tên được một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện

Nêu được một số chế độ vệ sinh ở trong bệnh viện

Trình bày được những công tác vệ sinh trong các khoa, phòng ở bệnh viện.

Trình bày tóm tắt đươc công tác khử khuẩn, tiệt khuẩn ở bệnh viện.

- Kỹ năng:

Sơ đồ hóa được kiến trúc và trang thiết bị theo chuẩn quốc gia về trạm y tế xã.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được tầm quan trọng của vệ sinh các cơ sở y tế đối với sức khỏe con người.

2. Nội dung

2.1. Vệ sinh bệnh viện.

2.1.1. Đại cương.

2.1.2. Chế độ vệ sinh ở bệnh viện.

2.1.3. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện.

2.1.4. Quy trình vệ sinh ở các khoa, phòng.

2.1.5. Phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện

2.2. Vệ sinh trạm y tế.

2.2.1. Cơ sở hạ tầng.

2.2.2. Trang thiết bị trong trạm y tế.

2.2.3. Nhân lực.

2.2.4. Y tế thôn bản.

Bài 10: Vệ sinh lao động Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Nêu được vai trò của vệ sinh lao động.

Trình bày tóm tắt được những biến đổi sinh lý trong quá trình lao động.

Trình bày được những yếu tố vi khí hậu trong lao động sản xuất ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân.

Nêu tóm tắt được một số yếu tố trong môi trường lao động sản xuất có ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân (mệt mỏi, ồn, rung chuyển).

Nêu được tên một số bệnh bụi phổi thường gặp.

Trình bày được định nghĩa, mục tiêu và lợi ích của Ecgomoni.

- Kỹ năng:

Đề xuất các biện pháp phòng tác hại của các yếu tố bất lợi trong môi trường lao động

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được tầm quan trọng của vệ sinh lao động đối với sức khỏe con người.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Biến đối sinh lý trong quá trình lao động.

2.3. Mệt mỏi trong lao động.

2.4. Vi khí hậu trong lao động.

2.5. Tiếng ồn trong lao động sản xuất.

2.6. Rung chuyển trong sản xuất.

2.7. Ecgonomi.

2.8. Bụi trong môi trường lao động và một số bệnh bụi phổi.

2.9. Vệ sinh lao động nông nghiệp.

Bài 11: Phòng chống tai nạn thương tích Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Nêu được định nghĩa về tai nạn thương tích.

Trình bày được phân loại tai nạn thương tích.

Nêu được các yếu tố nguy cơ gây ra tai nạn thương tích.

Trình bày được hậu quả của tai nạn thương tích.

- Kỹ năng:

Đề xuất các biện pháp phòng tác hại của các yếu tố có thể gây ra tai nạn thương tích trong môi trường lao động

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức trách nhiệm trong việc truyền thông các vấn đề về phòng chống tai nạn thương tích tại nơi làm việc

2. Nội dung

2.1. Đại cương.

2.2. Định nghĩa.

2.3. Phân loại.

2.3.1. Theo định nghĩa có thể chia làm hai loại.

2.3.2. Theo các tác nhân tác động.

2.4. Các yếu tố nguy cơ

2.4.1. Do khách quan.

2.4.2. Do chủ quan.

2.4.3. Các yếu tố nguy cơ có liên quan đến nghề nghiệp, học tập, lao động, các hoạt động khác ở cộng đồng, gia đình.

2.5. Các tổn thương thường xảy ra trên cơ thể người bị tai nạn.

2.6. Hậu quả của tai nạn thương tích

2.6.1. Hậu quả cho con người.

2.6.2. Hậu quả về kinh tế.

2.7. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn thương tích.

Bài 12: Phòng dịch, bao vây, dập tắt một vụ dịch ở cộng đồng Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

Nêu được định nghĩa của quá trình dịch.

Trình bày được các yếu tố của quá trình dịch.

Trình bày được cơ chế và phân loại bệnh truyền nhiễm.

Trình bày được các biện pháp phòng chống dịch.

Trình bày được cách điều tra một vụ dịch.

- Kỹ năng:

Áp dụng điều tra và xử lý một vụ dịch ở cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được tầm quan trọng của phòng chống dịch bệnh đối với sức khỏe cộng đồng

2. Nội dung

2.1. Quá trình dịch.

2.1.1. Định nghĩa.

2.1.2. Yếu tố liên quan đến quá trình dịch.

2.1.3. Các hình thái và mức độ dịch.

2.2. Nguyên lý phòng chống dịch.

2.2.1. Những yêu cầu cơ bản trong công tác điều tra một bệnh truyền nhiễm.

2.2.2. Biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm.
2.2.3. Biện pháp kiểm soát và thanh toán bệnh truyền nhiễm.
2.2.4. Biện pháp chống dịch chủ yếu.
2.2.5. Điều tra xử lý một vụ dịch ở cộng đồng

Bài 13: Những nguyên tắc dự phòng về tác hại nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm, phân loại, các bước tiến hành khống chế tác hại nghề nghiệp; các biện pháp phòng chống tác hại nghề nghiệp.
- Kỹ năng: Phát hiện được một số tổn thương bệnh lý bệnh nghề nghiệp;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành dự phòng các tác hại nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tác hại nghề nghiệp và nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp.
2.2. Phân loại tác hại nghề nghiệp.
2.2.1. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến quá trình sản xuất.
2.2.2. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tổ chức lao động.
2.2.3. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến điều kiện vệ sinh nơi làm việc.
2.2.4. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tâm sinh lý học.
2.3. Các bước tiến hành khống chế tác hại nghề nghiệp.
2.3.1. Xác định các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động.
2.3.2. Xác định mức độ nguy hiểm của tác hại nghề nghiệp.
2.3.3. Lựa chọn ưu tiên trong việc loại trừ các tác hại nghề nghiệp.
2.3.4. Kiểm tra, xem xét các thiết bị kỹ thuật dự phòng hiện có.
2.3.5. Thiết kế thực thi và duy trì các biệp pháp dự phòng thích hợp.
2.4. Các biện pháp phòng chống các tác hại nghề nghiệp.
2.4.1. Đối với nguồn pháp sinh ra các tác hại nghề nghiệp.
2.4.2. Can thiệp vào sự lan truyền tác hại nghề nghiệp từ người lao động.
2.5. Bệnh nghề nghiệp.
2.5.1. Định nghĩa.
2.5.2. Các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm.
2.5.3. Một số tổn thương bệnh lý nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp thường gặp.
2.5.4. Các biện pháp quản lý sức khỏe người lao động và quản lý bệnh nghề nghiệp.

Bài 14: Tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán và dự phòng các bệnh nghề nghiệp do yếu tố sinh học;
- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để dự phòng tác hại nghề nghiệp do sinh học;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành dự phòng các tác hại nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương.
2.2. Các tác hại nghề nghiệp có nguồn gốc sinh học thường gặp trong sức khỏe nghề nghiệp và ảnh hưởng tới sức khỏe.
2.2.1. Bệnh lao nghề nghiệp.
2.2.2. Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp (A, B, không A không B).
2.2.3. Bệnh leptospira nghề nghiệp.
2.2.4. Bệnh HIV/ AIDS nghề nghiệp.

2.2.5. Nhiễm một số yếu tố sinh học khác.
2.3. Các biện pháp quản lý - giám sát các tác hại nghề nghiệp có nguồn gốc sinh học.
2.3.1. Bệnh lao nghề nghiệp.
2.3.2. Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp.
2.3.3. Bệnh leptospira nghề nghiệp.
2.3.4. Bệnh HIV/AIDS nghề nghiệp.

Chương 2. NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

Bài 15: Giới thiệu về sức khỏe và nâng cao sức khỏe Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, học viên đạt được:

- Kiến thức: Trình bày được các khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe. Nguyên lý và luận điểm của nâng cao sức khỏe. Năm nội dung nâng cao sức khỏe, các nguyên tắc chính của nâng cao sức khỏe.
- Kỹ năng: Nhận định được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, thực hiện lập kế hoạch nâng cao sức khỏe giả định.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe:
2.2. Nâng cao Sức khỏe.
2.2.1. Khái niệm
2.2.2. Nguyên lý và luận điểm của NCSK
2.2.3. Nội dung NCSK
2.2.4. Vấn đề nâng cao sức khỏe của Việt Nam
2.2.5. Các nguyên tắc chính của nâng cao sức khỏe
2.2.6. Một số vấn đề trích trong Chiến lược bảo vệ, chăm sóc và NCSK nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến 2030

Bài 16: Tiếp cận và phát triển năng lực nâng cao sức khỏe Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, học viên đạt được:

- Kiến thức: Mô tả được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe. Trình bày được các hoạt động nâng cao sức khỏe.
- Kỹ năng: So sánh được các năng lực cần thiết trong việc thực hiện nâng cao sức khỏe, phân tích các yếu tố tác động lên sự phát triển của việc NCSK.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Tiếp cận nâng cao sức khỏe
2.1.1. Các cách tiếp cận nâng cao sức khỏe (gồm 5 cách tiếp cận)
2.1.2. Mối liên quan giữa các cách tiếp cận NCSK
2.1.3. Những vấn đề cần lưu ý khi tiếp cận NCSK
2.2. Thực hiện hoạt động NCSK
2.2.1. Các hoạt động NCSK cho người bệnh và người tàn tật
2.2.2. Các hoạt động NCSK cho toàn dân (cộng đồng)

2.2.3. Phạm vi (khuôn khổ) cho các hoạt động nâng cao sức khoẻ
2.3. Phát triển năng lực trong thực hiện chương trình
2.3.1. Năng lực chuyên môn
2.3.2. Năng lực lãnh đạo (quản lý)
2.4. Những khó khăn, cản trở khi làm công tác NCSK

Bài 17: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, học viên đạt được:

- Kiến thức: Trình bày được khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe; các bước của quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.
- Kỹ năng: Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe, nhận biết được tầm quan trọng của khoa học hành vi trong TT- GDSK.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm hành vi và hành vi sức khỏe
2.1.1. Khái niệm hành vi
2.1.2. Khái niệm hành vi sức khỏe
2.2. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe
2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
2.2.2. Phân loại thay đổi hành vi sức khỏe
2.2.3. Các bước của quá trình thay đổi hành vi sức khỏe
2.3. Phân nhóm với việc tiếp nhận kiến thức mới, hành vi mới
2.4. Điều kiện cần thiết cho thay đổi hành vi sức khỏe
2.4.1. Đối tượng phải nhận ra là họ có vấn đề về sức khỏe
2.4.2. Họ quan tâm và mong muốn giải quyết vấn đề
2.4.3. Họ hiểu rõ các hành vi lành mạnh để giải quyết vấn đề sức khỏe của họ
2.4.4. Hành vi lành mạnh có khả năng thực hiện và được chấp nhận
2.4.5. Đối tượng phải được thử nghiệm hành vi lành mạnh
2.4.6. Đối tượng phải đánh giá được lợi ích, hiệu quả của thực hiện hành vi mới
2.4.7. Đối tượng phải chấp nhận duy trì hành vi mới lành mạnh
2.4.8. Hỗ trợ môi trường và đảm bảo nguồn lực cần thiết để đối tượng thay đổi hành vi

Bài 18: Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, học viên đạt được:

- Kiến thức:

Trình bày được khái niệm về nhu cầu sức khỏe, mục đích và các bước của đánh giá nhu cầu.

Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng, các bước và tiêu chuẩn của xây dựng mục tiêu và viết được mục tiêu cho tình huống cụ thể .

Trình bày được yêu cầu, kể tên các dạng chiến lược và xác định nguồn lực để thực hiện chương trình.

- Kỹ năng: Lập được bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK giả định tại cộng đồng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng được thái độ tích cực, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức trong thực hành nghề nghiệp.

2. Nội dung

A. Đánh giá nhu cầu sức khỏe

1. Khái niệm

1.1. Khái niệm nhu cầu sức khỏe
1.2. Khái niệm đánh giá nhu cầu sức khỏe
1.3. Mục đích đánh giá nhu cầu sức khỏe
2. Các dạng nhu cầu
2.1. Nhu cầu chuẩn tắc (normative need
2.2. Nhu cầu được biểu lộ (expressed need)
2.3. Nhu cầu cảm nhận (felt need)
2.4. Nhu cầu so sánh (comparative need)
3. Các bước thực hiện đánh giá nhu cầusức khỏe
3.1. Giai đoạn 1: Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên
3.1.1. Bước 1. Trao đổi và bàn bạc với cộng đồng.
3.1.2. Bước 2. Thu thập số liệu, thông tin
3.1.3. Bước 3. Giới thiệu kết quả thu được
3.1.4. Bước 4. Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên
3.2. Giai đoạn 2: Phân tích vấn đề sức khỏe ưu tiên
3.2.1. Bước 5. Nghiên cứu tổng quan tài liệu.
3.2.2. Bước 6. Mô tả nhóm đối tượng đích .
3.2.3. Bước 7. Phân tích vấn đề sức khỏe.
3.2.4. Bước 8. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng (nguy cơ gián tiếp) đến vấn đề sứckhỏe.
3.2.5. Bước 9. Xem xét lại và tăng cường các nguồn lực cộng đồng
4. Phương pháp thu thập thông tin
4.1. Phương pháp định tính
4.1.1. Quan sát
4.1.2. Phỏng vấn
4.1.3. Thảo luận nhóm trọng tâm
4.2. Phương pháp định lượng

B. Xây dựng mục tiêu

1. Khái niệm về mục đích, mục tiêu
1.1. Mục đích
1.2. Mục tiêu
1.3. Tầm quan trọng của xây dựng mục tiêu
1.4. Các bước viết mục tiêu:
1.4.1. Bước 1. Liệt kê ra các mục tiêu dự định.
1.4.2. Bước 2. Xem xét lại các mục tiêu đã được liệt kê.
1.4.3. Bước 3. Chọn ra các mục tiêu có tính khả thi và điều chỉnh lại nếu cần.
2. Các yêu cầu củamục tiêu (SMART)
2.1. Đặc thù, cụ thể (S-Specific).
2.2. Đo lường được (M-Measurable).
2.3. Có thể đạt được hay khả thi (A-Achievable).
2.4. Thích hợp (R-Relevant).
2.5. Xác định về thời gian (T-Time).

C. Lựa chọn chiến lược/giải pháp thích hợp

1. Khái niệm.
2. Các yêu cầu của chiến lược.
3. Các dạng chiến lược.

D. Phát triển các hoạt động cụ thể theo các giải pháp.

E. Xác định nguồn lực để thực hiện chương trình.

G. Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe.

1. Khái niệm, mục đích của đánh giá chương trình sức khỏe

1.1. Khái niệm

1.2. Mục đích của đánh giá

1.3. Những điểm cần chú ý khi thực hiện đánh giá

2. Các loại hình đánh giá

2.1. Đánh giá quá trình (Process Evaluation)

2.2. Đánh giá tác động (Impact Evaluation)

2.3. Đánh giá kết quả (Outcome Evaluation)

2.4. Đánh giá chi phí - hiệu quả (Cost-Effectiveness Evaluation)

3. Phương pháp đánh giá

3.1. Phương pháp định tính

3.2.Phương pháp định lượng

4. Các bước thực hiện đánh giá chương trình NCSK

4.1. Khái niệm nhu cầu sức khỏe

4.2. Khái niệm đánh giá nhu cầu sức khỏe

4.3. Mục đích đánh giá nhu cầu sức khỏe

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, internet.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.

4. Các điều kiện khác: bút trình chiếu, micro, loa.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ. Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

Kiến thức về sức khỏe môi trường, hóa chất độc trong môi trường, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, vệ sinh môi trường, lao động, cá nhân, trường học, bệnh viện; phòng dịch bao vây dập tắt một vụ dịch, phòng chống tai nạn thương tích

Kiến thức cơ bản về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khoẻ và biện pháp phòng chống.

Kiến thức về hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi; nội dung lập kế hoạch nâng cao sức khỏe.

- Kỹ năng:

Vận dụng những kiến thức về sức khỏe môi trường vào việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành các bài tập tình huống về lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được trách nhiệm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp, trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học theo quy định.

+ Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài trắc nghiệm
- Kiểm tra định kỳ: 02 bài (01 bài hình thức trắc nghiệm, 01 bài lập kế hoạch)
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi viết trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Sức khỏe-Môi trường-Vệ sinh-Nâng cao sức khỏe và hành vi con người được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề y của trường Cao đẳng y tế Hải Phòng ngành Điều dưỡng, trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học
- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các nội dung thảo luận, luyện tập tình huống xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho người bệnh, biện pháp bảo vệ môi trường không khí, đất và nước, phòng chống tác hại nghề nghiệp với cán bộ y tế nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Nội dung sức khỏe môi trường vệ sinh ở Việt Nam và các biện pháp bảo vệ môi trường, tác hại nghề nghiệp sinh học. Hành vi sức khỏe và thay đổi hành vi, lập kế hoạch nâng cao sức khỏe.

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. Bộ Y tế (2019), Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2018). Vệ sinh môi trường dịch tễ, tập I, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2018). Tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

Tên môn học: Điều dưỡng cơ sở 1
Mã môn học: MH 12
Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 55 giờ; Kiểm tra: 7 giờ (3LT/4TH)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Điều dưỡng cơ sở 1 là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ I năm thứ nhất đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Môn học điều dưỡng cơ sở 1 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học điều dưỡng, nguyên lý và quy trình điều dưỡng, an toàn cho người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, giao tiếp trong chăm sóc và các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Đồng thời, môn học hình thành cho người học kỹ năng thực hành nghề nghiệp, tác phong làm việc khoa học, thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ý thức tuân thủ quy định chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh. Môn học có tính tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, làm cơ sở để người học vận dụng kiến thức, kỹ năng trong các học phần chuyên ngành và thực hành lâm sàng, góp phần hình thành năng lực hành nghề của người điều dưỡng theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

- **CĐRMH 1:** Trình bày được tầm quan trọng, mục đích, chỉ định, chống chỉ định, áp dụng và không áp dụng khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng trong các tình huống dạy học cụ thể. (CĐR 2, 3, 4).
- **CĐRMH 2:** Vận dụng được các kiến thức giải phẫu, sinh lý, điều dưỡng cơ sở để nhận định tình trạng sức khỏe, xác định nhu cầu chăm sóc của người bệnh (CĐR2)
- **CĐRMH 3**: Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể, sử dụng được các trang thiết bị y tế để ứng dụng vào thực hiện các kỹ thuật tại phòng thực hành (CĐR 6).
- **CĐRMH 4:** Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình kỹ thuật trên mô hình hoặc người đóng thế tại phòng thực hành, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh (CĐR 2, 3, 4, 6).
- **CĐRMH 5:** Phát hiện được các tai biến có thể xảy ra để dự phòng, phát hiện và xử trí các tai biến khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng trong các tình huống dạy học cụ thể (CĐR 2, 3, 4, 6).
- **CĐRMH 6:** Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, thể hiện thái độ ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành (CĐR 5).
- **CĐRMH 7:** Thực hiện được các nguyên tắc quản lý hồ sơ bệnh án, dụng cụ, trang thiết bị và môi trường chăm sóc trong phạm vi điều dưỡng cơ sở nhằm bảo đảm chất lượng và an toàn người bệnh (CĐR 6)
- **CĐRMH 8:** Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Sử dụng được công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Quản lý tốt thời gian và tự tin phát biểu trong môi trường học tập. Tự tin khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và sơ cấp cứu. Tự đánh giá mức độ thực hiện kỹ thuật của bản thân. Thể hiện được tính cẩn thận, ngăn nắp, trung thực khi tiến hành kỹ thuật. (CĐR 8,9).

Để đạt được chuẩn đầu ra trên cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản của nghề Điều dưỡng, sự phát triển của ngành, khoa học cơ bản của điều dưỡng và những vấn đề cần đáp ứng nhu cầu cơ bản của người bệnh.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.
- Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh, người nhà người bệnh và với đồng nghiệp.
- Rèn luyện được kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Phát huy tính tích cực tự học, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và vận dụng được kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.
- Hình thành được tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Những vấn đề cơ bản của nghề điều dưỡng				
1	Bài 1. Lịch sử ngành điều dưỡng	1	1	0	
2	Bài 2. Xu hướng phát triển ngành điều dưỡng Việt Nam	1	1	0	
3	Bài 3. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng	1	1	0	
4	Bài 4. Y đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng	1	1	0	
5	Bài 5. Chuẩn năng lực cơ bản cao đẳng điều dưỡng Việt Nam	2	2	0	
	Chương 2. Phát triển thực hành điều dưỡng				
6	Bài 6. Thăm khám thể chất	6	2	4	
7	Bài 7. Qui trình điều dưỡng	12	4	8	
8	Bài 8. Hồ sơ người bệnh	1	1	0	
9	Bài 9. Tiếp nhận người bệnh vào viện - chuyển viện - ra viện	1	1	0	
	Chương 3. Khoa học cơ bản của điều dưỡng				
10	Bài 10. Kỹ thuật đo nhiệt độ	1,5	0,5	1,0	
11	Bài 11. Kỹ thuật đếm mạch	1	0,5	0,5	
12	Bài 12. Kỹ thuật đếm nhịp thở	1	0,5	0,5	
13	Bài 13. Kỹ thuật đo huyết áp động mạch	2,5	0,5	2,0	
14	Bài 14. Kỹ thuật cài đặt và theo dõi người bệnh bằng máy Monitor	1	0	1	
	Chương 4. Nhu cầu cơ bản của người bệnh				
15	Bài 15. Nhu cầu cơ bản của con người	1	1	0	

16	Bài 16. Chuẩn bị giường bệnh và thay vải trải giường	5	1	4	
17	Bài 17. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường	1	1	0	
	Chương 5. Điều trị - Điều dưỡng				
18	Bài 18. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc	3	1	2	
19	Bài 19. Tiêm an toàn	1	1	0	
20	Bài 20. Kỹ thuật tiêm trong da	2,5	0,5	2,0	
21	Bài 21. Kỹ thuật test lẩy da	2,5	0,5	2,0	
22	Bài 22. Kỹ thuật tiêm dưới da	5	1	4	
23	Bài 23. Kỹ thuật tiêm bắp	5	1	4	
24	Bài 24. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	9	1	8	
25	Bài 25. Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch	9	1	8	
26	Bài 26. Kỹ thuật truyền máu	1	1	0	
27	Bài 27. Dinh dưỡng trong điều trị	0,5	0,5	0	
28	Bài 28. Kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông	4,5	0,5	4	
	Kiểm tra	7	3	4	7
	Tổng	90	31	59	

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản của nghề điều dưỡng

Bài 1: Lịch sử ngành điều dưỡng Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển ngành điều dưỡng thế giới và Việt Nam.
- Nhận thức được vai trò của ngành điều dưỡng trong hệ thống y tế và trách nhiệm của người điều dưỡng trong xây dựng phát triển ngành điều dưỡng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của xã hội.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao ý thức trách nhiệm trong xây dựng phát triển ngành điều dưỡng.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Sơ lược lịch sử phát triển ngành điều dưỡng thế giới

2.2. Sơ lược lịch sử phát triển ngành điều dưỡng Việt Nam

2.2.1. Giai đoạn trước năm 1954

2.2.2. Giai đoạn 1954 - 1975

2.2.3. Giai đoạn từ 1975 đến nay

Bài 2: Xu hướng phát triển ngành điều dưỡng Việt Nam Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được hướng đi mới của điều dưỡng quốc tế và những quan điểm chung về dịch vụ điều dưỡng của các nước trong khu vực.
- Trình bày được những thuận lợi, thách thức và mục tiêu phát triển của điều dưỡng Việt Nam.
- Lập được kế hoạch học tập cho bản thân để nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp đáp ứng mục tiêu phát triển điều dưỡng Việt Nam.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp đáp ứng mục tiêu phát triển điều dưỡng Việt Nam.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Hướng đi mới của điều dưỡng quốc tế

2.1.1. Có sự thay đổi về nhu cầu chăm sóc sức khỏe người bệnh

2.1.2. Mở rộng kỹ thuật cao
2.1.3. Tăng cường tính tự chủ
2.2. Quan điểm chung của điều dưỡng các nước trong khu vực về dịch vụ điều dưỡng
2.3. Đặc điểm hiện tại của điều dưỡng Việt Nam
2.3.1. Những thuận lợi
2.3.2. Những thách thức
2.4. Mục tiêu phát triển điều dưỡng Việt Nam

Bài 3: Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người điều dưỡng Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các định nghĩa và định hướng nghề điều dưỡng.
- Trình bày được vai trò, chức năng và nhiệm vụ của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
- Vận dụng được kiến thức đã học để nâng cao vai trò, chức năng và nhiệm vụ chuyên môn của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao vai trò, chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Điều dưỡng và nghề điều dưỡng
2.1.1. Định nghĩa nghề điều dưỡng
2.1.2. Định hướng nghề điều dưỡng
2.2. Vai trò của người điều dưỡng
2.2.1. Người chăm sóc
2.2.2. Người truyền đạt thông tin
2.2.3. Người giáo dục
2.2.4. Người tư vấn
2.2.5. Người biện hộ cho người bệnh
2.2.6. Người lãnh đạo
2.2.7. Người nghiên cứu
2.3. Chức năng của người điều dưỡng
2.3.1. Chức năng chủ động (chức năng độc lập)
2.3.2. Chức năng phụ thuộc
2.3.3. Chức năng phối hợp
2.4. Nhiệm vụ của người điều dưỡng
2.4.1. Tiếp nhận và nhận định người bệnh
2.4.2. Xác định và thực hiện các can thiệp chăm sóc điều dưỡng
2.4.3. Đánh giá kết quả thực hiện các can thiệp chăm sóc điều dưỡng

Bài 4: Y đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được khái niệm, vị trí và tầm quan trọng của y đức.
- Trình bày được 12 điều y đức.
- Trình bày được các phẩm chất cá nhân và nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng.
- Ứng dụng được những quy định về y đức và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc người bệnh.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học, thực hiện tốt 12 điều y đức và các chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Khái niệm
2.2. Vị trí và tầm quan trọng của y đức
2.3. Những quy định về y đức
2.4. Các phẩm chất cá nhân của người điều dưỡng
2.4.1. Bảo đảm an toàn cho người bệnh
2.4.2. Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh
2.4.3. Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh
2.4.4. Trung thực trong khi hành nghề
2.4.5. Duy trì và nâng cao năng lực hành nghề
2.4.6. Tự tôn nghề nghiệp
2.4.7. Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp
2.4.8. Cam kết với cộng đồng và xã hội
2.5. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng
2.5.1. Người điều dưỡng với người bệnh
2.5.2. Người điều dưỡng với đồng nghiệp
2.5.3. Người điều dưỡng với phát triển nghề nghiệp

Bài 5: Chuẩn năng lực cơ bản cao đẳng điều dưỡng Việt Nam Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được sự cần thiết và các nội dung chính của chuẩn năng lực cơ bản cao đẳng điều dưỡng Việt Nam.
- Vận dụng được kiến thức đã học để nâng cao năng lực năng lực cơ bản cao đẳng điều dưỡng Việt Nam
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kỹ năng năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Sự cần thiết xây dựng chuẩn năng lực điều dưỡng
2.1.1. Đối với cơ sở đào tạo
2.1.2. Đối với cơ sở sử dụng nhân lực điều dưỡng
2.1.3. Đối với các cơ quan quản lý điều dưỡng
2.2. Chuẩn năng lực cơ bản cao đẳng điều dưỡng Việt Nam
2.2.1. Lĩnh vực 1: Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp
2.2.2. Lĩnh vực 2: Thực hành chăm sóc chuyên nghiệp
2.2.3. Lĩnh vực 3: Quản lý và lãnh đạo
2.2.4. Lĩnh vực 4: Đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng
2.2.5. Lĩnh vực 5: Phát triển cá nhân và nghề nghiệp

Chương2. Phát triển thực hành điều dưỡng

Bài 6: Thăm khám thể chất Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên tắc khi thăm khám thể chất và quy trình thăm khám thể chất trẻ em và người lớn.
- Thực hiện được kỹ thuật thăm khám thể chất trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.

- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Khái niệm
2.2. Nguyên tắc khi thăm khám thể chất
2.3. Quy trình thăm khám thể chất trẻ em
2.3.1. Kỹ năng phỏng vấn tiền sử trẻ bệnh
2.3.2. Kỹ năng thu thập thông tin về bệnh sử của trẻ
2.3.3. Thăm khám thực thể
2.4. Quy trình thăm khám thể chất người lớn
2.4.1. Nhận định về thể chất
2.4.2. Kỹ thuật khai thác bệnh sử
2.4.3. Kỹ thuật khai thác tiền sử
2.4.4. Quy trình khám

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thăm khám thể chất
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 7: Quy trình điều dưỡng Thời gian: 12,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Nêu được định nghĩa, mục đích và nội dung 5 bước của quy trình điều dưỡng.
- Ứng dụng được quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức ứng dụng kiến thức vào thực hành điều dưỡng.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Mục đích
2.3. Nội dung quy trình điều dưỡng
2.3.1. Nhận định (Asessment)
2.3.2. Chẩn đoán điều dưỡng (Nursing diagnosis)
2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc (Planning)
2.3.4. Thực hiện chăm sóc (Implementation)
2.3.5. Lượng giá sau chăm sóc (Evaluation)

Thực hành: Thời gian: 8,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh giả định, mẫu kế hoạch chăm sóc
2.2. Trình tự bài lập kế hoạch chăm sóc
2.2. Thao tác mẫu: hướng dẫn làm bài kế hoạch chăm sóc
2.3. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.4. Phân công vị trí luyện tập

Bài 8: Hồ sơ người bệnh Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh.

- Trình bày được những quy định về sắp xếp, lập hồ sơ và bảo quản hồ sơ người bệnh.
- Vận dụng kiến thức đã học để lập và bảo quản hồ sơ người bệnh.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, tuân thủ quy trình khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh
2.2. Lập hồ sơ người bệnh
2.2.1. Các giấy tờ chính thuộc hồ sơ người bệnh
2.2.2. Quy định về sắp xếp hồ sơ người bệnh
2.2.3. Quy định về lập hồ sơ người bệnh
2.3. Bảo quản hồ sơ người bệnh
2.3.1. Quy định chung
2.3.2. Quy định cụ thể

Bài 9: Tiếp nhận người bệnh vào viện - chuyển viện - ra viện Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng trong việc tiếp nhận người bệnh vào viện, chuyển viện và ra viện.
- Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện, chuyển khoa, chuyển viện và ra viện.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng tiếp nhận người bệnh vào viện, chuyển khoa, chuyển viện và ra viện.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Tầm quan trọng
2.2. Quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện
2.2.1. Quy trình tiếp đón người bệnh tại phòng khám
2.2.2. Quy trình tiếp nhận người bệnh tại khoa điều trị
2.3. Quy trình chuyển khoa, chuyển viện
2.3.1. Quy trình chuyển khoa
2.3.2. Quy trình chuyển viện
2.4. Quy trình ra viện
2.4.1. Chuẩn bị người bệnh
2.4.2. Thủ tục cần thiết khi người bệnh ra viện

Chương 3: Khoa học cơ bản của điều dưỡng

Bài 10: Kỹ thuật đo nhiệt độ Thời gian: 1,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa và nguyên tắc chung khi đo nhiệt độ.
- Trình bày được nguyên nhân và phân loại sốt.
- Thực hiện được kỹ thuật đo nhiệt độ trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, trung thực, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Định nghĩa

2.2. Nhiệt độ bất thường
2.2.1. Tăng thân nhiệt
2.2.2. Hạ thân nhiệt
2.3. Những yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến thân nhiệt
2.4. Nguyên tắc chung khi đo nhiệt độ
Thực hành: Thời gian: 1,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật đo nhiệt độ
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 11: Kỹ thuật đếm mạch Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa mạch và những yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến tần số mạch.
- Trình bày được nguyên tắc khi đếm mạch.
- Thực hiện được kỹ thuật đếm mạch trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, trung thực, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ
2.1. Định nghĩa
2.2. Mạch bất thường
2.3. Những yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến tần số mạch
2.4. Nguyên tắc chung khi đếm mạch
2.5. Vị trí đếm mạch
Thực hành: Thời gian: 0,5 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật đếm mạch
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 12: Kỹ thuật đếm nhịp thở Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa nhịp thở và những yếu tố ảnh hưởng đến tần số thở.
- Trình bày được nguyên tắc khi đếm nhịp thở.
- Thực hiện được kỹ thuật đếm nhịp thở trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, trung thực, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ
2.1. Định nghĩa
2.2. Những yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến tần số thở
2.3. Nhịp thở bất thường
2.4. Nguyên tắc khi đếm nhịp thở

Thực hành: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật đếm nhịp thở
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 13: Kỹ thuật đo huyết áp động mạch Thời gian: 2,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa và những yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp động mạch.
- Trình bày được nguyên tắc khi đo huyết áp động mạch.
- Thực hiện được kỹ thuật đo huyết áp động mạch trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, trung thực, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Huyết áp bình thường và bất thường
2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp
2.4. Nguyên tắc khi đo huyết áp động mạch

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật đo huyết áp động mạch
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 14: Kỹ thuật cài đặt và theo dõi người bệnh bằng máy Monitor Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được mục đích, chỉ định và cách bảo quản máy monitor.
- Thực hiện được kỹ thuật cài đặt và theo dõi bằng máy monitor trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, trung thực, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Thực hành: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật cài đặt và theo dõi bằng máy monitor
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Chương 4: Nhu cầu cơ bản của người bệnh

Bài 15: Nhu cầu cơ bản của con người Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow.
- Giải thích được sự liên quan giữa nhu cầu cơ bản và nguyên tắc điều dưỡng.

- Nêu được 14 nội dung chăm sóc đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người bệnh.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người bệnh.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Khái niệm
2.2. Nhu cầu cơ bản của con người
2.2.1. Nhu cầu về thể chất và sinh lý
2.2.2. Nhu cầu an toàn và được bảo vệ
2.2.3. Nhu cầu về tình cảm và quan hệ (nhu cầu về sự giao tiếp)
2.2.4. Nhu cầu được tôn trọng
2.2.5. Nhu cầu tự hoàn thiện (tự khẳng định)
2.3. Mối liên quan giữa nhu cầu và nguyên tắc điều dưỡng
2.4. Nhu cầu cơ bản của người bệnh và chăm sóc

Bài 16: Chuẩn bị giường bệnh và thay vải trải giường Thời gian: 5,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng của việc chuẩn bị giường bệnh.
- Kể được các phương tiện cần thiết cho việc chuẩn bị giường bệnh.
- Trình bày được mục đích, chú ý khi thay vải trải giường có người bệnh.
- Thực hiện được kỹ thuật trải giường nội khoa, kỹ thuật trải giường ngoại khoa và kỹ thuật thay vải trải giường có người bệnh đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, gọn gàng và đảm bảo an toàn cho người bệnh khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Tầm quan trọng của việc chuẩn bị giường bệnh
2.2. Các phương tiện cần thiết cho việc chuẩn bị giường bệnh
2.2.1. Các loại giường bệnh
2.2.2. Các phương tiện cần thiết để trải giường
2.3. Nguyên tắc khi chuẩn bị phương tiện và trải giường
2.3.1. Nguyên tắc chung
2.3.2. Đảm bảo vệ sinh
2.3.3. Đảm bảo kỹ thuật
2.4. Trải giường đợi người bệnh
2.4.1. Trải giường kín
2.4.2. Trải giường mở
2.5. Thay vải trải giường có người bệnh nằm

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

Kỹ thuật trải giường đón người bệnh:
2.1. Chuẩn bị người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật trải giường đón người bệnh
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật thay vải trải giường có người bệnh:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thay vải trải giường có người bệnh
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 17: Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định và kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
- Vận dụng được kiến thức đã học để đặt người bệnh theo các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Tư thế nằm ngửa thẳng
2.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên
2.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao
2.4. Tư thế nửa nằm - nửa ngồi (Fowler)
2.5. Tư thế nằm sấp
2.6. Tư thế nằm nghiêng sang bên phải hoặc bên trái
2.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lồng ngực

Chương 5: Điều trị - Điều dưỡng

Bài 18: Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định cho người bệnh uống thuốc.
- Trình bày được những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh uống thuốc.
- Thực hiện được kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Chỉ định
2.2. Chống chỉ định
2.3. Những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh uống thuốc

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 19: Tiêm an toàn Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được khái niệm tiêm an toàn và tác hại của tiêm không an toàn.

- Trình bày được các giải pháp tăng cường thực hiện tiêm an toàn.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành tiêm an toàn
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Khái niệm tiêm an toàn
2.2. Tác hại của tiêm không an toàn
2.3. Các giải pháp tăng cường thực hiện tiêm an toàn
2.3.1. Giảm hoặc loại bỏ các mũi tiêm không cần thiết
2.23.2. Bảo đảm đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, thuốc cho kỹ thuật tiêm
2.3.3. Tiêm phòng vắc xin viêm gan B cho nhân viên y tế và thiết lập, thực hiện hệ thống báo cáo các trường hợp phơi nhiễm nghề nghiệp
2.3.4. Tăng cường kiến thức về tiêm an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn
2.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát
2.3.6. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm
2.4. Tiêu chuẩn mũi tiêm an toàn

Bài 20: Kỹ thuật tiêm trong da Thời gian: 2,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ, chỉ định và các tai biến của tiêm trong da.
- Thực hiện được kỹ thuật tiêm trong da trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Vị trí tiêm
2.3. Góc độ tiêm
2.4. Chỉ định
2.5. Tai biến tiêm trong da

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật tiêm trong da
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 21: Kỹ thuật test lẩy da Thời gian: 2,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và cách đọc kết quả của test lẩy da.
- Thực hiện được kỹ thuật test lẩy da trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Vị trí tiêm
2.3. Góc độ lẩy da
2.4. Chỉ định
2.5. Chống chỉ định
2.6. Tai biến của test lẩy da

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật test lẩy da
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 22: Kỹ thuật tiêm dưới da Thời gian: 5,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ, chỉ định, chống chỉ định và các tai biến của tiêm dưới da.
- Thực hiện được kỹ thuật tiêm dưới da trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Vị trí tiêm
2.3. Góc độ tiêm
2.4. Chỉ định
2.5. Chống chỉ định
2.6. Tai biến tiêm dưới da

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật tiêm dưới da
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 23: Kỹ thuật tiêm bắp Thời gian: 5,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ, chỉ định, chống chỉ định và các tai biến của tiêm bắp.
- Thực hiện được kỹ thuật tiêm bắp trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa

2.2. Vị trí tiêm
2.2.1. Vùng cánh tay
2.2.2. Vùng đùi
2.2.3. Vùng mông
2.3. Góc độ tiêm
2.4. Chỉ định
2.5. Chống chỉ định
2.6. Tai biến tiêm bắp
Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật tiêm bắp
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 24: Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch Thời gian: 9,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ, chỉ định, chống chỉ định và các tai biến của tiêm tĩnh mạch.
- Thực hiện được kỹ thuật tiêm tĩnh mạch, tiêm tĩnh mạch bằng bơm tiêm điện trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ
2.1. Định nghĩa
2.2. Vị trí tiêm
2.3. Góc độ tiêm
2.4. Chỉ định
2.5. Chống chỉ định
2.6. Tai biến tiêm tĩnh mạch
Thực hành: Thời gian: 8,0 giờ
Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch: Thời gian: 4,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch bằng bơm tiêm điện: Thời gian: 4,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật tiêm tĩnh mạch bằng bơm tiêm điện
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 25: Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch Thời gian: 9,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định, tai biến của truyền dung dịch đường tĩnh mạch.
- Thực hiện được kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch, truyền dung dịch đường tĩnh mạch bằng máy truyền dịch trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Chỉ định
2.3. Chống chỉ định
2.4. Các loại dung dịch thường dùng
2.5. Vùng truyền
2.6. Cách tính thời gian chảy của dịch truyền
2.7. Tai biến có thể xảy ra khi truyền dịch
2.8. Một số điểm cần lưu ý khi truyền dịch đường tĩnh mạch

Thực hành: Thời gian: 8,0 giờ

Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch bằng máy: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch bằng máy
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 26: Kỹ thuật truyền máu Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định của truyền máu.
- Trình bày được nguyên tắc, các tai biến khi truyền máu và xử trí.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành kỹ thuật truyền máu trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Đại cương
2.2. Chỉ định
2.3. Nguyên tắc truyền máu
2.4. Các tai biến xảy ra trong khi đang truyền máu và xử trí
2.4.1. Phản ứng tan máu cấp tính do truyền máu không phù hợp hệ ABO

2.4.2. Phản ứng sốt sau truyền máu không do tan máu
2.4.3. Phản ứng dị ứng do truyền máu
2.4.4. Nhiễm khuẩn huyết do túi máu bị nhiễm khuẩn
2.4.5. Phù phổi cấp do truyền máu
2.5. Những điểm cần lưu ý khi truyền máu

Bài 27: Dinh dưỡng trong điều trị Thời gian: 0,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng, mục đích và nguyên tắc dinh dưỡng trong điều trị.
- Trình bày được vai trò của điều dưỡng trong việc nuôi dưỡng người bệnh.
- Vận dụng được kiến thức đã học xây dựng thực đơn, tư vấn dinh dưỡng, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch dinh dưỡng cho người bệnh.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng trong điều trị
2.2. Mục đích và nguyên tắc của dinh dưỡng trong điều trị
2.2.1. Mục đích
2.2.2. Nguyên tắc
2.3. Vai trò của điều dưỡng trong việc nuôi dưỡng người bệnh

Bài 28: Kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông Thời gian: 4,5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được mục đích, chỉ định và những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh ăn bằng ống thông dạ dày.
- Thực hiện được kỹ thuật cho ăn bằng ống thông trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 0,5 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Chỉ định
2.3. Những điểm cần lưu ý

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kiểm tra:

Lý thuyết: Thời gian: 3,0 giờ
Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp; mô hình, phương tiện, dụng cụ thực hành; bảng kiểm quy trình điều dưỡng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra tự luận. Sinh viên phải trình bày được:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản của nghề Điều dưỡng, sự phát triển của ngành, khoa học cơ bản của điều dưỡng và những vấn đề cần đáp ứng nhu cầu cơ bản của người bệnh.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua việc thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

+ Hình thành tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra 03 bài:
- 01 bài kiểm tra thường xuyên: Trắc nghiệm
- 02 bài kiểm tra định kỳ: Trắc nghiệm, thực hành.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành – Vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học đào tạo được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học :

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của người học.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần làm thao tác mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được các bước của quy trình kỹ thuật, phân tích các lỗi sai hỏng thường gặp khi thực hiện kỹ thuật, đồng thời quan sát sinh viên thực hiện các thao tác, kịp thời uốn nắn các sai sót để sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đạt Anh (2015), *Điều dưỡng hồi sức cấp cứu*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.
2. Nguyễn Quốc Anh, Mai Trọng Khoa (2016), *Một số kỹ thuật thực hành chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa,* Nhà xuất bản Y học.
3. Lê Thị Bình (2018), *Điều dưỡng cơ bản I – II*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.
4. Lê Thị Bình, Trần Thuý Hạnh (2017), *Điều dưỡng cơ bản và nâng cao*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
5. Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận (2016), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập I – II*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.
6. Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên (2015), *Điều dưỡng cơ sở 1- 2*, Nhà xuất bản Y học.
7. Trường Đại học Y Hà Nội (2016), *Bài giảng kỹ năng y khoa,* Nhà xuất bản Y học.
8. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2017), *Giáo trình Điều dưỡng cơ sở 1- 2*.
9. Bộ Y tế (2012), Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 Hướng dẫn tiêm an toàn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
10. Bộ Y tế (2017), Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 Hướng dẫn thực hành vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
11. Bộ Y tế (2017), Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.
12. Bộ Y tế (2018), Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 Quy định hồ sơ bệnh án điện tử.
13. Bộ Y tế (2021), Thông tư 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.
14. Bộ Y tế (2021), Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
15. Bộ Y tế (2022), Quyết định 3474/QĐ/BYT ngày 28/12/2022 Quyết định về việc phê duyệt tài liệu "Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân điều dưỡng Việt Nam".
16. Bộ Y tế (2023), Thông tư 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
17. Bộ Y tế (2025), Thông tư 13/2025/TT-BYT ngày 06/6/2025 Hướng dẫn triển khai hồ sơ bệnh án điện tử
18. Bộ Y tế (2025), Thông tư 33/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành y tế
19. Bộ Tài nguyên và môi trường (2025), Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của bộ trưởng bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2

Tên môn học: Điều dưỡng cơ sở 2
Mã môn học: MH 13
Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 55 giờ; Kiểm tra: 3 giờ lý thuyết, 4 giờ thực hành)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ II năm thứ nhất đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nguyên tắc, quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trong chăm sóc người bệnh; kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu trong các tình huống cấp cứu thường gặp, góp phần hình thành năng lực hành nghề của người điều dưỡng theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Trình bày được tầm quan trọng,mục đích, chỉ định, áp dụng và không áp dụng khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng, kỹ thuật sơ cấp cứu trong các tình huống dạy học cụ thể. (CĐR 2, 3, 4).

CĐRMH 2: Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể, sử dụng được các trang thiết bị y tế để ứng dụng vào thực hiện các kỹ thuật tại phòng thực hành (CĐR 6).

CĐRMH 3: Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng và các kỹ thuật sơ cấp cứu đúng quy trình kỹ thuật trên mô hình hoặc người đóng thế tại phòng thực hành, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh (CĐR 2, 3, 4, 6).

CĐRMH 4: Phát hiện được các tai biến có thể xảy ra để dự phòng, phát hiện và xử trí các tai biến khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng; xử trí được các tình huống cấp cứu trong các tình huống dạy học cụ thể (CĐR 2, 3, 4, 6).

CĐRMH 5: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, thể hiện thái độ ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành (CĐR 5).

CĐRMH 6: Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Sử dụng được công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Quản lý tốt thời gian và tự tin phát biểu trong môi trường học tập. Tự tin khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng và sơ cấp cứu. Tự đánh giá mức độ thực hiện kỹ thuật của bản thân. Thể hiện được tính cẩn thận, ngăn nắp, trung thực khi tiến hành kỹ thuật. (CĐR 8,9).

Để đạt được chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức về nhu cầu cơ bản của người bệnh; các kỹ thuật điều dưỡng tiêu hóa, bài tiết; điều dưỡng vết thương, băng bó; điều dưỡng điều trị, điều dưỡng và điều dưỡng cấp cứu ban đầu trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật và sử dụng được các trang thiết bị y tế tại phòng thực hành.
- Dự phòng, phát hiện, xử trí được các tai biến, biến chứng có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật.
- Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh, người nhà người bệnh và với đồng nghiệp.

- Rèn luyện được kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Phát huy tính tích cực tự học, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và vận dụng được kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.
- Hình thành được tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Điều dưỡng Tiêu hóa – Bài tiết				
1	Bài 1. Kỹ thuật hút dịch dạ dày	5	1	4	
2	Bài 2. Kỹ thuật rửa dạ dày	3	1	2	
3	Bài 3. Kỹ thuật thụt tháo, thụt giữ	3	1	2	
4	Bài 4. Kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang	5	1	4	
5	Bài 5. Đo lượng dịch vào và ra khỏi cơ thể	1	1	0	
	Chương 2. Điều dưỡng vết thương và băng bó				
6	Bài 6. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương, cắt chỉ	6	2	4	
7	Bài 7. Kỹ thuật băng	6	2	4	
	Chương 3. Nhu cầu cơ bản của người bệnh				
8	Bài 8. Kỹ thuật chăm sóc và vệ sinh cho người bệnh	5	1	4	
9	Bài 9. Dự phòng và chăm sóc loét ép	1	1	0	
10	Bài 10: Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong	1	1	0	
11	Bài 11. Kỹ thuật vận chuyển người bệnh	3	1	2	
	Chương 4. Điều trị - Điều dưỡng				
12	Bài 12. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	6	2	4	
13	Bài 13. Kỹ thuật ghi điện tâm đồ	2	0	2	
14	Bài 14. Kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh	3	1	2	
15	Bài 15. Kỹ thuật cho người bệnh thở oxy	4	2	2	
16	Bài 16. Kỹ thuật hút đờm	3	1	2	
17	Bài 17. Kỹ thuật khí dung	1	0	1	
18	Bài 18. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng phổi	5	1	4	
19	Bài 19. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng bụng	3	1	2	
20	Bài 20. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch não tuỷ	3	1	2	
	Chương 5. Điều dưỡng cấp cứu ban đầu				
21	Bài 21. Kỹ thuật sơ cứu vết thương mạch máu	4	2	2	
22	Bài 22. Kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn	4	2	2	
23	Bài 23. Kỹ thuật sơ cứu gãy xương	6	2	4	

	Kiểm tra	7	3	4	
	Cộng	90	31	59	

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Điều dưỡng Tiêu hóa – Bài tiết

Bài 1: Kỹ thuật hút dịch dạ dày Thời gian: 5,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, mục đích, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và những điểm cần lưu ý khi hút dịch dạ dày.
- Thực hiện được kỹ thuật hút dịch dạ dày trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Mục đích
2.2.1. Chẩn đoán bệnh
2.2.2. Điều trị
2.3. Chỉ định
2.4. Chống chỉ định
2.5. Các phương pháp hút dịch dạ dày
2.6. Tai biến
2.7. Những điểm cần lưu ý khi hút dịch dạ dày

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật hút dịch dạ dày
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 2: Kỹ thuật rửa dạ dày Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và những điểm cần lưu ý khi rửa dạ dày.
- Thực hiện được kỹ thuật rửa dạ dày trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Chỉ định
2.3. Chống chỉ định
2.4. Tai biến.
2.5. Những điểm cần lưu ý khi rửa dạ dày

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật rửa dạ dày
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 3: Kỹ thuật thụt tháo, thụt giữ Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định và những điểm cần lưu ý khi thụt tháo, thụt giữ.
- Thực hiện kỹ thuật thụt tháo trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ
2.1. Kỹ thuật thụt tháo
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Chỉ định
2.1.3. Chống chỉ định
2.1.4. Tai biến
2.1.5. Những điểm cần lưu ý khi thụt tháo
2.2. Kỹ thuật thụt giữ
2.2.1. Định nghĩa
2.2.2. Mục đích
2.2.3. Chỉ định.
2.2.4. Chống chỉ định
2.2.5. Những điểm cần lưu ý khi thụt giữ
Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thụt tháo
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 4: Kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang Thời gian: 4,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và những điểm cần lưu ý khi đặt thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu và rửa bàng quang.
- Thực hiện được kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu và rửa bàng quang trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ
2.1. Kỹ thuật đặt thông tiểu
2.1.1. Mục đích

2.1.2. Chỉ định
2.1.3. Chống chỉ định
2.1.4. Tai biến
2.1.5. Những điểm cần lưu ý khi đặt thông tiểu
2.2. Kỹ thuật dẫn lưu nước tiểu
2.2.1. Dùng ống thông từ niệu đạo vào bàng quang
2.2.2. Dẫn lưu bàng quang ra da
2.3. Kỹ thuật rửa bàng quang
2.3.1. Chỉ định
2.3.2. Tai biến
2.3.3. Những điểm cần lưu ý khi rửa bàng quang

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

Kỹ thuật thông tiểu:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thông tiểu
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật dẫn lưu nước tiểu:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật dẫn lưu nước tiểu
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật rửa bàng quang:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật rửa bàng quang
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 5: Đo lượng dịch vào và ra khỏi cơ thể Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Giải thích được tầm quan trọng của việc đo lượng dịch vào và ra khỏi cơ thể.
- Phân tích được lượng dịch bình thường vào và ra khỏi cơ thể và những thay đổi của cơ thể khi mất cân bằng dịch.
- Trình bày được chỉ định, phương pháp và những lưu ý khi đo lượng dịch vào và ra khỏi cơ thể.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành đo lượng dịch vào và ra khỏi cơ thể cho người bệnh đảm bảo đúng kỹ thuật.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Tầm quan trọng của đo lượng dịch vào và ra khỏi cơ thể
2.2. Thay đổi cơ thể khi mất cân bằng dịch
2.3. Chỉ định theo dõi dịch vào và ra khỏi cơ thể
2.4. Phương pháp theo dõi dịch vào và ra khỏi cơ thể
2.5. Những điểm cần lưu ý khi theo dõi dịch vào và ra khỏi cơ thể

Chương 2: Điều dưỡng vết thương và băng bó

Bài 6: Kỹ thuật thay băng rửa vết thương, cắt chỉ Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được phân loại vết thương.
- Trình bày được mục đích, nguyên tắc và những điểm cần lưu ý khi thay băng rửa vết thương.
- Kể được một số dung dịch và thuốc thường dùng khi thay băng rửa vết thương.
- Trình bày được mục đích, chỉ định và những điểm cần lưu ý khi cắt chỉ.
- Thực hiện được kỹ thuật thay băng rửa vết thương, cắt chỉ trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Kỹ thuật thay băng rửa vết thương
2.1.1. Phân loại vết thương
2.1.2. Mục đích thay băng rửa vết thương
2.1.3. Nguyên tắc khi thay băng rửa vết thương
2.1.4. Dung dịch rửa vết thương, dung dịch sát khuẩn và thuốc
2.2. Kỹ thuật cắt chỉ
2.2.1. Mục đích cắt chỉ
2.2.2. Chỉ định cắt chỉ
2.2.3. Những điểm cần lưu ý khi cắt chỉ
2.3. Kỹ thuật chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu
2.3.1. Mục đích đặt ống dẫn lưu
2.3.2. Vị trí đặt ống dẫn lưu
2.3.3. Phân loại ống dẫn lưu
2.3.4. Nguyên tắc chăm sóc ống dẫn lưu
2.3.5. Biến chứng và thời gian rút ống dẫn lưu

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

Kỹ thuật thay băng rửa vết thương:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thay băng rửa vết thương
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật cắt chỉ:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật cắt chỉ
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật chăm sóc ống dẫn lưu:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chăm sóc ống dẫn lưu
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 7: Kỹ thuật băng Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích và nguyên tắc khi băng.
- Nêu được 6 kiểu băng cơ bản và áp dụng.
- Thực hiện được các kỹ thuật băng cơ bản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Nguyên tắc khi băng
2.3. Các loại băng
2.3.1. Băng cuộn
2.3.2. Băng dính
2.3.3. Băng tam giác
2.3.4. Băng dải
2.4. Các kiểu băng cơ bản và áp dụng
2.4.1. Băng vòng
2.4.2. Băng rắn quấn
2.4.3. Băng xoáy ốc
2.4.4. Băng chữ nhân
2.4.5. Băng số 8
2.4.6. Băng vòng gấp lại

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự các kỹ thuật băng cơ bản
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Chương 3: Nhu cầu cơ bản của người bệnh

Bài 8: Kỹ thuật chăm sóc và vệ sinh cho người bệnh Thời gian: 5,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, chỉ định chăm sóc răng miệng, rửa mặt, tắm, gội đầu cho người bệnh tại giường.
- Thực hiện được quy trình chăm sóc răng miệng, tắm, gội đầu tại giường trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Kỹ thuật chăm sóc răng miệng
2.1.1. Mục đích
2.1.2. Chăm sóc răng miệng thông thường
2.1.3. Chăm sóc răng miệng đặc biệt
2.2. Kỹ thuật rửa mặt cho người bệnh
2.2.1. Mục đích

2.2.2. Kỹ thuật
2.3. Kỹ thuật gội đầu cho người bệnh
2.3.1. Mục đích
2.3.2. Chỉ định
2.3.3. Chống chỉ định
2.4. Kỹ thuật tắm cho người bệnh tại giường
2.4.1. Mục đích
2.4.2. Chỉ định
2.4.3. Chống chỉ định

Thực hành:

Kỹ thuật chăm sóc răng miệng thông thường: Thời gian: 4,0 giờ
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chăm sóc răng miệng thông thường
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật chăm sóc răng miệng đặc biệt:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chăm sóc răng miệng thông thường
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật gội đầu cho người bệnh tại giường:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chăm sóc răng miệng thông thường
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật tắm cho người bệnh tại giường:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chăm sóc răng miệng thông thường
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 9: Dự phòng và chăm sóc loét ép Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân gây loét ép và các vị trí loét ép thường gặp.
- Trình bày được các giai đoạn phát triển của loét ép và các biện pháp dự phòng, chăm sóc loét ép.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành dự phòng và chăm sóc loét ép cho người bệnh đảm bảo đúng kỹ thuật.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân
2.3. Các vị trí dễ bị loét ép
2.3.1. Trường hợp người bệnh nằm ngửa
2.3.2. Trường hợp người bệnh nằm sấp
2.3.3. Trường hợp người bệnh nằm nghiêng
2.3.4. Trường hợp bị suy hô hấp phải ngồi kéo dài
2.3.5. Ở người bệnh béo phì
2.4. Các giai đoạn phát triển của loét ép
2.5. Các biện pháp dự phòng và chăm sóc loét ép

Bài 10: Chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các giai đoạn cuối cuộc đời của người bệnh.
- Trình bày được những biểu hiện của giai đoạn hấp hối và dấu hiệu của cái chết.
- Trình bày được cách chăm sóc người bệnh ở giai đoạn hấp hối, tử vong.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc cho người bệnh giai đoạn hấp hối, tử vong đảm bảo đúng kỹ thuật.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Các giai đoạn cuối của cuộc đời của người bệnh
2.1.1. Sự từ chối
2.1.2. Sự tức giận
2.1.3. Sự mặc cả
2.1.4. Sự buồn rầu
2.1.5. Sự chấp nhận
2.2. Những biểu hiện của giai đoạn hấp hối và dấu hiệu của cái chết
2.3. Chăm sóc người bệnh ở giai đoạn hấp hối, tử vong
2.3.1. Chăm sóc người bệnh ở giai đoạn hấp hối
2.3.2. Chăm sóc người bệnh ở giai đoạn tử vong

Bài 11: Kỹ thuật vận chuyển người bệnh Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên tắc chung khi vận chuyển người bệnh.
- Trình bày được các phương pháp và những điểm cần lưu ý khi vận chuyển người bệnh.
- Thực hiện được kỹ thuật vận chuyển người bệnh giả định bằng cáng và xe lăn đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được thái độ khẩn trương, tích cực, cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Nguyên tắc chung khi vận chuyển người bệnh
2.2. Các phương pháp vận chuyển người bệnh
2.3. Những điểm cần lưu ý khi vận chuyển người bệnh

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

Kỹ thuật vận chuyển người bệnh bằng cáng:

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật vận chuyển người bệnh bằng cáng

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật vận chuyển người bệnh bằng xe lăn:

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật vận chuyển người bệnh xe lăn

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Chương 4: Điều trị - Điều dưỡng

Bài 12: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích và nguyên tắc của kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.
- Trình bày được những quy định chung và chỉ định lấy máu tĩnh mạch, lấy máu mao mạch.
- Trình bày được mục đích và chỉ định lấy nước tiểu, phân, mủ, đờm làm xét nghiệm.
- Thực hiện được kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch làm xét nghiệm trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Mục đích

2.2. Nguyên tắc lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm

2.3. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm

2.3.1. Kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm

2.3.2. Kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm

2.3.3. Kỹ thuật lấy phân làm xét nghiệm

2.3.4. Kỹ thuật lấy mủ làm xét nghiệm

2.3.5. Kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch làm xét nghiệm:

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch làm xét nghiệm

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật lấy máu mao mạch làm xét nghiệm:

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật lấy máu mao mạch làm xét nghiệm

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 13: Kỹ thuật ghi điện tâm đồ Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được trình tự các bước ghi điện tâm đồ.
- Thực hiện được kỹ thuật ghi điện tâm đồ trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật ghi điện tâm đồ
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 14: Kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tác dụng và các phương pháp chườm nóng, chườm lạnh.
- Trình bày được chỉ định và các điểm cần lưu ý khi chườm nóng, chườm lạnh.
- Thực hiện được kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Chườm nóng
2.1.1. Tác dụng của chườm nóng
2.1.2. Các phương pháp chườm nóng
2.1.3. Chỉ định và chống chỉ định chườm nóng
2.1.4. Những điểm cần lưu ý khi chườm nóng
2.1.5. Tai biến khi chườm
2.2. Chườm lạnh
2.2.1. Tác dụng của chườm lạnh
2.2.2. Các phương pháp chườm lạnh
2.2.3. Chỉ định và chống chỉ định chườm lạnh
2.2.4. Những điểm cần lưu ý khi chườm lạnh
2.2.5. Tai biến khi chườm

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

Kỹ thuật chườm nóng:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chườm nóng

2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật chườm lạnh:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật chườm lạnh
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 15: Kỹ thuật cho người bệnh thở oxy Thời gian: 4,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu, triệu chứng chính của tình trạng thiếu oxy.
- Trình bày được nguyên tắc cơ bản và tai biến khi sử dụng liệu pháp oxy.
- Thực hiện được kỹ thuật thở oxy qua ống thông hai đường trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân làm cho cơ thể bị thiếu oxy
2.3. Các dấu hiệu, triệu chứng chính của tình trạng thiếu oxy
2.4. Các nguyên tắc khi tiến hành liệu pháp oxy
2.5. Các nguy cơ và tai biến

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thở oxy qua ống thông hai đường
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 16: Kỹ thuật hút đờm Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được mục đích, chỉ định hút đờm cho người bệnh.
- Trình bày được nguyên tắc và các tai biến khi hút đờm.
- Thực hiện được kỹ thuật hút đờm đường hô hấp trên đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Chỉ định
2.3. Nguyên tắc chung khi hút đờm
2.4. Những điểm cần lưu ý khi hút đờm
2.5. Tai biến

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật thuật hút đờm đường hô hấp trên

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 17: Kỹ thuật khí dung Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được trình tự các bước khí dung cho người bệnh.
- Thực hiện được kỹ thuật khí dung trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Thực hành: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật khí dung

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 18: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng phổi Thời gian: 5,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, vị trí, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và những điểm cần lưu ý khi chọc dịch màng phổi.
- Thực hiện được kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng phổi trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Mục đích

2.2. Vị trí chọc

2.3. Chỉ định

2.4. Chống chỉ định

2.5. Những điểm cần lưu ý khi chọc dịch màng phổi

2.5.1. Trước khi chọc

2.5.2. Trong khi chọc

2.5.3. Sau khi chọc

2.6. Tai biến

2.6.1. Ngất

2.6.2. Tràn khí màng phổi

2.6.3. Phù phổi cấp

2.6.4. Viêm mủ màng phổi

2.6.5. Tổn thương phổi

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng phổi
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 19: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng bụng Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, vị trí, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và những điểm cần lưu ý khi chọc dịch màng bụng.
- Thực hiện được kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng bụng trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Vị trí chọc
2.3. Chỉ định
2.3.1. Chỉ định chẩn đoán
2.3.2. Chỉ định điều trị
2.4. Chống chỉ định
2.5. Những điểm cần lưu ý khi chọc dịch màng bụng
2.5.1. Trước khi chọc
2.5.2. Trong khi chọc
2.5.3. Sau khi chọc
2.6. Tai biến
2.6.1. Ngất
2.6.2. Chọc vào ruột
2.6.3. Chọc vào mạch máu
2.6.4. Xuất huyết trong ổ bụng
2.6.5. Quai ruột bịt đầu kim
2.6.6. Nhiễm khuẩn thứ phát sau chọc
2.6.7. Chọc vào tạng hoặc khối u trong bụng

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch màng bụng
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 20: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch não tuỷ Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, vị trí, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và những điểm cần lưu ý khi chọc dịch não tủy.
- Thực hiện được kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch não tủy trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.

- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Vị trí chọc
2.3. Chỉ định
2.4. Chống chỉ định
2.5. Những điểm cần lưu ý khi chọc dịch não tủy
2.5.1. Trước khi chọc
2.5.2. Trong khi chọc
2.5.3. Sau khi chọc
2.6. Tai biến

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dịch não tủy
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Chương 5: Điều dưỡng cấp cứu ban đầu

Bài 21: Kỹ thuật sơ cứu vết thương mạch máu Thời gian: 4,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được phân loại vết thương mạch máu.
- Trình bày được triệu chứng và dấu hiệu của mất máu nhiều.
- Trình bày được các phương pháp cầm máu vết thương mạch máu.
- Thực hiện được kỹ thuật ga rô cầm máu trên người bị nạn giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được thái độ khẩn trương, tích cực, cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Phân loại vết thương mạch máu
2.1.1. Vết thương động mạch
2.1.2. Vết thương tĩnh mạch
2.1.2. Vết thương mao mạch
2.2. Triệu chứng và dấu hiệu của mất máu nhiều
2.3. Sơ cứu vết thương mạch máu
2.3.1. Phương pháp băng ép cầm máu
2.3.2. Phương pháp băng nhồi cầm máu
2.3.3. Phương pháp băng chèn
2.3.4. Phương pháp gấp chi tối đa
2.3.5. Phương pháp ga rô cầm máu
2.3.6. Kỹ thuật băng cầm máu mạch cổ

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Tiếp nhận người bị nạn, chuẩn bị dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật ga rô cầm máu
2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 22: Kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn Thời gian: 4,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu và triệu chứng của người bị nạn ngừng tuần hoàn.
- Trình bày được phương pháp cấp cứu ngừng tuần hoàn.
- Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn trên người bị nạn giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được thái độ khẩn trương, tích cực, cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.3. Dấu hiệu và triệu chứng của ngừng tuần hoàn
2.4. Cấp cứu ngừng tuần hoàn
2.4.1. Cấp cứu ban đầu
2.4.2. Cấp cứu tại viện
2.4.3. Đánh giá

Thực hành: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Tiếp nhận người bị nạn, chuẩn bị dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 23: Kỹ thuật sơ cứu gãy xương Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, phân loại và triệu chứng của gãy xương.
- Trình bày được mục đích và nguyên tắc bất động gãy xương.
- Thực hiện được kỹ thuật bất động gãy kín xương cánh tay, xương cẳng tay, xương đùi, xương cẳng chân trên người bị nạn giả định đúng bảng kiểm quy trình trong thời gian quy định.
- Rèn luyện được thái độ khẩn trương, tích cực, cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Nguyên nhân
2.1.1. Do chấn thương
2.1.2. Do bệnh lý
2.2. Phân loại
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.4. Mục đích của sơ cứu gãy xương
2.5. Nguyên tắc bất động gãy xương chi
2.6. Dụng cụ bất động gãy xương
2.6.1. Nẹp để bất động
2.6.2. Bông băng

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

Kỹ thuật bất động gãy kín xương cánh tay:
2.1. Tiếp nhận người bị nạn, chuẩn bị dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật bất động gãy kín xương cánh tay
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật bất động gãy kín xương cẳng tay:
2.1. Tiếp nhận người bị nạn, chuẩn bị dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật bất động gãy kín xương cẳng tay
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật bất động gãy kín xương đùi:
2.1. Tiếp nhận người bị nạn, chuẩn bị dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật bất động gãy kín xương đùi
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật bất động gãy kín xương cẳng chân:
2.1. Tiếp nhận người bị nạn, chuẩn bị dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật bất động gãy kín xương cẳng chân.
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Kiểm tra: Thời gian: 7,0 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp; mô hình, phương tiện, dụng cụ thực hành; bảng kiểm quy trình điều dưỡng.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra tự luận. Sinh viên phải trình bày được những kiến thức về nhu cầu cơ bản của người bệnh; các kỹ thuật điều dưỡng tiêu hóa, bài tiết; điều dưỡng vết thương, băng bó; điều dưỡng điều trị và điều dưỡng cấp cứu ban đầu trong thực hành chăm sóc người bệnh.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua việc thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao. Hình thành tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra 03 bài:
+ 01 bài kiểm tra thường xuyên: Trắc nghiệm
+ 02 bài kiểm tra định kỳ: Trắc nghiệm, thực hành.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành – Vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học đào tạo được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của người học.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần làm thao tác mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được các bước của quy trình kỹ thuật, phân tích các lỗi sai hỏng thường gặp khi thực hiện kỹ thuật, đồng thời quan sát sinh viên thực hiện các thao tác, kịp thời uốn nắn các sai sót để sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.
2. Nguyễn Quốc Anh, Mai Trọng Khoa (2016), Một số kỹ thuật thực hành chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa, Nhà xuất bản Y học.
3. Lê Thị Bình (2018), Điều dưỡng cơ bản I – II, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.
4. Lê Thị Bình, Trần Thuý Hạnh (2017), Điều dưỡng cơ bản và nâng cao, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
5. Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận (2016), Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập I – II, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.
6. Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên (2015), Điều dưỡng cơ sở 1- 2, Nhà xuất bản Y học.
7. Trường Đại học Y Hà Nội (2016), Bài giảng kỹ năng y khoa, Nhà xuất bản Y học.
8. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2017), Giáo trình Điều dưỡng cơ sở 1- 2.
9. Bộ Y tế (2012), Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 Hướng dẫn tiêm an toàn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
10. Bộ Y tế (2017), Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 Hướng dẫn thực hành vệ sinh tay trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
11. Bộ Y tế (2017), Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.
12. Bộ Y tế (2021), Thông tư 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.
13. Bộ Y tế (2021), Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

14. Bộ Y tế (2022), Quyết định 3474/QĐ/BYT ngày 28/12/2022 Quyết định về việc phê duyệt tài liệu "Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân điều dưỡng Việt Nam".
15. Bộ Y tế (2025): Quyết định số 636/QĐ-BYT ngày 21/02/2025 Ban hành"tài liệu huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc"
16. Bộ Tài nguyên và môi trường (2025), Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của bộ trưởng bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

Tên môn học: Kiểm soát nhiễm khuẩn
Mã môn học: MH 14
Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành tại trường: 28 giờ; Kiểm tra: 01 giờ lý thuyết và 01 giờ thực hành).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ I năm thứ nhất đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về tác nhân, nguồn lây, nguyên nhân, hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện và hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn; các quy định về xử lý, quản lý đồ vải; phân loại, thu gom và xử lý chất thải y tế, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ; các đường lây truyền bệnh viện, biện pháp phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa theo đường lây truyền; quy trình vệ sinh môi trường bệnh viện; các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp; dự phòng và xử trí phơi nhiễm nghề nghiệp với máu, dịch cơ thể; cùng với mục đích, phương pháp và quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện nhằm bảo vệ môi trường y tế và đảm bảo an toàn cho người bệnh cũng như nhân viên y tế.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH1: Tổng hợp được các kiến thức cơ bản về tác nhân, nguồn lây, nguyên nhân, hậu quả và đường lây truyền của vi sinh vật; hệ thống tổ chức, quy định chung, nguyên tắc và quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn (vệ sinh bề mặt, quản lý đồ vải, xử lý chất thải, khử khuẩn, tiệt khuẩn...); các biện pháp phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa theo đường lây truyền, dự phòng và xử trí phơi nhiễm nghề nghiệp, cùng các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp để thiết lập môi trường chăm sóc an toàn và hiệu quả. (CĐR1, CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR8)
- CĐRMH2: Nhận biết đúng các đường lây truyền để vận dụng kiến thức vào việc lập kế hoạch phòng ngừa, kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và rèn luyện kỹ năng xử trí kịp thời các tình huống phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể của người bệnh trong quá trình thực tập tại các cơ sở y tế. (CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR7)
- CĐRMH3: Thực hiện thành thạo và đúng bảng kiểm quy trình các kỹ thuật: vệ sinh tay (thường quy và ngoại khoa), mặc áo choàng và mang găng tay vô khuẩn; mang và tháo khẩu trang, sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, vệ sinh môi trường bề mặt, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ, phân định và thu gom chất thải y tế, đồ vải tại buồng bệnh; đảm bảo ý thức, thái độ chuyên nghiệp và an toàn trong môi trường y tế. (CĐR1, CĐR3, CĐR6, CĐR9)
- CĐRMH4: Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động cập nhật kiến thức nhằm duy trì và phát triển chuyên môn; có ý thức tự giác vận dụng các quy trình kỹ thuật kiểm soát nhiễm khuẩn vào thực hành chuyên môn; đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường y tế. (CĐR1, CĐR8)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được các tác nhân chính gây nhiễm khuẩn bệnh viện và nguồn lây nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân và hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Trình bày được hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Trình bày được cách phân định, phân loại, thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải bệnh viện.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc khử khuẩn, tiệt khuẩn và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các đường lây truyền bệnh của vi sinh vật.
- Trình bày được nội dung và các kỹ thuật áp dụng trong phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa theo đường lây truyền.
- Trình bày được mục đích, cách xử lý, quản lý đồ vải.
- Trình bày được mục đích, cách phân loại khu vực vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng bệnh viện.
- Trình bày được những quy định chung, nguyên tắc và quy trình vệ sinh sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng bệnh viện.
- Trình bày được các phương thức phơi nhiễm và các biện pháp dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp.
- Trình bày được cách xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể.
- Trình bày được các yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng ngừa các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
- Trình bày được các mục đích, phương pháp và quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Về kỹ năng

- Rèn luyện được kỹ năng, ý thức, thái độ trong quá trình xử lý môi trường, rác thải, dụng cụ tại các cơ sở y tế mà sinh viên đang thực tập.
- Rèn luyện được kỹ năng phòng và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể của người bệnh khi sinh viên đi thực tập tại các cơ sở y tế.
- Nắm vững và nhận biết được các đường lây truyền bệnh và các biện pháp phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa theo đường lây truyền.
- Vận dụng được các kiến thức đã học để phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp khi sinh viên đi thực tập tại các cơ sở y tế.
- Thực hiện được các kỹ thuật phân định, phân loại, thu gom chất thải y tế; kỹ thuật khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ; kỹ thuật vệ sinh tay thường quy, vệ sinh tay ngoại khoa, mặc áo choàng và mang găng tay vô khuẩn; kỹ thuật mang và tháo khẩu trang; kỹ thuật mang và tháo bỏ phương tiện phòng hộ cá nhân; kỹ thuật thu gom đồ vải tại buồng bệnh; kỹ thuật vệ sinh môi trường bề mặt; kỹ thuật xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể đúng bảng kiểm quy trình.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành công tác nhiễm khuẩn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế	2	2	0	
2	Bài 2. Hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn và điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn	1	1	0	
3	Bài 3. Quản lý chất thải y tế	6	2	4	
4	Bài 4. Khử khuẩn - Tiệt khuẩn	6	2	4	

5	Bài 5. Đường lây truyền bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa	13	2	11	
6	Bài 6. Quản lý và xử lý đồ vải trong cơ sở y tế	2	1	1	
7	Bài 7. Vệ sinh môi trường bệnh viện	5	1	4	
8	Bài 8. Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	6	2	4	
9	Bài 9. Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	1	1	0	
10	Bài 10. Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện	1	1	0	
11	Kiểm tra	2			2
	Cộng	**45**	**15**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Trình bày được định nghĩa và dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện.

+ Trình bày được các tác nhân chính gây nhiễm khuẩn bệnh viện và nguồn lây nhiễm khuẩn bệnh viện.

+ Trình bày được nguyên nhân và hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực hành công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Tổng quan

2.2. Dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.1. Tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện trên thế giới

2.2.2. Tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện tại Việt Nam

2.3. Các tác nhân chính gây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.4. Nguồn lây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.4.1. Từ môi trường

2.4.2. Từ người bệnh

2.4.3. Từ hoạt động thăm khám và điều trị

2.4.4. Từ việc sử dụng kháng sinh không thích hợp

2.5. Nguyên nhân nhiễm khuẩn bệnh viện

2.5.1. Đối với người bệnh

2.5.2. Đối với nhân viên y tế

2.6. Hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện

Bài 2: Hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn tại Việt Nam.

- Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực hành công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trên lâm sàng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Nội dung

Lý thuyết Thời gian: 1 giờ

2.1. Hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2.2. Ban chỉ đạo kiểm soát nhiễm khuẩn Bộ Y tế và Sở Y tế
2.2.1. Ban chỉ đạo kiểm soát nhiễm khuẩn Bộ Y tế
2.2.2. Ban chỉ đạo kiểm soát nhiễm khuẩn Sở Y tế
2.3. Tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng kiểm soát nhiễm khuẩn
2.4. Tổ chức và nhiệm vụ của khoa hoặc bộ phận kiểm soát nhiễm khuẩn
2.5. Tổ chức và nhiệm vụ của mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn

Bài 3: Quản lý chất thải y tế Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:
+ Trình bày được các khái niệm dùng trong công tác quản lý chất thải y tế.
+ Trình bày được cách phân định và phân loại chất thải y tế.
+ Trình bày được các quy định đối với dụng cụ, bao bì đựng chất thải, cách thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải rắn y tế.
- Kỹ năng: Thực hiện được kỹ thuật phân loại, thu gom chất thải y tế đúng bảng kiểm quy trình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được sự cẩn thận và chính xác khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Khái niệm.
2.2. Phân định chất thải y tế
2.2.1. Chất thải lây nhiễm
2.2.2. Chất thải nguy hại không lây nhiễm
2.2.3. Chất thải rắn thông thường
2.2.4. Khí thải
2.2.5. Chất thải lỏng không nguy hại
2.3. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế
2.4. Phân loại chất thải y tế
2.4.1. Nguyên tắc phân loại chất thải y tế
2.4.2. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải
2.4.3. Phân loại chất thải lây nhiễm
2.4.4. Phân loại chất thải nguy hại không lây nhiễm
2.4.5. Phân loại chất thải rắn thông thường
2.4.6. Phân loại chất thải lỏng không nguy hại
2.5. Thu gom chất thải y tế.
2.5.1. Thu gom chất thải lây nhiễm
2.5.2. Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm
2.5.3. Thu gom chất thải rắn thông thường
2.5.4. Thu gom chất thải lỏng không nguy hại
2.5.5. Khí thải
2.5.6. Thu gom nước thải
2.6. Lưu giữ chất thải y tế
2.7. Giảm thiểu chất thải y tế

2.8. Quản lý chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế
2.9. Quản lý, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế
2.10. Chuyển giao chất thải y tế
Thực hành: Thời gian: 4 giờ
Kỹ thuật phân loại chất thải y tế:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật phân loại chất thải y tế
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
Kỹ thuật thu gom chất thải y tế:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật thu gom chất thải y tế
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
Bài 4: Khử khuẩn - Tiệt khuẩn Thời gian: 6 giờ
1. Mục tiêu
-Kiến thức:
+ Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn và cách phân loại dụng cụ dựa trên mức độ nguy cơ nhiễm khuẩn.
+ Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn và các nguyên tắc khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ.
+ Trình bày được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- Kỹ năng:
+ Thực hiện được các kỹ thuật khử khuẩn, tiệt khuẩn đúng bảng kiểm quy trình.
+ Thực hiện được các kỹ thuật xử lý dụng cụ chịu nhiệt, xử lý dụng cụ không chịu nhiệt đúng bảng kiểm quy trình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được sự cẩn thận và vô khuẩn khi thực hiện kỹ thuật.
2. Nội dung
Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ
2.1. Một số khái niệm
2.1.1. Làm sạch
2.1.2. Khử nhiễm
2.1.3. Khử khuẩn
2.1.4. Tiệt khuẩn
2.2. Một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn
2.3. Phân loại dụng cụ khử khuẩn và tiệt khuẩn
2.3.1. Dụng cụ phải tiệt khuẩn (thiết yếu)
2.3.2. Dụng cụ phải khử khuẩn mức độ cao (bán thiết yếu)
2.3.3. Dụng cụ phải khử khuẩn mức độ trung bình - thấp (không thiết yếu)
2.4. Nguyên tắc khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ
2.4.1. Nguyên tắc chung
2.4.2. Nguyên tắc chọn lựa hóa chất khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ
2.5. Các phương pháp khử khuẩn
2.5.1. Khử khuẩn bằng nhiệt
2.5.2. Khử khuẩn bằng hóa học (hóa chất)
2.5.3. Một số dung dịch khử khuẩn hay được sử dụng
2.6. Các phương pháp tiệt khuẩn
2.6.1. Hấp ướt (Steam sterilization)

2.6.2. Hấp khô (Dry heat)
2.6.3. Tiệt khuẩn nhiệt độ thấp
2.6.4. Các biện pháp kiểm tra việc tiệt khuẩn
2.6.5. Lưu giữ và bảo quản
Thực hành: Thời gian: 4 giờ
Kỹ thuật làm sạch và khử nhiễm dụng cụ:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật làm sạch và khử nhiễm dụng cụ
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
Kỹ thuật khử khuẩn bằng hóa chất:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật khử khuẩn bằng hóa chất
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
Kỹ thuật tiệt khuẩn bằng hấp ướt/ sấy khô:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật tiệt khuẩn bằng hấp ướt/ sấy khô
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

Bài 5: Đường lây truyền bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:
+ Trình bày được các đường lây truyền bệnh của vi sinh vật.
+ Trình bày được nội dung phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa theo đường lây truyền.
+ Trình bày được các kỹ thuật áp dụng trong phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa theo đường lây truyền.
- Kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật vệ sinh tay thường quy, vệ sinh tay ngoại khoa, mặc và tháo bỏ áo choàng vô khuẩn, mang và tháo bỏ găng tay vô khuẩn, mang và tháo khẩu trang, mang và tháo bỏ phương tiện phòng hộ cá nhân đúng bảng kiểm quy trình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác và vô khuẩn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ
2.1. Các đường lây truyền bệnh
2.1.1. Lây truyền qua tiếp xúc
2.1.2. Lây truyền qua đường giọt bắn
2.1.3. Lây truyền qua đường không khí
2.2. Các biện pháp phòng ngừa
2.2.1. Phòng ngừa chuẩn
2.2.2. Phòng ngừa theo đường lây truyền (phòng ngừa bổ sung)
2.3. Kỹ thuật áp dụng phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa theo đường lây truyền
2.3.1. Vệ sinh tay
2.3.2. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân
2.3.3. Thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp và vệ sinh khi ho
2.3.4. Sắp xếp người bệnh thích hợp
2.3.5. Xử lý dụng cụ y tế để dùng lại cho người bệnh đúng quy định
2.3.6. Thực hiện tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn

2.3.7. Quản lý đồ vải phòng lây nhiễm
2.3.8. Làm sạch môi trường trong chăm sóc người bệnh
2.3.9. Xử lý chất thải đúng quy định
Thực hành: Thời gian: 11 giờ
Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật vệ sinh tay thường quy
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật vệ sinh tay ngoại khoa:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật vệ sinh tay ngoại khoa
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật mặc và tháo bỏ áo choàng vô khuẩn:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật mặc và tháo bỏ áo choàng vô khuẩn
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật mang và tháo bỏ găng tay vô khuẩn:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật mang và tháo bỏ găng tay vô khuẩn
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật mang và tháo khẩu trang:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật mang và tháo khẩu trang
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật mang và tháo bỏ phương tiện phòng hộ cá nhân:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật mang và tháo bỏ phương tiện phòng hộ cá nhân
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập
Bài 6: Quản lý và xử lý đồ vải trong cơ sở y tế Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu
- Kiến thức: Trình bày được mục đích, cách xử lý, quản lý đối với đồ vải.
- Kỹ năng: Thực hiện được kỹ thuật thu gom đồ vải tại buồng bệnh đúng bảng kiểm quy trình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác và vô khuẩn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1 giờ

2.1. Quản lý đồ vải trong bệnh viện

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc phân loại và thu gom đồ vải

2.1.3. Bố trí, sắp xếp nhà giặt và phương tiện thu gom, vận chuyển đồ vải

2.1.4. Quy trình xử lý đồ vải tại nhà giặt

Thực hành: Thời gian: 1 giờ

Kỹ thuật thu gom đồ vải tại buồng bệnh:

2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật thu gom đồ vải tại buồng bệnh

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

Bài 7: Vệ sinh môi trường bệnh viện Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Trình bày được mục đích vệ sinh môi trường bệnh viện.

+ Trình bày được cách phân loại khu vực vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng.

+ Trình bày được những quy định chung, nguyên tắc vệ sinh và quy trình vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng.

- Kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh đúng bảng kiểm quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được sự cẩn thận, tuân thủ quy trình khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1 giờ

2.1. Mục đích vệ sinh môi trường bệnh viện

2.2. Vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh

2.2.1. Quy định

2.2.2. Nguyên tắc vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng

2.2.3. Phân loại khu vực vệ sinh

2.2.4. Phương tiện vệ sinh

2.2.5. Quy trình thực hiện

2.2.6. Xử lý dụng cụ sau khi làm vệ sinh

2.3. Vệ sinh môi trường nước

2.4. Vệ sinh môi trường không khí

Thực hành : Thời gian: 4 giờ

Kỹ thuật vệ sinh môi trường bề mặt:

2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật vệ sinh môi trường bề mặt

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 8: Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Trình bày được các phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp.

+ Trình bày được các biện pháp dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp.

+ Trình bày được cách xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể.
- Kỹ năng: Thực hiện được kỹ thuật xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể đúng bảng kiểm quy trình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được sự cẩn thận, khẩn trương và chính xác khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2 giờ

2.1. Các phương pháp phơi nhiễm nghề nghiệp
2.2. Phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp
2.2.1. Quản lý, sử dụng và vứt bỏ an toàn vật sắc nhọn
2.2.2. Cải tiến thủ thuật và đào tạo cho nhân viên y tế biết thực hành an toàn trong khi làm việc
2.2.3. Ngăn ngừa phơi nhiễm máu qua niêm mạc
2.2.4. Các biện pháp đào tạo và hỗ trợ
2.3. Xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể
2.3.1. Sơ cứu ngay sau phơi nhiễm
2.3.2. Báo cáo người phụ trách và làm biên bản
2.3.3. Đánh giá nguy cơ phơi nhiễm
2.3.4. Xác định tình trạng tác nhân của nguồn gây phơi nhiễm
2.3.5. Xác định tình trạng nhiễm bệnh của người bị phơi nhiễm
2.3.6. Tư vấn và điều trị sau phơi nhiễm
2.4. Các biện pháp xử trí phơi nhiễm cụ thể
2.4.1. Xử trí phơi nhiễm viêm gan vi rút B
2.4.2. Xử trí phơi nhiễm viêm gan vi rút C
2.4.3. Xử trí phơi nhiễm HIV
2.5. Theo dõi sau phơi nhiễm
2.5.1. Viêm gan vi rút B
2.5.2. Viêm gan vi rút C
2.5.3. HIV

Thực hành: Thời gian: 4 giờ

Kỹ thuật xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể:
2.1. Chuẩn bị người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

Bài 9: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:
+ Trình bày được các yếu tố nguy cơ mắc nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
+ Trình bày được các biện pháp phòng ngừa các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
- Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học vào phòng ngừa các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp trên lâm sàng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn thường gặp.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1 giờ

2.1. Đại cương

2.2. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
2.2.1. Nhiễm khuẩn vết mổ
2.2.2. Nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới/ viêm phổi bệnh viện
2.2.3. Nhiễm khuẩn đường tiết niệu

Bài 10: Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức:

+ Trình bày được định nghĩa, mục đích của giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện và một số thuật ngữ thường dùng.

+ Trình bày được các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.

+ Trình bày được quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học vào công tác giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện trên lâm sàng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1 giờ

2.1. Khái niệm về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện
2.2. Mục đích, ý nghĩa về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện
2.3. Lựa chọn phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện
2.4. Một số nội dung cơ bản về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện
2.4.1. Xác định quần thể, đối tượng, nội dung và mục tiêu giám sát
2.4.2. Thu thập dữ liệu giám sát
2.4.3. Phân tích dữ liệu và đánh giá kết quả giám sát
2.4.4. Nhận định tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện
2.4.5. Đề xuất biện pháp can thiệp
2.4.6. Thông báo và báo cáo kết quả giám sát

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Phương tiện, dụng cụ thực hành, máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp, bảng kiểm quy trình kỹ thuật kiểm soát nhiễm khuẩn.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải trình bày được các kiến thức cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hiện các kỹ thuật kiểm soát nhiễm khuẩn tại phòng thực hành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài hình thức kiểm tra lý thuyết trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài hình thức kiểm tra thực hành.
- Hình thức thi kết thúc môn học: trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng điều dưỡng của trường Cao đẳng y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập thảo luận để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần làm thao tác mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được các bước của quy trình kỹ thuật, phân tích các lỗi sai hỏng thường gặp khi thực hiện kỹ thuật, đồng thời quan sát sinh viên thực hiện các thao tác kỹ thuật, kịp thời uốn nắn các sai sót để sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

+ Thực hiện các quy trình kỹ thuật tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. Quyết định số 5188/QĐ-BYT ngày 14/12/2020 của Bộ y tế về việc ban hành Hướng dẫn phòng và kiểm soát lây nhiễm SARS-COV-2 trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ y tế về việc ban hành Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

3. Bộ Y tế (2017*), Quyết định số: 3916/QĐ-BYT: Hướng dẫn công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*

4. Bộ Y tế (2018), *Thông tư 16/2018/TT – BYT: Quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*

5. Bộ Y tế (2021), *Thông tư 20/2021/TT-BYT: Quy định quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.*

6. Bộ Tài nguyên và môi trường (2025), *Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của bộ trưởng bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Tên mô đun: Y học cổ truyền
Mã môn học: MH 15
Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ;
Lý thuyết: 15 giờ;
Thực hành tại trường**,** thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ;
Kiểm tra: 2 giờ (1 giờ lý thuyết/ 1 giờ thực hành)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

- Phân loại: Là môn học chuyên môn, chuyên ngành bắt buộc được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng ngành điều dưỡng.
- Tính liên kết: Được bố trí học sau các môn học cơ sở, tạo nền tảng cho các môn chuyên sâu và thực tập nghề nghiệp.

2. Tính chất: Chương trình môn bao gồm những nội dung cơ bản về việc ứng dụng lý luận phương Đông vào định hướng chẩn đoán, xây dựng kế hoạch chăm sóc và điều trị, bên cạnh đó hình thành cho người học khả năng áp dụng các phương pháp điều trị không dùng thuốc và dùng thuốc của y học cổ truyền.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Trình bày được các học thuyết cơ bản, nguyên nhân gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và nguyên lý của các phương pháp điều trị (dùng thuốc và không dùng thuốc) trong y học cổ truyền. (**CĐR 2 CTĐT)**

CĐRMH 2: Thực hiện đúng quy trình và đảm bảo an toàn các kỹ thuật chăm sóc không dùng thuốc (xoa bóp bấm huyệt, giác hơi, đánh gió, xông, chườm) và phụ giúp bác sỹ châm cứu trên người bệnh. **(CĐR 3 CTĐT)**

CĐRMH 3: Nhận biết các nhóm thuốc y học cổ truyền cơ bản; vận dụng kiến thức y học cổ truyền để tư vấn, giáo dục sức khỏe và hướng dẫn người bệnh tập luyện dưỡng sinh, ăn uống giải cảm tại nhà. (**CĐR 5 CTĐT)**

CĐRMH 4: Thể hiện sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong thực hành chăm sóc và thái độ tôn trọng, tận tâm với người bệnh. **(CĐR 1, CĐR 8 CTĐT).**

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận y học cổ truyền.
- Trình bày được vị trí tác dụng, cách châm cứu một số huyệt thường dùng.
- Trình bày được công dụng và chủ trị của một số vị thuốc cổ truyền.
- Sử dụng thuốc nam, châm cứu và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để phòng và chữa một số bệnh, chứng thường gặp.

2. Về kỹ năng:

- Nhận biết đúng một số vị thuốc cổ truyền.
- Xác định đúng vị trí huyệt trên cơ thể.
- Thao tác châm cứu đúng quy trình theo bảng kiểm trên người bệnh giả định.
- Xoa bóp điều trị cho một số chứng bệnh thông thường.
- Tiến hành được phương pháp dân gian (xông, chườm, ngâm, cạo gió) để điều trị bệnh.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát huy tinh thần chủ động và nêu cao trách nhiệm cá nhân trong học tập.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương,bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành tại trường	Kiểm tra
Chương 1. Phần cơ sở lý luận					
1	Bài 1. Học thuyết âm dương, ngũ hành	1	1	0	
2	Bài 2. Nguyên nhân gây bệnh	1	1	0	
3	Bài 3. Các phương pháp chẩn đoán và điều trị	1	1	0	
Chương 2. Kinh lạc, huyệt và phương pháp châm cứu, xoa bóp, dưỡng sinh					
4	Bài 4. Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu	5	1	4	
5	Bài 5. Huyệt và công thức huyệt trong điều trị một số bệnh thường gặp	5	1	4	1
6	Bài 6. Xoa bóp bấm huyệt	6	1	4	
7	Bài 7. Tập luyện dưỡng sinh	1	1	0	
Chương 3. Thuốc Y học cổ truyền					
8	Bài 8. Thuốc thanh nhiệt	5	1	4	
9	Bài 9. Thuốc trừ hàn	2	1	1	
10	Bài 10. Thuốc lợi tiểu	2	1	1	
11	Bài 11. Thuốc hành khí, hoạt huyết	4	1	3	
12	Bài 12. Thuốc cầm máu, an thần, ho long đờm, cầm tiêu chảy	3	1	2	
13	Bài 13. Thuốc bổ	6	1	4	1
Chương 4. Chữa bệnh bằng các phương pháp dân gian					
14	Bài 14. Giác hơi, đánh gió và chích nặn máu	2	1	1	
15	Bài 15. Xông, chườm, ngâm thuốc và nấu cháo giải cảm	1	1	0	
	Cộng	**45**	**15**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Học thuyết âm dương, ngũ hành Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, các quy luật cơ bản của học thuyết Âm dương và Ngũ hành.
- Giải thích và phân tích được cách ứng dụng hai học thuyết này trong việc phân loại cấu trúc cơ thể, tính chất bệnh lý và hệ thống tạng phủ.
- Mô tả và giải thích được các triệu chứng lâm sàng dựa trên thuộc tính Âm dương để xác định tình trạng bệnh lý cơ bản của người bệnh.
- Phân tích và trình bày được mối quan hệ giữa các tạng phủ theo Ngũ hành nhằm đưa ra các tư vấn chăm sóc, dinh dưỡng và sinh hoạt phù hợp.

- Phân tích được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc kết hợp hài hòa giữa y học dân tộc và y học hiện đại.

2. Nội dung

2.1. Học thuyết âm dương

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các quy luật cơ bản của học thuyết âm dương

2.2.3. Ứng dụng của học thuyết âm dương trong y học cổ truyền

2.2. Học thuyết ngũ hành

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các quy luật cơ bản của học thuyết ngũ hành

2.2.3. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành

Bài 2. Nguyên nhân gây bệnh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được sáu nguyên nhân gây bệnh bên ngoài, bảy nguyên nhân gây bệnh bên trong và các nhóm nguyên nhân khác theo lý luận y học cổ truyền.
- Mô tả được đặc tính gây bệnh và biểu hiện đặc trưng của từng loại nguyên nhân khi tác động lên cơ thể người bệnh.
- Phân tích được sự phối hợp của các nguyên nhân gây bệnh bên ngoài với nhau trong quá trình phát sinh bệnh lý.
- Vận dụng được kiến thức về cách xác định nguyên nhân gây bệnh hỗ trợ trong công tác phòng bệnh và chăm sóc người bệnh của người điều dưỡng.
- Thể hiện được thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình tiếp thu bài học và có ý thức trách nhiệm đem kiến thức y học cổ truyền vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân bên ngoài

2.1.1. Phong

2.1.2. Hàn

2.1.3. Thử

2.1.4. Thấp

2.1.5. Táo

2.1.6. Hỏa

2.2. Nguyên nhân bên trong

2.3. Các nguyên nhân khác

Bài 3. Các phương pháp chẩn đoán và điều trị Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản của tứ chẩn. các chứng bệnh trong bát cương và tám phương pháp chữa bệnh (bát pháp).
- Mô tả được quy trình thực hiện tứ chẩn và các đặc điểm nhận dạng của từng chứng bệnh theo bát cương trên lâm sàng.
- Phân tích được các chỉ định và chống chỉ định của tám phương pháp chữa bệnh trong điều trị y học cổ truyền.
- Vận dụng được kiến thức về tứ chẩn, bát cương và bát pháp để hỗ trợ hiệu quả trong công tác điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- Thể hiện được tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động nghiên cứu và có ý thức trách nhiệm cao trong việc vận dụng kiến thức y học cổ truyền vào thực hành chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Nội dung

2.1. Tứ chẩn

2.1.1. Vọng chẩn

2.1.2. Văn chẩn

2.1.3. Vấn chẩn

2.1.4. Thiết chẩn

2.2. Bát cương

2.2.1. Biểu và lý

2.2.2. Hàn và nhiệt

2.2.3. Hư và thực

2.2.4. Âm và dương

2.3. Bát phép

2.3.1. Pháp hãn

2.3.2. Pháp hòa

2.3.3. Pháp hạ

2.3.4. Pháp thổ

2.3.5. Pháp tiêu

2.3.6. Pháp thanh

2.3.7. Pháp ôn

2.3.8. Pháp bổ

Bài 4. Đại cương về hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày tác dụng của hệ kinh lạc, hướng đi khái quát của 12 đường kinh chính và vòng tuần hoàn của hai mạch Nhâm, Đốc.
- Mô tả các kỹ thuật châm, cứu cơ bản; các chỉ định, chống chỉ định và tư thế người bệnh khi thực hiện thủ thuật.
- Phân tích cách đề phòng, phát hiện và xử trí các tai biến thường gặp trong quá trình châm, cứu.
- Vận dụng được các quy trình kỹ thuật để thực hiện thao tác châm và cứu trên mô hình đảm bảo tính chính xác và an toàn.
- Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, sự tỉ mỉ và chuẩn xác trong quá trình thực hành thao tác châm cứu trên mô hình.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Tác dụng của hệ kinh lạc

2.2.1. Về sinh lý và bệnh lý

2.2.2. Về chẩn đoán và chữa bệnh

2.3. Cấu tạo của hệ kinh lạc

2.3.1. Các đường kinh chính

2.3.2. Các mạch

2.4. Tuần hoàn kinh mạch

2.4.1. Hướng đi khái quát của 12 kinh chính

2.4.2. Vòng tuần hoàn của hai mạch Nhâm, Đốc

2.5. Kỹ thuật châm

2.5.1. Chỉ định và chống chỉ định của phương pháp châm

2.5.2. Dụng cụ châm

2.5.3. Những quy định khi châm

2.5.4. Tư thế, góc châm và độ sâu của kim

2.5.5. Tai biến khi châm và xử trí
2.5.6. Thủ thuật châm
2.5.7. Thủ thuật bổ tả
2.6. Kỹ thuật cứu
2.6.1. Dụng cụ
2.6.2. Chỉ định và chống chỉ định
2.6.3. Thời gian cứu và mức độ nóng
2.6.4. Thủ thuật cứu
2.6.5. Tai biến khi cứu và cách xử lý

B. Thực hành Thời gian: 4 giờ

1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2. Trình tự tiến hành kỹ thuật châm, cứu
3. Thao tác mẫu
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 5. Huyệt và công thức huyệt trong điều trị một số bệnh thường gặp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tác dụng và cách châm các huyệt trên từng vùng của cơ thể, cùng với các công thức huyệt điều trị cho một số bệnh thông thường.
- Mô tả mốc giải phẫu và phương pháp để xác định vị trí các huyệt trên các vùng cơ thể.
- Phân tích nguyên tắc phối hợp huyệt trong công thức huyệt để điều trị một số bệnh lý thường gặp.
- Vận dụng kiến thức để xác định chính xác vị trí huyệt theo từng vùng cơ thể và thực hành phối hợp công thức huyệt trên người bệnh giả định.
- Thể hiện thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, sự tỉ mỉ và tính chuẩn xác cao trong quá trình thực hành xác định vị trí huyệt.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về huyệt
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Tác dụng của huyệt
2.1.3. Phân loại huyệt
2.1.4. Cách xác định vị trí huyệt
2.2. Huyệt vùng chi trên
2.2.1. Hợp cốc
2.2.2. Thần môn
2.2.3. Nội quan
2.2.4. Ngoại quan
2.2.5. Khúc trì
2.2.6. Xích trạch
2.2.7. Kiên ngung
2.3. Huyệt vùng chi dưới
2.3.1. Dũng tuyền
2.3.2. Thái xung
2.3.3. Côn lôn
2.3.4. Tam âm giao (huyệt tổng vùng hạ vị)
2.3.5. Huyền chung (huyệt hội của cốt)
2.3.6. Túc tam lý

2.3.7. Dương lăng tuyền (huyệt hội của cân)
2.3.8. Huyết hải
2.3.9. Ủy trung (huyệt tổng vùng thắt lưng)
2.3.10. Thừa phù
2.4. Huyệt vùng đầu mặt cổ
2.4.1. Bách hội
2.4.2. Ấn đường
2.4.3. Thái dương
2.4.4. Nhân trung
2.4.5. Địa thương
2.4.6. Giáp xa
2.4.7. Phong trì
2.5. Huyệt vùng ngực - bụng
2.5.1. Đản trung (huyệt hội của khí)
2.5.2. Trung quản
2.5.3. Thiên khu
2.5.4. Khí hải
2.5.5. Quan nguyên
2.6. Huyệt vùng lưng – mông
2.6.1. Đại chùy
2.6.2. Kiên tỉnh
2.6.3. Phế du
2.6.4. Thận du
2.6.5. Đại trường du
2.6.6. Hoàn khiêu
2.7. Công thức huyệt điều trị một số bệnh thường gặp
2.7.1. Hen suyễn
2.7.2. Liệt dây thần kinh VII ngoại biên
2.7.3. Vẹo cổ cấp
2.7.4. Ngủ kém

B. Thực hành Thời gian: 4 giờ

1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2. Trình tự tiến hành kỹ thuật châm một số huyệt theo vùng trên người bệnh giả định
3. Thao tác mẫu
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 6. Xoa bóp bấm huyệt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày các thủ thuật cơ bản của xoa bóp bấm huyệt, các chỉ định, chống chỉ định và quy trình tiến hành xoa bóp chữa một số bệnh thông thường.
- Mô tả các thao tác thực hiện thủ thuật xoa bóp tác động lên da, cơ, huyệt và khớp trên cơ thể người bệnh.
- Phân tích tác dụng của từng thủ thuật xoa bóp bấm huyệt trong việc điều trị các chứng bệnh lý thông thường trên lâm sàng.
- Vận dụng kiến thức để tiến hành các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản và xoa bóp điều trị một số bệnh thông thường trên người bệnh giả định theo đúng bảng kiểm.

- Thể hiện tinh thần học tập tích cực, thái độ nghiêm túc, sự tỉ mỉ và tính chuẩn xác trong quá trình thực hành các thao tác xoa bóp bấm huyệt.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Tác dụng của xoa bóp
2.1.3. Chỉ định
2.1.4. Chống chỉ định
2.2. Các thủ thuật xoa bóp cơ bản
2.2.1. Các thủ thuật tác động lên da
2.2.1.1. Xoa
2.2.1.2. Xát
2.2.1.3. Miết
2.2.1.4. Véo
2.2.1.5. Phát
2.2.2. Các thủ thuật tác động lên cơ
2.2.2.1. Day
2.2.2.2. Đấm
2.2.2.3. Lăn
2.2.2.4. Bóp
2.2.2.5. Vờn
2.2.2.6. Rung
2.2.3. Các thủ thuật tác động lên huyệt
2.2.3.1. Ấn huyệt
2.2.3.2. Day huyệt
2.2.3.3. Bấm huyệt
2.2.3.4. Điểm huyệt
2.2.4. Vận động các khớp
2.3. Xoa bóp chữa một số bệnh thông thường
2.3.1. Đau đầu
2.3.2. Vẹo cổ
2.3.3. Đau lưng và thắt lưng
2.3.4. Đau vai và chi trên
2.3.5. Tê liệt chi dưới

B. Thực hành Thời gian: 4 giờ

1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2. Trình tự tiến hành các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản
3. Thao tác mẫu
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 7. Tập luyện dưỡng sinh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày nguyên tắc tập luyện dưỡng sinh; tác dụng, nguyên tắc và cách tiến hành luyện thở khí công và các nội dung của luyện tinh thần.
- Mô tả các động tác luyện cơ khớp và tự xoa bóp cơ bản.
- Phân tích tác dụng của việc luyện thở khí công và luyện tinh thần đối với việc nâng cao sức khỏe.

- Vận dụng kiến thức cơ bản của tập luyện dưỡng sinh vào việc hướng dẫn chăm sóc và phòng bệnh cho người bệnh.
- Thể hiện thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động trong học tập và có ý thức ứng dụng tập luyện dưỡng sinh vào thực hành chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Dưỡng sinh và tập luyện dưỡng sinh
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Các nội dung của tập luyện dưỡng sinh
2.1.3. Những nguyên tắc của tập luyện dưỡng sinh
2.2. Luyện thở khí công
2.2.1. Tác dụng của luyện thở khí công
2.2.2. Nguyên tắc thở khí công
2.2.3. Cách luyện thở
2.3. Luyện cơ khớp và tự xoa bóp
2.3.1. Luyện cơ khớp
2.3.2. Tự xoa bóp
2.4. Luyện tinh thần
2.4.1. Thanh tâm
2.4.2. Thư tâm

Bài 8. Thuốc thanh nhiệt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày tác dụng, chỉ định, cấm kỵ khi dùng thuốc thanh nhiệt; bộ phận dùng, ứng dụng lâm sàng, cách dùng, liều dùng của các loại thuốc thanh nhiệt.
- Phân tích các lưu ý quan trọng trong quá trình sử dụng thuốc thanh nhiệt trên lâm sàng.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để nhận biết đúng các vị thuốc thanh nhiệt mẫu trong giờ thực hành.
- Thể hiện tinh thần học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động và cẩn trọng khi tiếp xúc với các dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, tác dụng chung của thuốc thanh nhiệt
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Tác dụng chung
2.1.3. Chú ý khi sử dụng
2.2. Các vị thuốc thường dùng
2.2.1. Cải trời
2.2.2. Kim ngân
2.2.3. Sài đất
2.2.4. Bồ công anh
2.2.5. Cỏ sữa nhỏ lá
2.2.6. Huyền sâm
2.2.7. Sinh địa
2.2.8. Hương nhu tía

B. Thực hành Thời gian: 4 giờ

1. Chuẩn bị thảo dược mẫu chia theo nhóm nhỏ của thuốc thanh nhiệt
2. Tiêu chuẩn nhận biết dược liệu qua hình dạng, màu sắc, mùi vị, cách bào chế.
3. Thao tác mẫu
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 9. Thuốc trừ hàn Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày định nghĩa, tác dụng chung, cấm kỵ của thuốc trừ hàn; bộ phận dùng, công dụng, cách dùng, liều dùng của các vị thuốc đại diện trong nhóm.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để nhận biết chính xác các vị thuốc trong nhóm thuốc trừ hàn qua mẫu dược liệu thực tế.
- Thể hiện thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động trong quá trình thực hành nhận diện thuốc.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Tác dụng chung
2.3. Cấm kỵ
2.4. Các vị thuốc
2.4.1. Ngải cứu
2.4.2. Riềng
2.4.3. Đại hồi
2.4.4. Nhục quế
2.4.5. Can khương
2.4.6. Tiểu hồi

B. Thực hành Thời gian: 1 giờ

1. Chuẩn bị thảo dược mẫu nhóm trừ hàn.
2. Tiêu chuẩn nhận biết dược liệu qua hình dạng, màu sắc, mùi vị, cách bào chế.
3. Thao tác mẫu.
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh.
5. Phân công vị trí luyện tập.

Bài 10. Thuốc lợi tiểu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày tác dụng, chỉ định, cấm kỵ khi dùng thuốc lợi tiểu; bộ phận dùng, tính vị quy kinh, tác dụng, ứng dụng lâm sàng, liều lượng của các vị thuốc thường dùng.
- Phân tích những điểm cần chú ý khi sử dụng thuốc lợi tiểu trên lâm sàng nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để nhận biết chính xác các vị thuốc thuộc nhóm lợi tiểu qua các mẫu dược liệu thực tế.
- Thể hiện sự nghiêm túc, tích cực, chủ động và cẩn trọng khi tiếp xúc, thực hành trên các dược liệu mẫu.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Tác dụng chung
2.3. Những điểm cần chú ý khi sử dụng thuốc lợi tiểu
2.4. Các vị thuốc thường dùng

B. Thực hành Thời gian: 1 giờ

1. Chuẩn bị thảo dược mẫu nhóm lợi tiểu.
2. Đưa ra tiêu chuẩn nhận biết dược liệu qua hình dạng, màu sắc, mùi vị, cách bào chế.
3. Thao tác mẫu.
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh.

5. Phân công vị trí luyện tập.

Bài 11. Thuốc hành khí, hoạt huyết Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày định nghĩa, tác dụng chung, cấm kỵ, bộ phận dùng, công dụng và cách dùng các vị thuốc hành khí, hoạt huyết.
- Phân tích tác dụng điều trị và mối liên quan giữa việc sử dụng thuốc hành khí và thuốc hoạt huyết trên lâm sàng.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để nhận biết chính xác các vị thuốc thuộc nhóm hành khí, hoạt huyết trong thực hành.
- Thể hiện thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động trong việc quan sát, nhận diện dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Thuốc hành khí

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Tác dụng chung

2.1.3. Cấm kỵ

2.1.4. Các vị thuốc thường dùng

2.2. Thuốc hoạt huyết

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Tác dụng chung

2.2.3. Chú ý khi sử dụng

2.2.4. Các vị thuốc thường dùng

B. Thực hành Thời gian: 3 giờ

1. Chuẩn bị thảo dược mẫu nhóm hành khí-hoạt huyết.
2. Đưa ra tiêu chuẩn nhận biết dược liệu qua hình dạng, màu sắc, mùi vị, cách bào chế.
3. Thao tác mẫu.
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh.
5. Phân công vị trí luyện tập.

Bài 12. Thuốc cầm máu, an thần, ho long đờm, cầm tiêu chảy Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày định nghĩa, tác dụng chung, cấm kỵ chung của thuốc cầm máu, an thần, ho long đờm, cầm tiêu chảy; bộ phận dùng, công dụng, cách dùng, liều dùng của các vị thuốc thường dùng.
- Vận dụng kiến thức lý thuyết để nhận biết chính xác các vị thuốc thuộc nhóm cầm máu, an thần, ho long đờm, cầm tiêu chảy trong giờ thực hành.
- Thể hiện sự nghiêm túc, tỉ mỉ và chủ động quan sát trong quá trình học tập thực hành.

2. Nội dung

2.1. Thuốc cầm máu

2.1.1. Tác dụng chung

2.1.2. Các vị thuốc thường dùng

2.2. Thuốc an thần

2.2.1. Tác dụng chung

2.2.2. Các vị thuốc thường dùng

2.3. Thuốc chữa ho và long đờm

2.3.1. Định nghĩa và tác dụng chung

2.3.2. Các vị thuốc thường dùng

2.4. Thuốc chữa tiêu chảy
2.4.1. Đại cương
2.4.2. Các vị thuốc thường dùng
B. Thực hành Thời gian: 2 giờ
1. Chuẩn bị thảo dược mẫu nhóm cầm máu, an thần, ho-long đờm, cầm tiêu chảy.
2. Đưa ra tiêu chuẩn nhận biết dược liệu qua hình dạng, màu sắc, mùi vị, cách bào chế.
3. Thao tác mẫu.
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh.
5. Phân công vị trí luyện tập.

Bài 13. Thuốc bổ dưỡng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày định nghĩa, phân loại, các điểm cần chú ý khi dùng thuốc bổ; tác dụng chung, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, ứng dụng lâm sàng, liều dùng của các vị thuốc bổ âm, bổ dương, bổ khí, bổ huyết.
- Vận dụng kiến thức thực hành để nhận biết chính xác các vị thuốc thuộc nhóm bổ dưỡng trên mẫu dược liệu thực tế.
- Thể hiện sự chuyên cần, nghiêm túc và chủ động trong quá trình học tập thực hành nhận diện thuốc.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Phân loại
2.3. Những điểm cần chú ý khi dùng thuốc bổ
2.4. Thuốc bổ âm
2.4.1. Đại cương
2.4.2. Chỉ định chữa bệnh
2.4.3. Cấm kỵ
2.4.4. Các vị thuốc
2.5. Thuốc bổ dương
2.5.1. Đại cương
2.5.2. Chỉ định chữa bệnh
2.5.3. Cấm kỵ
2.5.4. Các vị thuốc
2.6. Thuốc bổ khí
2.6.1. Đại cương
2.6.2. Chỉ định chữa bệnh
2.6.3. Các vị thuốc thường dùng
2.7. Thuốc bổ huyết
2.7.1. Đại cương
2.7.2. Chỉ định điều trị
2.7.3. Chú ý khi sử dụng thuốc bổ huyết
2.7.4. Các vị thuốc thường dùng
B. Thực hành Thời gian: 4 giờ
1. Chuẩn bị thảo dược mẫu nhóm bổ.
2. Đưa ra tiêu chuẩn nhận biết dược liệu qua hình dạng, màu sắc, mùi vị, cách bào chế.
3. Thao tác mẫu.
4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh.
5. Phân công vị trí luyện tập.

Bài 14. Giác hơi, đánh gió và chích nặn máu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày chỉ định, chống chỉ định, nguyên liệu và quy trình tiến hành phương pháp giác hơi, đánh gió, chích nặn máu.
- Vận dụng kỹ thuật để tiến hành phương pháp giác hơi, đánh gió và chích nặn máu trên mô hình hoặc người bệnh giả định.
- Thể hiện tính cẩn trọng, thái độ nghiêm túc và đảm bảo an toàn tuyệt đối khi thực hành thủ thuật.

2. Nội dung

2.1. Giác hơi

2.1.1. Chỉ định

2.1.2. Chống chỉ đinh

2.1.3. Dụng cụ và tiến hành

2.1.4. Chú ý khi giác hơi

2.2. Đánh giá

2.2.1. Chỉ định

2.2.2. Chống chỉ định.

2.2.3. Các cách đánh gió

2.3. Chích nặn máu chữa lẹo mắt

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Dụng cụ và tiến hành

Bài 15. Xông, chườm, ngâm thuốc và nấu cháo giải cảm Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày chỉ định, chống chỉ định, nguyên liệu và quy trình tiến hành phương pháp xông, chườm, ngâm thuốc và nấu cháo giải cảm.
- Vận dụng kiến thức chuyên môn để thực hiện đúng kỹ thuật xông, chườm, ngâm thuốc và nấu cháo giải cảm trong công tác chăm sóc người bệnh.
- Thể hiện tinh thần học tập tích cực, thái độ nghiêm túc và tận tình khi áp dụng các phương pháp chăm sóc dân gian vào thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp xông

2.1.1. Xông toàn bộ cơ thể

2.1.2. Xông cục bộ

2.2. Chườm

2.2.1. Chườm ngải

2.2.2. Chườm muối

2.3. Ngâm thuốc

2.3.1. Ngâm thuốc toàn thân

2.3.2. Ngâm thuốc cục bộ

2.4. Nấu cháo giải cảm

2.4.1. Chỉ định

2.4.2. Nguyên liệu và tiến hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Có đủ máy tính, máy chiếu, bảng đen,...
2. Phòng thực hành cần có: Tiêu bản vị thuốc và cây thuốc mẫu...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu, giáo trình, tranh ảnh cây thuốc, vị thuốc...

4. Các điều kiện khác: Giáo viên chuyên ngành, vườn thuốc chuẩn.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua kiểm tra mỗi đầu giờ học và bài thi tự luận.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua việc thực hiện các kỹ thuật châm cứu, xoa bóp, nhận biết mặt thuốc.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua sự quan sát trực tiếp trong quá trình học tập của sinh viên

2. Phương pháp

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài. Hình thức: trắc nghiệm
- Kiểm tra định kỳ: 01bài. Hình thức: vấn đáp thực hành
- Hình thức thi kết thúc môn học: trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Chương trình môn học y học cổ truyền được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng ngành Điều dưỡng trong trường Cao đẳng y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên
- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực.
- Thực hành: Thực tập tại trường: phòng thực tập, vườn thuốc. Sử dụng các dạng thuốc mẫu để hướng dẫn học sinh.
- Đối với người học: Cần chăm chỉ, chủ động chuẩn bị bài và học bài, trao đổi với bạn cùng lớp, hỏi giáo viên những nội dung chưa hiểu rõ trong chương trình...

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Hướng dẫn cho sinh viên nhận mặt các vị thuốc, cây thuốc.
- Hướng dẫn cho sinh viên tiến hành phương pháp giác hơi, đánh gió, xông, chườm, ngâm.

4. Tài liệu tham khảo

1. Khoa Y học cổ truyền trường Đại học Y Hà Nội (Tái bản 2017), *Bài giảng Y học cổ truyền* tập I-II, nhà xuất bản Y học.

2. BSCKII Huỳnh Tấn Vũ (2023), *Y học cổ truyền cơ sở*, nhà xuất bản Y học.

3. Trần Văn Kỳ (tái bản 2023), *Dược học cổ truyền toàn tập,* nhà xuất bản Đà Nẵng.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG NÂNG CAO

Tên môn học: Kỹ thuật điều dưỡng nâng cao
Mã môn học: MH 16
Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ 1LT/1TH)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ I năm thứ hai đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng về các kỹ thuật điều dưỡng nâng cao trong thực hành chăm sóc người bệnh tại khoa cấp cứu và khoa hồi sức tích cực, nâng cao kỹ năng sử dụng các máy móc công nghệ cao và ứng dụng quy trình kỹ thuật nâng cao trên lâm sàng

II. Mục tiêu môn học

1. CĐRMĐ1: Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh an toàn trong các tình huống dạy học cụ thể, sử dụng được các trang thiết bị y tế để ứng dụng vào thực hiện các kỹ thuật nâng cao và chuyên sâu tại phòng thực hành (CĐR 5).
2. CĐRMĐ2: Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng nâng cao và chuyên sâu đúng quy trình kỹ thuật trên mô hình tại phòng thực hành, tôn trọng tính cá biệt của từng ca bệnh (CĐR 2, 3, 4, 6).
3. CĐRMĐ3: Phát hiện được các tai biến có thể xảy ra để dự phòng, phát hiện và xử trí các tai biến khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng nâng cao và chuyên sâu; xử trí được các tình huống cấp cứu trong các tình huống dạy học cụ thể (CĐR 2, 3, 4, 6).
5. CĐRMĐ 4: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, thể hiện thái độ ân cần, tôn trọng người bệnh và người nhà trong các tình huống dạy học cụ thể tại các phòng thực hành (CĐR 5).
6. CĐRMĐ 6: Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tác phong nhanh nhẹn. Có khả năng độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm. Sử dụng được công nghệ thông tin để áp dụng cho học tập. Quản lý tốt thời gian và tự tin phát biểu trong môi trường học tập. Tự tin khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng nâng cao và chuyên sâu. Tự đánh giá mức độ thực hiện kỹ thuật của bản thân (CĐR 8,9).

Đề đạt được chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

Trình bày được kiến thức về kỹ thuật điều dưỡng nâng cao và kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu của nghề nghiệp điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng nâng cao và phụ giúp bác sỹ thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.
- Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh, người nhà người bệnh và với đồng nghiệp.
- Rèn luyện được kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Phát huy tính tích cực tự học, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và vận dụng được kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.
- Hình thành được tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Kỹ thuật chăm sóc người bệnh thở máy	4	4	0	
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh lọc máu chu kỳ bằng kỹ thuật chạy thận nhân tạo	3	3	0	
3	Bài 3. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	10	2	8	
4	Bài 4. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt ống nội khí quản	10	2	8	
5	Bài 5. Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ mở khí quản	6	2	4	
6	Bài 6. Kỹ thuật hút đờm qua ống nội khí quản, canuyn mở khí quản	9	1	8	
7	Bài 7: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch	1	1	0	
8	Kiểm tra	2			2
	Cộng	**45**	**15**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Kỹ thuật chăm sóc người bệnh thở máy Thời gian: 4,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa thở máy, cai thở máy và thôi thở máy.
- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định thở máy.
- Trình bày được quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh thở máy.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc người bệnh thở máy.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Chỉ định thở máy
2.2.1. Giảm thông khí phế nang
2.2.2. Thiếu oxy máu nặng
2.3. Chống chỉ định thở máy
2.4. Kỹ thuật chăm sóc người bệnh thở máy

2.4.1. Chăm sóc ống nội khí quản hoặc mở khí quản
2.4.2. Chăm sóc mặt nạ thở máy không xâm nhập
2.4.3. Chăm sóc theo dõi hoạt động máy thở
2.4.4. Theo dõi, phát hiện biến chứng khi thở máy và xử trí
2.4.5. Giúp người bệnh sớm cai và ngưng thở máy

Bài 2: Chăm sóc người bệnh lọc máu chu kỳ bằng kỹ thuật chạy thận nhân tạo

Thời gian: 3,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Hiểu được kỹ thuật lọc máu bằng chạy thận nhân tạo.
- Nêu được mục đích, chỉ định và chống chỉ định lọc máu chu kỳ bằng kỹ thuật chạy thận nhân tạo.
- Trình bày được quy trình lọc máu và các biến chứng hay gặp khi lọc máu chu kỳ bằng kỹ thuật chạy thận nhân tạo.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc người bệnh lọc máu chu kỳ bằng kỹ thuật chạy thận nhân tạo.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 3,0 giờ

2.1. Đại cương
2.2. Mục đích
2.3. Chỉ định
2.4. Chống chỉ định
2.5. Quy trình lọc máu
2.5.1. Chuẩn bị, khởi động máy
2.5.2. Bác sỹ đánh giá tình trạng người bệnh trước khi lọc máu
2.5.3. Điều dưỡng chuẩn bị người bệnh lọc máu chu kỳ
2.5.4. Theo dõi buổi lọc máu
2.5.5. Trả máu về cho người bệnh, kết thúc buổi lọc
2.6. Biến chứng hay gặp trong chạy thận nhân tạo
2.6.1. Hạ huyết áp
2.6.2. Chuột rút
2.6.3. Buồn nôn và nôn
2.6.4. Nhức đầu
2.6.5. Đau ngực và đau lưng
2.6.6. Ngứa

Bài 3: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch trung tâm

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định và tai biến đặt catheter tĩnh mạch trung tâm.
- Trình bày được cách theo dõi và chăm sóc người bệnh sau đặt catheter tĩnh mạch trung tâm.
- Thực hành được kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch trung tâm trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Định nghĩa

2.2. Chỉ định

2.3. Chống chỉ định

2.4. Tai biến

2.5. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau đặt catheter tĩnh mạch trung tâm

Thực hành: Thời gian: 8,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch trung tâm

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 4: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt ống nội khí quản Thời gian: 10,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, nguyên tắc, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và biến chứng của đặt ống nội khí quản.
- Trình bày được cách theo dõi, chăm sóc người bệnh sau đặt ống nội khí quản.
- Thực hiện được kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt ống nội khí quản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Mục đích

2.2. Nguyên tắc

2.3. Chỉ định

2.4. Các tai biến và biến chứng

2.4.1. Tai biến

2.4.2. Biến chứng

2.5. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau đặt ống nội khí quản

Thực hành: Thời gian: 8,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật phụ giúp bác sĩ đặt ống nội khí quản

2.3. Thao tác mẫu

2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 5: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ mở khí quản Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định, tai biến và biến chứng của mở khí quản.
- Trình bày được cách chăm sóc người bệnh sau mở khí quản.
- Thực hiện được kỹ thuật phụ giúp bác sĩ mở khí quản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, khẩn trương, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 2,0 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Chỉ định
2.3. Chống chỉ định
2.4. Các tai biến và biến chứng
2.4.1. Tai biến
2.4.2. Biến chứng
2.5. Chăm sóc người bệnh mở khí quản
2.5.1. Hút đờm rãi
2.5.2. Thay băng, rửa vết mổ, thay canuyn
2.5.3. Khí dung chống bội nhiễm, chống viêm tại chỗ
2.5.4. Rút canuyn

Thực hành: Thời gian: 4,0 giờ

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật phụ giúp bác sĩ mở khí quản
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 6: Kỹ thuật hút đờm qua ống nội khí quản, canuyn mở khí quản

Thời gian: 9,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định, tai biến, biến chứng và những điểm cần lưu ý khi hút đờm qua ống nội khí quản, canuyn mở khí quản.
- Thực hiện được kỹ thuật hút đờm qua ống nội khí quản, canuyn mở khí quản trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Rèn luyện được sự cẩn thận, khẩn trương, chính xác, vô khuẩn, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Mục đích
2.2. Chỉ định
2.3. Tai biến và biến chứng
2.3.1. Giảm oxy máu
2.3.2. Tổn thương niêm mạc, chảy máu khí phế quản
2.3.3. Ngừng tuần hoàn
2.3.4. Kích thích, gây nôn, nguy cơ sặc vào phổi
2.3.5. Nhiễm khuẩn
2.3.6. Tăng áp lực nội sọ
2.3.7. Các biến chứng khác
2.4. Những điểm cần lưu ý khi hút đờm

Thực hành: Thời gian: 8,0 giờ

Kỹ thuật hút đờm qua ống nội khí quản:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật hút đờm qua ống nội khí quản
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh

2.5. Phân công vị trí luyện tập
Kỹ thuật hút đờm qua canuyn mở khí quản:
2.1. Chuẩn bị người bệnh, người điều dưỡng, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật hút đờm qua canuyn mở khí quản
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 7: Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định, tai biến, biến chứng và vị trí của kỹ thuật phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch.
- Trình bày được quy trình kỹ thuật phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch.
- Trình bày được các thông số cơ bản trong khí máu động mạch và các điểm cần lưu ý khi tiến hành kỹ thuật phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc người bệnh được tiến hành kỹ thuật phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

Lý thuyết: Thời gian: 1,0 giờ

2.1. Định nghĩa
2.2. Chỉ định
2.3. Chống chỉ định
2.4. Tai biến và biến chứng
2.5. Vị trí
2.6. Quy trình kỹ thuật tiến hành
2.7. Các thông số cơ bản trong khí máu động mạch
2.8. Những điểm cần lưu ý khi phụ giúp bác sĩ xét nghiệm khí máu động mạch

Kiểm tra: Thời gian: 2,0 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp; mô hình, phương tiện, dụng cụ thực hành; bảng kiểm quy trình kỹ thuật điều dưỡng.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra vấn đáp. Sinh viên phải trình bày được kiến thức về kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu của nghề nghiệp điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua việc thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và phụ giúp bác sỹ thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên sâu trên người bệnh giả định đúng bảng kiểm quy trình.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

+ Hình thành được tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra 02 bài:

+ 01 bài kiểm tra thường xuyên: Trắc nghiệm

+ 01 bài kiểm tra định kỳ: Thực hành.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành – Vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học đào tạo được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của người học.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần làm thao tác mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được các bước của quy trình kỹ thuật, phân tích các lỗi sai hỏng thường gặp khi thực hiện kỹ thuật, đồng thời quan sát sinh viên thực hiện các thao tác kỹ thuật, kịp thời uốn nắn các sai sót để sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật điều dưỡng nâng cao trong chăm sóc người bệnh.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đạt Anh (2015), *Điều dưỡng hồi sức cấp cứu*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

2. Nguyễn Quốc Anh, Mai Trọng Khoa (2016), *Một số kỹ thuật thực hành chăm sóc người bệnh theo chuyên khoa*, Nhà xuất bản Y học.

3. Lê Thị Bình (2018), *Điều dưỡng cơ bản I – II*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

4. Lê Thị Bình, Trần Thuý Hạnh (2017), *Điều dưỡng cơ bản và nâng cao*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

5. Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận (2016), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập I – II*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

6. Trường Đại học Y Hà Nội (2016), *Bài giảng kỹ năng y khoa*, Nhà xuất bản Y học.

7. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2017), *Giáo trình Điều dưỡng cơ sở 1- 2.*

8. Bộ Tài nguyên và môi trường (2025), Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT: Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA – CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa – Chăm sóc sức khỏe tâm thần
Mã môn học: MH 17
Thời gian thực hiện môn học: 62 giờ (Lý thuyết: 60 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Là môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc, được học sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học cơ sở.
2. Tính chất: Là môn học đóng vai trò kết nối kiến thức khoa học cơ sở (Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh, Vi sinh – ký sinh trùng, Kiểm soát nhiễm khuẩn) với các bệnh nội khoa. Môn học đòi hỏi người học áp dụng được kiến thức nền tảng để phân tích đặc điểm bệnh nội khoa. Môn học cũng trang bị cho người học tư duy phân tích lâm sàng và năng lực thiết lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc chuyên sâu cho người bệnh, giúp người học có kiến thức lý thuyết đầy đủ trước khi thực tập chăm sóc người bệnh trên lâm sàng, cũng như để kết nối kiến thức cho các môn học chuyên ngành khác.

II. Mục tiêu môn học:

- CĐRMH 1: Tổng hợp và giải thích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên tắc xử trí và quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh lý Nội khoa và bệnh tâm thần thường gặp (CĐR 2, CĐR 3)
- CĐRMH 2: Thực hiện thành thạo việc nhận định tình trạng bệnh, phân loại ưu tiên và triển khai các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cho người bệnh. (CĐR 3, CĐR 4)
- CĐRMH 3: Sử dụng thành thạo các thiết bị y tế số hóa (Monitor, máy truyền dịch...) và quản lý tốt môi trường chăm sóc, hồ sơ bệnh án nội khoa nhằm giảm thiểu rủi ro và cải tiến chất lượng chăm sóc người bệnh. (CĐR 6, CĐR 9)
- CĐRMH 4: Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sự thận trọng, tỉ mỉ trong từng thao tác; có khả năng giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp/thân nhân và duy trì tư duy phản biện để tự học tập, cập nhật kiến thức cấp cứu dựa trên bằng chứng. (CĐR 1, CĐR 5, CĐR 8)
Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:
1. Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và hướng điều trị các bệnh nội khoa thường gặp.
2. Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để nhận định và chăm sóc được người bệnh mắc các bệnh nội khoa.
+ Chẩn đoán chăm sóc và lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa.
+ Thực hiện một số kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng nội khoa.
+ Biết cách khám để phát hiện triệu chứng bình thường và triệu chứng bất thường của các bộ máy: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu
3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	**Chương 1: Bệnh tim mạch**	**10**	**10**	
	Bài 1.Triệu chứng bệnh tim mạch		2	

	Bài 2. Chăm sóc người bệnh suy tim		2	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh mắc bệnh van tim		2	
	Bài 4. Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp		2	
	Bài 5. Chăm sóc người bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim		2	
2	**Chương 2: Bệnh hô hấp**	**5**	**5**	
	Bài 1. Triệu chứng bệnh hô hấp		1	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm phổi		2	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh hen phế quản		2	
3	**Chương 3: Bệnh tiêu hoá**	**12**	**12**	
	Bài 1. Triệu chứng bệnh tiêu hóa		1	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng		1	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh áp xe gan		2	
	Bài 4. Chăm sóc người bệnh xơ gan		4	
	Bài 5. Chăm sóc người bệnh ung thư gan		2	
	Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp		2	
4	**Chương 4: Bệnh hệ tiết niệu**	**7**		
	Bài 1. Triệu chứng bệnh tiết niệu		1	
	Bài 2. Nhiễm khuẩn tiết niệu		1	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn		2	
	Bài 4. Chăm sóc người bệnh suy thận mạn		3	
5	**Chương 5: Bệnh nội tiết**			
	Bài 1. Chăm sóc người bệnh Basedow	**6**	2	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường		4	
6	**Chương 5: Bệnh về máu**	**2**		
	Bài 1. Triệu chứng cơ quan tạo máu		1	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp		1	
7	**Chương 6: Bệnh cơ – xương – khớp**	**3**		
	Bài 1. Triệu chứng bệnh cơ – xương – khớp		1	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp		1	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh Gút		1	
8	**Chương 7: Bệnh thần kinh, cấp cứu, tự miễn**	**7**	**4**	
	Bài 1. Chăm sóc người bệnh động kinh		2	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh tai biến mạch não		4	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh Lupus ban đỏ		1	
9	**Chương 8. Bệnh tâm thần**	**8**	**8**	
	Bài 1: Đại cương bệnh tâm thần		1	
	Bài 2: Phụ giúp bác sĩ khám người bệnh tâm thần		1	
	Bài 3: Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt		2	
	Bài 4: Chăm sóc người bệnh Hysteria		1	
	Bài 5:Chăm sóc người bệnh loạn thần do rượu		1	
	Bài 6. Dùng thuốc cho người bệnh tâm thần		1	
	Bài 7. Quản lý người bệnh tâm thần tại cộng đồng		1	
	Tổng	**62**	**60**	**02**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Bệnh tim mạch

Bài 1. Triệu chứng bệnh tim mạch Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những triệu chứng lâm sàng thường gặp trong bệnh tim mạch.
- Trình bày được các nguyên nhân gây ra các triệu chứng bệnh tim mạch.
- Trình bày được một số xét nghiệm và nêu được giá trị 4 xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh tim mạch.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc các bệnh tim mạch

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tim mạch

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Một số triệu chứng lâm sàng thường gặp trong bệnh tim mạch

2.2. Một số xét nghiệm thường dùng trong chẩn đoán bệnh tim mạch

Bài 2. Chăm sóc người bệnh suy tim Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm suy tim, các nguyên nhân thường gặp gây suy tim.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, phân loại mức độ suy tim, biến chứng suy tim.
- Trình bày cách chăm sóc người bệnh suy tim.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh suy tim

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tim mạch

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Tiến triển và biến chứng suy tim

2.4. Điều trị

2.5. Chăm sóc:

2.5.1. Nhận định:

2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.5.5. Đánh giá

2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc

Bài 3. Chăm sóc người bệnh mắc bệnh van tim Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, triệu chứng lâm sàng, hậu quả và biến chứng của một số bệnh van tim thường gặp (hẹp van hai lá, hở van hai lá, hở van động mạch chủ).
- Lập được KHCS người bệnh bị bệnh van tim
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh van tim

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh van tim.

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Một số bệnh van tim

2.2.1. Bệnh hẹp van hai lá

2.2.2. Bệnh hở van hai lá

2.2.3. Bệnh hở van động mạch chủ

2.2.4. Các bệnh van tim phối hợp

2.3. Chăm sóc:
2.3.1. Nhận định
2.3.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.3.5. Đánh giá

Bài 4. Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức

+ Trình bày được nguyên nhân, phân loại mức độ tăng huyết áp và các biến chứng tăng huyết áp.

+ Trình bày cách chăm sóc người bệnh tăng huyết áp.

- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh tăng huyết áp

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tăng huyết áp

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng và phân loại mức độ tăng huyết áp
2.3. Tiến triển và biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 5. Chăm sóc người bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh tim thiếu máu cục bộ.
- Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tim thiếu máu cục bộ.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Các yếu tố nguy cơ
2.2.1. Các yếu tố nguy cơ đã rõ
2.2.2. Các yếu tố nguy cơ có thể liên quan
2.2.3. Các yếu tố nguy cơ không thể thay đổi
2.3. Triệu chứng
2.3.1. Lâm sàng:
2.3.2. Cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.5. Điều trị
2.5.1. Điều trị nội khoa
2.5.2. Điều trị ngoại khoa

2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
- Làm mất cơn đau ngực.
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Chương 2: Bệnh hô hấp

Bài 1. Triệu chứng bệnh hô hấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày các triệu chứng lâm sàng , xét nghiệm và các nguyên nhân gây ra các bệnh lý hệ hô hấp.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh lý hệ hô hấp
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh lý hệ hô hấp
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1.Triệu chứng cơ năng
2.2. Triệu chứng thực thể
2.3. Một số xét nghiệm

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm phổi Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây viêm phổi.
- Trình bày được triệu chứng LS và cận LS của viêm phổi thùy.
- Trình bày được tiến triển và biến chứng của viêm phổi thùy.
- Lập và thực hiện được KHCS người bệnh viêm phổi thùy.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh viêm phổi
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh viêm phổi
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm
2.2. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ
2.3. Triệu chứng của viêm phổi
2.3.1. Lâm sàng
2.3.2. Cận lâm sàng
2.4. Tiến triển và biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc người bệnh hen phế quản Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách phòng các bệnh hen phế quản.
- Lập và thực hiện được KHCS người bệnh mắc bệnh hen phế quản.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh hen phế quản
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh hen phế quản

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân: Tìm nguyên nhân gây hen rất khó, nhưng những yếu tố làm khởi phát

2.3. Phân loại hen: Có 4 loại:

2.4. Triệu chứng:

2.4.1. Lâm sàng (cơn hen phế quản điển hình)

2.4.2. Cận lâm sàng :

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.5.1. Tiến triển

2.5.2. Biến chứng:

2.6. Điều trị và phòng bệnh

2.6.1. Điều trị cơn hen:

2.6.2. Phòng cơn hen tái phát:

2.7. Chăm sóc:

2.7.1.Nhận định:

2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.7.4. Thực hiện KHCS

2.7.5. Đánh giá

Chương 3: Bệnh tiêu hoá Thời gian: 12 giờ

Bài 1. Triệu chứng bệnh tiêu hóa Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm của bộ máy tiêu hoá.
- Kể được một số nguyên nhân gây rối loạn cơ năng bộ máy tiêu hoá.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh tiêu hóa

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tiêu hóa

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng cơ năng của bệnh tiêu hoá

2.3. Triệu chứng thực thể

2.3.1. Khám miệng, lưỡi, họng

2.3.2. Khám bụng

2.4. Các xét nghiệm cận lâm sàng

2.4.1. Xét nghiệm sinh hoá máu:

2.4.2. Nội soi tiêu hoá:

2.4.3. Siêu âm và chụp cắt lớp

2.4.4. Chụp X quang bụng

2.5. Một số hội chứng

Bài 2. Chăm sóc người bệnh loét dạ dày, tá tràng Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh.
- Trình bày được 4 biến chứng chính của bệnh.
- Trình bày cách lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loét dạ dày-tá tràng.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh loét dạ dày, tá tràng

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh loét dạ dày, tá tràng

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:
2.1.Nguyên nhân
2.2.Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc người bệnh áp xe gan Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:
- Trình bày được 3 nguyên nhân gây nên apxe gan.
- Trình bày được triệu chứng, biến chứng của apxe gan.
- Trình bày cách lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc người bệnh apxe gan.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh áp xe gan
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh áp xe gan
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:
2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 4. Chăm sóc người bệnh xơ gan Thời gian: 4,0 giờ

1. Mục tiêu:
- Trình bày được các nguyên nhân gây xơ gan.
- Trình bày các triệu chứng và biến chứng của xơ gan
- Trình bày cách lập kế hoạch và cách chăm sóc người bệnh xơ gan
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh xơ gan
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh xơ gan
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:
2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.5. Đánh giá

Bài 5. Chăm sóc người bệnh ung thư gan Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên nhân gây ung thư gan.
- Trình bày các triệu chứng và biến chứng của ung thư gan
- Trình bày cách lập kế hoạch và cách chăm sóc người bệnh ung thư gan
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh ung thư gan

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh ung thư gan

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên nhân gây viêm tụy cấp.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm bệnh viêm tụy cấp.
- Trình bày các biến chứng, cách điều trị viêm tụy cấp.
- Trình bày cách chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh viêm tụy cấp.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh viêm tụy cấp.

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Giải phẫu bệnh
2.1.3. Nguyên nhân thường gặp
2.1.4. Cơ chế bệnh sinh:
2.2. Triệu chứng
2.2.1. Triệu chứng lâm sàng:
2.2.2. Xét nghiệm
2.3. Chẩn đoán
2.3.1. Chẩn đoán xác định cần dựa vào
2.3.2. Chẩn đoán phân biệt
2.4. Biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Dự phòng
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá

Chương 4: Bệnh hệ tiết niệu

Bài 1. Triệu chứng bệnh tiết niệu Thời gian : 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số triệu chứng rối loạn của bệnh lý hệ tiết niệu.
- Trình bày một số xét nghiệm cận lâm sàng đối với bệnh hệ tiết niệu.
- Trình bày được một số nguyên nhân gây ra các rối loạn tiết niệu.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh viêm đường tiết niệu.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh viêm đường tiết niệu.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng cơ năng của bệnh hệ tiết niệu
2.2.1. Đau bụng thận
2.2.2. Rối loạn tiểu tiện
2.3. Các triệu chứng toàn thân
2.4. Các xét nghiệm cận lâm sàng
2.4.1. Xét nghiệm nước tiểu:
2.4.2. Chụp thận có chuẩn bị
2.4.3. Chụp bụng không chuẩn bị
2.4.6. Xét nghiệm sinh hoá máu
2.4.5. Siêu âm thận - tiết niệu
2.4.4. Nội soi bàng quang

Bài 2. Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu Thời gian : 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nguyên nhân gây nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Trình bày Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc nhiễm khuẩn tiết niệu.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng:
2.3. Xét nghiệm:
2.4. Tiến triển và biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn Thời gian : 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số nguyên nhân gây viêm cầu thận mạn.
- Trình bày triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của viêm cầu thận mạn.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị viêm cầu thận mạn.
- Trình bày Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm cầu thận mạn.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh viêm cầu thận mạn.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh suy thận mạn.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng:
2.2.1. Giai đoạn đầu
2.2.2. Giai đoạn bệnh rõ
2.3. Xét nghiệm:
2.4. Tiến triển và biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Bài 4. Chăm sóc người bệnh suy thận mạn Thời gian : 3,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và điều trị suy thận mạn.
- Trình bày lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy thận mạn.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh suy thận mạn.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh suy thận mạn.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Chương 5: Bệnh nội tiết

Bài 1. Chăm sóc người bệnh Basedow Thời gian : 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng, biến chứng bệnh Basedow.
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh Basedow.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh Basedow.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh Basedow.

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Biến chứng

2.4. Điều trị

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.5. Đánh giá

Bài 2. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường Thời gian : 4,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng, biến chứng bệnh đái tháo đường.
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh đái tháo đường.
- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh đái tháo đường.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh đái tháo đường.

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Biến chứng

2.4. Điều trị

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.5. Đánh giá

Chương 6. Bệnh về máu

Bài 1. Triệu chứng cơ quan tạo máu Thời gian : 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, nguyên nhân gây ra các bệnh về máu.

+ Áp dụng để nhận định chăm sóc người bệnh mắc bệnh về máu.

- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh về máu.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh về máu.

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1.1. Các triệu chứng cơ năng của người bệnh mắc bệnh về máu:

2.1.2. Triệu chứng thực thể

2.2. Khám cận lâm sàng:

2.2.1. Xét nghiệm huyết đồ

2.2.2. Xét nghiệm tuỷ đồ

2.2.3. Làm nghiệm pháp dây thắt

2.2.4. Xét nghiệm máu đông, máu chảy

Bài 2. Chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng, biến chứng bệnh bạch cầu cấp.
- Trình bày lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh bạch cầu cấp.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh bạch cầu cấp.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Chương 7: Bệnh cơ – xương – khớp

Bài 1. Triệu chứng bệnh cơ – xương – khớp Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, các cơ quan vận động: cơ, xương, khớp.
- Trình bày một số phương pháp thăm dò cận lâm sàng bộ máy vận động.
- Trình bày được các nguyên nhân gây ra các triệu chứng bệnh về cơ, xương, khớp.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh cơ, xương, khớp.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh cơ, xương, khớp.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Thăm khám cơ
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2 Thực thể
2.2.3. Xét nghiệm
2.3. Thăm khám xương
2.3.1. Cơ năng
2.3.2. Thực thể
2.3.3. Xét nghiệm
2.4. Thăm khám khớp
2.4.1. Cơ năng
2.4.2. Thực thể
2.4.3. Phương pháp thăm dò cận lâm sàng

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng, biến chứng bệnh viêm khớp dạng thấp.
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh viêm khớp dạng thấp.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh viêm khớp dạng thấp.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh viêm khớp dạng thấp.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:
2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4.Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc người bệnh gút Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:
- Trình bày định nghĩa, nguyên nhân gây tăng acid uric máu.
- Trình bày triệu chứng, tiến triển và biến chứng của bệnh gút.
- Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh gút.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh gút.
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh gút.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:
2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm
2.1.3. Nguyên nhân và phân loại tăng axit uric máu
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Các xét nghiệm
2.4. Tiến triển
2.4.1. Thể thông thường
2.4.2. Thể nặng và ác tính
2.5. Điều trị
2.5.1. Điều trị cơn gút cấp tính
2.5.2. Điều trị cơ bản, dự phòng cơn gút cấp tính tái phát
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Chương 7. Bệnh hệ thần kinh

Bài 1. Chăm sóc người bệnh động kinh Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:
- Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng, biến chứng bệnh động kinh.
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh động kinh.
- Vận dụng kiến thức đã học để xử trí và chăm sóc được người bệnh mắc bệnh động kinh.
+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh động kinh.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:
2.1. Nguyên nhân
2.2. Triệu chứng

2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 2. Chăm sóc người bệnh tai biến mạch não Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh tai biến mạch não.
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tai biến mạch não.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh lý tai biến mạch não ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4.Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc người bệnh Lupus ban đỏ Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị người bệnh lupus ban đỏ.
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh lupus ban đỏ.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh lý lupus ban đỏ.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Hướng điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4.Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Chương 8. Bệnh tâm thần

Bài 1: Đại cương bệnh tâm thần Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm bệnh tâm thần, các nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây bệnh tâm thần.
- Trình bày được một số triệu chứng lâm sàng thường gặp trong bệnh lý tâm thần.
- Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh tâm thần.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh tâm thần.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tâm thần.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về bệnh tâm thần
2.2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây bệnh tâm thần
2.3. Một số rối loạn tâm thần thường gặp
2.4. Bệnh tâm thần và bệnh thần kinh khác nhau như thế nào
2.5. Dự phòng bệnh tâm thần

Bài 2: Phụ giúp bác sĩ khám người bệnh tâm thần Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cách bố trí phòng khám cho người bệnh tâm thần.
- Giúp thầy thuốc khám và tiến hành một số kỹ thuật sử dụng trong khoa tâm thần
- Trình bày được liệu pháp tâm lý trong tiếp đón, khám và chữa người bệnh tâm thần
- Vận dụng kiến thức đã học để đón tiếp và phụ giúp bác sĩ khám người bệnh tâm thần.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, đúng mực trong đón tiếp và chăm sóc người bệnh tâm thần.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Bố trí phòng khám cho người bệnh tâm thần
2.2. Phụ giúp bác sĩ khám người bệnh tâm thần
2.3. Phụ giúp bác sĩ làm sốc điện cho người bệnh tâm thần
2.4. Liệu pháp tâm lý tiếp đón, khám và điều trị người bệnh tâm thần

Bài 3: Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt Thời gian: 2,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày biểu hiện lâm sàng, phương pháp điều trị bệnh tâm thần phân liệt.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh tâm thần phân liệt.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tâm thần phân liệt.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương bệnh tâm thần phân liệt
2.2. Triệu chứng lâm sàng:
2.3. Chẩn đoán xác định:
2.4. Điều trị bệnh tâm thần phân liệt
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 3: Chăm sóc người bệnh Hysteria Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày khái niệm, nguyên nhân và một số thể lâm sàng bệnh hysteria.
- Trình bày phòng bệnh và chăm sóc người bệnh bị hysteria.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh hysteria.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh hysteria.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu
2.2. Nguyên nhân cơ chế bệnh sinh.
2.3. Một số thể lâm sàng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 4: Chăm sóc người bệnh loạn thần do rượu Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày khái niệm, biểu hiện lâm sàng bệnh loạn thần do rượu.
- Trình bày chăm sóc người bệnh loạn thần do rượu.
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh loạn thần do rượu.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh loạn thần do rượu.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Chẩn đoán
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 6: Dùng thuốc cho người bệnh tâm thần Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày phương pháp điều trị không dùng thuốc cho người bệnh tâm thần.
- Trình bày cách dùng thuốc cho người bệnh tâm thần bằng đường tiêm và đường uống.
- Hướng dẫn được người nhà dùng thuốc cho người bệnh tâm thần tại cộng đồng
- Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc được người bệnh mắc bệnh tâm thần.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh tâm thần.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Phương pháp điều trị không dùng thuốc
2.2 Phương pháp chữa bệnh bằng thuốc
2.3 Dùng thuốc cho người bệnh tâm thần

2.4. Các biến chứng có thể xảy ra khi sử dụng thuốc hướng thần

Bài 7: Quản lý người bệnh tâm thần tại cộng đồng Thời gian: 1,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được quản lý người bệnh tâm thần tại cộng đồng.
- Trình bày được nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng đối với việc điều trị người bệnh tâm thần tại cộng đồng.
- Đánh giá được mức độ hồi phục người bệnh tâm thần tại cộng đồng
- Vận dụng kiến thức đã học để quản lý và chăm sóc được người bệnh mắc bệnh tâm thần tại cộng đồng.

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong quả lý và chăm sóc người bệnh mắc bệnh tâm thần tại cộng đồng.

+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của quản lý người bệnh tâm thần

2.2. Quản lý người bệnh tâm thần tại cộng đồng

2.3. Nhiệm vụ của các thành viên trong cộng đồng

2.4. Đánh giá mức độ phục hồi và thích ứng xã hội của người bệnh

2.5. Một số hình thức sinh hoạt nhóm tại cộng đồng

Kiểm tra: Hình thức trắc nghiệm Thời gian: 02 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc:
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, máy chiếu, máy vi tính, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận. Sinh viên phải trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí bệnh nội khoa thường gặp và kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề và các bài tập lập KHCS người bệnh nội khoa được giao trong quá trình thực tập lâm sàng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

. Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, đoàn kết giúp bạn trong học tập. Có thái độ ân cần niềm nở, nhanh nhẹn, sẵn sàng giúp đỡ đối với người bệnh, gia đình người bệnh. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

. Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục theo đúng quy định.

2. Phương pháp:

- Phần lý thuyết:

+ Kiểm tra thường xuyên: 01 bài.

+ Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Phần lý thuyết:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

2.2. Phần thực hành

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Quản lý, theo dõi tình hình học sinh

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định.

+ Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hằng tuần hoặc khi có yêu cầu.

+ Trong giờ học không sử dụng điện thoại, không tụ tập, đứng, ngồi ngoài hành lang.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về các bệnh nội khoa thường gặp và lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC TẬP LÂM SÀNG
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA

Tên môn học: TTLS Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa
Mã môn học: MH 18
Thời gian thực hiện môn học: 170 giờ (Thực hành: 160 giờ; Kiểm tra :10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí môn học: được thực hiện sau các môn học cơ sở, sau học lý thuyết môn CSSKNLB Nội khoa- CSSKTT
- Tính chất: môn học chuyên môn ngành nghề bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và hướng điều trị các bệnh nội khoa thường gặp.
- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để nhận định và chăm sóc được người bệnh mắc các bệnh nội khoa.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thái độ cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong chăm sóc người bệnh.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực hành	Kiểm tra
1	**Chương 1: Bệnh tim mạch**	**30**		**1,5**
	Bài 1.Triệu chứng bệnh tim mạch		6	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh suy tim		6	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh mắc bệnh van tim		6	
	Bài 4. Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp		6	
	Bài 5. Chăm sóc người bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim		6	
2	**Chương 2: Bệnh hô hấp**	**15**		**1**
	Bài 1. Triệu chứng bệnh hô hấp		3	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm phổi		6	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh hen phế quản		6	
3	**Chương 3: Bệnh tiêu hoá**	**33**		**2,5**
	Bài 1. Triệu chứng bệnh tiêu hóa		3	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng		6	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh áp xe gan		6	
	Bài 4. Chăm sóc người bệnh xơ gan		6	
	Bài 5. Chăm sóc người bệnh ung thư gan		6	
	Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp		6	
4	**Chương 4: Bệnh hệ tiết niệu**	**21**		**1**
	Bài 1. Triệu chứng bệnh tiết niệu		3	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn		6	
	Bài 4. Chăm sóc người bệnh suy thận mạn		12	
5	**Chương 5: Bệnh nội tiết**	**18**		**1**
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh Basedow		6	

	Bài 4. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường		12	
6	**Chương 6: Bệnh về máu**	**9**		1
	Bài 1. Triệu chứng cơ quan tạo máu		3	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp		6	
6	**Chương 7: Bệnh cơ – xương – khớp**	**18**		**1**
	Bài 1. Triệu chứng bệnh cơ – xương – khớp		6	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp		6	
	Bài 3. Chăm sóc người bệnh Gút		6	
7	**Chương 8: Bệnh thần kinh**	**16**		**1**
	Bài 1. Chăm sóc người bệnh động kinh		4	
	Bài 2. Chăm sóc người bệnh tai biến mạch não		12	
	Tổng	**170**	**160**	**10**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Bệnh tim mạch Thời gian: 30 giờ

Bài 1.Triệu chứng bệnh tim mạch Thời gian: 6,0 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh tim mạch.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh suy tim

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy tim.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chăm sóc người bệnh mắc bệnh van tim

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh van tim.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh tăng huyết áp.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 5. Chăm sóc người bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 2: Bệnh hô hấp Thời gian: 15 giờ

Bài 1. Triệu chứng bệnh hô hấp

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh lý hệ hô hấp.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm phổi

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm phổi.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chăm sóc người bệnh hen phế quản

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh hen phế quản.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 3:Bệnh tiêu hoá Thời gian: 33 giờ

Bài 1. Triệu chứng bệnh tiêu hóa

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh tiêu hóa.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh loét dạ dày, tá tràng

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh loét dạ dày, tá tràng.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chăm sóc người bệnh áp xe gan

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh áp xe gan.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Chăm sóc người bệnh xơ gan

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh xơ gan.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 5. Chăm sóc người bệnh ung thư gan

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư gan.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 4: Bệnh hệ tiết niệu Thời gian: 18 giờ

Bài 1. Triệu chứng bệnh tiết niệu Thời gian: 3 giờ

Thực hành tại bệnh viện:

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh hệ tiết niệu.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm cầu thận mạn.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Chăm sóc người bệnh suy thận mạn

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh suy thận mạn.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 5: Bệnh nội tiết Thời gian: 18 giờ

Bài 1. Chăm sóc người bệnh Basedow

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh Basedow.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 6. Bệnh về máu Thời gian: 9 giờ

Bài 1. Triệu chứng cơ quan tạo máu Thời gian: 3 giờ

Thực hành tại bệnh viện:

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh về máu.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh bạch cầu cấp.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 7: Bệnh cơ – xương – khớp Thời gian: 18 giờ

Bài 1. Triệu chứng bệnh cơ – xương – khớp

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh cơ, xương, khớp.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chăm sóc người bệnh gút

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh gút.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 8. Bệnh thần kinh

Bài 1 . Chăm sóc người bệnh động kinh

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh gút.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh tai biến mạch não

Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh gút.

2. Nội dung bài:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa tại bệnh viện, khoa Nội Bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc:
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, máy chiếu, máy vi tính, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng, kế hoạch giảng dạy lâm sàng, sổ tay lâm sàng, bảng chỉ tiêu tay nghề, mẫu KHCS.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề và các bài tập lập KHCS người bệnh nội khoa được giao trong quá trình thực tập lâm sàng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

+ Khi học thực hành lâm sàng bệnh viện:

. Chấp hành nội quy, quy chế bệnh viện và khoa/phòng thực tập, tuân thủ theo sự phân công của giảng viên, điều dưỡng trưởng và cán bộ y tế tại khoa/phòng.

. Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, đoàn kết giúp bạn trong học tập. Có thái độ ân cần niềm nở, nhanh nhẹn, sẵn sàng giúp đỡ đối với người bệnh, gia đình người bệnh. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

. Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục (quần áo blouse, mũ, khẩu trang, thẻ HSSV) theo đúng quy định.

. Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn trật tự vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hàng tuần và đột xuất khi có yêu cầu.

. Thực hiện đúng các qui định về học lâm sàng; có sổ tay lâm sàng, sổ thực hiện chỉ tiêu lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề có xác nhận của thầy cô hoặc cán bộ y tế bệnh viện, làm đầy đủ các kế hoạch chăm sóc, bài tập được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa/phòng.

. Tham gia trực tại khoa thực tập theo đúng lịch phân công. Nếu có thay đổi phải báo cáo với giảng viên phụ trách và ký xác nhận trong lịch trực. Sinh viên trực phải viết giao ban vào sổ giao ban, xác nhận trực của ca trực vào sổ tay lâm sàng và báo cáo giao ban vào đầu giờ hoặc cuối giờ buổi học sau.

2. Phương pháp:

+ Kiểm tra thường xuyên: 01 bài.

+ Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức tự luận, trắc nghiệm.

- Phần thực hành:

+ Điểm chuyên cần:

+ Tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học và trực.

. Ý thức học tự giác, chấp hành sự phân công, làm đủ các bài tập, báo cáo học tập theo quy định.

+ Điểm chỉ tiêu tay nghề, điểm thường xuyên:

. Đủ chỉ tiêu tay nghề ghi trong bảng chỉ tiêu tay nghề có xác nhận của điều dưỡng trưởng khoa hoặc giảng viên hướng dẫn lâm sàng.

. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học lâm sàng.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Tự luận, trắc nghiệm

Chỉ tiêu về KHCS: Lập và phân tích được

TT	Nội dung	Số lần	Ghi chú
1	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tim mạch	2	Tại khoa tim mạch
2	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh hô hấp	2	Tại khoa hô hấp
3	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tiêu hóa	2	Tại khoa tiêu hóa
4	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tiết niệu	1	Tại khoa tiết niệu
5	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh cơ xương khớp	1	Tại khoa xương khớp
6	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh nội tiết	1	Tại khoa nội tiết
7	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh thần kinh	1	Tại khoa thần kinh
8	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tâm thần	2	Tại khoa tâm thần

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Tiêm bắp, tiêm trong da, dưới da			5
2	Truyền bơm tiêm điện		1	

3	Tiêm tĩnh mạch			5
4	Thụt tháo bằng thuốc hoặc nước		1	
5	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng		1	
6	Thay chiếu, vải trải giường			5
7	Truyền dịch thông thường,truyền thuốc			2
8	Chăm sóc, phòng ngừa loét ép			3
9	Cho người bệnh ăn bằng thìa hoặc ăn qua ống thông dạ dày			3
10	Cho người bệnh thở oxy hoặc khí dung			2
11	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm			5
12	Đo và theo dõi các dấu hiệu sinh tồn			10
13	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nội khoa			2
14	Thông tiểu nam, nữ	1		
15	Cho người bệnh ăn qua sonde	1		
16	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng tim	1		
17	Rửa dạ dày	1		
18	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng phổi	1		
19	Phụ giúp bác sĩ nội soi	1		
20	Phụ giúp bác sĩ làm điện tim	1		
21	Truyền máu	1		

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tham gia giảng dạy lâm sàng theo mục tiêu, nội dung kế hoạch thực tập đã được nhà trường phê duyệt.

+ Quản lý, theo dõi tình hình học sinh thực tập tại khoa: Sĩ số, thời gian học/trực lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề, trang phục, giao tiếp, ứng xử, giữ vệ sinh khoa, phòng bệnh viện...

+ Hằng ngày tổ chức giao ban bình bệnh án cho học sinh vào đầu giờ hoặc cuối giờ, giảng lâm sàng đầu giường bệnh ít nhất 2 buổi/tuần.

+ Hằng tuần giao nhiệm vụ học tập cho học sinh và kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện bài tập được giao cho học sinh và chỉ tiêu tay nghề để kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập lâm sàng của từng học sinh.

- Đối với người học:

+ Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định (quần áo blouse, mũ, khẩu trang, thẻ sinh viên, đi dép quai hậu hoặc giày).

+ Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hằng tuần hoặc khi có yêu cầu.

+ Trong giờ học lâm sàng phải ở đúng vị trí được phân công, không sử dụng điện thoại, không tụ tập, đứng, ngồi ngoài hành lang.

+ Thực hiện đúng các quy định về học lâm sàng: Có sổ tay lâm sàng, thực hiện đủ chỉ tiêu tay nghề, làm đủ bệnh án được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa.

+ Tham gia trực tại khoa theo lịch được phân công, nếu có thay đổi phải báo lại cho giảng viên và kí xác nhận. Học sinh trực phải viết giao ban và kí xác nhận của ca trực vào sổ lâm sàng và báo cáo giao ban vào buổi giao ban ngày hôm sau.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về các bệnh nội khoa thường gặp và lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đạt Anh (2015), Điều dưỡng hồi sức cấp cứu, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Nguyễn Tấn Cường (2017), Điều dưỡng ngoại, tập 1,2, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục.

3. Bộ môn Ngoại (2016), Bài giảng bệnh học ngoại khoa, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

4. Đặng Hanh Đệ (2017), Cấp cứu ngoại khoa, tập 1,2, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Trần Ngọc Tuấn (2016), Điều dưỡng ngoại khoa, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

6. Tài liệu đào đạo Điều dưỡng ngoại khoa (2018), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Tên môn học: Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm
Mã môn học: MH 19
Thời gian thực hiện: 95 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành bệnh viện: 60 giờ; Kiểm tra: 7 giờ (2LT/5TH))

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Là môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc, được học sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học cơ sở.

2. Tính chất: Là môn học đóng vai trò kết nối kiến thức khoa học cơ sở (Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh, Vi sinh – ký sinh trùng, Kiểm soát nhiễm khuẩn) với các bệnh truyền nhiễm. Môn học đòi hỏi người học áp dụng được kiến thức nền tảng để phân tích đặc điểm dịch tễ (nguồn lây, đường lây, đối tượng cảm thụ) và phân nhóm bệnh truyền nhiễm theo đường lây một cách khoa học. Môn học cũng trang bị cho người học tư duy phân tích lâm sàng và năng lực thiết lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc chuyên sâu cho người bệnh truyễn nhiễm, giúp người học giải thích được các biện pháp dự phòng, kiểm soát nhiễm khuẩn, quy định cách ly đối với từng đường lây bệnh và cơ chế sử dụng thuốc/vắc xin nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

- CĐRMH 1: Áp dụng các kiến thức về vi sinh- kí sinh trùng trình bày được định nghĩa bệnh truyền nhiễm, các thời kỳ diễn biến lâm sàng, đặc điểm dịch tễ học (nguồn lây, đường lây, đối tượng cảm thụ), đặc điểm vi sinh vật và cách phân nhóm bệnh truyền nhiễm theo đường lây (đường máu, đường da - niêm mạc, đường hô hấp - tiêu hóa)(CĐR 2)
- CĐRMH 2: Mô tả chính xác các triệu chứng lâm sàng điển hình, các xét nghiệm cận lâm sàng cơ bản, nguyên tắc điều trị và các biến chứng nguy hiểm của các bệnh truyền nhiễm thường gặp (như Viêm gan virus, HIV/AIDS, Nhiễm khuẩn huyết, Sốt xuất huyết Dengue, Uốn ván, Tả, Sởi, Thủy đậu...).(CĐR 2,4)
- CĐRMH 3: Giải thích được các biện pháp dự phòng, kiểm soát nhiễm khuẩn, quy định cách ly đối với từng đường lây và cơ chế sử dụng thuốc an toàn (đặc biệt là thuốc kháng sinh, kháng virus, huyết thanh, vaccine) trong các bệnh truyền nhiễm.(CĐR 1,2)
- CĐRMH 4: Thực hiện thành thạo quy trình nhận định điều dưỡng, đưa ra chẩn đoán điều dưỡng chính xác, xác định vấn đề ưu tiên và lập kế hoạch chăm sóc (KHCS) toàn diện cho các người bệnh thuộc chỉ tiêu lâm sàng (Viêm gan virus, Viêm màng não mủ, HIV/AIDS, Thủy đậu, Thương hàn, Nhiễm khuẩn huyết, Lỵ trực khuẩn, Tả)(CĐR 3,6)
- CĐRMH 5: Vận dụng được nguyên tắc và quy trình lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cho người bệnh truyền nhiễm tại bệnh viện và cộng đồng, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và các vấn đề ưu tiên của từng người bệnh (CĐR 3)
- CĐRMH 6: Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức tự học, có tư duy phản biện để chủ động cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và thích ứng với môi trường làm việc lâm sàng thay đổi (CĐR 8)

1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về tình hình dịch tễ bệnh truyền nhiễm, đặc diểm vi sinh vật gây từng bệnh, đường lây, nguồn lây và đối tượng cảm thụ với bệnh truyền nhiễm
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, hướng điều trị và phòng bệnh truyền nhiễm.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về cách chăm sóc người bệnh truyền nhiễm tại bệnh viện và tại cộng đồng..

2. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng tiếp xúc người bệnh truyền nhiễm với thái độ tránh kỳ thị và đề phòng được lây nhiễm.
- Nhận biết được đặc điểm bệnh truyền nhiễm nhằm phát hiện bệnh sớm và thực hiện cách ly sớm nếu cần.
- So sánh cách chăm sóc người bệnh truyền nhiễm với các người bệnh khác.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.
- Có ý thức nghề nghiệp, thận trọng, đảm bảo tính khoa học, chính xác trong công việc, tuân thủ các quy trình trong thực hành lâm sàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Các bệnh lây theo đường máu	30	10	20	0
1	Bài 1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm	4	2	2	0
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm gan do virus	7	2	5	0
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS.	7	2	5	0
4	Bài 4. Nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn.	6	2	4	0
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ	6	2	4	0
	Chương 2: Các bệnh lây theo đường da, niêm mạc	26	6	20	0
	Kiểm tra	1			1
6	Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm não Nhật Bản B.	7	2	5	0
7	Bài 7. Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue	7	2	5	0
8	Bài 8. Chăm sóc người bệnh dại	6	1	5	0
9	Bài 9. Chăm sóc người bệnh uốn ván	6	1	5	0
	Chương 3: Các bệnh lây theo đường hô hấp - tiêu hóa	32	12	20	0
10	Bài 10. Chăm sóc người bệnh cúm	3	1	2	0
11	Bài 11. Chăm sóc người bệnh sởi	4	1	3	0
12	Bài 12. Chăm sóc người bệnh quai bị.	5	2	3	0
13	Bài 13. Chăm sóc người bệnh thủy đậu	5	2	3	0
14	Bài 14. Chăm sóc người bệnh tả	5	2	3	0
15	Bài 15. Chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn, lỵ amip	5	2	3	0
16	Bài 16. Chăm sóc người bệnh thương hàn	5	2	3	0
17	Kiểm tra	1			1
	Kiểm tra thực hành	5			5
	Tổng số	**95**	**28**	**60**	**7**

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Các bệnh lây theo đường máu

Bài 1: Đại cương về bệnh truyền nhiễm

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa bệnh truyền nhiễm và các thời kỳ diễn biến lâm sàng, phân nhóm bệnh theo đường lây.

- Trình bày được các đặc điểm của khoa truyền nhiễm và đặc điểm chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào lập kế hoạch, thực hành lâm sàng chăm sóc các bệnh truyền nhiễm.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
2.3. Chẩn đoán bệnh truyền nhiễm
2.4. Đặc điểm chăm sóc bệnh truyền nhiễm

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm gan do virus

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, dịch tễ, đường lây, triệu chứng lâm sàng và phòng bệnh viêm gan do virus.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm gan virus
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh viêm gan do virus.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Điều trị
2.4. Phòng bệnh
2.5. Chăm sóc người bệnh viêm gan virus

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm gan do virus.

2. Nội dung:
2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được một số khái niệm về HIV, dịch tễ và diễn biến lâm sàng của bệnh HIV/AIDS.
- Trình bày được cơ chế khi nhiễm HIV và hướng điều trị người bệnh HIV/AIDS.
- Trình bày được chăm sóc người bệnh HIV/AIDS.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh HIV/AIDS.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Đường lây truyền
2.3. Cơ chế miễn dịch và quá trình nhân lên của HIV
2.4. Diễn biến lâm sàng trong nhiễm HIV/AIDS
2.5. Xét nghiệm
2.6. Hướng điều trị người bệnh HIV/AIDS
2.7. Chăm sóc người bệnh nhiễm HIV/AIDS

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh HIV/AIDS.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày triệu chứng của hội chứng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn.
- Trình bày được tình hình bệnh, mức độ trầm trọng, đường xâm nhập và tiên lượng của nhiễm khuẩn huyết.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn huyết theo quy định điều dưỡng.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung
2.1. Nhiễm khuẩn huyết
2.2. Sốc nhiễm khuẩn
2.3. Nguyên tắc điều trị
2.4. Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn
B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn.
2. Nội dung
2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận
Bài 5: Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ
A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng, nguyên tắc điều trị và phòng bệnh viêm màng não mủ.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh viêm màng não mủ.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.
2. Nội dung
2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Nguyên tắc điều trị
2.4. Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ
B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ.
2. Nội dung
2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 2: Các bệnh lây theo đường da, niêm mạc

Bài 6: Chăm sóc người bệnh viêm não Nhật Bản B

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và phòng bệnh viêm não Nhật bản B.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm não Nhật bản B.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh viêm não Nhật bản B.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Điều trị và phòng bệnh

2.4. Chăm sóc người bệnh viêm não Nhật bản B

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm não Nhật bản B.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 7: Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Nguyên tắc điều trị

2.4. Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.

- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 8: Chăm sóc người bệnh dại

A. Lý thuyết Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và phòng bệnh bệnh dại.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh dại.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh dại.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.1.1. Bệnh dại ở động vật

2.2.2. Bệnh dại ở người

2.3. Điều trị và phòng bệnh

2.4. Chăm sóc người bệnh dại

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh dại.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 9: Chăm sóc người bệnh uốn ván

A. Lý thuyết Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và phòng bệnh uốn ván.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh uốn ván
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh uốn ván.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Nguyên tắc điều trị và phòng bệnh

2.4. Chăm sóc người bệnh uốn ván

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh uốn ván.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 3: Các bệnh lây theo đường hô hấp – tiêu hóa

Bài 10: Chăm sóc người bệnh cúm

A. Lý thuyết Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây, đặc điểm dịch tễ triệu chứng lâm sàng và các biện pháp phòng bệnh cúm.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng cúm.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Đặc điểm dịch tễ học

2.3. Lâm sàng

*2.*4. Nguyên tắc điều trị và phòng bệnh

2.5. Chăm sóc người bệnh cúm

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh cúm.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 11: Chăm sóc người bệnh sởi

A. Lý thuyết Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây, đặc điểm dịch tễ triệu chứng lâm sàng và các biện pháp phòng bệnh sởi.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh sởi.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh sởi.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Điều trị và phòng bệnh

2.5. Chăm sóc người bệnh sởi

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh sởi.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 12: Chăm sóc người bệnh quai bị

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây, đặc điểm dịch tễ triệu chứng lâm sàng và các biện pháp phòng bệnh quai bị.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh quai bị.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh quai bị.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Dịch tễ

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Nguyên tắc điều trị và phòng bệnh

2.5. Chăm sóc người bệnh quai bị

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh quai bị.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 13: Chăm sóc người bênh thủy đậu

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây, đặc điểm dịch tễ triệu chứng lâm sàng và các biện pháp phòng bệnh thủy đậu.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh thủy đậu.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh thủy đậu.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Dịch tễ
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.4. Nguyên tắc điều trị và phòng bệnh
2.5. Chăm sóc người bệnh thủy đậu

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh thủy đậu.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 14: Chăm sóc người bệnh tả

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và điều trị và phòng bệnh tả.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh tả.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh tả.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Dịch tễ
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.4. Điều trị và phòng bệnh
2.5. Chăm sóc người bệnh tả

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh tả.

2. Nội dung
2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 15: Chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn, lỵ amip

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và điều trị và phòng bệnh lỵ trực khuẩn, lỵ amip.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn, lỵ amip.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh lỵ trực khuẩn, lỵ amip.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung
2.1. Lỵ trực khuẩn
2.1.1. Đại cương
2.1.2. Triệu chứng lâm sàng
2.1.3. Điều trị và phòng bệnh
2.2. Lỵ amíp
2.2.1. Đại cương
2.2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.3. Biến chứng: Apxe gan, phổi, áp xe não, thận, lách…
2.2.4. Điều trị
2.3. Chăm sóc người bệnh lỵ

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh lỵ trực khuẩn, lỵ amip.

2. Nội dung
2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 16: Chăm sóc người bệnh thương hàn

A. Lý thuyết Thời gian : 2 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, dịch tễ, triệu chứng lâm sàng và điều trị và phòng bệnh thương hàn.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh thương hàn.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành lâm sàng chăm sóc và dự phòng bệnh thương hàn.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Biến chứng

2.4. Phương pháp điều trị

2.5. Chăm sóc người bệnh thương hàn

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh thương hàn.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

3. Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

Chỉ tiêu về KHCS: Lập và phân tích được

TT	Nội dung	Số lần	Ghi chú
1	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh viêm gan do vi rut.	2	Tại khoa nhiệt đới
2	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh viêm màng não mủ	1	Tại khoa nhiệt đới
3	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh HIV/AIDS	2	Tại khoa nhiệt đới
4	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh thủy đậu	1	Tại khoa nhiệt đới
5	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh thương hàn	1	Tại khoa nhiệt đới
6	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh nhiễm khuẩn huyết	1	Tại khoa nhiệt đới
7	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh lỵ trực khuẩn	1	Tại khoa nhiệt đới
8	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tả	1	Tại khoa nhiệt đới

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Tiêm bắp, dưới da			5
2	Truyền bơm tiêm điện		1	
3	Tiêm tĩnh mạch			5
4	Thụt tháo bằng thuốc hoặc nước		1	
5	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng		1	
6	Thay chiếu, vải trải giường			5
7	Truyền dịch thông thường,truyền thuốc			2
8	Chăm sóc, phòng ngừa loét ép			3
9	Cho người bệnh ăn bằng thìa hoặc ăn qua ống thông dạ dày			3
10	Cho người bệnh thở oxy hoặc khí dung			2
11	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm			5
12	Đo và theo dõi các dấu hiệu sinh tồn			10
13	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nội khoa			2

14	Thông tiểu nam, nữ	1		
15	Cho người bệnh ăn qua sonde	1		
16	Rửa dạ dày	1		
17	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng phổi	1		
28	Truyền máu	1		

V. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Dụng cụ và trang bị: Giáo trình Dịch tễ & Bệnh truyền nhiễm của trường CĐY Hải phòng, máy tính, máy chiếu projector, phấn, bảng, tranh vẽ.
2. Học liệu: Tranh ảnh minh họa, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo.
3. Nguồn lực khác*:* Giảng đường, phòng học chuyên môn, phòng bệnh, buồng bệnh
4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải có kiến thức của các môn học: Giải phẫu học, Sinh học đại cương - di truyền, Sinh lý học, sinh lý bệnh, vi ký sinh trùng, dược lý, điều dưỡng cơ bản.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:
- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm theo mục tiêu của môn học.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành chăm sóc người bệnh tại các khoa Bệnh Nhiệt đới hoặc khoa Truyền nhiễm bệnh viện tuyến tỉnh, thành phố.
- Về thái độ: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- Tham dự đủ ≥ 80% các giờ lên lớp, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài bài trắc nghiệm..
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài lập kế hoạch chăm sóc.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
- Đây là môn học chuyên ngành nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.
- Phần thảo luận nhóm, luyện tập tình huống lâm sàng nhằm củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.
- Đối với người học:
- Giờ tự học ở nhà:
+ Tự nghiên cứu nội dung mà giảng viên giao trong đề cương môn học (nhà trường khuyến khích sinh viên nghiên cứu mở rộng hơn những nội dung và vấn đề được giao).
+ Thực hiện thật tốt kế hoạch nói trên, mạnh dạn liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu.
+ Viết báo cáo thu hoạch theo các tiêu chí đánh giá của giảng viên, tranh thủ những ý kiến góp ý của bạn, tư vấn của giảng viên trước khi nộp bài.
+ Hệ thống hóa, lưu giữ tài liệu, kết quả tự học, tự nghiên cứu thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng sau này.
- Giờ thảo luận:
+ Nhận nội dung, vấn đề nghiên cứu, mở rộng, đi sâu vào bản chất, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, chuẩn bị bài trình bày theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên.

+ Trình bày báo cáo theo phân công.
+ Theo dõi, bổ sung, góp ý bài trình bày của các bạn cùng lớp, hoàn chỉnh bài trình bày đó hoặc của mình.
+ Hỏi, đối thoại, tranh luận những vấn đề đã trình bày tại buổi thảo luận.
+ Theo dõi sự nhận xét, tổng kết của giảng viên để hoàn chỉnh bài trình bày tại buổi thảo luận.
- Sắp xếp tài liệu có được sau từng buổi thảo luận theo kế hoạch nghiên cứu, học tập của bản thân để dễ sử dụng cho các mục đích khác như làm bài tập nhóm...
3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, hướng xử trí và chăm sóc các bệnh truyền nhiễm thường gặp.
4. Tài liệu tham khảo:
1. Bộ Y tế (2024), Quyết định số 2515/QĐ-BYT về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh Sốt xuất huyết Dengue (Cập nhật mới nhất thay thế các văn bản cũ).
2. Bộ Y tế (2023), Quyết định số 1324/QĐ-BYT về việc ban hành Hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị Viêm gan virus B và C mạn tính.
3. Bộ Y tế (2023), Hướng dẫn quốc gia về Chăm sóc và Điều trị HIV/AIDS (Ban hành kèm theo Quyết định cập nhật của Cục Phòng, chống HIV/AIDS).
4. Bộ Y tế (2024), Hướng dẫn Phòng và Kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Nhà xuất bản Y học.
5. Nguyễn Văn Kính (2023), Bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa
Mã môn học: MH 20
Thời gian thực hiện môn học: 32 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Kiểm tra lý thuyết: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc, được học sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học cơ sở.

2. Tính chất: Là môn học đóng vai trò kết nối kiến thức khoa học cơ sở (Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh) với các triệu chứng lâm sàng ngoại khoa đặc thù. Môn học trang bị cho người học tư duy phân tích lâm sàng và năng lực thiết lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc chuyên sâu cho người bệnh ngoại khoa trước, trong và sau mổ.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Áp dụng được kiến thức về Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh và các triệu chứng lâm sàng ngoại khoa để phân tích tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của người bệnh trước, trong và sau mổ; Giải thích được cơ sở khoa học của các can thiệp điều dưỡng trong dự phòng các biến chứng ngoại khoa. (CĐR 2)
- CĐRMH 2: Thiết lập được kế hoạch chăm sóc chi tiết cho người bệnh mắc các bệnh lý ngoại khoa phổ biến (chấn thương, tiêu hóa, tiết niệu,...) đảm bảo tính liên tục, an toàn và cá biệt hóa trong can thiệp điều dưỡng (chăm sóc vết mổ, ống dẫn lưu...). (CĐR 3)
- CĐRMH 3: Vận dụng tư duy lâm sàng để phát hiện sớm các dấu hiệu nguy kịch (sốc, chảy máu trong, suy hô hấp...) và xử trí ban đầu kịp thời trong phạm vi trách nhiệm của điều dưỡng. (CĐR 4)
- CĐRMH 4: Xây dựng được nội dung và phương pháp tư vấn giáo dục sức khỏe phù hợp về chế độ dinh dưỡng, vận động và cách tự chăm sóc sau phẫu thuật và sau khi xuất viện cho từng đối tượng người bệnh. (CĐR 5)
- CĐRMH 5: Thể hiện thái độ tôn trọng, đồng cảm và đảm bảo quyền riêng tư của người bệnh; Chủ động ứng dụng bằng chứng khoa học vào quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa. (CĐR1, 7, 8, 9)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý ngoại khoa thường gặp (chấn thương, tiêu hóa, tiết niệu...)
- Mô tả được chính xác các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán và các biến chứng nguy hiểm có thể xảy ra của các bệnh lý ngoại khoa.
- Phân tích được các nguyên tắc xử trí ban đầu, hướng điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
- Trình bày được chi tiết quy trình chuẩn bị người bệnh trước mổ theo kế hoạch, mổ cấp cứu và các nguyên tắc theo dõi, chăm sóc người bệnh trong giai đoạn hậu phẫu.
- Giải thích được cơ sở khoa học của các can thiệp điều dưỡng giúp dự phòng các biến chứng sau phẫu thuật như nhiễm khuẩn vết mổ, chảy máu, tắc mạch, dính ruột, xẹp phổi....

2. Về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện nhận định điều dưỡng toàn diện, xác định đúng các nhu cầu chăm sóc, thiết lập các chẩn đoán điều dưỡng chính xác và ưu tiên cho từng bệnh lý ngoại khoa cụ thể. Xây dựng được kế hoạch chăm sóc người bệnh chi tiết, khoa học, ưu tiên giải quyết các vấn đề cấp bách và phòng ngừa các biến chứng cho người bệnh.
- Vận dụng được tư duy lâm sàng để phát hiện sớm các dấu hiệu nguy kịch (sốc, chảy máu trong, suy hô hấp...) và đề xuất phương án phối hợp chăm sóc, xử trí kịp thời.

- Xây dựng được nội dung và phương pháp tư vấn giáo dục sức khỏe phù hợp về chế độ dinh dưỡng, vận động và cách tự chăm sóc sau khi xuất viện cho từng đối tượng người bệnh.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được thái độ nghề nghiệp thông qua việc tôn trọng quyền, sự riêng tư và sự an toàn của người bệnh trong mọi tình huống giả định lâm sàng.
- Xác định được tinh thần trách nhiệm, tính trung thực trong việc theo dõi, báo cáo, ghi chép, hạn chế tối đa sai sót y khoa, đảm bảo an toàn cho người bệnh.
- Có ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật kiến thức y khoa mới (thực hành dựa trên bằng chứng) vào quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 1. Ngoại chung			
1	Bài 1. Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa	1	1	
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh trước mổ	1	1	
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh sau mổ	2	2	
	Chương 2. Ngoại chấn thương			
4	Bài 1. Chăm sóc người bệnh sốc chấn thương	1	1	
5	Bài 2. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não	2	2	
6	Bài 3. Chăm sóc người bệnh chấn thương ngực kín	2	2	
7	Bài 4. Chăm sóc người bệnh chấn thương bụng kín	1	1	
8	Bài 5. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo	1	1	
9	Bài 6. Chăm sóc người bệnh vết thương mạch máu ngoại vi	1	1	
10	Bài 7. Chăm sóc người bệnh gãy xương chi	2	2	
11	Bài 8. Chăm sóc người bệnh gãy cột sống	1	1	
12	Bài 9. Chăm sóc người bệnh trật khớp	1	1	
13	Bài 10. Chăm sóc người bệnh bong gân	1	1	
	Chương 3. Ngoại bệnh lý			
14	Bài 1. Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc	1	1	
15	Bài 2. Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày - tá tràng	1	1	
16	Bài 3. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp	1	1	
17	Bài 4. Chăm sóc người bệnh sỏi mật	2	2	
18	Bài 5. Chăm sóc người bệnh tắc ruột	2	2	
19	Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa	1	1	
20	Bài 7. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn	1	1	
21	Bài 8. Chăm sóc người bệnh trĩ	1	1	
22	Bài 9. Chăm sóc người bệnh sỏi tiết niệu	2	2	
23	Bài 10. Chăm sóc người bệnh tăng sinh tuyến tiền liệt lành tính	1	1	
	Kiểm tra	2		2
	Cộng	**32**	**30**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Ngoại chung

Bài 1: Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được đặc điểm các loại vi khuẩn thường gặp, đường xâm nhập và các điều kiện thuận lợi dẫn đến nhiễm khuẩn ngoại khoa.
- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hướng điều trị đối với người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cụ thể cho người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa.
- Xác định được trách nhiệm trong việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vô khuẩn và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân và cách gây bệnh của vi khuẩn
2.1.1. Các loại vi khuẩn thường gặp
2.1.2. Đường xâm nhập
2.1.3. Điều kiện thuận lợi
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng toàn thân
2.2.2. Triệu chứng tại chỗ
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Điều trị
2.5. Phương pháp phòng chống nhiễm khuẩn ngoại khoa
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 2. Chăm sóc người bệnh trước mổ Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích và các yêu cầu của công tác chuẩn bị người bệnh trước mổ.
- Phân tích được sự khác biệt giữa quy trình chuẩn bị người bệnh trước mổ theo kế hoạch và chuẩn bị người bệnh trước mổ cấp cứu.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cụ thể cho từng người bệnh trước mổ giúp người bệnh ổn định tâm lý, đảm bảo an toàn không xảy ra sai sót chuyên môn.
- Xác định được trách nhiệm trong việc chuẩn bị người bệnh đầy đủ về thể chất và tâm lý, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình chuẩn bị người bệnh trước mổ nhằm đảm bảo an toàn tối đa, phòng ngừa sai sót và biến chứng trong mổ; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Mục đích và yêu cầu của chăm sóc người bệnh trước mổ
2.1.1. Mục đích
2.1.2. Yêu cầu

2.2. Chuẩn bị người bệnh mổ theo kế hoạch
2.2.1. Chuẩn bị tinh thần cho người bệnh và thân nhân người bệnh
2.2.2. Chuẩn bị về hành chính
2.2.3. Chuẩn bị thể chất cho người bệnh
2.3. Chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu
2.3.1. Hồi sức chống sốc
2.3.2. Theo dõi
2.3.3. Làm các xét nghiệm cơ bản
2.3.4. Thực hiện các y lệnh khẩn trương, chính xác
2.3.5. Thủ tục hành chính
2.3.6. Chuyển người bệnh lên phòng mổ và bàn giao cho nhân viên phòng mổ

Bài 3. Chăm sóc người bệnh sau mổ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích và các yêu cầu của công tác chăm sóc người bệnh sau mổ.
- Phân tích được kế hoạch chăm sóc người bệnh sau mổ theo các giai đoạn (hồi tỉnh, hậu phẫu và chuẩn bị ra viện).
- Liệt kê và mô tả được các biến chứng thường gặp sau mổ (chảy máu, bí đái, liệt ruột, nhiễm khuẩn vết mổ...) và các nguyên tắc xử trí điều dưỡng tương ứng.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cụ thể cho từng người bệnh sau mổ giúp người bệnh phục hồi chức năng sớm và hiệu quả, phòng ngừa được các tai biến và biến chứng sau phẫu thuật.
- Xác định được trách nhiệm trong việc theo dõi sát để nhận biết sớm các biến chứng sau mổ và tầm quan trọng của việc phục hồi chức năng sớm cho người bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Mục đích và yêu cầu của chăm sóc người bệnh sau mổ
2.2. Chăm sóc người bệnh sau mổ
2.2.1. Chăm sóc tại phòng hồi tỉnh
2.2.2. Chăm sóc tại phòng hậu phẫu
2.2.3. Chăm sóc giai đoạn ra viện

Chương 2. Ngoại chấn thương

Bài 1. Chăm sóc người bệnh sốc chấn thương Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi dẫn đến tình trạng sốc chấn thương.
- Giải thích được cơ chế bệnh sinh của các rối loạn chức năng (tuần hoàn, hô hấp, nội tiết, chuyển hóa...) trong sốc chấn thương.
- Phân tích được triệu chứng lâm sàng đặc trưng ở từng giai đoạn sốc chấn thương, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng chống sốc hiệu quả trên lâm sàng.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh sốc chấn thương theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, ổn định, hồi phục) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tầm quan trọng và tính cấp thiết trong việc xử trí khẩn trương, chính xác nhằm ngăn ngừa các rối loạn chức năng và đảm bảo an toàn tính mạng cho người bệnh sốc chấn thương; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi
2.3. Các rối loạn chức năng trong sốc
2.4. Triệu chứng lâm sàng của sốc
2.4.1. Sốc còn bù
2.4.2. Sốc mất bù
2.5. Phòng chống sốc tại tuyến cơ sở
2.6. Nguyên tắc điều trị sốc chấn thương
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 2. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế và phân biệt được các loại tổn thương giải phẫu trong chấn thương sọ não (chấn động não, vỡ xương sọ, phù não, dập não, máu tụ nội sọ).
- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hướng xử trí đối với người bệnh chấn thương sọ não.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương sọ não theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tầm quan trọng đặc biệt của việc theo dõi sát tri giác, dấu hiệu sinh tồn và dấu hiệu thần kinh khu trú trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và giảm thiểu di chứng cho người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các loại tổn thương giải phẫu trong chấn thương sọ não
2.2.1. Chấn động não
2.2.2. Vỡ xương sọ
2.2.3. Phù não
2.2.4. Dập não
2.2.5. Máu tụ nội sọ
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 3. Chăm sóc người bệnh chấn thương ngực kín Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được phân loại tổn thương, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng điển hình của chấn thương ngực kín (gãy xương sườn, mảng sườn di động, tràn máu màng phổi đơn thuần, tràn máu - tràn khí màng phổi).
- Phân tích được hướng xử trí và điều trị đối với người bệnh chấn thương ngực kín.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương ngực kín theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất cấp cứu khẩn trương và trách nhiệm trong việc theo dõi, phát hiện sớm các dấu hiệu suy hô hấp, sốc mất máu của người bệnh chấn thương ngực kín; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân và phân loại tổn thương
2.2.1. Nguyên nhân
2.2.2. Phân loại tổn thương
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Gãy xương sườn đơn thuần
2.3.2. Mảng sườn di động
2.3.3. Tràn máu màng phổi đơn thuần
2.3.4. Tràn máu - tràn khí màng phổi
2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4.1. Chụp X quang lồng ngực thẳng
2.4.2. Siêu âm màng phổi
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Chăm sóc người bệnh trước mổ
2.6.2. Chăm sóc người bệnh sau mổ dẫn lưu khoang màng phổi
2.6.3. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 4. Chăm sóc người bệnh chấn thương bụng kín Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được cách phân loại tổn thương và các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng điển hình của chấn thương bụng kín có tổn thương tạng.
- Phân tích được hướng xử trí và điều trị (nội khoa bảo tồn hoặc ngoại khoa) cho người bệnh chấn thương bụng kín theo từng loại tổn thương.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương bụng kín theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc theo dõi phát hiện sớm biến chứng sốc mất máu, viêm phúc mạc của người bệnh chấn thương bụng kín; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân

2.3. Phân loại tổn thương
2.4. Triệu chứng của chấn thương bụng có tổn thương tạng
2.4.1. Hội chứng chảy máu trong
2.4.2. Hội chứng viêm phúc mạc
2.5. Điều trị chấn thương bụng có tổn thương tạng
2.6. Chăm sóc người bệnh chấn thương bụng có tổn thương tạng
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 5. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế và phân loại chấn thương niệu đạo.
- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng điển hình và các biến chứng của chấn thương niệu đạo.
- Phân tích được hướng xử trí và điều trị đối với từng loại chấn thương niệu đạo.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương niệu đạo theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, điều trị bảo tồn, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền riêng tư của người bệnh trong quá trình thăm khám và chăm sóc cơ quan tiết niệu; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân và phân loại
2.2.1. Chấn thương niệu đạo trước
2.2.2. Chấn thương niệu đạo sau
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Triệu chứng toàn thân
2.3.2. Triệu chứng cơ năng
2.3.3. Triệu chứng thực thể
2.4. Biến chứng
2.4.1. Nhiễm khuẩn
2.4.2. Hẹp niệu đạo
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 6. Chăm sóc người bệnh vết thương mạch máu ngoại vi Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và các hình thái tổn thương giải phẫu của vết thương mạch máu ngoại vi.

- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, biến chứng, nguyên tắc xử trí cấp cứu và điều trị vết thương mạch máu ngoại vi.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh vết thương mạch máu ngoại vi theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được trách nhiệm và tầm quan trọng của việc xử trí khẩn trương, chính xác trong sơ cứu vết thương mạch máu nhằm ngăn ngừa mất máu và bảo tồn chi thể cho người bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân và các thể tổn thương
2.2.1. Nguyên nhân
2.2.2. Các thể tổn thương
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Triệu chứng toàn thân
2.3.2. Triệu chứng tại chỗ
2.4. Biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 7. Chăm sóc người bệnh gãy xương chi Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, phân loại gãy xương chi theo các thể lâm sàng.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của gãy xương chi.
- Phân tích được nguyên tắc sơ cứu, hướng xử trí và các phương pháp điều trị (bảo tồn, phẫu thuật) đối với từng loại gãy xương chi.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh gãy xương chi theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, bó bột, trước mổ, sau mổ, phục hồi chức năng) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được trách nhiệm và tính cấp thiết trong việc sơ cứu, bất động chi gãy đúng kỹ thuật nhằm phòng tránh sốc và các biến chứng sớm cho người bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Do chấn thương
2.2.2. Do bệnh lý
2.3. Phân loại theo thể lâm sàng
2.4. Triệu chứng gãy xương do chấn thương
2.4.1. Triệu chứng toàn thân
2.4.2. Triệu chứng cơ năng
2.4.3. Triệu chứng thực thể

2.4.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.5. Tiến triển và biến chứng
2.5.1. Tiến triển tốt
2.5.2. Biến chứng và di chứng sau gãy xương
2.6. Điều trị
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 8. Chăm sóc người bệnh gãy cột sống Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế chấn thương và phân loại gãy cột sống.
- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để phân biệt giữa gãy cột sống có liệt tủy và gãy cột sống không liệt tủy.
- Trình bày được các biến chứng sớm và biến chứng muộn của gãy cột sống.
- Trình bày được nguyên tắc sơ cứu và và các phương pháp điều trị gãy cột sống hiện nay.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh gãy cột sống theo từng giai đoạn điều trị: giai đoạn cấp cứu, giai đoạn điều trị bảo tồn (sử dụng đai/áo nẹp cột sống, nằm giường cứng), giai đoạn phẫu thuật (trước mổ, sau mổ), giai đoạn phục hồi chức năng dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tầm quan trọng của việc sơ cứu và vận chuyển đúng kỹ thuật để tránh gây tổn thương tủy sống thứ phát cho người bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nhắc lại giải phẫu sinh lý cột sống
2.2. Nguyên nhân
2.3. Giải phẫu bệnh
2.4. Triệu chứng lâm sàng
2.4.1. Gãy cột sống không liệt tủy
2.4.2. Gãy cột sống có liệt tủy
2.5. Triệu chứng cận lâm sàng
2.6. Biến chứng
2.6.1. Gãy cột sống không liệt tủy
2.6.2. Gãy cột sống có liệt tủy
2.7. Điều trị
2.8. Chăm sóc
2.8.1. Nhận định
2.8.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.8.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.8.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.8.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 9. Chăm sóc người bệnh trật khớp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và các triệu chứng lâm sàng điển hình và triệu chứng cận lâm sàng của trật khớp.
- Phân tích được các biến chứng sớm và biến chứng muộn của trật khớp.
- Phân tích được hướng xử trí và các phương pháp điều trị đối với người bệnh trật khớp do chấn thương.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh trật khớp theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, sau kéo nắn đặt lại khớp và bất động, trước mổ, sau mổ, phục hồi chức năng) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được trách nhiệm và tính cấp thiết trong việc xử trí đúng kỹ thuật nhằm tránh biến chứng tổn thương mạch máu, thần kinh cho người bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.3. Triệu chứng trật khớp do chấn thương đến sớm
2.3.1. Triệu chứng toàn thân
2.3.2. Triệu chứng cơ năng
2.3.3. Triệu chứng thực thể
2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.4.1. Biến chứng sớm
2.4.2. Biến chứng muộn
2.5. Điều trị trật khớp chấn thương
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Trật khớp đến sớm
2.6.2. Trật khớp đến muộn

Bài 10. Chăm sóc người bệnh bong gân Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, phân loại các mức độ bong gân.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bong gân.
- Phân tích được tiến triển, biến chứng, hướng xử trí và điều trị bong gân.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh bong gân theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, điều trị bảo tồn, trước mổ, sau mổ, phục hồi chức năng...) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được trách nhiệm và tính cấp thiết trong việc xử trí ban đầu đúng kỹ thuật theo nguyên tắc RICE (bất động, chườm lạnh, băng ép, kê cao chi) nhằm phòng tránh các di chứng của bong gân; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.3. Phân loại
2.4. Triệu chứng bong gân đến sớm
2.4.1. Triệu chứng cơ năng

2.4.2. Triệu chứng thực thể
2.4.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.5. Tiến triển và biến chứng
2.5.1. Tiến triển tốt
2.5.2. Biến chứng
2.6. Điều trị
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Chương 3. Ngoại bệnh lý

Bài 1. Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của viêm phúc mạc.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của viêm phúc mạc.
- Phân tích được các biến chứng nguy hiểm và hướng xử trí ban đầu bệnh viêm phúc mạc.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm phúc mạc theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, trước mổ và sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất nguy hiểm của viêm phúc mạc và trách nhiệm trong việc theo dõi, chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu kịp thời; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Nhắc lại giải phẫu và sinh lý
2.1.2. Hậu quả của viêm phúc mạc
2.1.3. Nguyên nhân gây viêm phúc mạc
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng thực thể
2.2.3. Triệu chứng toàn thân
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.4.1. Nhiễm khuẩn huyết
2.4.2. Suy thận
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 2. Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày - tá tràng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh thủng dạ dày - tá tràng.
- Phân tích được các biến chứng, hướng xử trí và điều trị bệnh thủng dạ dày - tá tràng.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh thủng dạ dày - tá tràng theo từng giai đoạn điều trị (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất cấp cứu khẩn trương và trách nhiệm trong việc theo dõi, chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu kịp thời; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng toàn thân
2.2.2. Triệu chứng cơ năng
2.2.3. Triệu chứng thực thể
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.4.1. Viêm phúc mạc toàn thể
2.4.2. Viêm phúc mạc khu trú
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 3. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm tụy cấp.
- Phân tích được các biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm tụy cấp.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm tụy cấp dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tầm quan trọng của việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật điều dưỡng và y lệnh điều trị đối với người bệnh viêm tụy cấp, không tự ý can thiệp khi chưa có chỉ định chuyên môn; nhận thức rõ trách nhiệm trong việc theo dõi sát, phát hiện sớm các biến chứng; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Triệu chứng cơ năng
2.3.2. Triệu chứng thực thể
2.3.3. Triệu chứng toàn thân

2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.5.1. Biến chứng toàn thân
2.5.2. Biến chứng tại chỗ
2.6. Điều trị
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 4. Chăm sóc người bệnh sỏi mật Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh sỏi mật.
- Phân tích được diễn biến và các biến chứng của bệnh sỏi mật.
- Trình bày được hướng điều trị nội khoa bệnh sỏi mật và các phương pháp can thiệp ngoại khoa phổ biến hiện nay.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh sỏi mật trước mổ và sau mổ dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức rõ trách nhiệm trong việc theo dõi sát, phát hiện sớm các biến chứng (sốc nhiễm khuẩn, thấm mật phúc mạc...), không tự ý can thiệp khi chưa có chỉ định chuyên môn; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng thực thể
2.2.3. Triệu chứng toàn thân
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Diễn biến của sỏi mật
2.4.1. Khỏi tạm thời
2.4.2. Biến chứng cấp tính
2.4.3. Biến chứng mạn tính
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 5. Chăm sóc người bệnh tắc ruột Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nguyên nhân gây tắc ruột.
- Phân biệt được tắc ruột cơ học và tắc ruột cơ năng.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của tắc ruột.

- Phân tích được hướng xử trí và điều trị tắc ruột.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh tắc ruột trước mổ và sau mổ dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất cấp cứu khẩn trương và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc theo dõi sát, phát hiện sớm biến chứng, không tự ý can thiệp khi chưa có chỉ định chuyên môn; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Tắc ruột cơ học
2.2.2. Tắc ruột cơ năng
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Triệu chứng toàn thân
2.3.2. Triệu chứng cơ năng
2.3.3. Triệu chứng thực thể
2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.5. Điều trị tắc ruột cơ học
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của bệnh viêm ruột thừa.
- Phân tích được hướng điều trị đối với từng giai đoạn và biến chứng của bệnh viêm ruột thừa.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm ruột thừa trước mổ và sau mổ dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất cấp cứu khẩn trương và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc theo dõi sát, phát hiện sớm biến chứng (viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa), không tự ý dùng thuốc giảm đau hoặc can thiệp khi chưa có chỉ định chuyên môn; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng toàn thân
2.2.2. Triệu chứng cơ năng
2.2.3. Triệu chứng thực thể
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.4.1. Viêm phúc mạc toàn thể
2.4.2. Áp xe ruột thừa
2.4.3. Đám quánh ruột thừa
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc

2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 7. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được cơ chế bệnh sinh của thoát vị bẹn bẩm sinh và thoát vị bẹn mắc phải.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của thoát vị bẹn.
- Phân biệt được các đặc điểm khác nhau giữa thoát vị bẹn thường và thoát vị bẹn nghẹt.
- Phân tích được hướng điều trị đối với từng loại thoát vị: thoát vị bẹn thường (thoát vị bẹn bẩm sinh, thoát vị bẹn mắc phải) và thoát vị bẹn nghẹt.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh thoát vị bẹn trước mổ và sau mổ dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc theo dõi sát để phát hiện sớm các dấu hiệu của thoát vị bẹn nghẹt; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Phân loại
2.2.1. Thoát vị bẹn bẩm sinh
2.2.2. Thoát vị bẹn mắc phải
2.3. Triệu chứng của thoát vị bẹn thường
2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Tiến triển và biến chứng
2.4.1. Tự khỏi
2.4.2. Biến chứng
2.5. Điều trị
2.5.1. Thoát vị bẹn thường
2.5.2. Thoát vị bẹn nghẹt
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 8. Chăm sóc người bệnh trĩ Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây bệnh trĩ.
- Phân biệt được các loại trĩ (trĩ nội, trĩ ngoại, trĩ hỗn hợp) và các cấp độ của trĩ nội.
- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của bệnh trĩ.
- Phân tích được hướng điều trị nội khoa bệnh trĩ và các can thiệp ngoại khoa phổ biến hiện nay.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh trĩ theo từng giai đoạn điều trị (điều trị nội khoa, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc theo dõi, phát hiện sớm các biến chứng (trĩ nghẹt, hoại tử, nhiễm khuẩn búi trĩ); chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Phân loại
2.2.1. Phân loại theo giải phẫu
2.2.2. Phân loại theo vị trí
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.5. Biến chứng
2.6. Điều trị
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 9. Chăm sóc người bệnh sỏi tiết niệu Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được các nguyên nhân hình thành sỏi tiết niệu.
- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng của bệnh sỏi tiết niệu.
- Phân tích được hướng điều trị nội khoa bệnh sỏi tiết niệu và các can thiệp ngoại khoa phổ biến hiện nay.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh sỏi tiết niệu theo từng giai đoạn điều trị (điều trị nội khoa, trước mổ/tán sỏi, sau mổ/tán sỏi) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất cấp cứu của cơn đau quặn thận và nhận thức rõ tầm quan trọng của việc theo dõi sát, phát hiện sớm các dấu hiệu tắc nghẽn, nhiễm khuẩn niệu; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân gây sỏi tiết niệu
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Triệu chứng cơ năng
2.3.2. Triệu chứng thực thể
2.3.3. Triệu chứng toàn thân
2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.5. Biến chứng
2.6. Điều trị
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 10. Chăm sóc người bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng của bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.
- Phân tích được hướng điều trị bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt trước mổ và sau mổ dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được vai trò của người điều dưỡng và nhận thức rõ tầm quan trọng của việc theo dõi sát tình trạng bài tiết nước tiểu để phát hiện sớm biến chứng bí tiểu cấp, nhiễm khuẩn; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng thực thể
2.2.3. Triệu chứng toàn thân
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Kiểm tra: Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, kế hoạch giảng dạy, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải biết được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp và vận dụng được kiến thức vào lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.
- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Quan sát tinh thần tự học, ý thức trách nhiệm và thái độ xử trí tình huống lâm sàng trong các giờ thảo luận nhóm.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài. Hình thức: Trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức: Trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.
+ Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.
- Đối với người học:
+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.
+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về một số bệnh ngoại khoa thường gặp và vận dụng được kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.
4. Tài liệu tham khảo:
[1]. Trần Ngọc Tuấn (2016), Điều dưỡng ngoại khoa, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.
[2]. Bộ môn Ngoại (2016), Bài giảng bệnh học ngoại khoa, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.
[3]. Nguyễn Tấn Cường (2017), Điều dưỡng ngoại, tập 1, 2, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục.
[4]. Đặng Hanh Đệ (2017), Cấp cứu ngoại khoa, tập 1, 2, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục.
[5]. Tài liệu đào đạo Điều dưỡng ngoại khoa (2018), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
THỰC TẬP LÂM SÀNG CSSK NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA

Tên môn học: Thực tập lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa
Mã môn học: MH 21
Thời gian thực hiện môn học: 170 giờ (Thực tập lâm sàng tại bệnh viện: 160 giờ; Kiểm tra thực hành: 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc, được học sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học cơ sở và môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.

2. Tính chất: Là môn học thực hành kết hợp kiến thức từ Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh đến các triệu chứng lâm sàng ngoại khoa để lập kế hoạch chăm sóc chi tiết toàn diện cho người bệnh ngoại khoa theo đúng quy trình điều dưỡng.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Áp dụng được kiến thức về Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh và các triệu chứng lâm sàng ngoại khoa để nhận định đúng tình trạng sức khỏe người bệnh trước và sau mổ. (CĐR 2)
- CĐRMH 2: Thực hiện được thành thạo các quy trình kỹ thuật điều dưỡng ngoại khoa cơ bản và chuyên sâu (thay băng vết mổ sạch, vết mổ nhiễm khuẩn, cắt chỉ, chăm sóc các loại dẫn lưu...) đảm bảo an toàn và vô khuẩn; Tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc vô khuẩn và quy định an toàn trong môi trường phòng mổ và buồng bệnh ngoại khoa; Thể hiện thái độ tôn trọng, đồng cảm và đảm bảo tính riêng tư, cá biệt của người bệnh trong quá trình thực hiện thủ thuật ngoại khoa. (CĐR 1, 3)
- CĐRMH 3: Lập được kế hoạch chăm sóc chi tiết cho người bệnh mắc các bệnh lý ngoại khoa (tiêu hóa, tiết niệu, chấn thương...) theo đúng quy trình điều dưỡng; Nhận biết được sớm các biến chứng hậu phẫu nguy hiểm và thực hiện sơ cứu, cấp cứu kịp thời trong phạm vi trách nhiệm của điều dưỡng. (CĐR 3, 4)
- CĐRMH 4: Thực hiện hiệu quả việc giáo dục sức khỏe, hướng dẫn người bệnh và người nhà cách tự chăm sóc, tập vận động và chế độ dinh dưỡng sau phẫu thuật; Phối hợp tốt với bác sĩ và các thành viên trong nhóm chăm sóc để tối ưu hóa hiệu quả điều trị cho người bệnh. (CĐR 5, 6)
- CĐRMH 5: Sử dụng được các phần mềm quản lý bệnh viện và hồ sơ bệnh án điện tử trong việc theo dõi diễn biến người bệnh ngoại khoa. Có khả năng tìm kiếm và áp dụng các bằng chứng khoa học mới trong điều dưỡng ngoại khoa vào thực hành lâm sàng. (CĐR 7, 8, 9)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Có kiến thức nền tảng về giải phẫu, sinh lý bệnh và ngoại khoa cơ bản (triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng đặc trưng của các bệnh lý ngoại khoa thường gặp như chấn thương, tiêu hóa, tiết niệu...). Trên cơ sở đó phân tích được các nguyên tắc can thiệp điều dưỡng, các tai biến, biến chứng sau mổ làm cơ sở cho việc ra quyết định lâm sàng chính xác.
- Biết cách hỏi bệnh, thăm khám nhận định được tình trạng sức khỏe và các nhu cầu cơ bản của người bệnh.
- Biết cách lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa theo đúng quy trình điều dưỡng.
- Nắm được các quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và pháp luật liên quan trong chăm sóc điều dưỡng.

2. Về kỹ năng

- Thu thập được chính xác tiền sử, bệnh sử và thực hiện thăm khám điều dưỡng để phát hiện các triệu chứng đặc trưng của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp.
- Nhận định được tình trạng sức khỏe hiện tại và nhu cầu cơ bản của người bệnh. Xác định chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thực hiện được đón tiếp, hướng dẫn các thủ tục hành chính cho người bệnh và người nhà theo đúng quy định để họ thấy hài lòng trong quá trình thăm khám và điều trị bệnh tại cơ sở thực tập.
- Thực hiện truyền thông, giáo dục sức khỏe được cho người bệnh, người nhà người bệnh các kiến thức về bệnh, cách tự chăm sóc, theo dõi, phòng bệnh và phòng ngừa các biến chứng, tăng cường sức khỏe cho nhân dân

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

-Thể hiện được sự chuyên nghiệp thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo an toàn người bệnh và duy trì nguyên tắc vô khuẩn tuyệt đối trong thực hành ngoại khoa.
- Thể hiện được thái độ thấu hiểu, đồng cảm, tôn trọng quyền riêng tư của người bệnh; có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng phối hợp với đồng nghiệp trong mọi hoạt động chăm sóc.
- Thực hiện được giao tiếp hiệu quả, giải thích rõ ràng, tận tình về quy trình thủ thuật nhằm thiết lập niềm tin và để giảm bớt lo âu cho người bệnh/người nhà trước can thiệp phẫu thuật.
- Thể hiện được tính trung thực, tỉ mỉ và ý thức kỷ luật cao trong việc tuân thủ các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thể hiện được vai trò, đạo đức nghề nghiệp của người điều dưỡng, tác phong khẩn trương, cẩn trọng và chính xác trong khi thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh.
- Thể hiện được kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm tốt, năng động trong quản lý công việc, linh hoạt trong xử lý tình huống tại khoa thực tập.
- Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ chăm sóc điều dưỡng và chấp hành tuyệt đối các nội quy, quy định của bệnh viện, của khoa thực tập.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Thực tập lâm sàng	Kiểm tra
	Chương 1. Ngoại chấn thương			
1	Bài 1. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não	8	8	
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh chấn thương ngực kín	10	10	
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh chấn thương bụng kín	10	10	
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo	10	10	
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh vết thương mạch máu ngoại vi	8	8	
6	Bài 6. Chăm sóc người bệnh gãy xương chi	10	10	
7	Bài 7. Chăm sóc người bệnh gãy cột sống	8	8	
8	Bài 8. Chăm sóc người bệnh trật khớp	8	8	
9	Bài 9. Chăm sóc người bệnh bong gân	8	8	
10	**Chương 2. Ngoại bệnh lý**			
11	Bài 1. Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày - tá tràng	10	10	

12	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp	8	8	
13	Bài 3. Chăm sóc người bệnh sỏi mật	10	10	
14	Bài 4. Chăm sóc người bệnh tắc ruột	10	10	
15	Bài 5. Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa	8	8	
16	Bài 6. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn	8	8	
17	Bài 7. Chăm sóc người bệnh trĩ	8	8	
18	Bài 8. Chăm sóc người bệnh sỏi tiết niệu	10	10	
19	Bài 9. Chăm sóc người bệnh tăng sinh tuyến tiền liệt lành tính	8	8	
20	Kiểm tra	10		10
	Cộng	**170**	**160**	**10**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Ngoại chấn thương

Bài 1. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng tình trạng tri giác, dấu hiệu sinh tồn và các triệu chứng thần kinh của người bệnh chấn thương sọ não; phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (Xquang, chụp cắt lớp vi tính sọ não) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương sọ não ở các giai đoạn cấp cứu, trước mổ (nếu có chỉ định) và hậu phẫu.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 2. Chăm sóc người bệnh chấn thương ngực kín Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng tình trạng hô hấp, kiểu thở, màu sắc da, niêm mạc, tình trạng mảng sườn di động, dấu hiệu sinh tồn của người bệnh chấn thương ngực; phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm màng phổi, Xquang lồng ngực thẳng...) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương ngực kín ở các giai đoạn cấp cứu, trước mổ (nếu có chỉ định) và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 3. Chăm sóc người bệnh chấn thương bụng kín Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng tình trạng người bệnh thông qua các dấu hiệu lâm sàng (đau bụng, phản ứng thành bụng, dấu hiệu mất máu...); phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm/chụp cắt lớp vi tính ổ bụng, chụp Xquang bụng tư thế đứng, xét nghiệm máu) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương bụng kín ở các giai đoạn cấp cứu, điều trị nội khoa bảo tồn, trước mổ (nếu có chỉ định) và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 4. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng tình trạng người bệnh thông qua các dấu hiệu lâm sàng (đau vùng tầng sinh môn, chảy máu miệng sáo, cầu bàng quang, tụ máu bầm tím vùng tầng sinh môn hoặc quanh hậu môn); phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương niệu đạo ở các giai đoạn cấp cứu, điều trị nội khoa bảo tồn, trước mổ (nếu có chỉ định) và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 5. Chăm sóc người bệnh vết thương mạch máu ngoại vi Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng tình trạng vết thương (vị trí, tính chất chảy máu)/vết mổ, các dấu hiệu thiếu máu ngoại vi (mạch ngoại vi mất hoặc yếu, đầu chi lạnh, nhợt nhạt, mất cảm giác hoặc vận động); phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm Doppler mạch) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh vết thương mạch máu ngoại vi ở các giai đoạn cấp cứu, trước mổ và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 6. Chăm sóc người bệnh gãy xương chi Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của gãy xương (biến dạng, cử động bất thường, tiếng lạo xạo xương), tình trạng bột/vết mổ, ống dẫn lưu (nếu có), các dấu hiệu thiếu máu ngoại vi (mạch ngoại vi mất hoặc yếu, đầu chi lạnh, nhợt nhạt, mất cảm giác hoặc vận động); phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán gãy xương (Xquang chi gãy 2 tư thế thẳng, nghiêng) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh gãy xương chi ở các giai đoạn cấp cứu, điều trị bảo tồn (bó bột), trước mổ và sau mổ kết hợp xương.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 7. Chăm sóc người bệnh gãy cột sống Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của gãy cột sống và các dấu hiệu tổn thương tủy sống kèm theo; phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (Xquang cột sống

2 tư thế thẳng nghiêng, chụp cắt lớp vi tính cột sống) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh gãy cột sống ở các giai đoạn cấp cứu, điều trị bảo tồn (sử dụng đai/áo nẹp cột sống, nằm giường cứng), trước mổ và sau mổ cố định cột sống.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 8. Chăm sóc người bệnh trật khớp Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của trật khớp (biến dạng khớp, dấu hiệu ổ khớp rỗng, dấu hiệu đàn hồi) và các tổn thương kèm theo; phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (Xquang khớp bị tổn thương tư thế thẳng nghiêng) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh trật khớp ở các giai đoạn cấp cứu, sau nắn chỉnh khớp hoặc sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 9. Chăm sóc người bệnh bong gân Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bong gân (sưng nề, bầm tím, mức độ hạn chế vận động khớp, cử động bất thường như há khớp, ngăn kéo); phân tích được kết quả cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm hoặc MRI) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh bong gân ở các giai đoạn cấp cứu, điều trị bảo tồn, trước mổ (nếu có chỉ định) và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.

- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Chương 2. Ngoại bệnh lý

Bài 1. Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày - tá tràng Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh thủng dạ dày (đau bụng dữ dội đột ngột như dao đâm, bụng cứng như gỗ); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (hình ảnh liềm hơi dưới vòm hoành trên phim chụp Xquang bụng đứng) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh thủng dạ dày – tá tràng ở các giai đoạn trước mổ cấp cứu và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm tụy cấp Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh viêm tụy cấp (đau bụng vùng thượng vị lan ra sau lưng, nôn, bí trung đại tiện, bụng chướng); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (amylase, lipase máu tăng cao; siêu âm, chụp cắt lớp vi tính ổ bụng) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm tụy cấp ở các giai đoạn điều trị (điều trị nội khoa, trước mổ, sau mổ).
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 3. Chăm sóc người bệnh sỏi mật Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh sỏi mật (đau bụng hạ sườn phải, sốt, vàng da); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm; xét nghiệm máu, nước tiểu) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh sỏi mật ở các giai đoạn điều trị (điều trị nội khoa, trước mổ và sau mổ).
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 4. Chăm sóc người bệnh tắc ruột Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của tắc ruột (đau bụng cơn, nôn, bí trung đại tiện, bụng chướng, dấu hiệu rắn bò, quai ruột nổi); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm; Xquang bụng có hình ảnh mức nước hơi...) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh tắc ruột ở các giai đoạn trước mổ cấp cứu và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 5. Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh viêm ruột thừa (đau bụng hố chậu phải, ấn điểm McBurney đau, phản ứng thành bụng...); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm

sàng có giá trị chẩn đoán (công thức máu, siêu âm; chụp cắt lớp vi tính ổ bụng) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm ruột thừa ở các giai đoạn trước mổ cấp cứu và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ
2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ
2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 6. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh thoát vị bẹn (xuất hiện khối phồng vùng bẹn khi đi lại, làm việc nặng hoặc ho; nằm nghỉ ngơi khối phồng nhỏ lại hoặc biến mất...); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh thoát vị bẹn ở các giai đoạn trước mổ và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ
2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ
2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 7. Chăm sóc người bệnh trĩ Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Nhận định đúng triệu chứng cơ năng, thực thể của bệnh trĩ; phân loại trĩ (trĩ nội, trĩ ngoại, trĩ hỗn hợp) và cấp độ trĩ (độ I – IV), tình trạng vết mổ và biến chứng sau mổ (nếu có); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (xét nghiệm máu, soi trực tràng hậu môn) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh trĩ ở các giai đoạn điều trị nội khoa, trước mổ và sau mổ.
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.

- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Bài 8. Chăm sóc người bệnh sỏi tiết niệu Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh sỏi tiết niệu (cơn đau quặn thận, đái máu, đái buốt, đái rắt...); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (xét nghiệm nước tiểu, Xquang hệ tiết niệu, siêu âm...) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh sỏi tiết niệu ở các giai đoạn điều trị (điều trị nội khoa, trước mổ/trước tán sỏi và sau mổ/sau tán sỏi).
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 8 giờ

Bài 9. Chăm sóc người bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định đúng triệu chứng lâm sàng của bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt (hội chứng kích thích, hội chứng chèn ép); phân tích được kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán (siêu âm, PSA...) và các biến chứng có thể xảy ra để xác định chẩn đoán điều dưỡng ưu tiên.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt ở các giai đoạn điều trị (trước mổ và sau mổ).
- Thực hiện được thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách và được sự đồng ý của người bệnh.
- Thể hiện được sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập tại khoa.
- Rèn luyện được tác phong khẩn trương, chính xác và khả năng phối hợp nhóm hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách

2. Nội dung

2.1. Giảng lâm sàng đầu giường Thời gian: 1 giờ

2.2. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc Thời gian: 1 giờ

2.3. Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 6 giờ

Kiểm tra: Thời gian: 10 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Khoa Ngoại các bệnh viện đủ điều kiện là cơ sở thực hành và có sự liên kết đào tạo chính thức.

2. Trang thiết bị máy móc: Các thiết bị đo dấu hiệu sinh tồn, xe tiêm, bộ dụng cụ thay băng, cắt chỉ, máy hút dịch, máy khí dung, phế dung kế, hệ thống oxy...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng, sổ tay lâm sàng, bảng chỉ tiêu tay nghề, mẫu kế hoạch chăm sóc.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua thực hiện chỉ tiêu tay nghề và các bài tập lập KHCS người bệnh ngoại khoa được giao trong quá trình thực tập lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

+ Khi học thực hành lâm sàng bệnh viện:

. Chấp hành nội quy, quy chế bệnh viện và khoa/phòng thực tập, tuân thủ theo sự phân công của giảng viên, điều dưỡng trưởng và cán bộ y tế tại khoa/phòng.

. Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, đoàn kết giúp bạn trong học tập. Có thái độ ân cần niềm nở, nhanh nhẹn, sẵn sàng giúp đỡ đối với người bệnh, gia đình người bệnh. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

. Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục (quần áo blouse, mũ, khẩu trang, thẻ HSSV, đi dép có quai hoặc giày) theo đúng quy định.

. Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn trật tự vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hàng tuần và đột xuất khi có yêu cầu.

. Thực hiện đúng các quy định về học lâm sàng; có sổ tay lâm sàng, bảng thực hiện chỉ tiêu tay nghề có xác nhận của thầy cô hoặc cán bộ y tế bệnh viện, làm đầy đủ bài tập lập kế hoạch chăm sóc được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa/phòng.

. Tham gia trực tại khoa thực tập theo đúng lịch phân công. Nếu có thay đổi phải báo cáo với giảng viên phụ trách và ký xác nhận trong lịch trực. Sinh viên trực phải viết giao ban vào sổ giao ban, xác nhận trực của ca trực vào sổ tay lâm sàng và báo cáo giao ban vào đầu giờ hoặc cuối giờ buổi học sau.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành, vấn đáp.

+ Bốc thăm người bệnh lập kế hoạch chăm sóc.

+ Thực hiện 01 kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh.

+ Trình bày kế hoạch chăm sóc, hỏi thi.

Chỉ tiêu tay nghề thực hành kỹ thuật điều dưỡng và lập KHCS:

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Vệ sinh tay thường quy/Vệ sinh tay ngoại khoa trước khi thực hiện kỹ thuật			20
2	Vận chuyển người bệnh			10
3	Đo mạch, huyết áp, nhịp thở, nhiệt độ			20
4	Tiêm bắp			05
5	Tiêm tĩnh mạch			15
6	Truyền dịch			15

7	Lắp và sử dụng máy Monitor			02
8	Sử dụng máy truyền dịch, bơm tiêm điện			02
9	Đặt kim luồn			04
10	Cho người bệnh uống thuốc			10
11	Cho người bệnh thở oxy			2
12	Lấy máu làm xét nghiệm			10
13	Lấy nước tiểu làm xét nghiệm			10
14	Thay băng vết thương/vết mổ			10
15	Đo điện tâm đồ			5
16	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh trong thời gian nằm viện và khi ra viện.			10
17	Phụ giúp bác sỹ bó bột gãy xương chi		1	
18	Phụ bác sỹ bất động gãy xương chi		1	
19	Đặt ống thông niệu đạo – bàng quang	2		
20	Rút ống thông niệu đạo - bàng quang	2		
21	Rút ống dẫn lưu	2		
22	Bơm rửa ống thông/ống dẫn lưu	2		
23	Đặt ống thông dạ dày	2		
24	Rút ống thông dạ dày	2		
25	Lấy mủ cấy vi khuẩn làm kháng sinh đồ	1		
26	Cắt chỉ vết thương/vết mổ	2		
27	Nhận định và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa			4

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tham gia giảng dạy lâm sàng theo kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng đã được nhà trường phê duyệt.

+ Quản lý, theo dõi tình hình sinh viên thực tập tại khoa: Sĩ số, thời gian học/trực lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề, trang phục, giao tiếp, ứng xử, giữ vệ sinh khoa, phòng bệnh viện...

+ Hằng ngày tổ chức giao ban bình kế hoạch chăm sóc, giảng lâm sàng đầu giường bệnh cho sinh viên vào đầu giờ hoặc cuối giờ.

+ Hằng tuần giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên và kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện bài tập được giao cho sinh viên và chỉ tiêu tay nghề để kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập lâm sàng của từng sinh viên.

- Đối với người học:

+ Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định (quần áo blouse, mũ, khẩu trang, thẻ sinh viên, đi dép quai hậu hoặc giày).

+ Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hằng tuần hoặc khi có yêu cầu.

+ Trong giờ học lâm sàng sinh viên phải ở đúng vị trí được phân công, không sử dụng điện thoại, không tụ tập, đứng, ngồi ngoài hành lang.

+ Thực hiện đúng các quy định về học lâm sàng: Có sổ tay lâm sàng, thực hiện đủ chỉ tiêu tay nghề, làm đủ bài lập KHCS được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa.

+ Tham gia trực tại khoa theo lịch được phân công, nếu có thay đổi phải báo lại cho giảng viên và kí xác nhận. Sinh viên trực phải viết giao ban và kí xác nhận của ca trực vào sổ lâm sàng và báo cáo giao ban vào buổi giao ban ngày hôm sau.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về một số bệnh ngoại khoa thường gặp, lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa và thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên hoặc điều dưỡng bệnh viện được giao phụ trách.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Tấn Cường (2017), Điều dưỡng ngoại, tập 1,2, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục.

[2]. Bộ môn Ngoại (2016), Bài giảng bệnh học ngoại khoa, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Đặng Hanh Đệ (2017), Cấp cứu ngoại khoa, tập 1,2, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[4]. Trần Ngọc Tuấn (2016), Điều dưỡng ngoại khoa, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Tài liệu đào đạo Điều dưỡng ngoại khoa (2018), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình
Mã môn học: MH 22
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học bắt buộc thuộc khối môn học/mô đun chuyên môn

2. Tính chất: Chương trình môn học gồm các kiến thức cơ bản về sức khỏe của người phụ nữ trước, trong và sau đẻ; trẻ sơ sinh và sinh đẻ kế hoạch; các kiến thức về triệu chứng và chẩn đoán xác định có thai, quản lý thai nghén, đánh giá và tiên lượng một ca đẻ thường, phát hiện các nguy cơ sản khoa, chuyển tuyến kịp thời; các quy trình kỹ thuật đỡ đẻ, hồi sức sơ sinh, chăm sóc mẹ và con sau đẻ; khám phát hiện sớm, xử trí và chăm sóc các bệnh phụ khoa thường gặp, một số biện pháp tránh thai thông thường.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Vận dụng kiến thức để xác định các bệnh phụ khoa thông thường, chẩn đoán có thai. Áp dụng được những kiến thức cơ sở để giải thích các triệu chứng của bệnh (CĐR 2).
- CĐRMH 2: Vận dụng kiến thức vào theo dõi thai nghén, tiến hành đỡ đẻ thường ngôi chỏm theo đúng quy trình kỹ thuật tại phòng tiền lâm sàng cơ sở y tế, phát hiện, kịp thời sơ cứu, cấp cứu một số tình huống lâm sàng và quản lý được những thai phụ có nguy cơ để gửi tuyến trên kịp thời, an toàn (CĐR 3,4).
- CĐRMH 3: Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người nhà để nâng cao sức khỏe cộng đồng(CĐR 5).
- CĐRMH 4: Thể hiện được tinh thần học tập tích cực, cập nhật thông tin, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; thái độ thận trọng, tỷ mỉ, chính xác, nghiêm túc trong thực hành môn học (CĐR 8).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được hiện tượng thụ tinh, làm tổ phát triển của trứng và áp dụng thực tế.
- Trình bày được sự thay đổi về giải phẫu và sinh lý các bộ phận trong cơ thể khi có thai và lập kế hoạch chăm sóc, tư vấn thai nghén.
- Trình bày được những bệnh thường xảy ra nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén. Từ đó lập được kế hoạch chăm sóc thai nghén bệnh lý.
- Chẩn đoán được thai nghén bình thường và biết cách chăm sóc thai phụ.
- Chuẩn bị được dụng cụ cho một cuộc đẻ thường. Mô tả được các bước tiến hành đỡ đẻ thường.
- Áp dụng được các kiến thức điều dưỡng Sản phụ khoa để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên dễ nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực Sản phụ khoa.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được kiến thức điều dưỡng Sản phụ khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu Sản phụ khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện sự nghiêm túc trong khi nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo kết quả.
- Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh sản phụ khoa phù hợp với nhu cầu của người bệnh, sản phụ, gia đình và cộng đồng.

- Thực hiện được các giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng trong cải thiện sức khỏe trong lĩnh vực sản phụ khoa.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài, chương, mục	Thời gian(giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Bài 1. Hiện tượng thụ tinh làm tổ và phát triển của trứng	2	2	
2	Bài 2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý khi có thai	2	2	
3	Bài 3. Chẩn đoán thai nghén và chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén	2	2	
4	Bài 4. Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ chuyển dạ	2	2	
5	Bài 5. Chăm sóc sản phụ trong đẻ ngôi chỏm (Đẻ thường)	2	2	
6	Bài 6. Hậu sản thường và chăm sóc sản phụ sau đẻ	2	2	
7	Bài 7. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	2	2	
8	Bài 8. Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn hậu sản	2	2	
9	Bài 9. Chăm sóc người bệnh dọa sảy thai và sảy thai	1	1	
10	Bài 10. Chăm sóc thai phụ thai chết trong buồng tử cung	1	1	
11	Bài 11. Chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung	1	1	
12	Bài 12. Chăm sóc thai phụ chửa trứng	1	1	
13	Bài 13. Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non và đẻ non	1	1	
14	Bài 14. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung	1	1	
15	Bài 15. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật-Sản giật	2	2	
16	Bài 16. Chăm sóc thai phụ rau tiền đạo	1	1	
17	Bài 17. Chăm sóc thai phụ rau bong non	1	1	
18	Bài 18. Các biện pháp tránh thai	2	2	
	Kiểm tra	2		2
	Cộng	**30**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Hiện tượng thụ tinh làm tổ và phát triển của trứng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Định nghĩa được sự thụ tinh, kể được các điều kiện chính để thụ tinh.
- Mô tả được sự di chuyển và làm tổ của trứng.
- Trình bày được sự phát triển của thai và phần phụ của thai.

- Áp dụng thực tế tư vấn được cho những phụ nữ mong muốn có thai và trong quá trình mang thai
- Vận dụng kiến thức biết được sự phát triển của trứng và sự thụ thai, những yếu tố ảnh hưởng đến sự mang thai.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Hiện tượng thụ tinh
2.1.1. Định nghĩa sự thụ tinh
2.1.2. Điều kiện để thụ tinh
2.1.3. Tinh trùng và tinh dịch
2.1.4 . Noãn bào
2.1.5. Quá trình thụ tinh
2.2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng
2.2.1. Sự di chuyển của trứng
2.2.2. Sự làm tổ của trứng
2.3. Sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng
2.3.1. Sự sắp xếp tổ chức
2.3.2. Thời kỳ hoàn chỉnh tổ chức
2.4. Áp dụng thực tế

Bài 2: Thay đổi giải phẫu và sinh lý khi có thai Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được sự thay đổi về nội tiết của người phụ nữ trong quá trình mang thai.
- Mô tả được sự thay đổi về giải phẫu và sinh lý bộ phận sinh dục khi mang thai.
- Mô tả được sự thay đổi toàn thân và một số hằng số sinh lý khi mang thai.
- Vận dụng kiến thức biết được sự thay đổi của người phụ nữ khi có thai
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Thay đổi nội tiết
2.2.1. HCG (Human Chorionique Gonadotropin).
2.2.2. Các hormon Steroid
2.2.3. Các tuyến nội tiết khác
2.3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý bộ phận sinh dục
2.3.1. Thay đổi ở thân tử cung
2.3.2. Thay đổi ở eo tử cung
2.3.3. Thay đổi ở cổ tử cung
2.3.4. Thay đổi ở âm hộ, âm đạo.
2.3.5. Thay đổi ở buồng trứng và vòi trứng
2.3.6. Thay đổi ở vú
2.4. Thay đổi toàn thân và một số hằng số sinh lý
2.4.1. Tuần hoàn
2.4.2. Máu
2.4.3. Tim
2.4.4. Mạch máu
2.4.5. Hô hấp
2.4.6. Tiêu hoá
2.4.6. Thay đổi tiết niệu

2.4.7. Thay đổi thần kinh
2.4.8. Một số thay đổi khác

Bài 3: Chẩn đoán thai nghén và chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Kể được các triệu chứng của thai nghén trong 20 tuần đầu và sau 20 tuần.
- Trình được mục đích khám thai và 9 bước khám thai.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ trong thời kỳ mang thai.
- Vận dụng kiến thức xác định có thai và khám thai, thực hiện được kỹ thuật khám thai
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Các triệu chứng chẩn đoán thai 20 tuần đầu (4,5 tháng đầu)
2.1.1. Cơ năng
2.1.2. Thực thể
2.1.3. Cận lâm sàng
2. 2. Các triệu chứng chẩn đoán thai 20 tuần cuối (4,5 tháng cuối)
2.3. Khám thai
2.3.1. Mục đích khám thai
2.3.2. Trình tự khám thai
2.4. Kế hoạch chăm sóc cho sản phụ
2.4.1 Chăm sóc thai phụ 20 tuần đầu
2.4.2. Chăm sóc thai phụ có thai sau 20 tuần

Bài 4: Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ chuyển dạ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các đặc điểm, tác dụng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng trong chuyển dạ.
- Trình bày được các giai đoạn của chuyển dạ và triệu chứng lâm sàng của chuyển dạ.
- Trình bày được những vấn đề cần theo dõi và chăm sóc sản phụ trong khi chuyểndạ.
- Vận dụng kiến thức biết được cuộc chuyển dạ thực sự, các nguy cơ có thể xảy ra trong chuyển dạ
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Động lực của cuộc đẻ
2.2.1. Cơn co tử cung
2.2.2. Cơn co thành bụng
2.3. Tác dụng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng
2.3.1. Về phía người mẹ
2.3.2. Về phía thai
2.4. Các giai đoạn của chuyển dạ
2.4.1. Giai đoạn 1: giai đoạn xóa mở cổ tử cung
2.4.2. Giai đoạn 2: giai đoạn sổ thai
2.5. Các triệu chứng lâm sàng của thời kỳ chuyển dạ
2.5.1. Triệu chứng cơ năng
2.5.2. Triệu chứng thực thể
2.6. Theo dõi và chăm sóc thai phụ trong thời kỳ chuyển dạ

2.6.1. Theo dõi
2.6.2. Chăm sóc sản phụ trong khi chuyển dạ đẻ

Bài 5: Chăm sóc sản phụ trong đẻ ngôi chỏm (đẻ thường) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Chuẩn bi đầy đủ dụng cụ và sản phụ cho một cuộc đẻ thường
- Trình bày được kỹ thuật đỡ đẻ thường.
- Trình bày được kỹ thuật đỡ rau và kiểm tra rau.
- Vận dụng kiến thức xác định được các giai đoạn chuyển dạ cuộc đẻ thường
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Đỡ đẻ ngôi chỏm
2.1.1. Chuẩn bị
2.1.2. Kỹ thuật đỡ đẻ
2.2.2.1. Đỡ đầu
2.2.2.2. Đỡ vai
2.2.2.3. Đỡ mông và chân
2.3. Đỡ rau và kiểm tra rau
2.2.1. Đỡ rau
2.3.3.1. Đỡ rau
3.3.3.1. Đỡ rau thông thường
2.3.1.2. Đỡ rau tích cực
2.3.2. Kiểm tra rau
2.4. Chăm sóc sản phụ trong đẻ thường
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch
2.4.5. Đánh giá

Bài 6: Hậu sản thường và chăm sóc sản phụ sau đẻ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được 5 sự thay đổi giải phẫu và sinh lý sau đẻ.
- Trình bày được 4 hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ hậu sản.
- Lập được kế hoạch chăm sóc sản phụ thời kỳ hậu sản.
- Vận dụng kiến thức biết được sự thay đổi của sản phụ sau đẻ
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Những thay đổi giải phẫu và sinh lý ở bộ phận sinh dục
2.2.1. Thân tử cung
2.2.2. Đoạn dưới và cổ tử cung
2.2.3. Phúc mạc tử cung và niêm mạc tử cung
2.2.4. Âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn
2.2.5. Vú
2.3. Những hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ hậu sản
2.3.1. Sự co hồi tử cung

2.3.2. Sản dịch
2.3.3. Sự xuống sữa
2..3.4. Các hiện tượng khác
2.4. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Đánh giá

Bài 7: Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Nhận định được tình trạng trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.
- Chẩn đoán điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc sơ sinh sau đẻ
- Thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ (quy trình chăm sóc sơ sinh).
- Vận dụng kiến thức đánh giá được trẻ sơ sinh bình thường, thực hiện đúng kỹ thuật sản khoa.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nhận định
2.2.1. Tình trạng hô hấp
2.2.2. Tình trạng Tuần hoàn
2.2.3. Tình trạng da
2.2.4. Trương lực cơ
2.2.5. Phản xạ
2.2.6. Tình trạng chung
2.3. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.1. Đảm bảo thông khí
2.5.2. Duy trì thân nhiệt cho trẻ
2.5.3. Duy trì tuần hoàn
2.5.4. Chăm sóc rốn
2.4.5. Vệ sinh cho trẻ
2.4.6 . Hướng dẫn cho trẻ bú sớm
2.6. Đánh giá

Bài 8: Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn hậu sản Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Kể được các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn hậu sản.
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của các hình thái nhiễm khuẩn hậu sản.
- Lập được kế hoạch chăm sóc cho sản phụ bị nhiễm khuẩn hậu sản.
- Vận dụng kiến thức biết được các nguyên nhân và hình thái nhiễm khuẩn hậu sản
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các yếu tố nguy cơ
2.2.1. Do các loại vi khuẩn
2.2.2. Đường xâm nhập của vi khuẩn

2.2.3. Yếu tố thuận lợi
2.3. Các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ
2.3.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, cổ tử cung
2.3.2. Nhiễm khuẩn tử cung
2.3.2.1. Viêm niêm mạc tử cung
2.3.2.2. Viêm tử cung toàn bộ
2.3.3. Viêm phần phụ, viêm dây chằng rộng (nhiễm khuẩn quanh tử cung)
2.3.4. Viêm phúc mạc
3.4.1. Viêm phúc mạc tiểu khung
2.3.4.2. Viêm phúc mạc toàn thể
2.3.5. Nhiễm khuẩn máu
2.3.6. Viêm tắc tĩnh mạch chi
2.4. Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn hậu sản
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Đánh giá

Bài 9: Chăm sóc thai phụ dọa sảy thai và sảy thai Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các nguyên nhân gây sảy thai, các loại sảy thai.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng các giai đoạn của sảy thai.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa sảy và sảy thai.
- Vận dụng kiến thức biết được nguyên nhân, triệu chứng dọa sảy thai và sảy thai, thực hiện đúng quy trình cấp cứu sản khoa.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Về phía mẹ
2.2.2. Về phía thai
2.2.3. Về phía phần phụ của thai
2.3. Phân loại
2.3.1. Sảy thai tự nhiên
2.3.2. Sảy thai liên tiếp
2.3.3. Sảy thai nhiễm khuẩn
2.4. Triệu chứng
2.4.1. Dọa sảy thai
2.4.2. Đang sảy
2.4.3. Đã sảy
2.5. Biến chứng
2.6. Hướng xử trí
2.6.1. Dọa sảy
2.6.2. Đang sảy và đã sảy
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Chăm sóc thai phụ dọa sảy thai
2.7.1.1. Nhận định
2.7.1.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.7.1.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.1.4. Đánh giá
2.7.2. Chăm sóc thai phụ đang sảy và đã sảy thai
2.7.2.1. Nhận định
2.7.2.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.7.2.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.2.4. Đánh giá

Bài 10: Chăm sóc thai phụ thai ngừng phát triển trong buồng tử cung

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Nêu được các nguyên nhân gây thai chết trong buồng tử cung.
- Trình bày được triệu chứng, tiến triển của thai chết trong buồng tử cung.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ thai chết trong buồng tử cung.
- Vận dụng kiến thức xác định dấu hiệu thai chết trong buồng tử cung
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Về phía mẹ
2.2.2. Về phía thai
2.2.3. Về phía phần phụ của thai
2.3. Triệu chứng
2.3.1. Thai chết lưu dưới 20 tuần
2.3.2. Thai chết lưu 20 tuần trở lên
2.4. Tiến triển
2.5. Hướng xử trí
2.5.1. Tuyến xã, phường
2.5.2. Tuyến huyện, quận và các tuyến cao hơn
2.6. Chăm sóc thai phụ thai chết trong buồng tử cung
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch
2.6.5. Đánh giá

Bài 11: Chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, phân loại và nguyên nhân của chửa ngoài tử cung.
- Trình bày triệu chứng các hình thái chửa ngoài tử cung.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung.
- Vận dụng kiến thức xác định các hình thái chửa ngoài tử cung, thực hiện đúng quy trình cấp cứu sản khoa.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Phân loại theo giải phẫu
2.3. Nguyên nhân

2.4. Triệu chứng và chẩn đoán
2.4.1. Chửa ngoài tử cung chưa vỡ
2.4.2. Chửa ngoài tử cung vỡ
2.4.3. Chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
2.5. Hướng xử trí
2.5.1. Tuyến cơ sở
2.5.2. Tuyến có phẫu thuật
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoach chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Bài 12: Chăm sóc thai phụ chửa trứng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, phân loại chửa trứng.
- Trình bày được triệu chứng, tiến triển và biến chứng, hướng xử trí của chửa trứng.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ chửa trứng
- Vận dụng kiến thức xác định các dấu hiệu và phân loại chử trứng, thực hiện đúng quy trình cấp cứu sản khoa.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng thực thể
2.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.3. Tiến triển và biến chứng
2.4. Hướng xử trí
2.4.1. Nạo hút thai trứng
2.4.2. Phẫu thuật cắt tử cung dự phòng
2.4.3. Theo dõi sau nạo trứng
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

Bài 13: Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non và đẻ non Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân của doạ đẻ non và đẻ non.
- Trình bày được triệu chứng và hướng xử trí của doạ đẻ non và đẻ non.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa đẻ non và đẻ non
- Vận dụng kiến thức xác định các nguyên nhân, triệu chứng của dọa đẻ non, thực hiện được quy trình cấp cứu sản khoa
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung
2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Về phía mẹ
2.2.2. Về phía con
2.2.3. Về phía phần phụ của thai
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Doạ đẻ non
2.3.2. Đẻ non
2.4. Hướng xử trí
2.4.1. Doạ đẻ non
2.4.2. Đẻ non
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Dọa đẻ non
2.5.1.1. Nhận định
5.2.1.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.1.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.1.4. Đánh giá
2.5.2. Đẻ non
2.5.2.1. Nhận định
5.2.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.2.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.2.4. Đánh giá

Bài 14: Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Kể được các nguyên nhân gây vỡ tử cung.
- Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí, phòng bệnh của dọa vỡ và vỡ tử cung.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ bị dọa vỡ và vỡ tử cung.
- Vận dụng kiến thức xác định dấu hiệu dọa vỡ và vỡ tử cung, thực hiện quy trình cấp cứu sản khoa.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung
2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Nguyên nhân về phía mẹ
2.2.2. Nguyên nhân về phía thai
2.2.3. Do can thiệp thủ thuật sản khoa
2.3. Triệu chứng
2.3.1. Dọa vỡ tử cung
2.3.2. Vỡ tử cung
2.4. Các hình thái lâm sàng
2.5. Hướng xử trí
2.5.1. Dọa vỡ tử cung
2.5.2. Vỡ tử cung
2.6. Phòng bệnh
2.7. Chăm sóc
2.7.1. Dọa vỡ tử cung

2.7.1.1. Nhận định
2.7.1.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.7.1.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.1.4. Đánh giá
2.7.2. Vỡ tử cung
2.7.2.1. Nhận định
2.7.2.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.7.2.3. Lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.2.4. Đánh giá

Bài 15: Chăm sóc thai phụ tiền sản giật - sản giật Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, thể lâm sàng và hướng xử trí tiền sản giật.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ tiền sản giật.
- Trình bày được triệu chứng và biến chứng của sản giật
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ sản giật.
- Vận dụng kiến thức xác định các triệu chứng, biến chứng trên lâm sàng của tiền sản giật-sản giật, thực hiện chính xác kỹ thuật cấp cứu sản khoa
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Tiền sản giật
2.1.1. Đại cương
2.1.2. Nguyên nhân
2.1.3. Triệu chứng
2.2.3.1. Phù
2.1.3.2. Protein niệu
2.1.3.3. Tăng huyết áp
2.1.4. Các thể lâm sàng
2.1.5. Hướng điều trị
2.1.5.1. Ở tuyến xã
2.1.5.2. Tuyến huyện trở lên
2.1.6. Lập kế hoạch chăm sóc
2.1.6.1. Nhận định
2.1.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.1.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.1.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.1.6.5. Đánh giá
2.2. Sản giật
2.2.1. Dấu hiệu báo trước (có thể từ vài giờ cho đến vài ngày)
2.2.2. Triệu chứng cơn sản giật
2.2.2.1. Giai đoạn xâm nhiễm
2.2.2.2. Giai đoạn co cứng
2.2.2.3. Giai đoạn giật gián cách
2.2.2.4. Giai đoạn hôn mê
2.2.3. Biến chứng của cơn sản giật
2.2.3.1. Cho mẹ
2.2.3.2. Cho con
2.2.4. Hướng xử trí

2.2.4.1. Ở tuyến xã
2.2.4.2. Tuyến huyện trở lên
2.2.5. Lập kế hoạch chăm sóc
2.2.5.1. Nhận định
2.2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.2.5.5. Đánh giá

Bài 16: Chăm sóc thai phụ rau tiền đạo Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, phân loại rau tiền đạo.
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, hướng xứ trí rau tiền đạo.
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc thai phụ rau tiền đạo.
- Vận dụng kiến thức xác định dấu hiệu, phân loại, triệu chứng rau tiền đạo.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Phân loại
2.2.1. Phân loại theo giải phẫu
2.2.2. Phân loại theo lâm sàng
2.3. Nguyên nhân
2.4. Triệu chứng
2.4.1. Toàn thân
2.4.2. Cơ năng
2.4.3. Thực thể
2.4.4. Cận lâm sàng
2.5. Hướng xử trí
2.5.1. Với rau tiền đạo khi chưa chuyển dạ
2.5.2. Với rau tiền đạo đang chuyển dạ
2.5.3. Trong thời kỳ hậu sản
2.6. Chăm sóc thai phụ rau tiền đạo
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá

Bài 17: Chăm sóc thai phụ rau bong non Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân rau bong non.
- Trình bày được các triệu chứng và thể lâm sàng rau bong non.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ rau bong non.
- Vận dụng kiến thức xác định triệu chứng, biến chứng trên lâm sàng của rau bong non, thực hiện đúng kỹ thuật cấp cứu sản khoa.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân
2.3. Triệu chứng
2.3.1. Triệu chứng cơ năng
2.3.2. Triệu chứng thực thể
2.3.3. Triệu chứng toàn thân
2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Các thể lâm sàng
2.4.1. Thể nhẹ
2.4.2 Thể trung bình
2.4.3. Thể nặng (phong huyết tử cung – rau)
2.5. Hướng xử trí
2.5.1. Nguyên tắc chung
2.5.2. Hồi sức nội khoa
2.5.3. Xử trí sản khoa
2.6. Chăm sóc thai phụ rau bong non
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiên kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết

Bài 18. Các biện pháp tránh thai Thời gian : 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được những thuân lợi và không thuận lợi của các biện pháp tránh thai.
- Trình bày được những chỉ định và chống chỉ định các biện pháp tránh thai.
- Vận dụng kiến thức để tư vấn cho khách hàng các biện pháp tránh thai phù hợp
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp tránh thai áp dụng cho nam giới
2.1.1. Dùng bao cao su
2.1.2. Phương pháp xuất tinh ngoài âm đạo
2.1.3. Phương pháp triệt sản nam
2.2. Các phương pháp tránh thai áp dụng cho nữ giới
2.2.1. Phương pháp giao hợp tránh ngày rụng trứng
2.2.2. Phương pháp tránh thai cho bú vô kinh
2.2.3. Phương pháp dùng thuốc diệt tinh trùng
2.2.4. Thuốc nội tiết tránh thai
2.2.4.1. Thuốc tránh thai kết hợp liều thấp
2.2.4.2. Thuốc tránh thai chỉ có Progestin
2.2.4.3. Thuốc tránh thai khẩn cấp
2.2.5. Phương pháp đặt dụng cụ tử cung
2.2.6. Triệt sản

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, máy chiếu, máy vi tính, giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.

V. Nội dung và phương pháp, Đánh giá kết quả chăm sóc:

1. Nội dung:

- Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải biết được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí và điều trị một số bệnh sản phụ khoa thường gặp và vận dụng được kiến thức vào lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sản phụ khoa.
- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
- Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.
- Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.
- Đối với người học:
- Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.
- Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, hướng xử trí và chăm sóc các bệnh sản phụ khoa.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội (2020). Bài giảng sản phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
2. Đại học Y Hà Nội (2020). Bài giảng sản phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
3. Đại học Y Hà Nội (2022). Sản khoa, Nhà xuất bản Y học.
4. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020). Bài giảng sản khoa, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
TTLS CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

Tên môn học: Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình
Mã môn học: MH 23
Thời gian thực hiện môn học: 128 giờ (Thực hành tại bệnh viện: 120 giờ ; Kiểm tra: 8 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học bắt buộc thuộc khối môn học/mô đun chuyên môn

2. Tính chất: Chương trình môn học giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức, kỹ năng của các môn học/mô đun cơ sở, Bệnh học Sản – phụ khoa vào thực tế thăm khám, chẩn đoán, xử trí, điều trị và chăm sóc sản phụ, thai phụ.

II. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- CĐRMH 1: Vận dụng kiến thức biết cách hỏi bệnh, phát hiện được triệu chứng lâm sàng, lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với tình trạng bệnh. Áp dụng được những kiến thức cơ sở để giải thích các triệu chứng của bệnh (CĐR 2).
- CĐRMH 2: Thực hiện được đúng, đủ các bước của quy trình thăm khám khách hàng, thai phụ, sản phụ theo đúng trình tự, biết cách xơ cứu, cấp cứu và điều trị được một số bệnh sản phụ khoa thường gặp (CĐR 3).
- CĐRMH 3: Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khoẻ cho thai phụ và người nhà (CĐR 5).
- CĐRMH 4: Thể hiện được tình thần học tập tích cực, cập nhật thông tin, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; thái độ thận trọng, tỷ mỉ, chính xác, nghiêm túc trong thực hành môn học (CĐR 8).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Biết cách hỏi bệnh, phát hiện được triệu chứng và các nguy cơ xảy ra trên lâm sàng của các bệnh thường gặp trong sản phụ khoa
- Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích một số triệu chứng của bệnh trên thai phụ, sản phụ.
- Biết cách xử trí sơ cứu, cấp cứu và điều trị được một số bệnh sản phụ khoa thường gặp.
- Nắm được các bước tiến hành kỹ thuật trong chăm sóc sản phụ, thai phụ.
- Biết lập kế hoạch chăm sóc sản phụ khoa.

2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức đã học để nhận định và chăm sóc được người bệnh mắc các bệnh sản phụ khoa.
- lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với mặt bệnh .
- Thực hiện được đầy đủ các chỉ tiêu tay nghề thực hành theo quy định
- Thực hiện một số kỹ thuật cơ bản điều dưỡng sản phụ khoa an toàn và hiệu quả.
- Ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định.

+ Thực hiện kỹ năng giao tiếp công sở, với người bệnh, người nhà và giao tiếp phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các quy trình kỹ thuật đảm bảo an toàn cho bản thân và người bệnh trong thực hành lâm sàng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức nghề nghiệp, thận trọng, đảm bảo tính khoa học, chính xác trong công việc.
- Hình thành được tư duy khoa học, sáng tạo và logic trong thực hành chăm sóc người bệnh của điều dưỡng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương mục	Thời gian		
		Tổng số	Thực hành tại bệnh viện	Kiểm tra
1	Bài 1. Hiện tượng thụ tinh làm tổ và phát triển của trứng	0	0	
2	Bài 2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý khi có thai	5	5	
3	Bài 3. Chẩn đoán thai nghén và chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén	7	7	
4	Bài 4. Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ chuyển dạ	10	10	
5	Bài 5. Chăm sóc sản phụ trong đẻ ngôi chỏm (Đẻ thường)	10	10	
6	Bài 6. Hậu sản thường và chăm sóc sản phụ sau đẻ	12	12	
7	Bài 7. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	5	5	
8	Bài 8. Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn hậu sản	10	10	
9	Bài 9. Chăm sóc người bệnh dọa sảy thai và sảy thai	6	6	
10	Bài 10. Chăm sóc thai phụ thai chết trong buồng tử cung	5	5	
11	Bài 11. Chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung	5	5	
12	Bài 12. Chăm sóc thai phụ chửa trứng	5	5	
13	Bài 13. Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non và đẻ non	5	5	
14	Bài 14. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung	5	5	
15	Bài 15. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật- Sản giật	10	10	
16	Bài 16. Chăm sóc thai phụ rau tiền đạo	5	5	
17	Bài 17. Chăm sóc thai phụ rau bong non	5	5	
18	Bài 18. Các biện pháp tránh thai	10	10	
	Kiểm tra	8		8
	Cộng	**128**	**120**	**8**

2. Nội dung chi tiết

Bài 2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý khi có thai Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được cấu tạo giải phẫu bộ phận sinh dục liên quan đến sản phụ khoa
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc sự thay đổi trong cơ thể bà mẹ mang thai trên lâm sàng.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành thai nghén

2. Nội dung: Thực hành tại bệnh viện.

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ thay đổi khi mang thai

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chẩn đoán thai nghén và chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện chẩn đoán, chăm sóc thai nghén trong 20 tuần đầu.
- Thực hiện chẩn đoán, chăm sóc thai nghén trong 20 tuần cuối
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành khám thai trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành thăm khám thai.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ mang thai

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ chuyển dạ Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện chăm sóc, theo dõi các giai đoạn chuyển dạ
- Thực hiện kỹ thuật cấp cứu sản khoa
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.

-Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành theo dõi một cuộc chuyển dạ trên lâm sàng.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc chuyển dạ

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 5. Chăm sóc sản phụ trong đẻ ngôi chỏm Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Chuẩn bi đầy đủ dụng cụ và sản phụ cho một cuộc đẻ thường
- Nắm chắc được quy trình đỡ đẻ thường
- Thực hiện quy trình chăm sóc sản phụ trong đẻ và sau đẻ
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành đỡ đẻ ngôi chỏm trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành đỡ đẻ

2. Nội dung

2.1. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc sản phụ trong đẻ ngôi chỏm

2.2. Hướng dẫn thực hành đỡ đẻ

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 6. Hậu sản thường và chăm sóc sản phụ sau đẻ Thời gian: 112 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Lập được kế hoạch chăm sóc sản phụ thời kỳ hậu sản
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bà mẹ sau đẻ trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc bà mẹ sau đẻ

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ

2.2. Hướng dẫn thực hành chăm sóc, theo dõi.

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 7. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Nhận định được tình trạng trẻ sơ sinh ngay sau đẻ trên lâm sàng
- Thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ (quy trình chăm sóc sơ sinh).
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc trẻ sơ sinh trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc trẻ sau đẻ

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng

2.2. Hướng dẫn thực hành chăm sóc, theo dõi.

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 8. Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn hậu sản Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện triệu chứng nhiễm khuẩn hậu sản trên lâm sàng.
- Lập được kế hoạch chăm sóc cho sản phụ bị nhiễm khuẩn hậu sản.
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bà mẹ sau đẻ bị nhiễm khuẩn trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc bà mẹ sau đẻ

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn hậu sản

2.2. Hướng dẫn thực hành chăm sóc, theo dõi.

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 9. Chăm sóc thai phụ dọa sảy thai, sảy thai Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng lâm sàng các giai đoạn của dọa sảy thai, sảy thai.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa sảy và sảy thai.
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ dọa sảy và sảy thai trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ dọa sảy thai.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa sảy thai

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 10. Chăm sóc thai phụ thai ngừng phát triển trong buồng tử cung Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng, tiến triển của thai phụ thai ngừng phát triển trong buồng tử cung.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ thai chết trong buồng tử cung.
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ thai ngừng phát triển trong buồng tử cung trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ thai ngừng phát triển trong buồng tử cung

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ thai ngừng phát triển trong buồng tử cung

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 11. Chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng, tiến triển của thai phụ chửa ngoài tử cung.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung.
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ thai chửa ngoài tử cung

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung

22. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 12. Chăm sóc thai phụ chửa trứng Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng, tiến triển, biến chứng của thai phụ chửa trứng.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ chửa trứng
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ chửa trứng trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ thai chửa trứng

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ chửa trứng

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 13. Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng, tiến triển của thai phụ dọa đẻ non.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa đẻ non
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định

Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ dọa đẻ non trên lâm sàng.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ thai dọa đẻ non

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa đẻ non

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 14. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng, tiến triển của thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ dọa vỡ và vỡ tử cung

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ dọa vỡ tử cung

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 15. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật - sản giật Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phát hiện các triệu chứng, biến chứng của thai phụ tiền sản giật- sản giật.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ tiền sản giật
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định

Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ tiền sản giật- sản giật trên lâm sàng.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ tiền sản giật- sản giật.

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ tiền sản giật

2.2. Hướng dẫn thực hành

2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 16. Chăm sóc thai phụ rau tiền đạo Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

Phát hiện các triệu chứng của thai phụ rau tiền đạo.

- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ rau tiền đạo
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định

- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ rau tiền đạo trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ rau tiền đạo

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc thai phụ rau tiền đạo
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 17. Chăm sóc thai phụ rau bong non Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
Phát hiện các triệu chứng, biến chứng của thai phụ rau bong non
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ rau bong non.
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc thai phụ rau bong non trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc thai phụ rau bong non

2. Nội dung

2.1. Giao ban, bình kế hoạch
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 18. Các biện pháp tránh thai Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Biết cách xử trí một số tác dụng phụ của các biện pháp tránh thai.
- Chăm sóc khách hàng đặt dung cụ tử cung có tác dụng phụ.
- Thực hiện được các chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc tkhách hàng có nhu cầu tránh thai trên lâm sàng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc khách hang đặt vòng

2. Nội dung

2.1. Giao ban bình kế hoạch chăm sóc các biện pháp tránh thai và quy trình đặt vòng
2.2. Hướng dẫn thực hành đặt vòng Tcu 380
2.3. Tự thực hành, thảo luận

3. Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

Chỉ tiêu về KHCS: Lập và phân tích được

TT	Nội dung	Số lần	Ghi chú
1	Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ mang thai	3	
2	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ	3	
3	Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn tầng sinh môn	3	
4	Chăm sóc thai phụ dọa sảy thai	3	
5	Chăm sóc thai phụ chửa trứng	3	
6	Chăm sóc thai phụ rau tiền đạo	3	
7	Chăm sóc thai phụ thai chết lưu	3	
8	Chăm sóc thai phụ dọa đẻ non	3	
9	Chăm sóc thai phụ chửa ngoài tử cung	3	
10	Chăm sóc thai phụ dọa vỡ tử cung	3	
11	Chăm sóc thai phụ tiền sản giật- sản giật	3	

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Chuẩn bị cho dụng cụ khám thai	5	2	2
2	Chuẩn bị dụng cụ đỡ đẻ thường	5	2	2
3	Theo dõi cuộc chuyển dạ	5	2	2
4	Phụ giúp bác sĩ đỡ đẻ ngôi chỏm	5	2	2
5	Phụ giúp bác sĩ khâu tầng sinh môn Vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài cho sản phụ	5	3	3
6	Vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài cho sản phụ	5	2	2
7	Kỹ thuật tắm bé	5	2	2
8	Sơ cứu người bệnh tiền sản giật	5	2	2
9	Vận chuyển thai phụ đi mổ	5	2	2
10	Ghi chép hồ sơ bệnh án	5	2	2

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Các khoa lâm sàng Bệnh viện phụ sản Hải Phòng
2. Trang thiết bị máy móc.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, máy chiếu, máy vi tính, giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.

V. Nội dung và phương pháp, Đánh giá kết quả chăm sóc:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức người học thông qua bài tập kế hoạch chăm sóc sản phụ khoa
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng người học thông qua việc thực hành chăm sóc các vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

+ Khi học thực hành lâm sàng bệnh viện:

. Chấp hành nội quy, quy chế bệnh viện và khoa/phòng thực tập, tuân thủ theo sự phân công của giảng viên, điều dưỡng trưởng và cán bộ y tế tại khoa/phòng.

. Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, đoàn kết giúp bạn trong học tập. Có thái độ ân cần niềm nở, nhanh nhẹn, sẵn sàng giúp đỡ đối với người bệnh, gia đình người bệnh. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

. Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục (quần áo blouse, mũ, khẩu trang, thẻ HSSV) theo đúng quy định.

. Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn trật tự vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hàng tuần và đột xuất khi có yêu cầu.

. Thực hiện đúng các qui định về học lâm sàng; có sổ tay lâm sàng, sổ thực hiện chỉ tiêu lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề có xác nhận của thầy cô hoặc cán bộ y tế bệnh viện, làm đầy đủ các kế hoạch chăm sóc, bài tập được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa/phòng.

. Tham gia trực tại khoa thực tập theo đúng lịch phân công. Nếu có thay đổi phải báo cáo với giảng viên phụ trách và ký xác nhận trong lịch trực. Sinh viên trực phải viết giao ban vào sổ giao ban, xác nhận trực của ca trực vào sổ tay lâm sàng và báo cáo giao ban vào đầu giờ hoặc cuối giờ buổi học sau.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài
+ Tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học lâm sàng và trực.
+ Ý thức học tự giác, chấp hành sự phân công, làm đầy đủ các bài tập, đủ chỉ tiêu tay nghề có xác nhận của điều dưỡng trưởng khoa
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài lập kế hoạch chăm sóc người bệnh. Hình thức tự luận
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành, vấn đáp
+ Bốc thăm người bệnh lập kế hoạch chăm sóc
+ Thực hiện 01 kỹ thuật chăm sóc người bệnh
+ Trình bày kế hoạch chăm sóc, hỏi thi

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học
- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Tham gia giảng dạy lâm sàng theo kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng đã được nhà trường phê duyệt.
+ Quản lý, theo dõi tình hình sinh viên thực tập tại khoa: Sĩ số, thời gian học/trực lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề, trang phục, giao tiếp, ứng xử, giữ vệ sinh khoa, phòng bệnh viện...
+ Hằng ngày tổ chức giao ban bình kế hoạch chăm sóc, giảng lâm sàng đầu giường bệnh cho sinh viên vào đầu giờ hoặc cuối giờ.
+ Hằng tuần giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên và kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện bài tập được giao cho sinh viên và chỉ tiêu tay nghề để kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập lâm sàng của từng sinh viên.
- Đối với người học:
+ Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định (quần áo blouse, mũ, khẩu trang, thẻ sinh viên, đi dép quai hậu hoặc giày).
+ Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hằng tuần hoặc khi có yêu cầu.
+ Trong giờ học lâm sàng sinh viên phải ở đúng vị trí được phân công, không sử dụng điện thoại, không tụ tập, đứng, ngồi ngoài hành lang.
+ Thực hiện đúng các quy định về học lâm sàng: Có sổ tay lâm sàng, thực hiện đủ chỉ tiêu tay nghề, làm đủ bài lập KHCS được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa.
+ Tham gia trực tại khoa theo lịch được phân công, nếu có thay đổi phải báo lại cho giảng viên và kí xác nhận. Sinh viên trực phải viết giao ban và kí xác nhận của ca trực vào sổ lâm sàng và báo cáo giao ban vào buổi giao ban ngày hôm sau.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về một số bệnh sản phụ khoa thường gặp, lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh sản phụ khoa và thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh dưới sự giám sát của giảng viên hoặc điều dưỡng bệnh viện được giao phụ trách.
4. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội (2020). Bài giảng sản phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
2. Đại học Y Hà Nội (2020). Bài giảng sản phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
3. Đại học Y Hà Nội (2022). Sản khoa, Nhà xuất bản Y học.
4. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020. Bài giảng sản khoa, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe trẻ em
Mã môn học: MH 24
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (28 giờ lý thuyết, 02 giờ kiểm tra)
I.Vị trí, tính chất của môn học:
1. Vị trí: Là môn chuyên khoa, học sau các môn cơ sở. Học kỳ 1 năm thứ 3
2. Tính chất: Là môn học chung bắt buộc đóng vai trò kết nối kiến thức khoa học cơ sở (Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh, vi sinh-kí sinh trùng…) với các triệu chứng lâm sàng Nhi khoa đặc thù. Môn học trang bị cho người học tư duy phân tích lâm sàng và năng lực thiết lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc chuyên sâu cho người bệnh nhi khoa
II. Mục tiêu môn học:
- CĐRMH 1: Áp dụng được kiến thức đặc điểm giải phẫu, sinh lý các cơ quan và các mốc phát triển tâm thần vận động của trẻ em qua các thời kỳ để nhận diện sự phát triển bình thường và bất thường (Đáp ứng CĐR 2).
- CĐRMH 2: Tổng hợp và giải thích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên tắc xử trí và quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh lý các bệnh lý nội nhi thường gặp (Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Thần kinh, Huyết học...) (Đáp ứng CĐR 2, CĐR 3).
- CĐRMH3: Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng, nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn ở trẻ em và các chương trình y tế quốc gia dành cho trẻ (Phòng chống SDD, IMCI) (CĐR 2, CĐR 5).
- CĐRMH4: Thực hiện được các thao tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu ở trẻ em (cấp cứu sặc sữa, dị vật đường thở, co giật, mất nước nặng...) (Đáp ứng CĐR 4)
- CĐRMH5:**:** Nhận định đúng tình trạng bệnh nhi, phân loại mức độ ưu tiên và lập được kế hoạch chăm sóc chi tiết cho trẻ mắc các bệnh lý nhi khoa phổ biến (Đáp ứng CĐR 3)
- CĐRMH6: Thể hiện thái độ yêu thương trẻ, kiên nhẫn, tỉ mỉ và tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong mọi hoạt động chăm sóc (Đáp ứng CĐR *8, CĐR 3*).
- CĐRMH7: Chủ động học tập, cập nhật kiến thức và rèn luyện năng lực chuyên môn trong lĩnh vực điều dưỡng nhi khoa. *(Đáp ứng CĐR 7, CĐR 8)*

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:
- Về kiến thức:
+ Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý các cơ quan và các mốc phát triển tâm thần vận động của trẻ em qua các thời kỳ để nhận diện sự phát triển bình thường và bất thường
+ Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, các chỉ số cận lâm sàng và hướng điều trị của các bệnh lý nội nhi thường gặp (Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Thần kinh, Huyết học...)
+ Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng, nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn ở trẻ em và các chương trình y tế quốc gia dành cho trẻ (Phòng chống SDD, IMCI).
+ Trình bày được nguyên tắc nhận định, theo dõi và chăm sóc trẻ bệnh bảo đảm an toàn, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.
Về kỹ năng:
+ Nhận định đúng tình trạng bệnh nhi, phân loại mức độ ưu tiên và lập được kế hoạch chăm sóc chi tiết cho trẻ mắc các bệnh lý nhi khoa phổ biến)
+ Vận dụng được quy trình điều dưỡng để xây dựng kế hoạch chăm sóc trẻ em phù hợp với tình trạng bệnh lý và lứa tuổi.
+ Thực hiện được các thao tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu ở trẻ em (cấp cứu sặc sữa, dị vật đường thở, co giật, mất nước nặng...)
+ Sử dụng kỹ năng giao tiếp phù hợp với tâm lý trẻ em và người nhà; thực hiện giáo dục sức khỏe về nuôi dưỡng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ tại nhà (Đáp ứng CĐR 5).

+ Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong học tập và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

- Về thái độ:

+ Thể hiện thái độ yêu thương trẻ, kiên nhẫn, tỉ mỉ và tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong mọi hoạt động chăm sóc

+ Chủ động học tập, cập nhật kiến thức và rèn luyện năng lực chuyên môn trong lĩnh vực điều dưỡng nhi khoa.

+ Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả với các thành viên trong đội ngũ y tế để hội chẩn và triển khai kế hoạch chăm sóc bệnh nhi

III. Nội dung môn học:

1.Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1. Nhi đại cương và sơ sinh				
	Bài 1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em	1	1		
	Bài 2. Sự phát triển thể chất của trẻ em	1	1		
	Bài 3. Sự phát triển tinh thần và vận động của trẻ em	1	1		
	Bài 4. Chăm sóc sơ sinh đủ tháng	1	1		
2	Chương 2. Dinh dưỡng ở trẻ em				
	Bài 5. Nuôi dưỡng trẻ em	2	2		
	Bài 6. Chăm sóc trẻ bị bệnh suy dinh dưỡng	2	2		
3	Chương 3. Da, cơ, xương				
	Bài 7. Đặc điểm da, cơ, xương trẻ em	1	1		
	Bài 8. Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương do thiếu vitamin D	1	1		
4	Chương 4. Hô hấp				
	Bài 9. Đặc điểm hệ hô hấp của trẻ em	1	1		
	Bài 10. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em	2	2		
	Bài 11. Chăm sóc trẻ viêm phổi nặng	1	1		
5	Chương 5. Tuần hoàn				
	Bài 12. Đặc điểm hệ tuần hoàn	1	1		
	Bài 13. Chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh	1	1		
6	Kiểm tra	1			1
7	Chương 6. Máu				
	Bài 14. Đặc điểm hệ máu của trẻ em	1	1		
	Bài 15. Chăm sóc trẻ bị bệnh thiếu máu do thiếu sắt	1	1		
8	Chương 7. Tiêu hóa				
	Bài 16. Đặc điểm hệ tiêu hóa	1	1		
	Bài 17. Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp	2	2		
9	Chương 8. Thần kinh				
	Bài 18. Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em	1	1		

	Bài 19. Chăm sóc trẻ bị co giật	1	1		
10	Chương 9. Tiết niệu	1			1
	Bài 20. Đặc điểm hệ tiết niệu trẻ em	1	1		
	Bài 21. Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp	2	2		
	Bài 22. Chăm sóc trẻ Hội chứng thận hư	2	2		
	Kiểm tra	1			1
Cộng		**28**	**28**	**0**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Nhi đại cương và sơ sinh

Bài 1: Các thời kỳ phát triển của trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được các thời kỳ phát triển của trẻ em từ giai đoạn bào thai đến tuổi dậy thì theo mốc tuổi và đặc điểm phát triển.
- Phân tích được đặc điểm sinh lý, tâm lý và các nguy cơ bệnh lý thường gặp ở từng thời kỳ phát triển của trẻ.
- Phân tích được nhu cầu chăm sóc, dinh dưỡng và tâm lý khác biệt của trẻ qua từng giai đoạn và đề xuất được các biện pháp phòng bệnh và giáo dục sức khỏe phù hợp cho gia đình nhằm bảo vệ an toàn cho trẻ theo từng lứa tuổi.
- Có thái độ chuẩn mực, tận tâm và thấu hiểu đặc điểm tâm lý trẻ em trong giao tiếp và an toàn trong thực hành chăm sóc.

2. Nội dung

2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung
2.2. Thời kỳ sơ sinh
2.2.1. Giới hạn
2.2.2. Đặc điểm sinh lý
2.2.3. Đặc điểm bệnh lý
2.2.4. Chăm sóc và nuôi dưỡng
2.3. Thời kỳ bú mẹ
2.3.2 . Đặc điểm sinh lý
2.3.3. Đặc điểm bệnh lý
2.3.4. Chăm sóc và nuôi dưỡng
2.4. Thời kỳ răng sữa
2.4.1. Giới hạn
2.4.2. Đặc điểm sinh lý
2.4.3. Đặc điểm bệnh lý
2.4.4. Chăm sóc và nuôi dưỡng
2.5. Thời kỳ thiếu niên
2.5.1. Giới hạn
2.5.2. Đặc điểm sinh lý
2.5.3. Đặc điểm bệnh lý
2.5.4. Chăm sóc và nuôi dưỡng
2.6. Thời kỳ dậy thì
2.6.1. Giới hạn
2.6.2. Đặc điểm sinh lý
2.6.3. Đặc điểm bệnh lý
2.6.4. Chăm sóc và nuôi dưỡng

Bài 2: Sự phát triển thể chất của trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được các chỉ số phát triển thể chất cơ bản của trẻ theo từng lứa tuổi.
- Mô tả được cấu tạo, cách tiến hành và đánh giá sức khoẻ trẻ em thông qua biểu đồ tăng trưởng.
- Phân tích được các nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em
- Nhận định được tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng của trẻ dựa trên biểu đồ tăng trưởng và các chỉ số nhân trắc học. Đề xuất được các biện pháp chăm sóc, dinh dưỡng và giáo dục sức khỏe phù hợp nhằm hỗ trợ trẻ phát triển thể chất.
- Có ý thức tỉ mỉ, chính xác trong việc thu thập chỉ số và có tinh thần trách nhiệm trong chăm sóc, tư vấn và bảo vệ sức khỏe trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Sự phát triển về cân nặng.
2.1.1. Cân nặng của trẻ mới đẻ
2.1.2. Cân nặng của trẻ trong năm đầu
2.1.3. Cân nặng của trẻ trên 1 tuổi
2.2. Biểu đồ tăng trưởng
2.3. Sự phát triển chiều cao.
2.3.1. Chiều cao của trẻ mới đẻ
2.3.2. Chiều cao của trẻ dưới 1 tuổi
2.3.3. Chiều cao của trẻ trên 1 tuổi
2.4. Vòng đầu và vòng ngực.
2.4.1.Vòng đầu
2.4.2.Vòng ngực
2.5. Vòng cánh tay
2.6. Một số chỉ số khác
2.6.1. Thóp
2.6.2. Răng
2.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ
2.7.1. Các yếu tố nội sinh
2.7.2. Các yếu tố ngoại sinh

Bài 3. Sự phát triển tinh thần và vận động của trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tinh thần và vận động của trẻ em.
- Phân tích được các mốc phát triển vận động và tinh thần bình thường của trẻ theo từng lứa tuổi.
- Mô tả được các dấu hiệu cảnh báo chậm phát triển tâm thần – vận động ở trẻ em.
- Nhận định được sự phát triển tinh thần và vận động của trẻ dựa trên các mốc phát triển theo lứa tuổi để đề ra các biện pháp hỗ trợ.
- Thể hiện sự kiên nhẫn và nhạy bén khi quan sát các hành vi của trẻ, tôn trọng sự khác biệt về tốc độ phát triển cá thể, chủ động cập nhật các kiến thức mới về nhi khoa và an toàn trong chăm sóc để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đại cương và nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em
2.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em
2.2.1. Yếu tố bên trong
2.2.2. Yếu tố bên ngoài
2.3. Những biểu hiện của sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em qua từng lứa tuổi
2.3.1. Sơ sinh

2.3.2. Trẻ 2-3 tháng tuổi
2.3.3. Trẻ 4 – 5 tháng tuổi
2.3.4. Trẻ 6- 9 tháng tuổi
2.3.5. Trẻ từ 10-12 tháng tuổi
2.3.6. Trẻ 13 -18 tháng tuổi
2.3.7. Trẻ 19-24 tháng tuổi
2.3.8. Trẻ 3 đến 4 tuổi
2.3.9. Trẻ 5 đến 6 tuổi
2.3.10. Trẻ 7 đến 15 tuổi
2.4. Các dấu hiệu bất thường

Bài 4. Chăm sóc sơ sinh đủ tháng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các đặc điểm sinh lý, hình thái và các hiện tượng sinh lý bình thường của trẻ sơ sinh đủ tháng.
- Trình bày được các nguyên tắc và nội dung chăm sóc thiết yếu trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và trong những ngày đầu sau sinh.
- Trình bày được các biện pháp vệ sinh, theo dõi và hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ đối với trẻ sơ sinh đủ tháng khỏe mạnh.
- Nhận định được tình trạng thích nghi và nhu cầu chăm sóc cơ bản của trẻ sơ sinh đủ tháng và đề xuất được các biện pháp chăm sóc phù hợp nhằm bảo đảm an toàn và nâng cao sức khỏe cho trẻ sơ sinh.
- Có ý thức tỉ mỉ, nhẹ nhàng đảm bảo an toàn và tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc vô khuẩn trong khi tiếp xúc và chăm sóc trẻ.

2. Nội dung

2.1. Những biểu hiện bên ngoài của trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh
2.2. Những hiện tượng sinh lý xảy ra trong thời kỳ sơ sinh
2.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh
2.3.1. Chăm sóc trẻ ngay sau khi đẻ
2.3.2. Chăm sóc hàng ngày

Chương 2: Dinh dưỡng ở trẻ em

Bài 5: Nuôi dưỡng trẻ em. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ và cơ chế bài tiết sữa.
- Trình bày được nguyên tắc cho trẻ bú đúng và các biện pháp duy trì nguồn sữa mẹ.
- Trình bày được nguyên tắc nuôi con nhân tạo, lựa chọn sữa thay thế phù hợp theo từng độ tuổi của trẻ.
- Trình bày được nguyên tắc cho trẻ ăn bổ sung, các loại thức ăn bổ sung và cách chế biến phù hợp cho trẻ em.
- Nhận định được nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo lứa tuổi và đề xuất được các biện pháp nuôi dưỡng và tư vấn dinh dưỡng phù hợp cho trẻ và gia đình.
- Có ý thức trách nhiệm và kiên nhẫn trong hỗ trợ các bà mẹ gặp khó khăn trong việc nuôi con bằng sữa mẹ cũng như tư vấn dinh dưỡng phù hợp cho gia đình trẻ.

2. Nội dung

2.1. Nuôi con bằng sữa mẹ
2.1.1. Sự bài tiết sữa
2.1.2. Những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ
2.1.3. Bảo vệ nguồn sữa mẹ
2.1.4. Nuôi con bằng sữa mẹ

2.2. Ăn nhân tạo:
2.2.1. Các loại thức ăn thay thế sữa mẹ (sữa thay thế)
2.2.2. Cách pha các loại sữa thay thế từ sữa bò tươi, sữa đặc, sữa bột
2.2.3. Số lần ăn trong ngày đối với trẻ ăn nhân tạo
2.3. Ăn hỗn hợp
2.4. Ăn bổ sung (ăn sam, ăn dặm, ăn thêm)
2.4.1. Các loại thức ăn bổ sung
2.4.2. Cách cho ăn bổ sung

Bài 6: Chăm sóc trẻ bị bệnh suy dinh dưỡng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây suy dinh dưỡng ở trẻ em.
- Phân tích được các thể suy dinh dưỡng và đặc điểm lâm sàng của từng thể bệnh.
- Nhận định được tình trạng dinh dưỡng và các dấu hiệu nguy cơ ở trẻ suy dinh dưỡng để xây dựng được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cơ bản cho trẻ suy dinh dưỡng.
- Có thái độ cảm thông và kiên nhẫn khi chăm sóc và hướng tư vấn dinh dưỡng cho người nhà bệnh nhi.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.1.1. Do sai lầm về phương pháp nuôi dưỡng
2.1.2. Do nhiễm khuẩn
2.1.3. Các yếu tố nguy cơ
2.2. Phân loại
2.2.1. Phân loại mức độ suy dinh dưỡng dựa vào cân nặng theo tuổi (theo WHO 1981):
2.2.2. Phân loại suy dinh dưỡng dựa vào 2 chỉ tiêu là cân nặng so với chiều cao và chiều cao theo tuổi (theo Waterlow 1976)
2.2.3. Phân loại suy dinh dưỡng dựa vào cân nặng theo tuổi phối hợp với triệu chứng phù (theo Wellcome)
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Suy dinh dưỡng nhẹ
2.3.2. Suy dinh dưỡng trung bình
2.3.3. Suy dinh dưỡng nặng
2.4. Chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 3: Da, cơ, xương

Bài 7: Đặc điểm da, cơ, xương trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các đặc điểm cấu tạo và sinh lý của hệ da, cơ, xương trẻ em qua các giai đoạn phát triển.
- Giải thích được mối liên quan giữa đặc điểm sinh lý của hệ da, cơ, xương với các nguy cơ bệnh lý thường gặp ở trẻ em.
- Nhận định được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển và an toàn của hệ da, cơ, xương ở trẻ em để đề xuất được các biện pháp chăm sóc, vệ sinh và bảo vệ hệ da, cơ, xương phù hợp theo lứa tuổi.

- Có thái độ cẩn trọng, nhẹ nhàng đảm bảo an toàn trong chăm sóc trẻ để tránh gây tổn thương da, cơ và xương..

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm da trẻ em
2.1.1. Đặc điểm cấu tạo
2.1.2. Đặc điểm sinh lý
2.2. Đặc điểm cơ trẻ em
2.2.1. Đặc điểm cấu tạo
2.2.2. Đặc điểm sinh lý
2.3. Đặc điểm xương ở trẻ em
2.3.1. Đặc điểm cấu tạo
2.3.2. Đặc điểm một số xương

Bài 8: Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương do thiếu vitamin D Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được vai trò của Vitamin D đối với sự chuyển hóa Calci - Phospho và các nguyên nhân gây lên bệnh còi xương.
- Mô tả được các dấu hiệu lâm sàng của bệnh còi xươngg theo từng giai đoạn.
- Nhận định được các dấu hiệu còi xương sớm và muộn để xây dựng được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cơ bản cho trẻ còi xương.
- Đề xuất được các biện pháp tư vấn dinh dưỡng và giáo dục sức khỏe nhằm phòng chống còi xương cho trẻ em.
- Có thái độ ân cần, tỉ mỉ và trách nhiệm trong chăm sóc trẻ còi xương, xác định được vai trò của người điều dưỡng trong giáo dục sức khỏe cộng đồng trong việc phòng chống còi xương để bảo vệ tầm vóc trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của vitamin D
2.2. Nguồn cung cấp vitamin D
2.3. Nguyên nhân thiếu vitamin D
2.3.1. Thiếu ánh nắng mặt trời
2.3.2. Ăn uống
2.3.3. Yếu tố nguy cơ
2.4. Triệu chứng lâm sàng
2.4.1. Dấu hiệu thần kinh: Là những dấu hiệu sớm nhất
2.4.2. Dấu hiệu ở xương
2.4.3. Hệ cơ
2.4.4. Hệ tạo máu
2.5. Chăm sóc
2. 5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc:
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 4: Hô hấp

Bài 9: Đặc điểm hệ hô hấp của trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các đặc điểm giải phẫu hệ hô hấp dưới trẻ em.
- Phân tích được đặc điểm sinh lý hệ hô hấp và sự khác biệt giữa hô hấp trẻ em với người lớn.
- Trình bày được tần số thở bình thường và dấu hiệu thở nhanh theo từng lứa tuổi ở trẻ em (theo tiêu chuẩn của WHO).
- Nhận định được các dấu hiệu bất thường về hô hấp ở trẻ em dựa trên biểu hiện lâm sàng và nhịp thở.và phân tích được nguy cơ rối loạn hô hấp liên quan đến đặc điểm giải phẫu và sinh lý của trẻ em.
- Có thái độ bình tĩnh, khẩn trương và chính xác khi theo dõi, đánh giá nhịp thở của bệnh nhi, phát hiện sớm các dấu hiệu khó thở để can thiệp kịp thời, đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm giải phẫu
2.1.1. Mũi
2.1.2. Họng, hầu
2.1.3. Thanh, khí, phế quản
2.1.4. Phổi
2.1.5. Màng phổi
2.2. Đặc điểm sinh lý
2.2.1. Đường thở
2.2.2. Nhịp thở
2.2.3. Kiểu thở
2.2.4. Quá trình trao đổi khí ở phổi
2.2.5. Điều hoà hô hấp

Bài 10: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây NKHHCT ở trẻ em.
- Trình bày được các dấu hiệu lâm sàng của NKHHCT ở trẻ em.
- Phân loại và xử trí được NKHHCT ở trẻ em theo phác đồ của tổ chức y tế thế giới.
- Trình bày được các biện pháp phòng bệnh NKHHCT cho trẻ em.
- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho trẻ bị nhiễm khuẩn đường hô hấp cấp.
- Xác định được trách nhiệm, khẩn trương, chính xác trong việc phát hiện sớm các dấu hiệu nguy hiểm của bệnh lý hô hấp ở trẻ em nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.2. Các yếu tố nguy cơ
2.3. Phân loại NKHHCT
2.3.1. Phân loại theo vị trí giải phẫu (vị trí tổn thương)
2.3.2. Phân loại theo mức độ nặng nhẹ
2.4. Các dấu hiệu lâm sàng
2.4.1. Triệu chứng chính
2.4.2. Dấu hiệu nguy kịch:
2.4.3. Dựa vào các dấu hiệu và triệu chứng trên TCYTTG phân loại bệnh
2.4.4. Các vấn đề về tai
2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch
2. 6. Phòng bệnh

Bài 11: Chăm sóc trẻ viêm phổi nặng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây viêm phổi nặng ở trẻ em
- Mô tả được các dấu hiệu lâm sàng và tiêu chuẩn phân loại viêm phổi nặng theo hướng dẫn WHO/IMCI.
- Vận dụng được kiến thức để nhận diện, phát hiện sớm dấu hiệu rút lõm lồng ngực và các dấu hiệu nguy kịch vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho trẻ bị viêm phổi nặng dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Có ý thức bình tĩnh, khẩn trương, và phối hợp tốt trong xử trí cấp cứu.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Giai đoạn khởi phát
2.3.2. Giai đoạn toàn phát
2.3.3. Cận lâm sàng
2.4. Chăm sóc (Điều trị tại bệnh viện có chuyên khoa)
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng:
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 5: Tuần hoàn

Bài 12: Đặc điểm hệ tuần hoàn Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Phân biệt được sự khác nhau giữa tuần hoàn rau thai và tuần hoàn sau sinh ở trẻ em.
- Mô tả được các đặc điểm giải phẫu, sinh lý của tim và mạch máu trẻ em qua các giai đoạn phát triển.
- Trình bày được các chỉ số cơ bản về huyết động (mạch, huyết áp, khối lượng tuần hoàn theo tuổi).
- Vận dụng công thức tính nhanh huyết áp và tần số mạch để nhận định tình trạng sức khỏe trẻ dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Có ý thức cẩn thận, chính xác và trách nhiệm trong theo dõi các chỉ số tuần hoàn ở trẻ em và có tinh thần chủ động trong phát hiện sớm các dấu hiệu rối loạn tuần hoàn nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm tuần hoàn rau thai và tuần hoàn sau đẻ
2.1.1. Tuần hoàn bào thai
2.1.2. Tuần hoàn sau đẻ
2.2. Đặc điểm hình thể của tim và mạch máu
2.2.1. Tim
2.2.2. Mạch máu

2.3. Các chỉ số cơ bản về huyết động
2.3.1. Tần số mạch
2.3.2. Huyết áp động mạch
2.3.3. Vòng tuần hoàn
2.3.4. Khối lượng máu tuần hoàn

Bài 13: Chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được các yếu tố nguy cơ và cơ chế rối loạn huyết động của tim bẩm sinh ở trẻ em.
- Phân biệt được đặc điểm của nhóm bệnh tim bẩm sinh có tím và không tím.
- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng thường gặp của bệnh tim bẩm sinh ở trẻ em.
- Nhận định được các dấu hiệu bất thường và nguy cơ biến chứng ở trẻ bị bệnh tim bẩm sinh để xây dựng được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng toàn diện cho trẻ bị bệnh tim bẩm sinh..
- Có ý thức nhẹ nhàng, cảm thông và trách nhiệm khi chăm sóc bệnh nhi và hỗ trợ tâm lý cho gia đình trẻ.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.2. Các yếu tố nguy cơ gây bệnh tim bẩm sinh
2.3. Phân loại tim bẩm sinh
2.3.1. Nhóm TBS không có luồng thông (Shunt)
2.3.2. Nhóm TBS có Shunt trái sang phải
2.3.3. TBS có Shunt phải sang trái
2.4. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và diễn biến của các loại tim bẩm sinh
2.4.1. Tim bẩm sinh có shunt trái - phải
2.4.2. Tim bẩm sinh có shunt phải - trái, máu lên phổi ít
2.4.3. Tim bẩm sinh có shunt phải - trái, máu lên phổi nhiều
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Kiểm tra Thời gian: 1 giờ

Chương 6: Máu

Bài 14: Đặc điểm hệ máu của trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được các giai đoạn tạo máu trong thời kỳ bào thai và sự thay đổi cơ quan tạo máu sau khi trẻ ra đời.
- Phân tích được sự thay đổi của các chỉ số huyết họcở trẻ theo lứa tuổi.
- Trình bày được trị số sinh lý của huyết sắc tố và tỷ lệ Prothrombin theo tuổi ở trẻ em.
- Nhận định được kết quả xét nghiệm máu của bệnh nhi với chỉ số bình thường theo lứa tuổi và các dấu hiệu gợi ý bệnh lý
- Có ý thức cẩn trọng, chính xác khi đối chiếu các chỉ số cận lâm sàng để tránh sai sót trong quy trình chăm sóc và có tinh thần chủ động tự học và cập nhật các hướng dẫn mới về thực hành truyền máu an toàn trong chăm sóc trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sự tạo máu ở trẻ em

2.1.1. Sự tạo máu trong bào thai

2.1.2. Sự tạo máu sau khi sinh

2.2. Đặc điểm máu ngoại biên

2.2.1. Hồng cầu

2.2.2. Huyết sắc tố

2.2.3. Bạch cầu

2.2.4. Tiểu cầu

2.3. Một số đặc điểm khác

2.3.1. Khối lượng máu tuần hoàn

2.3.2. Phức bộ prothrombin (tỷ lệ prothrombin)

Bài 15: Chăm sóc trẻ bị bệnh thiếu máu do thiếu sắt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Giải thích được các nguyên nhân gây thiếu máu thiếu sắt ở trẻ em theo từng lứa tuổi.
- Mô tả được các dấu hiệu lâm sàng của bệnh thiếu máu thiếu sắt ở trẻ em.
- Trình bày được các biện pháp phòng bệnh thiếu máu thiếu sắt ở trẻ em. .
- Nhận định đúng tình trạng thiếu máu của bệnh nhi dựa trên triệu chứng lâm sàng và một số xét nghiệm cơ bản và vận dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho trẻ bị thiếu máu, thiếu sắt.
- Có thái độ ân cần, tỉ mỉ khi tiếp xúc và thăm khám bệnh nhi. Rèn luyện tính cẩn trọng trong việc phát hiện sớm các dấu hiệu thiếu máu nhẹ, tránh bỏ sót các đối tượng nguy cơ cao

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Thiếu máu

2.1.2. Thiếu máu thiếu sắt

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.2. Triệu chứng xét nghiệm

2.3.3. Biến chứng

2.3.4. Phòng bệnh

2.4. Chăm sóc

2.4.1. Nhận định điều dưỡng

2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 7: Tiêu hóa

Bài 16 : Đặc điểm hệ tiêu hóa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được

- Mô tả được đặc điểm giải phẫu và sinh lý của hệ tiêu hóa trẻ em theo từng lứa tuổi.
- Phân biệt được đặc điểm phân bình thường của trẻ theo chế độ nuôi dưỡng.
- Giải thích được mối liên quan giữa đặc điểm giải phẫu, sinh lý hệ tiêu hóa với các nguyên tắc chăm sóc trẻ em.

- Vận dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý của trẻ để nhận định được một số đặc điểm sinh lý bình thường của hệ tiêu hóa ở trẻ em để đề xuất được các biện pháp chăm sóc phù hợp nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ trong chăm sóc hệ tiêu hóa.
- Có ý thức tỉ mỉ, cẩn trọng khi quan sát trong việc quan sát, nhận định các dấu hiệuliên quan đến hệ tiêu hóa ở trẻ em

2. Nội dung

2.1. Miệng và các bộ phận trong khoang miệng
2.2. Thực quản
2.3. Dạ dày
2.4. Ruột
2.5. Tụy
2.6. Gan
2.7. Phân của trẻ em

Bài 17: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được
- Giải thích được định nghĩa, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây tiêu chảy cấp ở trẻ em.
- Phân tích được hậu quả của tình trạng mất nước và điện giải đối với cơ thể trẻ.
- Trình bày được các dấu hiệu mất nước trên lâm sàng và mức độ mất nước theo phân loại WHO
- Nhận định được các dấu hiệu mất nước và phân loại mức độ mất nước để xây dựng được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cơ bản cho trẻ bị tiêu chảy cấp.
- Có ý thức khẩn trương, chính xác và trách nhiệm trong theo dõi trẻ bị tiêu chảy cấp và có tinh thần chủ động trong phát hiện sớm các dấu hiệu nặng nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa:
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Tác nhân gây bệnh
2.2.2. Các yếu tố nguy cơ
2.2.3. Hậu quả của tiêu chảy phân nước
2.3. Triệu chứng lâm sàng bệnh tiêu chảy
2.3.1. Triệu chứng tiêu hoá
2.3.2. Triệu chứng mất nước
2.4. Xét nghiệm
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 8. Thần kinh

Bài 18: Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Mô tả được các đặc điểm giải phẫu não bộ, tủy sống và hệ thần kinh thực vật theo tuổi.
- Phân tích được quá trình Myelin hóa và các đặc điểm sinh lý, bệnh lý thần kinh trẻ em.
- Nhận định được các phản xạ sơ sinh bình thường và các dấu hiệu gợi ý thần kinh bệnh lý dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Có ý thức cẩn thận và trách nhiệm trong theo dõi các dấu hiệu thần kinh, chủ động trong phát hiện sớm các biểu hiện bất thường thần kinh nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm giải phẫu và cấu tạo hệ thần kinh trẻ em
2.1.1. Não bộ
2.1.2. Tiểu não
2.1.3. Tuỷ sống
2.1.4. Hệ thần kinh thực vật
2.2. Đặc điểm sinh lý và bệnh lý hệ thần kinh trẻ em
2.2.1. Đặc điểm sinh lý
2.2.2. Đặc điểm bệnh lý

Bài 19: Chăm sóc trẻ bị co giật Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, phân loại và các nguyên nhân thường gặp gây co giật ở trẻ em.
- Phân tích được đặc điểm lâm sàng của sốt cao co giật đơn thuần, co giật phức hợp và cơn động kinh.
- Trình bày được nguyên tắc sơ cứu và chăm sóc trẻ bị co giật.
- Nhận định được các dấu hiệu nguy hiểm ở trẻ bị co giật để xây dựng được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cơ bản cho trẻ bị co giật và đề xuất được các biện pháp giáo dục sức khỏe nhằm phòng ngừa tái phát co giật cho trẻ em.
- Có ý thức bình tĩnh, khẩn trương trong xử trí cấp cứu; theo dõi trẻ co giật, chủ động trong phát hiện sớm các dấu hiệu nguy hiểm nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân gây co giật ở trẻ em
2.1.1. Do tổn thương thực thể ở não, màng não
2.1.2. Co giật do rối loạn chức năng não
2.1.3. Bệnh động kinh
2.2. Đặc điểm lâm sàng một số trường hợp co giật thường gặp
2.2.1. Co giật do sốt cao (sốt cao co giật đơn thuần)
2.2.2. Co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương có kèm theo sốt (co giật do sốt cao phức hợp)
2.2.3. Động kinh
2.2.3.1. Động kinh toàn thể
2.2.3.2. Động kinh cục bộ
2.3. Chăm sóc
2.3.1. Nguyên tắc
2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
2.3.2.1. Nhận định điều dưỡng:
2.3.2.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.3.2.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.3.2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.3.2.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 9: Tiết niệu

Bài 20: Đặc điểm hệ tiết niệu trẻ em Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được đặc điểm giải phẫu và sinh lý hệ tiết niệu ở trẻ em theo lứa tuổi.
- Giải thích được sự thay đổi về số lượng và thành phần nước tiểu.
- Trình bày được lượng nước tiểu bình thường của trẻ em theo lứa tuổi.
- Vận dụng được công thức tính lượng nước tiểu 24 giờ ở trẻ em và nhận định được một số dấu hiệu bất thường về bài tiết nước tiểu ở trẻ em.
- Có ý thức tỉ mỉ, chuẩn xác khi theo dõi bài tiết niệu của trẻ em và có tinh thần chủ động trong phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường của hệ tiết niệu nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm giải phẫu và cấu tạo hệ tiết niệu trẻ em

2.1.1. Thận

2.1.2. Đài bể thận

2.1.3. Niệu quản

2.1.4. Bàng quang

2.1.5. Niệu đạo

2.2. Đặc điểm sinh lý hệ tiết niệu trẻ em

2.2.1. Đặc điểm chức năng thận

2.2.2. Số lần đái của trẻ em

2.2.3. Số lượng nước tiểu của trẻ em

2.2.4. Thành phần và tỷ trọng nước tiểu

Bài 21: Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh viêm cầu thận cấp ở trẻ em.
- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng và diễn biến của bệnh viêm cầu thận cấp.
- Trình bày được nguyên tắc chăm sóc và theo dõi trẻ bị viêm cầu thận cấp.
- Nhận định được các dấu hiệu phù, thay đổi nước tiểu và tăng huyết áp ở trẻ bị viêm cầu thận cấp để xây dựng được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cơ bản cho trẻ bị viêm cầu thận cấp và đề xuất được các biện pháp giáo dục sức khỏe nhằm phòng bệnh và hạn chế biến chứng cho trẻ.
- Thể hiện sự tỉ mỉ, trung thực trong việc ghi chép các chỉ số theo dõi của trẻ bị VCT cấp và có tinh thần chủ động trong phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân gây bệnh

2.2.2. Yếu tố nguy cơ

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Phù

2.3.2. Đái máu, đái ít

2.3.3. Tăng huyết áp

2.4. Xét nghiệm

2.4.1. Protein niệu

2.4.2. Hồng cầu niệu
2.4.3. Công thức máu
2.4.4. Sinh hoá máu
2.5. Tiến triển
2.5.1. Khỏi hoàn toàn
2.5.2. Diễn biến xấu
2.5.3. Đái đỏ kéo dà
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định điều dưỡng
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 22: Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm và các dấu hiệu đặc trưng của hội chứng thận hư ở trẻ em.
- Phân tích các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng thường gặp.
- Trình bày được nguyên tắc chăm sóc và theo dõi trẻ hội chứng thận hư.
- Nhận định được mức độ phù và các dấu hiệu bất thường để xây dựng kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cơ bản cho trẻ bị hội chứng thận hư và đề xuất được các biện pháp dinh dưỡng, theo dõi nước tiểu và giáo dục sức khỏe phù hợp cho trẻ và gia đình.
- Có kiên trì, thấu hiểu và trách nhiệm trong chăm sóc bệnh nhi mạn tính; cẩn trọng trong trong theo dõi điều trị và phát hiện sớm các biến chứng của bệnh và thuốc Corticoid.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.2. Dấu hiệu lâm sàng
2.2.1. Phù
2.2.2. Đái ít, nước tiểu vàng sánh
2.3. Biến chứng
2.3.1. Nhiễm trùng
2.3.2. Co giật, co cứng do hạ calci máu
2.3.3. Cơn đau bụng dữ dội
2.3.4. Chậm lớn và thiếu dinh dưỡng
2.4. Xét nghiệm
2.4.1. Nước tiểu
2.4.2. Máu
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4.Thực hiện kế hoạch
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Địa điểm học tập

- Giảng dạy trên phòng học.

2. Trang thiết bị, máy móc

- Máy tính, phông chiếu, projecter.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Giáo trình chăm sóc sức khỏe trẻ.
- Tài liệu tham khảo
- Giáo án, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
- Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải biết được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí và điều trị một số bệnh Nhi khoa thường gặp và vận dụng được kiến thức vào lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhi khoa
- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Quan sát tinh thần tự học, ý thức trách nhiệm và thái độ xử trí tình huống lâm sàng trong các giờ thảo luận nhóm.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho học sinh ngành Cao đẳng điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
- Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho học sinh và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho học sinh trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.
- Giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn học sinh đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của học sinh.
- Đối với người học:
- Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.
- Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Nhi (2020.), Bài giảng Nhi khoa tập I, II, ĐHY Hà Nội, NXB Y học.
[2]. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.
[3]. Bộ Y tế (2024), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học.
[4]. Đại học Y Hà Nội (2023), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học.
[5]. Đại học Y Hải Phòng (2025), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao.
[6]. Đinh Ngọc Đệ (2016) Chăm sóc sức khỏe trẻ em NXB giáo dục Việt Nam

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
THỰC TẬP LÂM SÀNG CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TRẺ EM

Tên môn học: Thực tập lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em
Mã môn học: MH 25
Thời gian thực hiện môn học: 128 giờ (120 giờ TH, 8 giờ KT)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc, được học sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học cơ sở và môn học.

2. Tính chất: Là môn học thực hành kết hợp kiến thức từ Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh đến các triệu chứng lâm sàng nhi khoa để lập kế hoạch chăm sóc chi tiết toàn diện cho người bệnh nhi khoa theo đúng quy trình điều dưỡng.

III. Mục tiêu môn học:

- CĐRMH 1: Áp dụng kiến thức về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và tâm lý trẻ em theo từng độ tuổi để nhận định đúng tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của bệnh nhi (Đáp ứng CĐR 2).
- CĐRMH 2: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành Nhi khoa (ví dụ: đo chỉ số nhân trắc, đếm nhịp thở, kỹ thuật vỗ rung, cho trẻ ăn qua sonde, súc rửa dạ dày...) đúng quy trình và đảm bảo an toàn (Đáp ứng CĐR 3).
- CĐRMH 3: Phân tích được các nguyên tắc dinh dưỡng, dược lý (liều lượng theo cân nặng) và kiểm soát nhiễm khuẩn đặc thù trong môi trường nhi khoa (Đáp ứng CĐR 3).
- Nhận diện kịp thời các dấu hiệu nguy hiểm/cấp cứu ở trẻ (suy hô hấp, sốc, co giật, mất nước nặng) và phối hợp thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả (Đáp ứng CĐR 4).
- Vận dụng quy trình điều dưỡng để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc toàn diện cho bệnh nhi (Đáp ứng CĐR 3).
- CĐRMH 5: Sử dụng được các phần mềm quản lý bệnh viện và hồ sơ bệnh án điện tử trong việc theo dõi diễn biến bệnh nhi
- Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ đúng y đức, pháp luật và các quy định chuyên môn (quy trình kỹ thuật, quy chế sử dụng thuốc) (Đáp ứng CĐR 1).
- Chủ động cập nhật kiến thức lâm sàng từ thực tế bệnh viện và áp dụng các bằng chứng khoa học vào cải tiến chất lượng chăm sóc trẻ em (Đáp ứng CĐR 7, CĐR 8).

4.1. Về kiến thức

- Có kiến thức về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và tâm lý trẻ em theo từng độ tuổi để nhận định đúng tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của bệnh nhi, nguyên tắc dinh dưỡng, dược lý (liều lượng theo cân nặng) và kiểm soát nhiễm khuẩn đặc thù trong môi trường nhi khoa
- Phân tích được mối liên quan giữa cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng của các bệnh lý nhi khoa phổ biến để lập kế hoạch chăm sóc phù hợp.
- Biết cách hỏi bệnh, thăm khám nhận định được tình trạng sức khỏe và các nhu cầu cơ bản của người bệnh.
- Biết cách lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa theo đúng quy trình điều dưỡng

4.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành Nhi khoa (ví dụ: đo chỉ số nhân trắc, đếm nhịp thở, kỹ thuật vỗ rung, cho trẻ ăn qua sonde, súc rửa dạ dày...) đúng quy trình và đảm bảo an toàn rên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng phụ trách
- Vận dụng quy trình điều dưỡng để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc toàn diện cho bệnh nhi.
- Nhận diện kịp thời các dấu hiệu nguy hiểm/cấp cứu ở trẻ (suy hô hấp, sốc, co giật, mất nước nặng) và phối hợp thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả

- Thực hiện việc ghi chép hồ sơ bệnh án, quản lý vật tư y tế và thuốc tại buồng bệnh một cách khoa học, chính xác, ứng dụng được công nghệ số trong quản lý
- Thực hiện được hoạt động tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người nhà về: nuôi con bằng sữa mẹ, chế độ ăn dặm, tiêm chủng mở rộng và phòng chống các bệnh dịch phổ biến

4.3. Về thái độ, tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ đúng y đức, pháp luật và các quy định chuyên môn (quy trình kỹ thuật, quy chế sử dụng thuốc).
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính thận trọng, tỉ mỉ khi chăm sóc trẻ và khả năng làm việc nhóm hiệu quả với các thành viên trong ê-kíp y tế
- Chủ động cập nhật kiến thức lâm sàng từ thực tế bệnh viện và áp dụng các bằng chứng khoa học vào cải tiến chất lượng chăm sóc trẻ em

III. Nội dung giảng lâm sàng

TT	Tên chương , mục	Thời gian (giờ)			
	Chương 1: Nhi đại cương và sơ sinh	Tổng số	Giao ban - Giảng LS	Dạy thực hành	Tự học, thảo luận
1	Bài 1: Cách làm KHCS nhi khoa	4	1	1	2
2	Bài 2: Sự phát triển thể chất của trẻ em	4	1	1	2
3	Bài 3: Chăm sóc sơ sinh đủ tháng	6	2	2	2
	Chương 2: Dinh dưỡng ở trẻ em				
4	Bài 4: Nuôi dưỡng trẻ em	6	2	2	2
5	Bài 5: Chăm sóc trẻ bị bệnh suy dinh dưỡng	6	2	2	2
	Chương 3: Da, cơ, xương				
6	Bài 6: Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương	6	2	2	2
	Chương 4: Hô hấp				
7	Bài 7: Chăm sóc trẻ viêm họng cấp	8	2	2	4
8	Bài 8: Chăm sóc trẻ viêm Amidal cấp	6	2	2	2
9	Bài 9: Chăm sóc trẻ viêm phổi	10	2	2	6
10	Bài 10: Chăm sóc trẻ viêm phổi nặng	10	2	2	6
	Chương 5: Tuần hoàn				
11	Bài 11: Chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh	4	1	1	2
	Chương 6: Máu				
12	Bài 12: Chăm sóc trẻ bị bệnh thiếu máu do thiếu sắt	6	2	2	2
	Chương 7: Tiêu hóa				
13	Bài 13: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp chưa mất nước	8	2	2	4
14	Bài 14: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp có mất nước	8	2	2	4
15	Bài 15: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp mất nước nặng	6	2	2	2
	Chương 8. Thần kinh				
16	Bài 16: Chăm sóc trẻ bị co giật	10	2	2	6
	Chương 9: Tiết niệu				
12	Bài 17: Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp	6	2	2	2

13	Bài 18: Chăm sóc trẻ bị thận nhiễm mỡ	6	2	2	2
14	Kiểm tra	8			
	Cộng	**128**	**33**	**33**	**54**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Cách làm KHCS Nhi khoa Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày đúng 5 bước của quy trình điều dưỡng áp dụng trên bệnh nhi.
- Phân tích được các dữ kiện thu thập từ người bệnh nhi và người nhà để xác định vấn đề chăm sóc ưu tiên.
- Trình bày được cấu trúc và nội dung của một bản kế hoạch chăm sóc nhi khoa.
- Thu thập được thông tin trẻ bị bênh bằng hỏi bệnh, quan sát và nhận định điều dưỡng, xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp với tình trạng người bệnh nhi. Lập được kế hoạch chăm sóc nhi khoa đầy đủ, đúng trình tự và phù hợp thực tế lâm sàng.

Thể hiện tinh thần trách nhiệm, cẩn thận và chính xác khi lập kế hoạch chăm sóc, có thái độ giao tiếp đúng mực và chủ động học tập, hợp tác và tôn trọng ý kiến của giảng viên và nhóm thực hành.

1. Giảng cách làm KHCS Nhi khoa Thời gian: 1 giờ
2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ
3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 2 giờ

Bài 2: Sự phát triển thể chất của trẻ em Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các chỉ số đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ em theo lứa tuổi.
- Trình bày được nguyên tắc và quy trình cân, đo chiều cao, vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay của trẻ.
- Trình bày được cách sử dụng biểu đồ tăng trưởng để theo dõi sự phát triển thể chất của trẻ.
- Thực hiện đúng kỹ thuật cân, đo chiều cao, vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay cho trẻ tại lâm sàng, ghi chép và nhận định được các chỉ số phát triển thể chất của trẻ và sử dụng được biểu đồ tăng trưởng để đánh giá tình trạng phát triển thể chất và dinh dưỡng của trẻ.
- Thể hiện thái độ nhẹ nhàng thao tác cẩn thận, chính xác và bảo đảm an toàn cho trẻ, chủ động học tập và tuân thủ quy định của khoa lâm sàng.

2. Nội dung:

2.1. Hướng dẫn cách cân, đo chiều cao, vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay của trẻ Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn cách sử dụng biểu đồ tăng trưởng Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành tại các khoa Nhi theo chỉ tiêu tay nghề Thời gian: 2 giờ

Bài 3. Chăm sóc sơ sinh đủ tháng Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm sinh lý cơ bản của trẻ sơ sinh đủ tháng.
- Trình bày được các nội dung chăm sóc thiết yếu cho trẻ sơ sinh đủ tháng tại bệnh viện.
- Nhận định được tình trạng toàn thân và các nhu cầu chăm sóc cơ bản của trẻ sơ sinh đủ tháng.
- Thực hiện đúng các kỹ thuật chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc phù hợp cho trẻ sơ sinh đủ tháng, theo dõi và ghi chép đầy đủ diễn biến của trẻ trong quá trình chăm sóc.
- Thể hiện chăm sóc trẻ sơ sinh cẩn thận, nhẹ nhàng và bảo đảm an toàn, có tinh thần trách nhiệm, tác phong nghiêm túc trong thực hành lâm sàng.
- Giao tiếp đúng mực với người nhà người bệnh và phối hợp tốt với nhân viên y tế.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, giảng lâm sàng, bình KHCS trẻ sơ sinh đủ tháng Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn, thực hành cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 4 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng tại khoa.

Bài 4: Nuôi dưỡng trẻ em Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Hướng dẫn được bà mẹ tư thế cho bú đúng, cách ngậm bắt vú đúng và cách duy trì nguồn sữa mẹ.
- Thực hiện đúng quy trình pha sữa công thức (vệ sinh tay, tiệt trùng dụng cụ, nhiệt độ nước, tỷ lệ pha) đảm bảo an toàn vệ sinh
- Hướng dẫn được cho bà mẹ cách chế biến "tô màu bát bột" (đủ 4 nhóm thực phẩm) phù hợp với độ tuổi của trẻ.
- Có thái độ nhẹ nhàng, tận tình khi hướng dẫn bà mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ.
- Thực hiện đúng nguyên tắc vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành cho trẻ bú mẹ tại khoa sơ sinh Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành cách pha chế sữa công thức, Thời gian: 1 giờ
cách nấu tô màu bát bột tại khoa dinh dưỡng

2.3. Tự thực hành tại các khoa Nhi dưới sự giám sát của giáo viên hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 4 giờ

Bài 5: Chăm sóc trẻ bị bệnh suy dinh dưỡng Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng dinh dưỡng và các nhu cầu chăm sóc của trẻ suy dinh dưỡng.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ suy dinh dưỡng dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho trẻ suy dinh dưỡng.
- Lập và thực hiện được KHCS trẻ suy dinh dưỡng phù hợp với tình trạng người bệnh.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm và thái độ tận tình trong chăm sóc trẻ bệnh.
- Chủ động học tập, hợp tác tốt với giảng viên, nhân viên y tế và người nhà người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, giảng lâm sàng, bình KHCS trẻ suy dinh dưỡng Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 4 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng .

Bài 6: Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương do thiếu vitamin D Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được tình trạng toàn thân và các dấu hiệu còi xương ở trẻ em ở các giai đoạn (Dấu hiệu thần kinh thực vật: mồ hôi trộm, rụng tóc hình vành khăn; dấu hiệu xương: thóp rộng, chuỗi hạt sườn, chân vòng kiềng).
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho trẻ còi xương do thiếu vitamin D.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương tập trung vào việc bổ sung vi chất, cải thiện chế độ ăn và phòng ngừa các biến dạng xương nặng hơn
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm, thái độ nhẹ nhàng, cẩn thận tận tình trong chăm sóc bệnh nhi.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, giảng lâm sàng bình kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành chăm sóc trẻ còi xương và 1 số thủ thuật Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành lập kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 4 giờ

Bài 7: Chăm sóc trẻ viêm họng cấp Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Khai thác được các triệu chứng thực thể (họng đỏ, amidan sưng, mụn nước hoặc giả mạc) và triệu chứng cơ năng (đau họng, nuốt khó, sốt, quấy khóc).

· Xác định được các vấn đề chăm sóc và chẩn đoán điều dưỡng phù hợp.

· Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số thủ thuật trên trẻ viêm họng cấp dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.

· Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ viêm họng cấp phù hợp với tình trạng người bệnh ưu tiên các vấn đề: Giảm sốt, giảm đau họng, đảm bảo dinh dưỡng và phòng ngừa lây nhiễm chéo.

- Có tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và thái độ tận tình trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, giảng lâm sàng bình KHCS trẻ bị viêm họng cấp Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành lập kế hoạch chăm sóc trẻ viêm họng Thời gian: 6 giờ
và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

Bài 8: Chăm sóc trẻ viêm Amidal cấp Thời gian 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được và phân loại được tình trạng Amidan (sưng đỏ, có mủ, hoặc có giả mạc) và đánh giá mức độ cản trở hô hấp/nuốt của trẻ.
- Xác định được các vấn đề chăm sóc và chẩn đoán điều dưỡng phù hợp.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số thủ thuật trên trẻ viêm Amidal cấp dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ viêm Amidal cấp phù hợp với tình trạng người bệnh ưu tiên các vấn đề: Giảm sốt, giảm đau họng, đảm bảo dinh dưỡng và phòng ngừa lây nhiễm chéo.
- Có tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và thái độ tận tình trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, giảng lâm sàng bình KHCS trẻ viêm Amidal cấp Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành lập kế hoạch chăm sóc trẻ Amidal cấp và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách Thời gian: 4 giờ

Bài 9: Chăm sóc trẻ viêm phổi Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được đầy đủ tình trạng người bệnh viêm phổi thông qua khai thác triệu chứng lâm sàng (sốt, ho, khó thở, thở nhanh, rút lõm lồng ngực) và kết quả cận lâm sàng (công thức máu, CRP ,X-quang phổi,…)
- Xác định được các vấn đề chăm sóc và chẩn đoán điều dưỡng phù hợp.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số thủ thuật trên trẻ viêm phổi dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ viêm phổi phù hợp với tình trạng người bệnh tập trung vào đảm bảo thông thoáng đường thở, cải thiện tình trạng trao đổi khí và duy trì dinh dưỡng/năng lượng cho trẻ.
- Có tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp vàchủ động theo dõi và báo cáo kịp thời diễn biến bất thường của người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, giảng lâm sàng bình KHCS trẻ bị viêm phổi Thời gian: 1 giờ
2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ
2.3. Tự thực hành lập kế hoạch chăm sóc trẻ viêm phổi Thời gian: 8 giờ
và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

Bài 10: Chăm sóc trẻ viêm phổi nặng Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định chính xác mức độ viêm phổi nặng dựa trên các dấu hiệu: rút lõm lồng ngực rất nặng, tím tái trung ương, bỏ bú/không uống được, li bì hoặc co giật.
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật hút đờm họng, thiết lập và theo dõi hệ thống thở oxy.
- Thiết lập KHCS cho bệnh nhi nặng, ưu tiên quản lý đường thở, cân bằng dịch và phòng ngừa các biến chứng nguy hiểm (tràn khí màng phổi, suy tim cấp).
- Giữ bình tĩnh trong tình huống cấp cứu, tác phong khẩn trương và phối hợp tốt với bác sĩ.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình KHCS trẻ bị viêm phổi nặng Thời gian: 1 giờ
2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ
2.3. Tự thực hành lập kế hoạch chăm sóc trẻ viêm phổi nặng Thời gian: 8 giờ
và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

Bài 11: Chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của tim bẩm sinh và các dấu hiệu suy tim, tình trạng dinh dưỡng và các nhu cầu chăm sóc của trẻ.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ bị bệnh tim bẩm sinh dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho trẻ tim bẩm sinh.
- Thiết lập KHCS ưu tiên việc giảm tải cho tim, đảm bảo dinh dưỡng cao năng lượng và phòng ngừa nhiễm khuẩn đường hô hấp.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm, nhẹ nhàng, cẩn trọng khi thực hiện thủ thuật, tránh làm trẻ quấy khóc gây gắng sức cơ tim.
- Chủ động học tập, hợp tác tốt với giảng viên, nhân viên y tế và người nhà người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban,giảng lâm sàngb,bình KHCS trẻ bị bệnh tim bẩm sinh Thời gian: 1 giờ
2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ
2.3. Tự thực hành lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh Thời gian: 2 giờ
và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

Bài 12: Chăm sóc trẻ bị bệnh thiếu máu do thiếu sắt Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định được các dấu hiệu lâm sàng của thiếu máu (da xanh, niêm mạc nhợt, lòng bàn tay trắng, móng tay dẹt/khía), cận lâm sàng và các biểu hiện chậm phát triển thể chất/tâm thần.

- Thực hiện đúng kỹ thuật lấy mẫu máu xét nghiệm (nếu có y lệnh) và hướng dẫn bà mẹ cách sử dụng thuốc sắt đường uống an toàn, hiệu quả dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho trẻ thiếu máu do thiếu sắt.
- Lập và KHCS tập trung vào bổ sung vi chất, cải thiện chế độ dinh dưỡng và theo dõi các tác dụng phụ của thuốc sắt.
-Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và thái độ tận tình trong chăm sóc người bệnh

2. Nội dung:

2.1. Giao ban,giảng lâm sàng, bình KHCS trẻ thiếu máu do thiếu sắt — Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành — Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành LKHCS trẻ thiếu máu do thiếu sắt — Thời gian: 4 giờ

và làm thủ thuật dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

Bài 13: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp chưa mất nước Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định và phân loại được tình trạng mất nước theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO), xác định đúng trẻ thuộc nhóm "Không mất nước".
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ tiêu chảy cấp chưa mất nước dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho trẻ tiêu chảy cấp chưa mất nước
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp chưa mất nước phù hợp với tình trạng người bệnh tập trung vào 4 nguyên tắc của Phác đồ A: Cho uống nhiều dịch hơn bình thường, bổ sung Kẽm, tiếp tục cho ăn và nhận biết các dấu hiệu nguy hiểm.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm và thái độ tận tình trong chăm sóc trẻ bệnh.
- Chủ động học tập, hợp tác tốt với giảng viên, nhân viên y tế và người nhà người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban,giảng lâm sàng, bình KHCS trẻ bệnh tiêu chảy cấp chưa mất nước — Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành — Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận — Thời gian: 6 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập kế hoạch chăm sóc trẻ bệnh tiêu chảy cấp chưa mất nước .

Bài 14: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp có mất nước Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định và phân loại đúng tình trạng "Có mất nước" dựa trên ít nhất 2 dấu hiệu: Vật vã kích thích, mắt trũng, uống nước háo hức, nếp véo da mất chậm.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ tiêu chảy cấp có mất nước dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho tiêu chảy cấp có mất nước
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp có mất nước phù hợp với tình trạng người bệnh tập trung vào bù dịch theo Phác đồ B, theo dõi sát diễn biến để phát hiện sớm dấu hiệu chuyển sang "Mất nước nặng".
- Thể hiện tinh thần khẩn trương, tỉ mỉ trong việc theo dõi số lượng dịch vào - ra và có thái độ trấn an, hướng dẫn người nhà phối hợp điều trị.
- Chủ động học tập, hợp tác tốt với giảng viên, nhân viên y tế và người nhà người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình KHCS trẻ bệnh tiêu chảy cấp có mất nước Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 6 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập kế hoạch chăm sóc trẻ bệnh tiêu chảy cấp có mất nước .

Bài 15: Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp mất nước nặng Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận diện ngay lập tức các dấu hiệu mất nước nặng: Trẻ li bì/hôn mê, mắt rất trũng, không uống được hoặc uống rất kém, nếp véo da mất rất chậm (> 2 giây).
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ tiêu chảy cấp mất nước nặng dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho tiêu chảy cấp mất nước nặng.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp mất nước nặng phù hợp với tình trạng người bệnh tập trung vtập trung vào hồi phục thể tích tuần hoàn, theo dõi sát dấu hiệu sinh tồn (mạch, huyết áp, nhịp thở) và các biến chứng sốc, suy thận cấp.
- Thể hiện tinh thần khẩn trương, tỉ mỉ trong việc theo dõi số lượng dịch vào - ra và có thái độ trấn an, hướng dẫn người nhà phối hợp điều trị.
- Chủ động học tập, hợp tác tốt với giảng viên, nhân viên y tế và người nhà người bệnh.

2.1. Giao ban, bình KHCS trẻ bệnh tiêu chảy cấp mất nước nặng Thời gian: 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 4 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập KHCS trẻ bệnh tiêu chảy cấp mất nước nặng.

Bài 16: Chăm sóc trẻ bị co giật Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được tính chất cơn co giật (cục bộ hay toàn thể, thời gian kéo dài, tình trạng tri giác) và xác định các dấu hiệu đe dọa tính mạng (ngừng thở, tím tái) và cận lâm sàng.
- Thực hiện thành thạo các bước xử trí tại chỗ: Đặt trẻ nằm nghiêng an toàn, thông thoáng đường thở, hỗ trợ hô hấp và kỹ thuật dùng thuốc cắt cơn (thụt hậu môn hoặc tiêm tĩnh mạch) theo y lệnh.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ bị co giật tập trung vào an toàn, chống ngạt, hạ sốt (nếu có) và theo dõi sát sau cơn để phát hiện sớm các dấu hiệu tái phát hoặc biến chứng não.
- Giữ thái độ bình tĩnh, khẩn trương, không hoảng loạn và biết cách trấn an gia đình bệnh nhi trong tình huống cấp cứu.

2. Nội dung:

2.1. Giảng lâm sàng, giao ban bình KHCS trẻ bị co giật Thời gian: 1 giờ

2.2 Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 8 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập KHCS trẻ bị co giật

Bài 17: Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định đúng các triệu chứng điển hình của VCTC: Phù (đặc điểm phù thận), thay đổi màu sắc và số lượng nước tiểu (đái ít, đái máu), đo và đánh giá chỉ số huyết áp theo độ tuổi, cận lâm sàng (Hồng cầu niệu).
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ viêm cầu thận cấp nước dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho viêm cầu thận cấp
- Lập và thực KHCS ưu tiên kiểm soát huyết áp, chế độ ăn kiêng muối/nước và phòng ngừa các biến chứng nguy hiểm (suy thận cấp, phù phổi cấp, tăng huyết áp kịch phát).
- Nghiêm túc, chính xác trong việc ghi chép các thông số theo dõi (số lượng nước tiểu, huyết áp) và khéo léo trong tư vấn chế độ ăn cho gia đình.

2. Nội dung:

2.1. Giảng lâm sàng, giao ban bình KHCS trẻ bị bệnh viêm cầu thận cấp Thời gian : 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 4 giờ

2.3.1.Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng dưới sự giám sát của GV hoặc điều dưỡng được giao trách nhiệm phụ trách

2.3.2. Sinh viên tự nhận định và lập KHCS trẻ bị viêm cầu thận cấp

Bài 18. Khám, chẩn đoán và điều trị trẻ bị bệnh hội chứng thận hư Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nhận định đúng được các đặc điểm của phù trong HCTH và các dấu hiệu tác dụng phụ của thuốc (kiểu hình Cushing), cận lâm sàng.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên trẻ HCTH dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng hoặc điều dưỡng bệnh viện.
- Xác định được chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho trẻ HCTH.
- Lập và thực KHCS ưu tiên kiểm tập trung vào giảm phù, phòng ngừa nhiễm khuẩn, đảm bảo dinh dưỡng (tăng đạm, giảm muối) và quản lý việc sử dụng thuốc Corticoid an toàn.
- Hướng dẫn được cho gia đình cách theo dõi tái khám, cách phát hiện dấu hiệu tái phát (thử nước tiểu tại nhà) và tuân thủ điều trị thuốc lâu dài.
- Nghiêm túc, chính xác trong việc ghi chép các thông số theo dõi (số lượng nước tiểu…) và khéo léo trong tư vấn chế độ ăn cho gia đình.

2. Nội dung:

2.1. Giảng lâm sàng, giao ban bình KHCS trẻ bị bệnh hội chứng thận hư Thời gian : 1 giờ

2.2. Hướng dẫn thực hành Thời gian: 1 giờ

2.3. Tự thực hành, thảo luận Thời gian: 4 giờ

Kiểm tra Thời gian: 10 giờ

3. Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

Chỉ tiêu về KHCS: Lập và phân tích được:

TT	Nội dung	Số lần	Ghi chú
1	Nhận định, CĐCS, lập và thực hiện KHCS bệnh nhi mắc bệnh hô hấp	2	
2	Nhận định, CĐCS,lập và thực hiện KHCS bệnh nhi mắc bệnh tiêu hóa	2	
3	Nhận định,CĐCS, lập và thực hiện KHCS bệnh	1	

	nhi mắc bệnh máu thận		
4	Nhận định,CĐCS, lập và thực hiện KHCS trẻ sơ sinh	1	
5	Nhận định, CĐCS, lập và thực hiện KHCS bệnh nhi sốt cao co giật	1	
6	Nhận định,CĐCS, lập và thực hiện KHCS bệnh nhi vàng da tăng Bilirubin tự do	1	
7	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, lập và thực hiện KHCS bệnh nhi suy dinh dưỡng	1	

Chỉ tiêu tay nghề thực hành:

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Tiếp đón người bệnh vào viện, ghi chép hồ sơ bệnh án			5
2	Kỹ thuật rửa tay thường quy, sát khuẩn nhanh và phân loại rác thải			10
3	Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn.			10
4	Hướng dẫn gia đình bệnh nhi dùng thuốc.			5
5	Kỹ thuật pha ORS và cách cho trẻ uống ORS.			5
6	Kỹ thuật tiêm bắp			3
7	Kỹ thuật hút đờm dãi			3
8	Cho ăn bằng ống thông		2	
9	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực			5
10	Kỹ thuật thở khí dung			3
11	Kỹ thuật tắm bé			2
12	Kỹ thuật chăm sóc da - rốn - mắt cho trẻ sơ sinh			3
13	Kỹ thuật thở oxy			3
14	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch		3	
15	Lấy máu làm xét nghiệm		3	
16	Kỹ thuật truyền dịch	2		
17	Kỹ thuật truyền máu			
18	Hướng dẫn cách nuôi con bằng sữa mẹ			5

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Địa điểm học tập: khoa Nhi bệnh viện tỉnh, bệnh viện sản nhi.
2. Trang thiết bị, máy móc:
- Các ca bệnh lâm sàng, hồ sơ bệnh án
- Các dụng cụ y tế để làm các thủ thuật, xét nghiệm
- Trang phục: Quần áo Blu, mũ, khẩu trang
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Giáo trình chăm sóc sức khỏe trẻ.
- Tài liệu tham khảo
- Giáo án, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng, kế hoạch giảng dạy lâm sàng, sổ tay lâm sàng, bảng chỉ tiêu tay nghề, mẫu KHCS

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua thực hiện chỉ tiêu tay nghề và các bài tập lập KHCS Nhi khoa được giao trong quá trình thực tập lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Khi học thực hành lâm sàng bệnh viện:

Chấp hành nội quy, quy chế bệnh viện và khoa/phòng thực tập, tuân thủ theo sự phân công của giảng viên, điều dưỡng trưởng và cán bộ y tế tại khoa/phòng.

Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, đoàn kết giúp bạn trong học tập. Có thái độ ân cần niềm nở, nhanh nhẹn, sẵn sàng giúp đỡ đối với người bệnh, gia đình người bệnh. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

- Đi học, trực đầy đủ, đúng giờ, trang phục (quần áo Blu, mũ, khẩu trang, thẻ HSSV) theo đúng quy định.

+ Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn trật tự vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hàng tuần và đột xuất khi có yêu cầu.

+ Thực hiện đúng các qui định về học lâm sàng; có sổ tay lâm sàng, sổ thực hiện chỉ tiêu lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề có xác nhận của thầy cô hoặc cán bộ y tế bệnh viện, làm đầy đủ các kế hoạch chăm sóc, bài tập được giao trong suốt quá trình thực tập tại khoa/phòng.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập theo đúng lịch phân công. Nếu có thay đổi phải báo cáo với giảng viên phụ trách và ký xác nhận trong lịch trực. Sinh viên trực phải viết giao ban vào sổ giao ban, xác nhận trực của ca trực vào sổ tay lâm sàng và báo cáo giao ban vào đầu giờ hoặc cuối giờ buổi học sau.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài lập kế hoạch chăm sóc
- Điểm kiểm tra định kỳ : bài lập kế hoạch chăm sóc
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thực hành, vấn đáp

+ Bốc thăm người bệnh lập kế hoạch chăm sóc.

+ Thực hiện 01 kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh.

+ Trình bày kế hoạch chăm sóc, hỏi thi.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho học sinh ngành Cao đẳng điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

- Đối với người học:

Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

3. Tài liệu tham khảo:

3. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Nhi (2020.), Bài giảng Nhi khoa tập I, II, ĐHY Hà Nội, NXB Y học.
[2]. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.
[3]. Bộ Y tế (2024), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học.
[4]. Đại học Y Hà Nội (2023), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học.
[5]. Đại học Y Hải Phòng (2025), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao.
[6]. Đinh Ngọc Đệ (2016) Chăm sóc sức khỏe trẻ em NXB giáo dục Việt Nam

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU VÀ CHĂM SÓC TÍCH CỰC

Tên môn học: Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực
Mã môn học: MH 26
Thời gian thực hiện môn học: 100 giờ (Lý thuyết: 15 giờ, Kiểm tra lý thuyết: 01 giờ; Thực hành: 80 giờ, Kiểm tra thực hành: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:
- Vị trí: Là môn học chuyên ngành; Học sau các môn học cơ sở.
- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm các kiến thức về triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên tắc xử trí và quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh lý cấp cứu và hồi sức tích cực Nội - Ngoại khoa thường gặp; các kỹ năng nhận định tình trạng nguy kịch, phân loại ưu tiên, triển khai các kỹ thuật cấp cứu cơ bản, nâng cao và sử dụng các thiết bị y tế số hóa; áp dụng vào thực tiễn để lập kế hoạch chăm sóc toàn diện, đảm bảo an toàn, giảm thiểu rủi ro với người bệnh trong môi trường áp lực cao.

II. Mục tiêu môn học:
- CĐRMH 1: Tổng hợp và giải thích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên tắc xử trí và quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh lý cấp cứu và hồi sức tích cực (Nội khoa/Ngoại khoa) thường gặp (CĐR 2, CĐR 3)
- CĐRMH 2: Thực hiện thành thạo việc nhận định tình trạng nguy kịch, phân loại ưu tiên và triển khai các kỹ thuật cấp cứu, chăm sóc tích cực đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cho người bệnh trong môi trường hồi sức. (CĐR 3, CĐR 4)
- CĐRMH 3: Sử dụng thành thạo các thiết bị y tế số hóa (Monitor, máy thở, máy truyền dịch...) và quản lý tốt môi trường chăm sóc, hồ sơ bệnh án cấp cứu nhằm giảm thiểu rủi ro và cải tiến chất lượng điều trị. (CĐR 6, CĐR 9)
- CĐRMH 4: Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sự thận trọng, tỉ mỉ trong từng thao tác; có khả năng giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp/thân nhân và duy trì tư duy phản biện để tự học tập, cập nhật kiến thức cấp cứu dựa trên bằng chứng. (CĐR 1, CĐR 5, CĐR 8)
Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức:
- Giải thích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý cấp cứu/hồi sức tích cực Nội - Ngoại khoa thường gặp
- Trình bày được nguyên tắc xử trí, các phác đồ chăm sóc và quy trình theo dõi đặc biệt đối với người bệnh trong tình trạng nguy kịch.

2. Về kỹ năng:
- Thực hiện thành thạo kỹ năng nhận định tình trạng người bệnh (tri giác, hô hấp, tuần hoàn...) để phát hiện sớm các dấu hiệu đe dọa tính mạng.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc toàn diện cho người bệnh cấp cứu, đảm bảo tính liên tục và an toàn.
- Thực hiện đúng các kỹ thuật cấp cứu cơ bản và nâng cao (như ép tim ngoài lồng ngực, hỗ trợ thông khí, thiết lập đường truyền khẩn cấp...) trong tình huống giả định hoặc thực tế.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- Thể hiện thái độ làm việc thận trọng, tỉ mỉ và chính xác tuyệt đối, vì một sai sót nhỏ trong cấp cứu có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.
- Duy trì ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng phối hợp nhóm và chịu trách nhiệm về các quyết định chăm sóc trong môi trường áp lực cao.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH tại BV	Kiểm tra
	Chương 1				
1	Bài 1. Nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu	7	2	5	
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh ngừng tuần hoàn	17	2	15	
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh hôn mê	11	1	10	
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh sốc nhiễm khuẩn	12	2	10	
	Chương 2				
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh phản vệ	12	2	10	
6	Bài 6. Chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim	12	2	10	
7	Bài 7. Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa	12	2	10	
8	Bài 8. Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp	12	2	10	
9	Kiểm tra	5			1 LT
					4 TH
	Cộng	**100**	**15**	**80**	**5**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1

Bài 1. Nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu Thời gian: 2 giờ

A. Lý thuyết

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nguyên tắc chính khi tiếp cận và xử trí người bệnh cấp cứu.
- Trình bày được các nguyên tắc cần tuân thủ để tránh các sai lầm
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và phối hợp nhóm tốt trong tình huống khẩn cấp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về cấp cứu

2.2. Các đặc thù của cấp cứu

2.3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí người bệnh cấp cứu

2.3.1. Phân loại ưu tiên

2.3.2. Nhận định người bệnh

2.3.3. Ra quyết định chẩn đoán điều dưỡng

2.4. Các nguyên tắc

B. Thực hành tại bệnh viện Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được nhận định tình trạng người bệnh cấp cứu.
- Phân loại được người bệnh cấp cứu.
- Thực hiện được các can thiệp điều dưỡng và theo dõi sát người bệnh cấp cứu.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành

2.2. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh ngừng tuần hoàn

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết và phác đồ xử trí cấp cứu ngừng tuần hoàn.
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh trước, trong và sau cấp cứu theo quy trình điều dưỡng.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và phối hợp nhóm tốt trong tình huống khẩn cấp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân ngừng tuần hoàn
2.2.1. Nguyên nhân do tim
2.2.2. Nguyên nhân do tuần hoàn
2.2.3. Nguyên nhân do hô hấp
2.2.4. Nguyên nhân do rối loạn chuyển hóa
2.2.5. Nguyên nhân do thuốc, do nhiễm độc
2.2.6. Nguyên nhân do thuốc
2.3. Triệu chứng ngừng tuần hoàn
2.4. Hướng xử trí cấp cứu
2.4.1. Hồi sức ngừng tuần hoàn hô hấp căn bản
2.4.2. Hồi sức ngừng tuần hoàn hô hấp mức cao
2.2.5. Chăm sóc người bệnh sau ngừng tuần hoàn
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo kỹ thuật hồi sinh tim phổi và sử dụng máy hỗ trợ cấp cứu ngừng tuần hoàn.
- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, thuốc và hỗ trợ bác sĩ thực hiện quy trình cấp cứu nâng cao.
- Thực hiện được các can thiệp điều dưỡng và theo dõi sát người bệnh sau khi có tuần hoàn trở lại.
- Nhận định nhanh tình trạng cấp cứu và ghi chép hồ sơ bệnh án chính xác, kịp thời.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 3. Chăm sóc người bệnh hôn mê

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, thang điểm Glasgow và nguyên tắc xử trí cấp cứu người bệnh hôn mê.
- Lập được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh hôn mê.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và trách nhiệm trong xử trí, chăm sóc người bệnh mất ý thức.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm
2.2. Các nguyên nhân thường gặp
2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Nguyên tắc xử trí cấp cứu
2.5. Chăm sóc người bệnh hôn mê
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Đánh giá

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo đánh giá tri giác, dấu hiệu sinh tồn và các phản xạ bảo vệ của người bệnh.
- Thực hiện đúng quy trình các kỹ thuật cho người bệnh.
- Triển khai thực hiện và theo dõi kế hoạch chăm sóc; phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường để xử trí kịp thời.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Chăm sóc người bệnh sốc nhiễm khuẩn

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và nguyên tắc xử trí sốc nhiễm khuẩn.
- Lập được quy trình điều dưỡng cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn.
- Phân tích được các ưu tiên chăm sóc và can thiệp điều dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và ý thức kỷ luật trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Nguyên nhân
2.1.3. Điều kiện thuận lợi
2.2. Triệu chứng của sốc nhiễm khuẩn
2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2.3. Phòng bệnh sốc nhiễm khuẩn ngoại khoa
2.4. Hướng điều trị sốc nhiễm khuẩn
2.4.1. Điều trị toàn thân
2.4.2. Điều trị nguyên nhân
2.4.3. Điều trị các biến chứng của sốc nhiễm khuẩn
2.5. Chăm sóc người bệnh sốc nhiễm khuẩn
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Đánh giá đúng tình trạng tri giác, dấu hiệu sinh tồn và các kết quả cận lâm sàng.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật, thủ thuật, y lệnh thuốc đúng quy trình.
- Phát hiện sớm các diễn biến bất thường và xử trí kịp thời. Phối hợp tốt với nhóm cấp cứu; giao tiếp phù hợp với người nhà trong tình huống khẩn cấp.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Chương 2

Bài 1. Chăm sóc người bệnh phản vệ

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và phác đồ xử trí phản vệ.
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh phản vệ theo quy trình điều dưỡng.
- Vận dụng kiến thức để nhận định và đưa ra hướng xử trí đúng cho các tình huống lâm sàng.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và có trách nhiệm trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.1.1. Định nghĩa:
2.1.2. Một số nguyên nhân thường gặp do phản vệ
2.1.3. Cơ chế gây phản vệ
2.2. Triệu chứng lâm sàng phản vệ
2.3. Phác đồ xử trí phản vệ
2.4. Chăm sóc người bệnh phản vệ
2.4.1. Nhận định
2.4.2 Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá
2.5. Phòng phản vệ.

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Phát hiện sớm và thực hiện đúng các bước cấp cứu phản vệ dưới sự hướng dẫn.
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng và theo dõi người bệnh trong và sau cấp cứu.
- Khai thác hiệu quả tiền sử dị ứng và tư vấn được cho người bệnh cách phòng tránh tái phát.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 2. Chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng của nhồi máu cơ tim.
- Trình bày được sơ đồ xử trí cấp cứu và quy trình chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim.
- Lập được kế hoạch chăm sóc chi tiết cho tình huống người bệnh nhồi máu cơ tim.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và có ý thức kỷ luật trong học tập.

2. Nội dung:
2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân nhồi máu cơ tim
2.3. Triệu chứng nhồi máu cơ tim
2.4. Biến chứng nhồi máu cơ tim
2.5. Hướng xử trí nhồi máu cơ tim
2.6. Chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá
B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 10 giờ
1. Mục tiêu:
- Phát hiện sớm các dấu hiệu đau thắt ngực điển hình và các biến chứng nguy hiểm.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và dùng thuốc theo y lệnh.
- Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá được kế hoạch chăm sóc cá thể hóa trên người bệnh.
- Hướng dẫn được cho người bệnh chế độ ăn uống, vận động và phòng bệnh.
2. Nội dung:
2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận
Bài 3. Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa
A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ
1. Mục tiêu:
- Phân tích được triệu chứng lâm sàng và phân loại mức độ xuất huyết tiêu hóa.
- Trình bày được nguyên tắc xử trí và quy trình chăm sóc người bệnh.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và có ý thức kỷ luật cao trong học tập.
2. Nội dung:
2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa cao
2.2.2. Nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa thấp
2.3. Triệu chứng xuất huyết tiêu hóa
2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Hướng xử trí xuất huyết tiêu hóa
2.5. Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá
B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 10 giờ
1. Mục tiêu:
- Theo dõi sát dấu hiệu để phát hiện sớm dấu hiệu sốc mất máu.
- Thành thạo đặt đường truyền, lấy máu xét nghiệm, phụ giúp nội soi và đặt thông dạ dày.
- Thực hiện nhanh, đúng y lệnh thuốc và hỗ trợ bác sĩ trong tình huống cấp cứu.

- Hướng dẫn được chế độ ăn uống, nghỉ ngơi phù hợp cho người bệnh.
- Lập và thực hiện hoàn chỉnh kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

Bài 4. Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp

A. Lý thuyết Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng đặc trưng và nguyên tắc xử trí cấp cứu ngộ độc cấp.
- Thiết lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp theo quy trình.
- Thể hiện sự khẩn trương, chính xác và đảm bảo an toàn trong xử trí cấp cứu.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Một số tác nhân gây ngộ độc cấp thường gặp
2.1.3. Các con đường xâm nhập của tác nhân gây độc vào cơ thể
2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng ngộ độc
2.2. Một số ngộ độc cấp thường gặp
2.2.1. Ngộ độc cấp gây dị ứng
2.2.2. Ngộ độc thức ăn do vi khuẩn
2.2.3. Ngộ độc thuốc trừ sâu
2.2.4. Ngộ độc thuốc ngủ
2.3. Nguyên tắc chung xử trí ngộ độc cấp
2.3.1. Mục đích
2.3.2. Các biện pháp loại trừ chất độc ra khỏi cơ thể
2.3.3. Điều trị đặc hiệu
2.3.4. Khắc phục hậu quả ngộ độc:
2.3.5. Điều tra nguyên nhân gây ngộ độc
2.4. Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp
2.4.1. Nhận định người bệnh
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá

B. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và theo dõi dấu hiệu sinh tồn, tri giác.
- Nhận định và triển khai được kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh.
- Phối hợp tốt với nhóm điều trị và thực hiện y lệnh chính xác.
- Thực hiện tốt việc tư vấn phòng chống ngộ độc và giáo dục sức khỏe cho người bệnh/thân nhân.

2. Nội dung:

2.1. Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
2.2. Hướng dẫn thực hành
2.3. Tự thực hành, thảo luận

3. Chỉ tiêu thực hành bệnh viện

Chỉ tiêu về kế hoạch chăm sóc: Lập và phân tích được

TT	Nội dung	Số lần	Ghi chú
	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh: - Ngừng tuần hoàn. - Hôn mê. - Mở khí quản - Sốc nhiễm khuẩn. - Sốc phản vệ. - Nhồi máu cơ tim. - Xuất huyết tiêu hóa. - Ngộ độc cấp.	2	

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Rửa tay thường quy			2
2	Vận chuyển người bệnh			2
3	Đo mạch, huyết áp, nhịp thở, nhiệt độ			5
4	Tiêm bắp			5
5	Tiêm tĩnh mạch			5
6	Truyền dịch			5
7	Lấy máu, nước tiểu làm xét nghiệm			3
8	Ghi chép phiếu theo dõi và chăm sóc người bệnh			3
9	Tư vấn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và thân nhân người bệnh trong thời gian nằm viện			3
10	Phụ bác sỹ hút đờm nội khí quản		1	
11	Phụ bác sỹ thay ống nội khí quản		1	
12	Phụ giúp điều dưỡng rửa dạ dày		1	
13	Phụ giúp điều dưỡng thay băng vết mở khí quản		2	
14	Rút ống thông, ống dẫn lưu	1		
15	Bơm rửa ống thông, ống dẫn lưu	1		
16	Phụ bác sĩ cấp cứu ngừng tuần hoàn	1		

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Giảng đường, phòng tiền lâm sàng, khoa Hồi sức cấp cứu Nội, khoa Hồi sức cấp cứu Ngoại bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: Phấn bảng, máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu tham khảo, powerpoint, tình huống lâm sàng, thảo luận nhóm.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, bài kế hoạch chăm sóc.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua các tình huống lâm sàng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt được các yêu cầu sau:
+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
+ Chuyên cần, say mê môn học.
+ Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong lớp học.
2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài lý thuyết. Hình thức: trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức: lập kế hoạch chăm sóc tại thực hành lâm sàng.
- Hình thức thi kết thúc môn học: trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Đây là môn học chuyên ngành nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.
+ Phần thảo luận nhóm, luyện tập tình huống lâm sàng nhằm củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.
- Đối với người học:
+ Giờ tự học ở nhà:
Tự nghiên cứu nội dung mà giảng viên giao trong đề cương môn học (nhà trường khuyến khích sinh viên nghiên cứu mở rộng hơn những nội dung và vấn đề được giao).
Thực hiện thật tốt kế hoạch nói trên, mạnh dạn liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu.
Viết báo cáo thu hoạch theo các tiêu chí đánh giá của giảng viên, tranh thủ những ý kiến góp ý của bạn, tư vấn của giảng viên trước khi nộp bài.
Hệ thống hóa, lưu giữ tài liệu, kết quả tự học, tự nghiên cứu thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng sau này.
+ Giờ thảo luận:
Nhận nội dung, vấn đề nghiên cứu, mở rộng, đi sâu vào bản chất, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, chuẩn bị bài trình bày theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên.
Trình bày báo cáo theo phân công.
Theo dõi, bổ sung, góp ý bài trình bày của các bạn cùng lớp, hoàn chỉnh bài trình bày đó hoặc của mình.
Hỏi, đối thoại, tranh luận những vấn đề đã trình bày tại buổi thảo luận.
Theo dõi sự nhận xét, tổng kết của giảng viên để hoàn chỉnh bài trình bày tại buổi thảo luận.
- Sắp xếp tài liệu có được sau từng buổi thảo luận theo kế hoạch nghiên cứu, học tập của bản thân để dễ sử dụng cho các mục đích khác như làm bài tập nhóm...
+ Giờ hoạt động theo nhóm
Nhận nhiệm vụ, thời hạn hoàn thành, mẫu báo cáo hoạt động theo nhóm.
Nhóm trưởng lên kế hoạch phân công (bằng văn bản) cho từng thành viên với nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, nguồn tài liệu tham khảo, lịch họp nhóm theo kế hoạch. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ đặt ra của buổi thảo luận nhóm hay bài thực hành, triển khai kế hoạch mà bản thân đã dự kiến, chuẩn bị trước, xem xét kết quả đạt được so với mục tiêu đặt ra.
Nhóm trưởng lập báo cáo, thông qua toàn nhóm trước khi nộp cho giảng viên. Xem xét lại những gì đã thu nhận được và tóm tắt lại kết quả chính các buổi hoạt động theo nhóm cho

bản thân và lưu giữ phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, hướng xử trí và chăm sóc các bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực Nội khoa và Ngoại khoa thường gặp.
4. Tài liệu tham khảo:
1. Vũ Văn Đính, Nguyễn Quốc Anh (2023), Hồi sức cấp cứu toàn tập, Nhà xuất bản Y học.
2. Phạm Thị Ngọc Thảo (2020), Hồi sức cấp cứu chống độc, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

Tên môn học: Quản lý điều dưỡng
Mã môn học: MH 27
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ LT)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ II năm thứ ba đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm các kiến thức về tổ chức, bộ máy quản lý điều dưỡng từ trung ương đến cơ sở; vai trò, nhiệm vụ của các cấp quản lý điều dưỡng; nguyên tắc quản lý, kỹ năng quản lý điều dưỡng; các phong cách lãnh đạo; phương pháp giải quyết vấn đề; đánh giá công tác điều dưỡng; các nội dung quản lý nhân lực, vật tư, thời gian; các mô hình chăm sóc người bệnh và các biện pháp đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Trình bày được tổ chức, bộ máy quản lý điều dưỡng từ trung ương đến cơ sở; vai trò, nhiệm vụ của các cấp quản lý điều dưỡng; nguyên tắc quản lý, kỹ năng quản lý điều dưỡng (CĐR1)
- CĐRMH 2: Trình bày các phong cách lãnh đạo; phương pháp giải quyết vấn đề; lập kế hoạch và đánh giá công tác điều dưỡng; các nội dung quản lý nhân lực, vật tư, thời gian. (CĐR1,8)
- CĐRMH 3: Trình bày các mô hình, các điều kiện chăm sóc người bệnh toàn diện; các biện pháp đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh (CĐR 6)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được tổ chức, bộ máy quản lý điều dưỡng từ trung ương đến cơ sở.
- Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của các cấp quản lý điều dưỡng.
- Trình bày được nguyên tắc quản lý, kỹ năng quản lý điều dưỡng.
- Trình bày các phong cách lãnh đạo; phương pháp giải quyết vấn đề.
- Trình bày nguyên tắc lập kế hoạch và đánh giá công tác điều dưỡng trong bệnh viện.
- Trình bày được nội dung quản lý nhân lực, vật tư, thời gian.
- Trình bày được các mô hình, các điều kiện chăm sóc người bệnh toàn diện.
- Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hiện các kỹ năng cơ bản trong quản lý điều dưỡng và lập kế hoạch công tác điều dưỡng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác quản lý điều dưỡng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Hệ thống tổ chức quản lý ngành Điều dưỡng và chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng	2	2	0	
2	Bài 2: Ngạch viên chức điều dưỡng	2	2	0	
3	Bài 3: Mô hình phân công chăm sóc	2	2	0	
4	Bài 4: Quản lý – Quy trình quản lý	4	4	0	
5	Bài 5: Lãnh đạo – Phong cách lãnh đạo	2	2	0	
6	Bài 6: Phương pháp giải quyết vấn đề	2	2	0	
7	Bài 7: Lập kế hoạch công tác điều dưỡng	2	2	0	
8	Bài 8: Đánh giá công tác điều dưỡng trong các bệnh viện	3	3	0	
9	Bài 9: Tổ chức cuộc họp	1	1	0	
10	Bài 10: Quản lý nhân lực	2	2	0	
11	Bài 11: Quản lý thời gian	1	1	0	
12	Bài 12: Thường quy đi buồng	1	1	0	
13	Bài 13: Quản lý tài sản, vật tư	2	2	0	
14	Bài 14: Đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế	2	2	0	
15	Kiểm tra	2			2
	Cộng	**30**	**28**		**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Hệ thống tổ chức quản lý ngành Điều dưỡng và chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Vẽ và giải thích được sơ đồ hệ thống tổ chức quản lý điều dưỡng các cấp và sơ đồ hệ thống tổ chức Hội Điều dưỡng Việt Nam.
- Trình bày được chức năng nhiệm vụ của phòng Điều dưỡng và Điều dưỡng trưởng các cấp.
- Phân tích được chức năng, nhiệm vụ và sơ đồ hệ thống tổ chức quản lý của ngành Điều dưỡng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác quản lý điều dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Hệ thống quản lý điều dưỡng

2.2. Chức năng, nhiệm vụ của phòng Điều dưỡng và điều dưỡng trưởng các cấp
2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Điều dưỡng – Tiết chế Cục khám chữa bệnh Bộ y tế.
2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Điều dưỡng trưởng Sở y tế tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.
2.2.3. Tổ chức nhiệm vụ của phòng Điều dưỡng bệnh viện
2.2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng phòng Điều dưỡng
2.2.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều dưỡng trưởng khối
2.2.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của điều dưỡng khoa, hộ sinh trưởng khoa
2.3 Tổ chức Hội Điều dưỡng Việt Nam

Bài 2: Ngạch viên chức điều dưỡng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
Trình bày được chức trách, nhiệm vụ, các yêu cầu về sự hiểu biết và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của ngạch viên chức điều dưỡng hạng IV, hạng III, hạng II.
- Nhận thức được chức trách, nhiệm vụ, yêu cầu về sự hiểu biết và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của ngạch điều dưỡng hạng IV, hạng III, hạng II.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng trình độ ngạch viên chức điều dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Điều dưỡng hạng IV
2.1.1. Chức trách, nhiệm vụ
2.1.2. Yêu cầu về sự hiểu biết và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học
2.2. Điều dưỡng hạng III
2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ
2.2.2. Yêu cầu về sự hiểu biết và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học
2.3. Điều dưỡng hạng II
2.3.1. Chức trách, nhiệm vụ
2.3.2. Yêu cầu về sự hiểu biết, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và các yêu cầu khác.

Bài 3: Mô hình chăm sóc Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tiêu chuẩn đánh giá một mô hình chăm sóc tốt.
- Trình bày được ưu, nhược điểm của từng mô hình chăm sóc.
- Áp dụng, lựa chọn được mô hình phân công chăm sóc thích hợp cho từng cơ sở y tế cụ thể.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong thực hiện mô hình phân công chăm sóc phù hợp.

2. Nội dung

2.1. Mô hình chăm sóc tốt
2.1.1. Lấy người bệnh làm trung tâm và cá biệt hóa chăm sóc
2.1.2. Liên tục trong chăm sóc
2.1.3. Phù hợp với đặc điểm chuyên môn và điều kiện từng khoa
2.2. Các mô hình phân công chăm sóc
2.2.1. Mô hình phân công theo công việc
2.2.2. Mô hình phân công theo đội
2.2.3. Mô hình phân công chăm sóc theo nhóm
2.2.4. Mô hình phân công điều dưỡng chăm sóc chính

Bài 4: Quản lý – Quy trình quản lý Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các định nghĩa về quản lý.
- Trình bày được các bước trong quy trình quản lý/chức năng quản lý cơ bản.
- Trình bày được các biện pháp quản lý.
- Áp dụng được các biện pháp quản lý vào công tác quản điều dưỡng tại đơn vị.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác quản lý điều dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa quản lý

2.2. Quy trình quản lý/Chức năng quản lý cơ bản

2.2.1. Lập kế hoạch

2.2.2. Tổ chức thực hiện

2.2.3. Đánh giá

2.3. Các biện pháp quản lý

2.3.1. Biện pháp giáo dục

2.3.2. Biện pháp hành chính

2.3.3. Biện pháp kinh tế

Bài 5: Lãnh đạo – Phong cách lãnh đạo Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các khái niệm về lãnh đạo.
- Phân loại được các phong cách lãnh đạo.
- Trình bày được các phẩm chất của người lãnh đạo.
- Áp dụng được phong cách và phẩm chất của người lãnh đạo trong công tác quản lý điều dưỡng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng của người lãnh đạo trong công tác quản lý điều dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm lãnh đạo

2.1.1. Quản lý

2.1.2. Lãnh đạo

2.1.3. Phân biệt quản lý và lãnh đạo

2.2. Phong cách lãnh đạo

2.2.1. Phong cách lãnh đạo lấy con người làm trung tâm

2.2.2. Phong cách lãnh đạo lấy công việc làm trung tâm

2.2.3. Phong cách lãnh đạo chỉ huy độc đoán

2.2.4. Phong cách lãnh đạo dân chủ

2.2.5. Phong cách lãnh đạo ủy quyền

2.3. Phẩm chất của người lãnh đạo

2.3.1. Phẩm chất của người lãnh đạo cần có

2.3.2. Những đức tính người lãnh đạo cần tránh

Bài 6: Phương pháp giải quyết vấn đề Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm và nhận biết vấn đề.
- Trình bày được các phương pháp giải quyết vấn đề.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào nhận định, phân tích, lập kế hoạch để giải quyết vấn đề, thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện trong công tác quản lý điều dưỡng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề trong công tác quản lý điều dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Phương pháp giải quyết vấn đề
2.2.1. Nhận định để xác định vấn đề giải quyết
2.2.2. Phân tích vấn đề cần giải quyết (Áp dụng kỹ thuật SWOT)
2.2.3. Lập kế hoạch để giải quyết vấn đề
2.2.4. Thực hiện
2.2.5. Giám sát, đánh giá

Bài 7: Lập kế hoạch công tác điều dưỡng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được các khái niệm và vai trò lập kế hoạch công tác điều dưỡng.
- Trình bày được các bước lập kế hoạch công tác điều dưỡng.
- Áp dụng được kiến thức đã học vào lập kế hoạch công tác điều dưỡng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong lập kế hoạch công tác điều dưỡng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.1.1. Lập kế hoạch
2.1.2. Tầm quan trọng của lập kế hoạch
2.2. Phân loại kế hoạch
2.2.1. Theo thời gian
2.2.2. Theo cấp độ
2.2.3. Theo cách tiếp cận xây dựng kế hoạch
2.3. Các nguyên tắc lập kế hoạch
2.4. Các nội dung chính của bản kế hoạch
2.5. Các bước lập kế hoạch
2.5.1. Đánh giá hiện trạng
2.5.2. Xác định vấn đề và nguyên nhân
2.5.3. Xác định mục tiêu (kết quả mong đợi) và các chỉ số đánh giá
2.5.4. Xác định các hoạt động can thiệp
2.5.5. Viết kế hoạch và trình phê duyệt
2.6. Triển khai thực hiện kế hoạch
2.7. Các phương thức thực hiện đánh giá kế hoạch

Bài 8: Đánh giá công tác điều dưỡng trong các bệnh viện Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân biệt được các khái niệm về kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá.
- Trình bày được các bước đánh giá công tác chăm sóc người bệnh.
- Trình bày được khung báo cáo đánh giá hoạt động công tác điều dưỡng trong các bệnh viện.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào xây dựng công cụ đánh giá hoạt động công tác điều dưỡng trong các bệnh viện.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng báo cáo đánh giá hoạt động công tác điều dưỡng trong các cơ sở y tế.

2. Nội dung
2.1. Mở đầu
2.2. Các thuật ngữ
2.3. Quy trình và các hình thức đánh giá
2.3.1. Sơ đồ đánh giá
2.3.2. Các hình thức đánh giá
2.4. Xây dựng công cụ và các chỉ số đánh giá
2.4.1. Xây dựng công cụ đánh giá
2.4.2. Xây dựng các chỉ số đánh giá
2.5. Kỹ thuật thu thập thông tin
2.5.1. Quan sát
2.5.2. Phỏng vấn
2.5.3. Thiết kế bộ câu hỏi thu thập số liệu
2.5.4. Thảo luận nhóm
2.5.5. Sử dụng thông tin có sẵn
2.6. Các bước đánh giá
2.6.1. Lập kế hoạch đánh giá
2.6.2. Thực hiện đánh giá
2.6.3. Phân tích, trình bày số liệu
2.6.4. Viết báo cáo đánh giá

Bài 9: Tổ chức cuộc họp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng và mục đích của cuộc họp.
- Trình bày được các bước chuẩn bị cho một cuộc họp.
- Áp dụng được kiến thức đã học để điều hành một cuộc họp có hiệu quả và ghi được biên bản một cuộc họp đủ và đúng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng tổ chức cuộc họp trong công tác điều dưỡng.

2. Nội dung
2.1. Mục đích cuộc họp
2.2. Một số cuộc họp thường được tổ chức trong công tác điều dưỡng
2.3. Cách tiến hành một cuộc họp
2.3.1. Chuẩn bị cho một cuộc họp
2.3.2. Điều hành cuộc họp
2.3.3. Cách ghi biên bản cuộc họp

Bài 10: Quản lý nhân lực Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng của công tác quản lý nhân lực và nêu được cách phân loại công việc điều dưỡng.
- Trình bày được công thức dùng để tính nhân lực điều dưỡng cần thiết và thực tế.
- Trình bày được các nội dung chính của bước tuyển chọn nhân viên, lựa chọn mô hình chăm sóc và xây dựng lịch làm việc.
- Trình bày được cách điều chỉnh nhân lực điều dưỡng và đánh giá nhân viên.
- Áp dụng được công thức tính số nhân lực để tính số nhân lực điều dưỡng tại đơn vị.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quản lý nhân lực điều dưỡng.

2. Nội dung
2.1. Tầm quan trọng của công tác quản lý nhân lực
2.2. Phân loại công việc điều dưỡng
2.2.1. Công việc trực tiếp
2.2.2. Công việc gián tiếp
2.3. Công thức tính số nhân lực
2.4. Quy trình tuyển chọn nhân lực
2.5. Lựa chọn mô hình chăm sóc và xây dựng lịch làm việc
2.6. Điều chỉnh nhân lực trong bệnh viện
2.7. Đánh giá nhân viên

Bài 11: Quản lý thời gian Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Kể được lợi ích của việc quản lý tốt thời gian và các yếu tố tiết kiệm thời gian.
- Mô tả được những nguyên nhân gây lãng phí thời gian và những yếu tố tiết kiệm thời gian trong công tác quản lý điều dưỡng.
- Kể được những nguyên tắc chung và các bước cơ bản để quản lý thời gian có hiệu quả trong công tác quản lý điều dưỡng.
- Nhận thức được lợi ích của việc quản lý thời gian tốt từ đó áp dụng vào công tác quản lý điều dưỡng tại đơn vị.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quản lý thời gian một cách có hiệu quả.

2. Nội dung
2.1. Đại cương
2.2. Lợi ích của việc quản lý thời gian tốt
2.3. Yếu tố tiết kiệm thời gian
2.4. Nguyên nhân gây lãng phí thời gian
2.5. Nguyên tắc chung để quản lý tốt thời gian
2.5.1. Hạn chế sự gián đoạn công việc
2.5.2. Giảm hội họp, các công việc hành chính, giấy tờ không cần thiết
2.5.3. Ủy quyền
2.5.4. Mạnh dạn nói lời từ chối với một số công việc
2.5.5. Lựa chọn ưu tiên và lập kế hoạch công tác
2.5.6. Tăng cường tính kỷ luật, thái độ nghiêm túc với công việc, tránh trì hoãn công việc
2.5.7. Thay đổi, cải tiến một số thường quy, lề lối làm việc khi cần thiết
2.5.8. Rèn luyện kỹ năng và tác phong làm việc

Bài 12: Thường quy đi buồng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu
Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên tắc và tầm quan trọng của thường quy đi buồng.
- Trình bày được vai trò, nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa trong thường quy đi buồng
- Áp dụng được kiến thức đã học vào công tác đi buồng kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch chăm sóc của điều dưỡng và công tác vệ sinh trong buồng bệnh.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong thực hiện thường quy đi buồng.

2. Nội dung
2.1. Đại cương
2.2. Nguyên tắc đi buồng

2.3. Tầm quan trọng đi buồng
2.4. Hình thức đi buồng
2.4.1. Đi buồng hàng ngày
2.4.2. Đi buồng theo lịch
2.5. Nhiệm vụ của Điều dưỡng trưởng khoa

Bài 13: Quản lý tài sản, vật tư Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được tầm quan trọng của công tác quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao.
- Áp dụng kiến thức đã học vào công tác quản lý và sử dụng trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao tại cơ sở y tế có hiệu quả.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quản lý và sử dụng trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao.

2. Nội dung

2.1. Sự cần thiết trong công tác quản lý tài sản, vật tư
2.2. Công tác dự trù/Lập kế hoạch quản lý tài sản, vật tư
2.2.1. Liệt kê danh mục những mặt hàng cần dùng
2.2.2. Lựa chọn những chủng loại thích
2.2.3. Cân đối giữa nhu cầu và kinh phí hiện có
2.2.4. Lập bản dự trù
2.3. Lĩnh tài sản vật tư
2.4. Bảo quản vật tư trong kho
2.4.1. Nguyên tắc chung về cất giữ tài sản
2.4.2. Làm thẻ kho cho từng loại tài sản, vật tư
2.4.3. Kho tàng hoặc nơi cất
2.4.4. Cách sắp xếp đặt hàng trong kho
2.5. Cấp phát tài sản, vật tư
2.6. Giám sát sử dụng
2.7. Kiểm tra – đánh giá

Bài 14: Đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được sự cần thiết để đảm bảo an toàn người bệnh.
- Trình bày được các giải pháp để đảm bảo an toàn người bệnh.
- Áp dụng được một số biện pháp để đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế.

2. Nội dung

2.1. Sự cần thiết
2.2. Các giải pháp đảm bảo an toàn cho người bệnh
2.2.1. Xác định chính xác tên người bệnh
2.2.2. Cải thiện thông tin và bàn giao ca kíp đầy đủ
2.2.3. Bảo đảm an toàn trong dùng thuốc
2.2.4. Xóa bỏ nhầm lẫn trong phẫu thuật
2.2.5. Giảm nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.6. Giảm nguy cơ người bệnh bị ngã
2.3. Kết luận
Kiểm tra: Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:
- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm. Sinh viên phải trình bày được các kiến thức cơ bản trong công tác quản lý điều dưỡng.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua làm bài tập thảo luận các kỹ năng cơ bản trong công tác quản lý điều dưỡng.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng điều dưỡng của trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.
+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập thảo luận để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.
- Đối với người học:
+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.
+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quản lý điều dưỡng, các khái niệm, định nghĩa, cơ cấu của hệ thống ngành điều dưỡng Việt Nam.
4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2012), Tài liệu đào tạo tăng cường năng lực quản lý điều dưỡng.
2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2014), Giáo trình Quản lý điều dưỡng.
3. Bộ Y tế (2021), Thông tư 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
THỐNG KÊ Y HỌC - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên môn học: Thống kê y học – nghiên cứu khoa học
Mã môn học: MH 28
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; *(Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ Lý thuyết)*

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Thống kê y học – nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc khối các Môn học/ mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng chính quy.

2. Tính chất: Chương trình môn tích hợp các nội dung cơ bản về Thống kê y học và nghiên cứu khoa học; cung cấp cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học và nghiên cứu thống kê y học.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Người học vận dụng được kiến thức thống kê vào nghiên cứu khoa học đơn giản trong lĩnh vực y học hoặc khoa học sức khỏe (CĐR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh).
- CĐRMH 2: Thể hiện được tính trung thực, khách quan và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong thu thập, phân tích và công bố dữ liệu nghiên cứu khoa học. (CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thống kê y học và nghiên cứu khoa học, hiểu, tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học.
- Trình bày được các khái niệm và các đặc trưng của mẫu trong thống kê, trình bày được lý thuyết ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết.

2. Về kỹ năng

- Viết được mục tiêu, tính chỉ số nghiên cứu và tính cỡ mẫu trong bài tập giả định. Có kỹ năng đưa ra giả thuyết nghiên cứu, thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học với sự hướng dẫn của chuyên gia và ứng dụng kết quả nghiên cứu.
- Sử dụng lý thuyết thống kê giải quyết các bài toán liên quan thực tiễn y dược và nghiên cứu thống kê y học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được vai trò của người Điều dưỡng cao đẳng trong công tác nghiên cứu khoa học và nghiên cứu thống kê y học.
- Nghiêm túc tiếp thu kiến thức trên lớp, chủ động trong chuẩn bị, học và làm bài tập về nhà.
- Yêu thích môn học, rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu tài liệu, độc lập, sáng tạo trong tư duy nghiên cứu.
- Rèn luyện được thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận, khoa học để phát huy tốt vai trò của người Điều dưỡng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
PHẦN I: THỐNG KÊ Y HỌC					
1	Bài 1. Giới thiệu chung về thống kê	4	4	0	
2	Bài 2. Lý thuyết mẫu	3	3	0	
3	Bài 3. Bài toán ước lượng tham số	3	3	0	
4	Bài 4. Bài toán kiểm định giả thuyết thống kê	4	4	0	
5	Kiểm tra	1			1
PHẦN II: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
6	Bài 1. Tổng quan về nghiên cứu y học và các bước phát triển đề cương nghiên cứu khoa học	2	2		
7	Bài 2. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu	2	2		
8	Bài 3. Phương pháp nghiên cứu	5	5		
9	Bài 4. Phương pháp chọn mẫu	5	5		
10	Kiểm tra	1			1
	TỔNG CỘNG	**30**	**28**	**0**	**2**

2. Nội dung chi tiết

PHẦN I: THỐNG KÊ Y HỌC

Bài 1. Giới thiệu chung về thống kê Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các kiến thức đại cương về thống kê, các cách thu thập và tổ chức số liệu trong thống kê;
- Trình bày được 6 bước của quá trình nghiên cứu thống kê.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về thống kê

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khái niệm thống kê

2.1.1.1. Thống kê là gì?

2.1.1.2. Đối tượng nghiên cứu và các phương pháp trong thống kê

2.1.1.3. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê

2.1.2. Số liệu

2.1.3. Biến số và các loại biến số

2.2. Thu thập và tổ chức số liệu

2.2.1. Số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê

2.2.1.1. Số tuyệt đối
2.2.1.2. Số tương đối
2.2.1.3. Vận dụng
2.2.2. Bảng số liệu
2.2.2.1. Bảng tần số
2.2.2.1. Bảng hai chiều
2.2.3. Biểu đồ và đồ thị
2.2.3.1. Tác dụng
2.2.3.2. Phân loại
2.2.3.3. Thành phần
2.2.3.4. Nguyên tắc trình bày
2.3. Quá trình nghiên cứu thống kê
2.3.1. Xác định mục đích nghiên cứu và phân tích đặc điểm hiện tượng
2.3.1.1. Xác định mục đích nghiên cứu
2.3.1.2. Phân tích đặc điểm hiện tượng
2.3.2. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê
2.3.2.1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê
2.3.2.2. Căn cứ xây dựng
2.3.2.3. Yêu cầu
2.3.3. Điều tra thống kê
2.3.3.1. Khái niệm
2.3.3.2. Các loại điều tra thống kê
2.3.3.3. Các hình thức thu thập thông tin
2.3.3.4. Phương án điều tra thống kê
2.3.3.5. Sai số trong điều tra thống kê
2.3.4. Tổng hợp thống kê
2.3.4.1. Những vấn đề chung
2.3.4.2. Phương pháp tổng hợp
2.3.5. Phân tích và dự đoán thống kê
2.3.5.1. Khái niệm
2.3.5.2. Ý nghĩa
2.3.5.3. Yêu cầu
2.3.6. Trình bày kết quả nghiên cứu

Bài 2. Lý thuyết mẫu Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm cơ sở của thống kê: Mẫu, tổng thể, điều tra, thu thập số liệu, tổng hợp số liệu, các đặc trưng của một mẫu;
- Vận dụng lý thuyết tính toán thành thạo các đặc trưng của mẫu.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết mẫu
2.1.1. Khái niệm tổng thể
2.1.2. Khái niệm mẫu
2.1.3. Mối quan hệ giữa mẫu và tổng thể
2.2. Điều tra chọn mẫu
2.2.1. Những vấn đề chung về điều tra chọn mẫu
2.2.1.1. Khái niệm
2.2.1.2. Ưu điểm
2.2.1.3. Hạn chế

2.2.1.4. Vận dụng
2.2.2. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên
2.2.2.1. Lý luận chung về điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên
2.2.2.2. Chọn mẫu thời điểm
2.2.2.3. Một số phương pháp tổ chức chọn mẫu ngẫu nhiên
2.2.3. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên
2.3. Sắp xếp mẫu dựa trên số liệu thực nghiệm
2.3.1. Sắp xếp dạng bảng
2.3.2. Sắp xếp dạng khoảng
2.4. Các đặc trưng của mẫu
2.4.1. Các tham số mức độ trung tâm
2.4.2. Các tham số đo độ phân tán
2.5. Quy luật phân phối xác suất của một số đặc trưng mẫu
2.6. Suy đoán thống kê

Bài 3. Bài toán ước lượng tham số Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về ước lượng tham số, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, các thống kê liên quan đến bài toán ước lượng tham số;
- Vận dụng các thống kê của bài toán trên để giải quyết các bài toán thống kê trong thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.2. Phương pháp ước lượng điểm
2.2.1. Phương pháp hàm ước lượng
2.2.2. Phương pháp ước lượng hợp lý tối đa
2.3. Phương pháp ước lượng bằng khoảng tin cậy
2.3.1. Khái niệm
2.3.2. Ước lượng khoảng tin cậy của trung bình
2.3.3. Ước lượng khoảng tin cậy của tỉ lệ
2.3.4. Ước lượng kỳ vọng của phân phối chuẩn

Bài 4. Bài toán kiểm định giả thuyết thống kê Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm liên quan đến bài toán kiểm định giả thuyết, giả thuyết thống kê, các thống kê dùng để kiểm định cho từng tham số;
- Vận dụng nội dung các bài toán trên để kiểm định các giả thuyết về các tham số mà bài toán hoặc thực tiễn thống kê đưa ra, so sánh được các tham số.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về kiểm định giả thuyết thống kê
2.1.1. Khái niệm chung
2.1.2. Các loại sai lầm trong kiểm định
2.1.3. Cơ sở lý thuyết của kiểm định
2.2. Kiểm định tham số
2.2.1. Kiểm định so sánh trung bình với một số
2.2.2. Kiểm định so sánh tỉ lệ với một số
2.2.3. Kiểm định so sánh hai đặc trưng của hai tổng thể
2.2.4. Kiểm định giá trị xác suất

PHẦN II: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Bài 1: Tổng quan về nghiên cứu y học và các bước phát triển đề cương nghiên cứu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về nghiên cứu, các loại hình nghiên cứu y học và các bước áp dụng phát triển một đề cương nghiên cứu trong y học;
- Vận dụng kiến thức đã học vào phát triển đề cương nghiên cứu;
- Học tập tích cực, nghiêm túc trong học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về nghiên cứu
  2.1.1. Định nghĩa nghiên cứu
  2.1.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học
  2.1.3. Thực trạng về nghiên cứu khoa học của Việt Nam so với các nước trong khu vực
2.2. Các loại hình nghiên cứu y học phổ biến
2.3. Các bước phát triển một đề cương nghiên cứu
  2.3.1. Đề cương nghiên cứu là gì
  2.3.2. Các bước phát triển một đề cương nghiên cứu khoa học
  2.3.3. Thành phần cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học
  2.3.4. Đề cương và báo cáo nghiên cứu khoa học có điểm gì giống và khác nhau

Bài 2: Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được lựa chọn, phân tích vấn đề nghiên cứu ưu tiên; xác định trọng tâm và phạm vi nghiên cứu;
- Thực hành viết mục tiêu nghiên cứu cho một số đề tài giả định;
- Học tập tích cực, nghiêm túc trong học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu ưu tiên
  2.1.1. Tính xác đáng của vấn đề cần nghiên cứu
  2.1.2. Tính lặp lại
  2.1.3. Sự chấp nhận của chính quyền và cơ quan quản lý đề tài
  2.1.4. Vấn đề đạo đức
  2.1.5. Tính khả thi
  2.1.6. Tính ứng dụng
  2.1.7. Tính bức thiết của vấn đề nghiên cứu
2.2. Phân tích vấn đề nghiên cứu
  2.2.1. Các bước trong phân tích vấn đề
  2.2.2. Làm thế nào để phát triển được cây vấn đề
2.3. Xác định trọng tâm và phạm vi nghiên cứu
2.4. Trình bày phần đặt vấn đề của nghiên cứu
  2.4.1. Tầm quan trọng của phần đặt vấn đề
  2.4.2. Các thông tin đề cập trong đặt vấn đề nghiên cứu
2.5. Các viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu
  2.5.1. Tên đề tài
  2.5.2. Mục tiêu nghiên cứu

Bài 3: Phương pháp nghiên cứu Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu trong y học;
- Tính toán một số chỉ số đo lường trong bài tập giả định;
- Học tập tích cực, nghiêm túc trong học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Phân loại các thiết kế nghiên cứu
2.1.1. Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng
2.1.2. Nghiên cứu thử nghiệm và không thử nghiệm
2.1.3. Nghiên cứu dịch tễ học
2.2. Các thiết kế nghiên cứu mô tả
2.2.1. Nghiên cứu tương quan
2.2.2. Mô tả một trường hợp bệnh hoặc một chùm bệnh
2.2.3. Nghiên cứu cắt ngang
2.3. Nghiên cứu phân tích
2.3.1. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng
2.3.2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập
2.4. Phương pháp nghiên cứu can thiệp
2.4.1. Đặc điểm
2.4.2. Thiết kế nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng
2.4.3. Quy trình nghiên cứu can thiệp
2.4.4. Các loại nghiên cứu can thiệp

Bài 4: Phương pháp chọn mẫu Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm mẫu nghiên cứu; các kỹ thuật chọn mẫu xác suất và xác định cỡ mẫu cho nghiên cứu khoa học;
- Thực hành phương pháp chọn mẫu và tính cỡ mẫu trong bài tập giả định;
- Học tập tích cực, nghiêm túc trong học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.2. Chọn mẫu
2.2.1. Định nghĩa
2.2.2. Tại sao phải chọn mẫu
2.2.3. Các phương pháp chọn mẫu
2.3. Cỡ mẫu
2.3.1. Cỡ mẫu cho viêc ước tính một giá trị trung bình trong quần thể
2.3.2. Cỡ mẫu cho việc ước tính một tỷ lệ trong quần thể
2.3.3. Cỡ mẫu cho việc kiểm định sự khác nhau về giá trị trung bình giữa 2 quần thể
2.3.4. Cỡ mẫu cho việc kiểm định sự khác nhau giữa 2 tỷ lệ
2.3.5. Công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng
2.3.6. Công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, internet.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.

4. Các điều kiện khác: Bút trình chiếu, micro, loa.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

Nội dung phần thống kê: Các kiến thức cơ bản về thống kê và nghiên cứu thống kê. Vận dụng các kiến thức cơ bản để giải các bài toán thống kê và thống kê y học.

Nội dung phần nghiên cứu khoa học: gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học. Một số phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học và chất lượng chăm sóc người bệnh; Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học. Phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành các bài tập tình huống, thảo luận, làm việc nhóm.
- Năng lực tự chủ và tránh nhiệm:

Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, chuyên cần.

2. Phương pháp:

- 01 bài thường xuyên phần Thống kê – hình thức trắc nghiệm.
- 01 bài kiểm tra định kỳ phần Nghiên cứu khoa học – hình thức trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm 50% phần Nghiên cứu khoa học, 50% phần Thống kê.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học Thống kê y học - nghiên cứu khoa học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng điều dưỡng trong trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: là môn học tích hợp cung cấp cho học sinh kỹ năng nghiên cứu khoa học và nghiên cứu thống kê y học, vì vậy giảng viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.
- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các nội dung học tập, thảo luận, luyện tập tình huống chọn vấn đề nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu, tính toán chỉ số, chọn mẫu và tính cỡ mẫu nghiên cứu nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Phần Thống kê y học: Các bước trong nghiên cứu thống kê y học, mẫu và các đặc trưng của mẫu, bài toán ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết.
- Phần Nghiên cứu khoa học: Nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học, tạo khả năng cho người cán bộ dược sĩ cao đẳng thực hiện công tác nghiên cứu giải quyết những vấn đề trong thực hành nghề nghiệp, quản lý và bổ sung thêm kiến thức mới trong lĩnh vực công tác. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

4. Tài liệu cần tham khảo

1. Dương Đình Thiện (2016), Dịch tễ học lâm sàng; NXB Y học Hà Nội.
2. Hội Điều dưỡng Việt Nam (2019). Nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
3. Học viện Quân Y (2018), Phương pháp nghiên cứu Y Dược học, NXB Quân đội Nhân dân.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2018), Nghiên cứu khoa học trong y học, NXB Y học Hà Nội.
5. Guy LeFort, Toán cao cấp tập 4 (2017) – Phép tính xác suất thống kê, NXB Giáo dục.
6. Nguyễn Cao Văn (Chủ biên), Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.
7. Phạm Xuân Kiều (2021), Giáo trình xác suất thống kê, Nhà xuất bản Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe cộng đồng
Mã môn học: MH 29
Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; thực hành: 40 (tại cộng đồng); kiểm tra: 5 giờ (1LT/4TH))

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí của môn học:

- **Phân loại:** Là học phần **bắt buộc** thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
- **Thời điểm:** Được bố trí giảng dạy vào năm 3.
- **Tính liên kết:** Học sau các môn cơ sở (Giải phẫu - Sinh lý, Điều dưỡng cơ bản...) và là nền tảng bắt buộc trước khi đi Thực tập tốt nghiệp/Lâm sàng cộng đồng.

2. Tính chất môn học

- **Trọng tâm dự phòng:** Ưu tiên phòng bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng thay vì chỉ điều trị lâm sàng.
- **Môi trường thực tiễn:** Không gian thực hành mở rộng ra hộ gia đình và trạm y tế; gắn liền với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.
- **Tính tổng hợp và tự chủ:** Kết hợp kiến thức y khoa, dịch tễ, truyền thông; đòi hỏi điều dưỡng viên có khả năng làm việc độc lập và phối hợp đa ngành hiệu quả.

II. Mục tiêu môn học

- **CĐRMH 1:** Nắm vững và áp dụng kiến thức y học cơ sở, chuyên ngành vào công tác dự phòng và bảo vệ sức khỏe nhân dân
- **CĐRMH 2:** Thực hiện an toàn quy trình điều dưỡng; giao tiếp, tư vấn sức khỏe hiệu quả và phối hợp tốt trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, y tế dự phòng
- **CĐRMH 3:** Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, có năng lực tổ chức công việc cá nhân và làm việc nhóm hiệu quả.

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Cung cấp các nguyên lý cơ bản về điều dưỡng cộng đồng và các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Cung cấp hệ thống lý thuyết về quy trình điều dưỡng và quản lý y tế tại trạm y tế xã/phường.

2. Về kỹ năng

- Cung cấp kỹ năng lượng giá nhu cầu sức khỏe, lập kế hoạch và triển khai chăm sóc tại hộ gia đình.
- Cung cấp kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hồ sơ sổ sách y tế tại cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Cung cấp đạo đức nghề nghiệp, thái độ chủ động và trách nhiệm trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- Cung cấp năng lực tự chủ trong việc ra quyết định can thiệp y tế phù hợp với nguồn lực thực tế tại địa phương.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng	8	4	4	
2	Bài 2: Quy trình điều dưỡng cộng đồng	10	4	8	
3	Bài 3: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe tại cụm dân cư	15	3	12	
4	Bài 4: Thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình tại cộng đồng	11	2	8	
5	Bài 5: Quản lý sức khỏe tại trạm y tế	11	2	8	
	Kiểm tra	5	1	4	5
	Tổng số	**60**	**15**	**40**	**5**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được định nghĩa, vai trò, chức năng của người điều dưỡng cộng đồng và các nội dung cốt lõi của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- Kỹ năng: Phân tích được sự khác biệt giữa điều dưỡng bệnh viện và điều dưỡng cộng đồng trong thực tế y tế cơ sở.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức rõ vai trò nghề nghiệp và có trách nhiệm trong việc bảo vệ sức khỏe nhân dân tại địa phương.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm và định nghĩa.
2.2. Điều dưỡng cộng đồng.
2.3. Chức năng và nhiệm vụ của người điều dưỡng cộng đồng.
2.4. Vai trò năng lực của điều dưỡng cộng đồng.
2.5. Dự phòng cộng đồng và chẩn đoán cộng đồng.
2.6. Xác định vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên.

Bài 2: Quy trình điều dưỡng cộng đồng Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Mô tả được các bước của quy trình điều dưỡng áp dụng tại cộng đồng, bao gồm: nhận định, chẩn đoán, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá.
- Kỹ năng: Thiết lập được quy trình chăm sóc cơ bản cho một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động trong việc thu thập dữ liệu và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng chính xác, khách quan.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về quy trình điều dưỡng.
2.2. Quy trình điều dưỡng cộng đồng.
2.3. Vận dụng lượng giá và lập kế hoạch chăm sóc cộng đồng

Bài 3: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe tại cụm dân cư

Thời gian 3 giờ.

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được các phương pháp thu thập số liệu và bộ chỉ số dùng để lượng giá nhu cầu sức khỏe của một cụm dân cư.

- Kỹ năng: Thực hiện được kỹ năng điều tra, tổng hợp số liệu và xây dựng bản kế hoạch can thiệp y tế cụ thể cho một cụm dân cư.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện khả năng làm việc nhóm và trách nhiệm trong việc đề xuất các giải pháp y tế phù hợp với nguồn lực địa phương.

2. Nội dung

2.1. Lượng giá nhu cầu chăm sóc người bệnh.
2.2. Chẩn đoán chăm sóc điều dưỡng.
2.3. Lập kế hoạch điều dưỡng người bệnh tại gia đình.

Bài 4: Thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình tại cộng đồng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Giải thích được mục đích, nguyên tắc và các bước tiến hành thăm hộ gia đình trong chăm sóc sức khỏe.
- Kỹ năng: Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp, thăm hộ và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá biệt cho các thành viên trong gia đình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng quyền riêng tư, văn hóa của gia đình và tận tâm trong công tác hỗ trợ y tế tại nhà.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm gia đình.
2.2. Sức khỏe gia đình.
2.3. Thăm sức khỏe gia đình.

Bài 5: Quản lý sức khỏe tại trạm y tế Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hệ thống hồ sơ, sổ sách quản lý sức khỏe tại trạm y tế xã/phường.
- Kỹ năng: Thực hiện được việc ghi chép, quản lý sổ sách y tế và sử dụng các phần mềm quản lý sức khỏe hiện hành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tuân thủ các quy định về quản lý hành chính y tế và có ý thức bảo mật thông tin hồ sơ sức khỏe của người dân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm quản lý sức khỏe cộng đồng.
2.2. Thống kê và sổ sách quản lý y tế cơ sở.
2.3. Các chỉ số sức khỏe chủ yếu ở cộng đồng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học chuyên môn, trạm y tế cơ sở.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, trang thiết bị tại các trạm y tế.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Video, hình ảnh minh họa các tình huống thực hành tại cộng đồng, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Phòng học tại cơ cở y tế thực tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá khả năng trình bày các khái niệm về điều dưỡng cộng đồng, quy trình điều dưỡng, các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý y tế tại trạm y tế xã/phường.
- **Kỹ năng:** Đánh giá năng lực thực hiện lượng giá nhu cầu sức khỏe, lập kế hoạch chăm sóc tại hộ gia đình và cụm dân cư, kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hồ sơ sổ sách y tế.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Đánh giá thái độ chủ động, trách nhiệm trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, đạo đức nghề nghiệp và năng lực tự chủ khi ra quyết định can thiệp y tế tại địa phương.

2. Phương pháp

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 bài theo hình thức kiểm tra ngắn trên lớp.
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 bài, là kế hoạch chăm sóc sức khỏe gia đình/cộng đồng
- **Hình thức thi kết thúc môn học:** Thi trắc nghiệm

CHỈ TIÊU TAY NGHỀ:

STT	Nội dung thực hành tay nghề	Chỉ tiêu đạt được
1	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng/gia đình	Thực hiện được
2	Thu thập thông tin từ hồ sơ, sổ sách y tế	Thực hiện được
3	Tính toán các chỉ số y tế cơ bản tại tuyến xã/phường	Tham gia được
4	Tư vấn nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân	Quan sát được
5	Hỗ trợ tiêm chủng và chăm sóc sức khỏe tại trạm y tế	Quan sát được

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe cộng đồng được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề y trong trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.
- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các nội dung thảo luận, luyện tập tình huống lượng giá nhu cầu của cộng đồng, lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dân cư nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, vai trò và chức năng của người điều dưỡng cộng đồng.

Giúp sinh viên nắm được và vận dụng tốt kiến thức về chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong quá trình học tập, công tác giúp bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người dân trong cộng đồng dưới các hình thức thăm hộ gia đình và lập kế hoạch can thiệp chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cho cộng đồng.

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. Bộ Y tế (2024), *Giáo trình Điều dưỡng cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2023), *Thông tư số 19/2023/TT-BYT quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách và chế độ báo cáo thống kê y tế đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Long và cộng sự (2022), *Hệ thống Y tế Việt Nam trong thời đại số*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 262/2025/QH15 về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035*, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 89/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn 2045*, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Tên môn học: Phục hồi chức năng
Mã môn học: MH 30
Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành tại trường: 12 giờ; Thực hành tại viện: 45 giờ; Kiểm tra: 01 giờ lý thuyết và 02 giờ thực hành)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học cơ sở thuộc khối các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ II năm thứ ba đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm các kiến thức về quá trình tàn tật, phục hồi chức năng, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; các phương pháp lượng giá và can thiệp phục hồi chức năng; các thương tật thứ cấp, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa; nguyên tắc phục hồi chức năng trong chăm sóc người bệnh ở một số bệnh lý thường gặp; Thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản; các biện pháp phòng ngừa biến chứng và thương tật thứ cấp; hướng dẫn được người bệnh và gia đình tập luyện phục hồi chức năng, tự chăm sóc tại nhà, sử dụng dụng cụ trợ giúp

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về quá trình tàn tật, phục hồi chức năng, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; mục đích, nguyên tắc của các phương pháp lượng giá và can thiệp phục hồi chức năng; các thương tật thứ cấp, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa (CĐR 2,3).
- CĐRMH 2: Trình bày và vận dụng được nguyên tắc phục hồi chức năng trong chăm sóc người bệnh ở một số bệnh lý thường gặp (CĐR 2, 3).
- CĐRMH 3: Thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản; các kỹ thuật lượng giá chức năng; các biện pháp phòng ngừa biến chứng và thương tật thứ cấp trong chăm sóc người bệnh (CĐR 1, 2, 3).
- CĐRMH 4: Hướng dẫn được người bệnh và gia đình tập luyện phục hồi chức năng, tự chăm sóc tại nhà, sử dụng dụng cụ trợ giúp (CĐR 3, 5, 6).
- CĐRMH 5: Thể hiện thái độ nghiêm túc, cẩn thận, an toàn trong thực hành phục hồi chức năng; tinh thần chủ động học tập, cập nhật kiến thức và vận dụng phục hồi chức năng trong chăm sóc người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng (CĐR 1, 8).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

Trình bày được các khái niệm cơ bản về quá trình tàn tật, phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; kỹ thuật lượng giá chức năng; các phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng; các thương tật thứ cấp thường gặp và cách phòng ngừa; nguyên tắc phục hồi chức năng trong một số bệnh lý thường gặp.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được một số kỹ thuật để phục hồi chức năng cho người bệnh, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại nhà.
- Hướng dẫn cho người bệnh và người nhà kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ trợ giúp di chuyển và dụng cụ phục hồi chức năng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thái độ nghiêm túc trong thực hành môn học.
- Rèn luyện được thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận, khoa học để phát huy tốt vai trò của người điều dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	A. Lý thuyết				
1	Bài 1. Đại cương phục hồi chức năng	1	1		
2	Bài 2. Thử cơ bằng tay-Đo tầm vận động khớp	2	2		
3	Bài 3. Vận động trị liệu	1	1		
4	Bài 4. Một số phương pháp Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	3	3		
5	Bài 5. Các thương tật thứ cấp thường gặp	1	1		
6	Bài 6. Phục hồi chức năng hô hấp	1	1		
7	Bài 7. Phục hồi chức năng người khó khăn về vận động	1	1		
8	Bài 8. Phục hồi chức năng người bệnh gãy xương	1	1		
9	Bài 9. Phục hồi chức năng người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não	2	2		
10	Bài 10. Phục hồi chức năng trẻ bại não	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	B. Thực hành				
	Thực hành tại trường				
11	Bài 1. Kỹ thuật chiếu đèn hồng ngoại và điện xung trị liệu	4		4	
12	Bài 2. Kỹ thuật vận động thụ động cho người bệnh liệt nửa người	4		4	
13	Bài 3. Kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ trợ giúp di chuyển	4		4	
	Thực hành tại viện				
14	Bài 1. Một số phương pháp Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng - Kỹ thuật điều trị bằng siêu âm - Kỹ thuật kéo giãn cột sống cổ - Kỹ thuật kéo giãn cột sống thắt lưng - Kỹ thuật điện phân dẫn thuốc - Kỹ thuật điều trị bằng laser - Kỹ thuật điều trị bằng từ trường	9		9	
15	Bài 2. Kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp - Kỹ thuật dẫn lưu tư thế kết hợp vỗ, rung - Kỹ thuật ho hiệu quả - Kỹ thuật tập thở	9		9	
16	Bài 3. Kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ phục hồi chức năng	4		4	

	- Kỹ thuật sử dụng thang tường - Kỹ thuật sử dụng thanh song song				
17	Bài 4. Kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh gãy xương - Kỹ thuật tập vận động có trợ giúp - Kỹ thuật tập vận động chủ động - Kỹ thuật gồng cơ tĩnh	14		14	
18	Bài 5. Kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não - Kỹ thuật đặt tư thế và tập lăn trở - Kỹ thuật ngồi dậy từ vị thế nằm - Kỹ thuật đứng dậy từ vị thế ngồi	9		9	
	Kiểm tra	2			2
	Cộng	**75**	**15**	**57**	**3**

2. Nội dung chi tiết

A. Lý thuyết

Bài 1. Đại cương phục hồi chức năng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được quá trình khuyết tật và các biện pháp phòng ngừa khuyết tật; định nghĩa và các hình thức phục hồi chức năng; vai trò của người cán bộ y tế trong phục hồi chức năng.

2. Vận dụng được các biện pháp phòng ngừa khuyết tật và áp dụng linh hoạt các hình thức phục hồi chức năng để phát huy vai trò phát hiện và phối hợp của người cán bộ y tế trong chăm sóc, điều trị bệnh.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Quá trình khuyết tật và các biện pháp phòng ngừa khuyết tật
2.1.1. Quá trình khuyết tật
2.1.2. Người khuyết tật
2.1.2.1. Khái niệm khuyết tật
2.1.2.2. Dạng tật và mức độ khuyết tật
2.1.2.3. Mô hình ICF
2.1.3. Phòng ngừa khuyết tật
2.1.3.1. Phòng ngừa khuyết tật bước 1
2.1.3.2. Phòng ngừa khuyết tật bước 2
2.1.3.3. Phòng ngừa khuyết tật bước 3
2.2. Nguyên nhân, hậu quả của khuyết tật
2.2.1. Nguyên nhân gây khuyết tật
2.2.2. Hậu quả của khuyết tật
2.3. Đại cương phục hồi chức năng
2.3.1. Định nghĩa
2.3.2. Kỹ thuật phục hồi chức năng
2.3.3. Các hình thức phục hồi chức năng
2.3.3.1. Phục hồi chức năng tại các trung tâm
2.3.3.2. Phục hồi chức năng ngoài viện
2.3.3.3. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

2.4. Vai trò của người cán bộ y tế trong phục hồi chức năng
2.4.1. Vai trò phát hiện
2.4.2. Vai trò phối hợp

Bài 2. Thử cơ bằng tay – Đo tầm vận động khớp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được định nghĩa và mục đích thử cơ bằng tay; hệ thống bậc cơ và nguyên tắc thử cơ bằng tay; định nghĩa, mục đích và nguyên tắc của đo tầm vận động khớp.

2. Vận dụng được và áp dụng linh hoạt phương pháp thử cơ bằng tay và đo tầm vận động khớp để phát huy vai trò phát hiện và phối hợp của người điều dưỡng trong chăm sóc, điều trị bệnh.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Thử cơ bằng tay
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Mục đích
2.1.3. Hệ thống bậc cơ
2.1.4. Nguyên tắc thử cơ
2.1.4.1. Tư thế người bệnh
2.1.4.2. Người khám
2.1.4.3. Tiến trình thử cơ
2.1.5. Hạn chế của thử cơ bằng tay
2.2. Đo tầm vận động khớp
2.2.1. Định nghĩa
2.2.2. Mục đích
2.2.3. Phương pháp và nguyên tắc đo tầm vận động khớp
2.2.3.1. Vị trí giải phẫu học của cơ thể
2.2.3.2. Phương pháp đo
2.2.3.3. Nguyên tắc đo
2.2.4. Dụng cụ đo
2.2.5. Các mặt phẳng vận động và các loại cử động khớp
2.2.5.1. Các mặt phẳng vận động
2.2.5.2. Các loại cử động khớp

Bài 3. Vận động trị liệu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được định nghĩa, mục đích và các nguyên tắc của vận động trị liệu.

2. Vận dụng được các hình thức tập vận động trong chăm sóc, điều trị bệnh.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Mục đích
2.3. Các loại co cơ
2.3.1. Co cơ tĩnh
2.3.2. Co cơ đồng tâm
2.3.3. Co cơ sai tâm

2.4. Các cơ tham gia vào quá trình vận động
2.5. Tác dụng sinh học của vận động trị liệu
2.6. Nguyên tắc vận động trị liệu
2.7. Các hình thức vận động trị liệu
2.7.1. Tập vận động thụ động
2.7.2. Tập chủ động có trợ giúp
2.7.3. Tập chủ động
2.7.4. Tập có kháng trở
2.7.5. Tập kéo giãn

Bài 4. Một số phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được phương pháp vật lý trị liệu thường được áp dụng; tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của một số phương pháp vật lý trị liệu - phục hồi chức năng.

2. Vận dụng được các phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng trong chăm sóc, điều trị bệnh.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Xoa bóp trị liệu
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Tác dụng của xoa bóp
2.1.2.1. Tác dụng chung
2.1.2.2. Tác dụng từng bộ phận
2.1.3. Chỉ định của xoa bóp
2.1.4. Chống chỉ định của xoa bóp
2.1.5. Các kỹ thuật xoa bóp cơ bản
2.2. Kéo giãn trị liệu
2.2.1. Định nghĩa
2.2.2. Tác dụng của kéo giãn cột sống
2.2.3. Chỉ định, chống chỉ định
2.2.4. Một số vấn đề cần chú ý khi kéo giãn cột sống
2.3. Nhiệt trị liệu
2.3.1. Nhiệt nóng
2.3.2 Nhiệt lạnh
2.4. Ánh sáng trị liệu
2.4.1. Tia cực tím
2.4.2. Laser năng lượng thấp
2.5. Điện trị liệu
2.5.1. Định nghĩa
2.5.2. Tác dụng
2.5.3. Chỉ định
2.5.4. Chống chỉ định
2.5.5. Thời gian điều trị
2.5.6. Các dòng điện điều trị
2.6. Thủy trị liệu
2.7.1. Định nghĩa
2.7.2. Tác dụng sinh lý

2.7.3. Chỉ định
2.7.4. Chống chỉ định
2.7.5. Các độ nóng và lạnh
2.7.6. Các phương pháp thủy trị liệu

Bài 5. Các thương tật thứ cấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được các thương tật thứ cấp và cách phòng ngừa các thương tật thứ cấp.

2. Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc người bệnh và hướng dẫn người bệnh phối hợp phòng tránh các thương tật thứ cấp xảy ra.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các thương tật thứ cấp thường gặp
2.2.1. Loét do đè ép
2.2.2. Teo cơ, yếu cơ
2.2.3. Co rút cơ
2.2.4. Loãng xương
2.2.5. Thương tật thứ cấp khác

Bài 6. Phục hồi chức năng hô hấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được các kỹ thuật phục hồi chức năng các bệnh hô hấp; hướng dẫn được cho người bệnh các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.

2. Thực hiện và hướng dẫn được cho người bệnh các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Một số kỹ thuật điều trị vật lý lồng ngực và phục hồi chức năng phổi
2.2.1. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
2.2.2. Kỹ thuật vỗ lồng ngực
2.2.3. Kỹ thuật rung
2.2.4. Kỹ thuật ho và khạc đờm hiệu quả
2.2.5. Kỹ thuật tập thở
2.2.6. Kỹ thuật thư giãn
2.3. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Bài 7. Phục hồi chức năng người khó khăn về vận động Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được các nguyên nhân gây khó khăn về vận động và các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người bệnh khó khăn về vận động.

2. Thực hiện và hướng dẫn được cho người bệnh các kỹ thuật phục hồi chức năng vận động.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân gây khó khăn về vận động

2.2. Kỹ thuật chăm sóc, phục hồi chức năng cho người bệnh khó khăn vận động
2.2.1. Tập lăn nghiêng
2.2.2. Tập ngồi dậy
2.2.3. Tập thăng bằng khi ngồi
2.2.4. Tập vận động tay
2.2.5. Tập vận động chân
2.2.6. Tập đứng lên
2.2.7. Tập đi
2.2.8. Hướng dẫn người bệnh ăn uống, vệ sinh, thay quần áo

Bài 8. Phục hồi chức năng người bệnh gãy xương Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được bốn giai đoạn tiến triển và biến chứng của gãy xương; kỹ thuật đơn giản để phục hồi chức năng cho người bệnh gãy xương và nhiệm vụ của người điều dưỡng.

2. Thực hiện và hướng dẫn được cho người bệnh các kỹ thuật phục hồi chức năng khi gãy xương.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Định nghĩa
2.1.2. Nguyên nhân
2.1.3. Tiến triển của gãy xương
2.1.4. Biến chứng
2.1.4.1. Biến chứng thường gặp ở bệnh nhân gãy xương
2.1.4.2. Biến chứng ít gặp (biến chứng muộn của gãy xương)
2.1.5. Phương pháp điều trị
2.2. Phục hồi chức năng
2.2.1 Giai đoạn bất động
2.2.2. Giai đoạn sau bất động
2.3. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Bài 9. Phục hồi chức năng người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày định nghĩa, triệu chứng và hậu quả của liệt nửa người do tai biến mạch máu não; các phương pháp phục hồi chức năng cho người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não.

2. Thực hiện và hướng dẫn được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho người bệnh liệt nửa người sau tai biến mạch máu não.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Phân loại
2.3. Triệu chứng
2.4. Hậu quả của liệt nửa người
2.5. Mẫu co cứng thường gặp ở người bệnh liệt nửa người
2.5.1. Đầu
2.5.2. Chi trên có biểu hiện co cứng gấp

2.5.3. Chi dưới biểu hiện co cứng duỗi
2.6. Phục hồi chức năng cho người bệnh liệt nửa người
2.6.1. Nguyên tắc
2.6.2. Mục đích
2.7. Các phương pháp phục hồi chức năng
2.7.1. Phục hồi chức năng vận động giai đoạn đầu
2.7.2. Phục hồi chức năng vận động giai đoạn tiếp theo
2.7.3. Phục hồi chức năng sinh hoạt
2.7.4. Phục hồi chức năng tiếng
2.7.5. Phục hồi chức năng tâm lý, tâm thần
2.7.6. Tái hòa nhập xã hội và hướng nghiệp
2.8. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Bài 10. Phục hồi chức năng cho trẻ bại não Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, cách nhận biết và phân loại trẻ bại não; hướng dẫn gia đình, cộng đồng giúp đỡ trẻ bại não để trẻ có cơ hội hòa nhập.

2. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho trẻ bại não.

3. Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Nguyên nhân trước sinh
2.2.2. Trong khi sinh
2.2.3. Nguyên nhân sau sinh
2.3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm bại não
2.4. Phân loại
2.4.1 Theo thể lâm sàng
2.4.2. Theo mức độ
2.5. Phục hồi chức năng
2.5.1. Nguyên tắc
2.5.2. Phục hồi chức năng tại nhà
2.5.3. Tập luyện hướng dẫn cho trẻ và gia đình các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày

Kiểm tra: Thời gian: 1 giờ

B. Thực hành

Thực hành tại trường

Bài 1. Kỹ thuật chiếu đèn hồng ngoại và điện xung trị liệu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định và các tai biến khi chiếu đèn hồng ngoại và điện xung trị liệu.

2. Thực hiện được kỹ thuật chiếu đèn hồng ngoại và điện xung trị liệu đúng bảng kiểm quy trình.

3. Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người cán bộ y tế, dụng cụ

2.2. Trình tự kỹ thuật chiếu đèn hồng ngoại, điện xung trị liệu
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 2. Kỹ thuật vận động thụ động cho người bệnh liệt nửa người Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc phục hồi chức năng cho người bệnh liệt nửa người.
2. Thực hiện được kỹ thuật vận động thụ động đúng bảng kiểm quy trình.
3. Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật vận động thụ động
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Bài 3. Kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ trợ giúp di chuyển Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

1. Trình bày được các kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ trợ giúp di chuyển.
2. Thực hiện được kỹ thuật sử dụng dụng cụ trợ giúp di chuyển đúng bảng kiểm quy trình.
3. Rèn luyện được sự cẩn thận, chính xác, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị người bệnh, người cán bộ y tế, dụng cụ
2.2. Trình tự kỹ thuật sử dụng dụng cụ trợ giúp di chuyển
2.3. Thao tác mẫu
2.4. Một số lỗi thường gặp, nguyên nhân và biện pháp xử lý, phòng tránh
2.5. Phân công vị trí luyện tập

Thực hành tại viện

Bài 1. Một số phương pháp Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được một số phương pháp Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng.
- Thực hiện được chỉ tiêu tay nghề theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng/điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành
2.2. Tham gia thực hành, thảo luận

Bài 2. Kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng hô hấp.
- Thực hiện được chỉ tiêu tay nghề theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng/điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành

2.2. Tham gia thực hành, thảo luận

Bài 3. Kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ phục hồi chức năng Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được kỹ thuật sử dụng thang tường, thanh song song.
- Thực hiện được chỉ tiêu tay nghề theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng/điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành

2.2. Tham gia thực hành, thảo luận

Bài 4. Kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh gãy xương Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh gãy xương.
- Thực hiện được chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng/điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành

2.2. Tham gia thực hành, thảo luận

Bài 5. Kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng người bệnh liệt nửa người do tai biến mạch máu não.
- Thực hiện được chỉ tiêu tay nghề trên người bệnh theo quy định dưới sự hướng dẫn của giảng viên lâm sàng/điều dưỡng bệnh viện.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn thực hành

2.2. Tự thực hành, thảo luận

Thi/Kiểm tra tại viện Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, thực hành, phòng bệnh tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện quận/huyện, tỉnh/ thành phố.
2. Trang thiết bị máy móc: Mô hình, phương tiện, dụng cụ thực hành, máy chiếu, máy vi tính, các máy liên quan đến kỹ thuật trên người bệnh.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp, bảng kiểm quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng, phương tiện, dụng cụ thực hành, kế hoạch giảng dạy lâm sàng, sổ tay lâm sàng, bảng chỉ tiêu tay nghề, phiếu đánh giá thi thực hành.
4. Các điều kiện khác: Sinh viên đi thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng tại bệnh viện phải học xong phần lý thuyết của môn học.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải trình bày được các kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng .
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng tại phòng thực hành và tại bệnh viện.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm
- Kiểm tra định kỳ: 02 bài. Hình thức thực hành
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng điều dưỡng của trường Cao đẳng y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập thảo luận để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần làm thao tác mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được các bước của quy trình kỹ thuật, phân tích các lỗi sai hỏng thường gặp khi thực hiện kỹ thuật, đồng thời quan sát sinh viên thực hiện các thao tác kỹ thuật, kịp thời uốn nắn các sai sót để sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

+ Thực hiện các quy trình kỹ thuật tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng.

4. Tài liệu cần tham khảo:

4.1. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng, Bộ Y tế (2023).

4.2. Phục hồi chức năng dành cho cử nhân điều dưỡng, NXB Giáo dục, 2016, PGS.TS Cao Minh Châu.

4.3. Bộ Y tế (2016), *Giáo trình vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng*, NXB Y học Hà Nội.

4.4. Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa, giáo trình Phục hồi chức năng cho đối tượng cao đẳng Điều dưỡng 2024.

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Kỹ thuật chiếu đèn hồng ngoại			5
2	Kỹ thuật điều trị bằng siêu âm			5
3	Kỹ thuật kéo giãn cột sống cổ			5
4	Kỹ thuật kéo giãn cột sống thắt lưng			5
5	Kỹ thuật điện phân dẫn thuốc			2
6	Kỹ thuật điện xung trị liệu			5
7	Kỹ thuật điều trị bằng laser			2

8	Kỹ thuật điều trị bằng từ trường			2
9	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế kết hợp vỗ, rung			2
10	Kỹ thuật ho hiệu quả			2
11	Kỹ thuật tập thở			2
12	Kỹ thuật sử dụng thang tường			2
13	Kỹ thuật sử dụng thanh song song			2
14	Kỹ thuật tập vận động có trợ giúp các khớp chi trên			2
15	Kỹ thuật tập vận động có trợ giúp các khớp chi dưới			2
16	Kỹ thuật tập vận động chủ động khớp chi trên			2
17	Kỹ thuật tập vận động chủ động khớp chi dưới			2
18	Kỹ thuật gồng cơ tĩnh			2
19	Kỹ thuật đặt tư thế và tập lăn trở			2
20	Kỹ thuật ngồi dậy từ vị thế nằm			2
21	Kỹ thuật đứng dậy từ vị thế ngồi			2
22	Kỹ thuật vận động thụ động các khớp chi trên			2
23	Kỹ thuật vận động thụ động các khớp chi dưới			2
24	Kỹ thuật sử dụng khung tập đi			5
25	Kỹ thuật sử dụng gậy			5
26	Kỹ thuật sử dụng nạng			5

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI

Tên môn học: Chăm sóc người bệnh cao tuổi
Mã môn học: MH 31
Thời gian thực hiện môn học: 108 giờ; (***Lý thuyết:*** 22 giờ*, Kiểm tra 1 giờ*; ***Thực hành:*** 80 giờ; Kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc, được học sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học chuyên ngành cơ bản.

2. Tính chất: Là môn học đóng vai trò kết nối kiến thức khoa học cơ bản của các môn học lâm sàng với các bệnh nội khoa ở người cao tuổi. Môn học đòi hỏi người học áp dụng được kiến thức nền tảng để phân tích đặc điểm bệnh mạn tính ở người cao tuổi. Môn học cũng trang bị cho người học tư duy phân tích lâm sàng và năng lực thiết lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc chuyên sâu cho người bệnh, giúp người học có kiến thức đầy đủ để chăm sóc toàn diện người bệnh trên lâm sàng, cũng như để kết nối kiến thức cho các môn học chuyên ngành khác.

II. Mục tiêu môn học:

- CĐRMH 1: Tổng hợp và giải thích được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên tắc xử trí và quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh lý người cao tuổi thường gặp (CĐR 2, CĐR 3)

- CĐRMH 2: Thực hiện thành thạo việc nhận định tình trạng bệnh, phân loại ưu tiên và triển khai các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả cho người bệnh. (CĐR 3, CĐR 4)

- CĐRMH 3: Sử dụng thành thạo các thiết bị y tế số hóa (Monitor, máy truyền dịch...) và quản lý tốt môi trường chăm sóc, hồ sơ bệnh án nội khoa nhằm giảm thiểu rủi ro và cải tiến chất lượng chăm sóc người bệnh. (CĐR 6, CĐR 9)

- CĐRMH 4: Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, sự thận trọng, tỉ mỉ trong từng thao tác; có khả năng giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp/thân nhân và duy trì tư duy phản biện để tự học tập, cập nhật kiến thức cấp cứu dựa trên bằng chứng. (CĐR 1, CĐR 5, CĐR 8)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được những thay đổi đặc điểm tâm - sinh lý người cao tuổi
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và hướng điều trị các bệnh nội khoa hay gặp đối với người cao tuổi.

2. Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học để nhận định và chăm sóc được bệnh người cao tuổi

- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và phụ giúp bác sĩ thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh cao tuổi.
- Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh, người nhà người bệnh và với đồng nghiệp.
- Rèn luyện được kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh.
- Rèn luyện được kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Phát huy tính tích cực tự học, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và vận dụng được kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.
- Hình thành tác phong người điều dưỡng nhanh nhẹn, tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành tại Bệnh viện	Kiểm tra
1	Bài 1. Những thay đổi cấu trúc và chức năng do tuổi già.	2	2		
2	Bài 2. Đặc điểm bệnh lý, điều trị và phòng bệnh ở người cao tuổi	2	2		
3	Bài 4. Chăm sóc người bệnh rối loạn chuyển hóa lipid	2	2		
4	Bài 5. Chăm sóc người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	6	2		
5	Bài 6. Chăm sóc người bệnh ung thư	6	2		
6	Bài 7. Chăm sóc người bệnh tim phổi mạn	6	2		
7	Bài 8. Chăm sóc người bệnh hội chứng ruột kích thích	2	2		
8	Bài 9. Chăm sóc người bệnh thoái hoá khớp	6	2		
9	Bài 10. Chăm sóc người bệnh loãng xương	6	2		
10	Bài 11: Chăm sóc người bệnh Parkinson	2	2		
11	Bài 12:Chăm sóc người bệnh Alzheimer	6	2		
	Kiểm tra	1			**1**
12	Thực hành tại khoa CXK			20	
13	Thực hành tại khoa Tim mạch			20	
14	Thực hành tại khoa Hô hấp			20	
15	Thực hành tại khoa Thận-Nội tiết			20	
16	**Kiểm tra**	5			**5**
	Tổng	**108**	**22**	**80**	**6**

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN I. LÝ THUYẾT

Bài 1. Những thay đổi cấu trúc và chức năng do tuổi già Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Trình bày và phân tích được những thay đổi về cấu trúc và chức năng của các hệ thống cơ thể do tuổi già.
- Trình bày được vai trò của điều dưỡng trong việc giúp người cao tuổi hạn chế tác hại do những thay đổi này gây ra.

2. Nội dung Thời gian: 2 giờ

Lý thuyết:

2.1. Đại cương

2.2. Hệ thần kinh

2.3. Hệ tim mạch

2.4. Hệ hô hấp

2.5. Hệ tiêu hóa

2.6. Hệ tiết niệu

2.7. Hệ vận động

2.8. Các giác quan
2.9. Da và tóc
2.10. Thay đổi tâm lý người cao tuổi và vai trò của điều dưỡng

Bài 2. Đặc điểm bệnh lý, điều trị và phòng bệnh ở người cao tuổi Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được các đặc điểm bệnh lý ở người già.
- Trình bày được đặc điểm cần chú ý khi chăm sóc, điều trị và phòng bệnh đối với người già
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh lý ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm bệnh lý tuổi già
2.2. Đặc điểm điều trị bệnh ở tuổi già

Bài 4. Chăm sóc người bệnh rối loạn chuyển hóa lipid Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, các nguyên nhân gây rối loạn chuyển hóa lipid.
- Trình bày được những biến chứng và cách phòng bệnh rối loạn chuyển hóa lipid.
- Trình bày được cách chăm sóc người bệnh rối loạn chuyển hóa lipid.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành đề phòng rối loạn chuyển hóa lipid và chăm sóc người bệnh cao tuổi rối loạn chuyển hóa lipid .
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Kế hoạch chăm sóc

Bài 5. Chăm sóc người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh lý COPD ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc

Bài 6. Chăm sóc người bệnh ung thư Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh ung thư phổi.
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư phổi.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh lý ung thư ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc

Bài 7. Chăm sóc người bệnh tim phổi mạn Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh tim phổi mạn.
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tim phổi mạn.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh tim phổi mạn ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc

Bài 8. Chăm sóc người bệnh hội chứng ruột kích thích Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh hội chứng ruột kích thích.
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh hội chứng ruột kích thích.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh hội chứng ruột kích thích ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc

Bài 9. Chăm sóc người bệnh thoái hoá khớp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh thoái hoá khớp
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh thoái hoá khớp.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh lý thoái hoá khớp ở người cao tuổi.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc

Bài 10. Chăm sóc người bệnh loãng xương Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh loãng xương.
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh loãng xương.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh loãng xương ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2. 1. Đại cương
2. 2. Triệu chứng lâm sàng
2. 3. Biến chứng
2. 4. Điều trị
2. 5. Chăm sóc

Bài 11: Chăm sóc người bệnh Parkinson Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị người bệnh Parkinson
- Trình bày được lập kế hoạch chăm sóc người bệnh Parkinson.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh Parkinson ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc

Bài 15: Chăm sóc người bệnh Alzheimer Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được khái niệm, triệu chứng lâm sàng bệnh Alzheimer.
- Trình bày được chăm sóc bệnh nhân Alzheimer.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc bệnh Alzheimer ở người cao tuổi.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị
2.5.Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

PHẦN II THỰC HÀNH BỆNH VIỆN

1. Thực hành tại khoa cơ xương khớp Thời gian 20 giờ

1.1 Kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản: Tiêm thuốc (dưới da, bắp, tĩnh mạch), truyền dịch, đặt thông tiểu, và thay băng vết thương (đặc biệt là vết thương sau phẫu thuật chấn thương chỉnh hình).
- Chuẩn bị và phụ giúp các thủ thuật chuyên khoa:
- Phụ giúp bác sĩ chọc dò dịch khớp, tiêm ổ khớp (đảm bảo nguyên tắc vô khuẩn tuyệt đối).
- Chuẩn bị bệnh nhân trước và sau khi làm các xét nghiệm hình ảnh (X-quang, MRI, CT, đo mật độ xương).
- Chăm sóc hệ thống bất động: Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân bó bột, kéo liên tục, hoặc có cố định ngoài (phát hiện sớm dấu hiệu chèn ép khoang, hoại tử tử do tỳ đè).
- Theo dõi và nhận định lâm sàng
- Đánh giá mức độ đau: Sử dụng thành thạo các thang đo đau (như thang điểm VAS) để đánh giá và báo cáo kịp thời cho bác sĩ.
- Nhận định hệ vận động: Đánh giá tầm vận động của khớp, sức cơ, tình trạng sưng-nóng-đỏ-đau, và các biến dạng khớp (nếu có).
- Theo dõi dấu hiệu sinh tồn: Phát hiện sớm các dấu hiệu nhiễm trùng toàn thân hoặc các biến chứng sau phẫu thuật.

1. 2. Mục tiêu quản lý, chăm sóc người bệnh

- Sinh viên không chỉ làm kỹ thuật, mà phải học cách tư duy như một điều dưỡng thực thụ thông qua Quy trình điều dưỡng:
- Lập kế hoạch chăm sóc toàn diện: Chọn ít nhất 2–3 bệnh nhân (ví dụ: một bệnh nhân thoái hóa khớp/viêm khớp dạng thấp cấp tính và một bệnh nhân sau mổ thay khớp) để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc chi tiết.
- Dự phòng biến chứng do bất động lâu ngày:
- Thực hiện các biện pháp chống loét tỳ đè (lật trở bệnh nhân, sử dụng đệm hơi).
- Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu (vỗ rung, hướng dẫn bài tập tại giường).
- Dự phòng nhiễm khuẩn tiết niệu và viêm phổi.

1.3. Mục tiêu giáo dục sức khỏe và giao tiếp

- Giao tiếp với bệnh nhân cơ xương khớp đòi hỏi sự kiên nhẫn và thấu hiểu lớn vì họ thường xuyên bị những cơn đau mạn tính dày vò.
- Tư vấn chế độ dinh dưỡng và sinh hoạt: Hướng dẫn chế độ ăn giàu canxi, kiểm soát cân nặng cho bệnh nhân thoái hóa khớp, hoặc chế độ ăn giảm acid uric cho bệnh nhân Gout.
- Hướng dẫn tập phục hồi chức năng ban đầu: Hướng dẫn bệnh nhân sử dụng các công cụ hỗ trợ (nạng, khung tập đi, gậy) đúng kỹ thuật và an toàn.
- Giáo dục tuân thủ điều trị: Giải thích cho bệnh nhân về tầm quan trọng của việc dùng thuốc đúng liều (đặc biệt là các nhóm thuốc giảm đau NSAIDs, Corticoid) và tác dụng phụ cần lưu ý.

1. 4. Mục tiêu thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Tác phong chuyên nghiệp: Đi làm đúng giờ, trang phục y tế chỉnh tề, nghiêm túc tuân thủ nội quy của khoa và bệnh viện.
- Sự đồng cảm và tôn trọng: Luôn nhẹ nhàng, giải thích rõ ràng trước khi thực hiện bất kỳ thủ thuật nào trên người bệnh; tôn trọng quyền riêng tư của bệnh nhân.
- Tinh thần học hỏi: Chủ động đặt câu hỏi, tích cực tham gia giao ban hàng ngày và nghiêm túc rút kinh nghiệm sau mỗi lời nhắc nhở của thầy cô hay điều dưỡng trưởng.

2. Thực hành tại khoa tim mạch Thời gian 20 giờ

2.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật

- Theo dõi dấu hiệu sinh tồn chuyên biệt: Thành thạo kỹ thuật đo huyết áp tư thế (nằm và đứng) để phát hiện hạ huyết áp tư thế đứng – lỗi rất phổ biến và nguy hiểm ở cụ già. Biết cách đếm mạch toàn bộ trong 1 phút (phát hiện loạn nhịp) thay vì chỉ đếm 15–30 giây.
- Nhận định triệu chứng "không điển hình": Học cách phát hiện suy tim hoặc nhồi máu cơ tim ở người cao tuổi qua các dấu hiệu mơ hồ như: mệt mỏi đột ngột, lú lẫn cấp tính, chán ăn, hoặc khó thở nhẹ, thay vì chờ đợi triệu chứng điển hình như đau ngực dữ dội.
- Đánh giá tình trạng ứ dịch: Thực hiện đúng kỹ thuật kiểm tra phù (ấn vùng trước xương chày), theo dõi sát sao cân nặng hàng ngày và bảng cân bằng dịch (Vào - Ra) để đánh giá mức độ tiến triển của suy tim.
- Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng an toàn
- Quản lý đường truyền và tốc độ dịch: Tuân thủ tuyệt đối tốc độ truyền dịch theo y lệnh. - Nhận thức rõ nguy cơ truyền dịch quá nhanh dẫn đến phù phổi cấp ở hệ tim mạch đã suy yếu của người già.
- Sử dụng trang thiết bị hỗ trợ: Vận hành thành thạo và theo dõi bệnh nhân đang thở oxy, sử dụng máy truyền dịch, bơm tiêm điện, hoặc đang được giám sát bởi Monitor tim mạch.
- Chuẩn bị và phụ giúp thủ thuật: Chuẩn bị người bệnh và phụ giúp làm điện tâm đồ (ECG) tại giường, siêu âm tim, hoặc chuẩn bị tâm lý/hồ sơ cho cụ chuẩn bị chụp/can thiệp mạch vành.

2. 2. Mục tiêu quản lý và chăm sóc an toàn

- Người cao tuổi tim mạch là nhóm đối tượng có nguy cơ tổn thương rất cao, mục tiêu an toàn phải được đặt lên hàng đầu:
- Dự phòng té ngã (Fall Prevention): Đánh giá nguy cơ té ngã của cụ (bằng thang điểm Morse hoặc Hendrich II). Luôn đảm bảo thanh chắn giường được kéo lên, sàn nhà khô ráo, và hướng dẫn cụ ngồi dậy từ từ (nguyên tắc 3 phút: nằm 3 phút $\rightarrow$ ngồi biên giường 3 phút $\rightarrow$ đứng dậy).
- Quản lý an toàn thuốc (Medication Safety):
- Giám sát chặt chẽ việc uống thuốc của cụ (tránh việc cụ quên uống hoặc uống nhầm liều do mắt kém, trí nhớ giảm).
- Theo dõi tác dụng phụ của các thuốc tim mạch phổ biến: chảy máu do thuốc kháng đông, chóng mặt do thuốc hạ áp, hoặc mạch chậm do thuốc chẹn beta.

2. 3. Mục tiêu giáo dục sức khỏe và giao tiếp

- Giao tiếp thông cảm và kiên nhẫn: Sử dụng âm lượng vừa phải, tốc độ nói chậm, rõ ràng đối với các cụ bị lãng tai. Luôn lắng nghe và tôn trọng những chia sẻ của người bệnh.
- Hướng dẫn chế độ ăn "Dưỡng Tâm": Hướng dẫn cụ và người nhà cách thực hiện chế độ ăn giảm muối (dưới 2g natri/ngày đối với suy tim/tăng huyết áp), hạn chế chất béo bão hòa, và cách kiểm soát lượng nước uống vào mỗi ngày theo y lệnh.
- Giáo dục tự chăm sóc khi xuất viện: Hướng dẫn cụ cách tự theo dõi huyết áp, đếm mạch tại nhà, và nhận biết các dấu hiệu nguy hiểm cần vào viện ngay (khó thở tăng lên khi nằm, tăng cân nhanh > 1.5kg trong 2 ngày).

2. 4. Mục tiêu thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Đạo đức nghề y ("Kính lão đắc thọ"): Thể hiện sự kính trọng, lễ phép trong xưng hô với người bệnh lớn tuổi. Không tỏ thái độ gắt gỏng khi các cụ hỏi đi hỏi lại một vấn đề.
- Bảo vệ sự tự tôn của người bệnh: Hỗ trợ các cụ trong việc vệ sinh, thay đồ một cách kín đáo, khéo léo, giúp các cụ giữ được sự tự trọng tối đa dù đang nằm viện.

3. Thực hành tại khoa hô hấp Thời gian 20 giờ

3. 1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật

- Theo dõi, nhận định và phát hiện sớm (Kỹ năng cốt lõi)
- Nhận định kiểu thở và cơ hô hấp: Đánh giá chính xác tần số thở, biên độ thở, sự co kéo các cơ hô hấp phụ (cơ liên sườn, cơ ức đòn chũm), và hiện tượng thở nghịch thường ở người cao tuổi.
- Đánh giá tình trạng thiếu oxy não: Phát hiện sớm các dấu hiệu giảm oxy máu kín đáo ở người cao tuổi như: bứt rứt, kích động, lú lẫn cấp tính, ngủ gà ngủ gật, trước khi xuất hiện dấu hiệu tím tái muộn (ở môi, đầu ngón tay).
- Đánh giá tính chất đờm và khả năng ho: Nhận biết màu sắc, số lượng, độ quánh của đờm; nhận định xem cụ có đủ sức cơ để ho tống đờm ra ngoài hay không để có hướng hỗ trợ kịp thời.
- Kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa an toàn
- Liệu pháp oxy an toàn: Thực hiện đúng và theo dõi sát bệnh nhân thở oxy qua gọng kính (cannula) hoặc mặt nạ (mask). Đặc biệt lưu ý nguyên tắc cho người cao tuổi COPD: Không tự ý tăng nồng độ oxy cao khi chưa có y lệnh vì nguy cơ làm mất trung tâm kích thích hô hấp do giảm oxy.
- Kỹ thuật hỗ trợ thông khí và tống thải đờm:
- Thành thạo kỹ thuật vỗ rung lồng ngực đúng vị trí, đúng nhịp độ phù hợp với khung xương lồng ngực loãng xương của người già.
- Thực hiện kỹ thuật hút đờm qua đường mũi/miệng đảm bảo vô khuẩn, thao tác nhẹ nhàng, nhanh gọn để tránh làm cụ bị thiếu oxy trầm trọng hơn trong lúc hút.
- Quản lý kỹ thuật phun khí dung: Thực hiện đúng quy trình phun khí dung, hướng dẫn cụ cách ngậm/thở đúng nhịp để thuốc vào phế quản tối đa; theo dõi tác dụng phụ của thuốc giãn phế quản (như nhịp tim nhanh, run tay).

3.2. Mục tiêu quản lý và chăm sóc an toàn

- Tư thế trị liệu (Positioning): Hướng dẫn và hỗ trợ cụ nằm tư thế Fowler (nửa nằm nửa ngồi) đúng kỹ thuật để cơ hoành hạ xuống dễ dàng, tối ưu hóa dung tích phổi. Biết cách kê gối đỡ tay để cụ không bị mỏi khi phải ngồi thở lâu.
- Dự phòng nhiễm khuẩn bệnh viện (VAP/HAP): Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc vô khuẩn khi chăm sóc hệ thống thở oxy, máy phun khí dung, bình làm ẩm. Vệ sinh răng miệng sạch sẽ cho cụ để giảm nguy cơ vi khuẩn từ khoang miệng đi xuống phổi gây viêm phổi thứ phát.
- Kiểm soát năng lượng và tránh kiệt sức: Lập kế hoạch chăm sóc xen kẽ các khoảng nghỉ ngơi hợp lý. Tránh bắt các cụ thực hiện quá nhiều hoạt động cùng lúc (ăn, tắm rửa, tập đi) gây kiệt sức và khởi phát cơn khó thở cấp.

3.3. Mục tiêu giáo dục sức khỏe và giao tiếp

- Giao tiếp giải tỏa lo âu: Khi người cao tuổi bị khó thở, họ sẽ rơi vào trạng thái hoảng loạn, càng hoảng loạn lại càng khó thở. Sinh viên phải rèn luyện được thái độ bình tĩnh, lời nói dứt khoát nhưng nhẹ nhàng, nắm tay hoặc giữ giao tiếp bằng mắt để trấn an tinh thần người cao tuổi.

- Hướng dẫn kỹ thuật thở chuyên khoa: Hướng dẫn thành thạo cho cụ và người nhà hai bài tập cốt lõi: Thở chúm môi (giúp giải phóng khí cặn) và Thở cơ hoành (thở bụng, giúp tiết kiệm năng lượng cơ hô hấp).
- Giáo dục vệ sinh hô hấp và dinh dưỡng: Hướng dẫn cụ cách ho hiệu quả (ho 2 tiếng ngắn kèm khạc đờm), nhắc nhở người nhà cho cụ uống đủ nước (khoảng 1.5 - 2 lít/ngày nếu không có suy tim kèm theo) để làm loãng đờm, và ăn các bữa nhỏ giàu dinh dưỡng để tránh trướng bụng gây ép cơ hoành.

3.4. Mục tiêu thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Sự kiên nhẫn tối đa: Người cao tuổi bị bệnh hô hấp mạn tính thường ho khan, khạc đờm nhiều, đôi khi làm bẩn ga giường hoặc có mùi khó chịu. Sinh viên cần giữ thái độ tôn trọng, không né tránh, không tỏ ra ghê sợ.
- Tác phong khẩn trương nhưng bình tĩnh: Nhận thức rõ tính chất chuyển biến nhanh của bệnh hô hấp để luôn trong tư thế sẵn sàng cấp cứu, phối hợp nhịp nhàng với ê-kíp điều trị khi có tình huống xấu xảy ra.

4. Thực hành tại khoa thận - nội tiết Thời gian 20 giờ

4.1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật

- Theo dõi, nhận định và phát hiện sớm (Kỹ năng cốt lõi)
- Phát hiện và xử trí hạ đường huyết cấp: Nhận biết sớm các dấu hiệu hạ đường huyết ở người cao tuổi (thường rất mờ nhạt hoặc dễ nhầm lẫn sang đột quỵ): vã mồ hôi lạnh, bứt rứt, run tay, nói nhảm, ngủ gà. Biết cách xử trí ban đầu nhanh chóng theo phác đồ (cho uống nước đường nếu cụ tỉnh, báo bác sĩ).
- Theo dõi sát sao tình trạng cân bằng dịch: Kỹ năng đo đạc và ghi chép chính xác bảng Cân bằng dịch (Vào - Ra) hàng ngày. Thực hiện cân người bệnh vào một giờ cố định mỗi sáng đối với các cụ suy thận mạn để đánh giá tình trạng tích nước.
- Nhận định và phân loại tổn thương bàn chân: Kiểm tra và đánh giá bàn chân của cụ đái tháo đường hàng ngày (tìm kiếm các vết trầy xước nhỏ, vết chai mọc ngược, mất cảm giác ngoại vi bằng cách thử nghiệm monofilament).
- Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa an toàn
- Quản lý kỹ thuật tiêm Insulin an toàn:
- Tính toán và rút chính xác liều Insulin theo y lệnh (tránh nhầm lẫn đơn vị UI cực kỳ nguy hiểm).
- Thực hiện đúng kỹ thuật tiêm dưới da, luân chuyển vị trí tiêm liên tục để tránh biến chứng loạn dưỡng mỡ ở da người già.
- Chăm sóc và bảo vệ đường truyền lọc máu:
- Theo dõi, vệ sinh và bảo vệ vùng tay có cầu nối thông động tĩnh mạch (FAV) hoặc catheter lọc máu của các cụ chạy thận nhân tạo.
- Tuyệt đối không đo huyết áp hoặc tiêm truyền trên cánh tay có cầu nối tĩnh mạch (FAV).
- Chăm sóc vết thương loét do đái tháo đường: Thực hiện kỹ thuật rửa, thay băng vết loét nhiễm trùng bàn chân/loét tỳ đè đúng nguyên tắc vô khuẩn, phối hợp loại bỏ mô hoại tử nhẹ nhàng theo chỉ định.

4.2. Mục tiêu quản lý và chăm sóc an toàn

- Chăm sóc và bảo vệ làn da lão hóa: Làn da người cao tuổi bị suy thận (tích tụ độc tố ure) hoặc đái tháo đường thường bị khô, ngứa, mỏng nứt và rất dễ nhiễm trùng. Sinh viên phải biết cách vệ sinh da nhẹ nhàng bằng nước ấm, không gãi mạnh, phối hợp dùng kem dưỡng ẩm an toàn và thay ga trải giường phẳng phiu để tránh trầy xước.
- Đảm bảo an toàn sử dụng thuốc: Giám sát các cụ uống thuốc đúng giờ, đặc biệt là thuốc thải độc thận, thuốc hạ đường huyết đường uống. Theo dõi chặt chẽ các dấu hiệu ngộ độc thuốc do chức năng gan thận của các cụ vốn đã suy giảm mạnh.

- Phòng ngừa té ngã khi thay đổi thể tích dịch: Các cụ sau khi chạy thận nhân tạo hoặc đang dùng thuốc lợi tiểu liều cao rất dễ bị hạ huyết áp tư thế, chóng mặt. Sinh viên phải áp dụng nghiêm ngặt quy trình chống té ngã, hướng dẫn cụ nghỉ ngơi tại giường sau lọc máu.

4. 3. Mục tiêu giáo dục sức khỏe và giao tiếp

- Tư vấn dinh dưỡng chuyên sâu cho người cao tuổi "đa bệnh":
- Hướng dẫn chế độ ăn kiêng khem phức tạp cho cụ: Vừa giảm ngọt (Đái tháo đường), vừa giảm muối/giảm kali/hạn chế nước đong đếm từng mililit (Suy thận).
- Biết cách giải thích khéo léo để các cụ không cảm thấy bị "bỏ đói" dẫn đến tâm lý chán nản, bỏ ăn.
- Giáo dục kỹ năng tự chăm sóc bàn chân tại giường: Hướng dẫn trực quan cho cụ và người nhà cách rửa chân hàng ngày, lau khô kẽ ngón chân, cách chọn tất (vớ) mềm, rộng và cách cắt móng chân đường thẳng (không cắt sâu vào khóe gây nhiễm trùng).
- Đồng hành tâm lý với bệnh nhân mạn tính: Người cao tuổi suy thận phải chạy thận định kỳ thường có tâm lý buông xuôi, trầm cảm vì nghĩ mình là gánh nặng. Sinh viên cần rèn luyện kỹ năng lắng nghe, động viên để củng cố tinh thần lạc quan cho các cụ.

4.4. Mục tiêu thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Sự tỉ mỉ và kiên trì: Công việc chăm sóc bệnh Thận - Nội tiết đòi hỏi tính toán chi tiết từng giọt nước, từng miligam đường và theo dõi liên tục. Sinh viên phải rèn luyện tác phong làm việc cẩn thận, không qua loa đại khái.
- Tôn trọng quyền tự chủ của người bệnh: Luôn hỏi ý kiến và giải thích rõ ràng trước khi can thiệp điều trị, giúp cụ có cảm giác bản thân vẫn kiểm soát được cuộc sống của mình dù đang mang trọng bệnh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa tại bệnh viện, khoa Nội Bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc:
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, máy chiếu, máy vi tính, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng, kế hoạch giảng dạy lâm sàng, sổ tay lâm sàng, bảng chỉ tiêu tay nghề, mẫu KHCS.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:
- Kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài thi sinh viên phải trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và hướng điều trị các bệnh nội khoa hay gặp đối với người cao tuổi.
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua việc thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người cao tuổi và bệnh lý trên người bệnh giả định.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

+ Khi học thực hành lâm sàng bệnh viện:

. Chấp hành nội quy, quy chế bệnh viện và khoa/phòng thực tập, tuân thủ theo sự phân công của giảng viên, điều dưỡng trưởng và cán bộ y tế tại khoa/phòng.

. Có thái độ đúng mực với thầy cô, nhân viên y tế, bạn học, đoàn kết giúp bạn trong học tập. Có thái độ ân cần niềm nở, nhanh nhẹn, sẵn sàng giúp đỡ đối với người bệnh, gia đình người bệnh. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra 02 bài:
+ 01 bài kiểm tra thường xuyên.
+ 01 bài kiểm tra định kỳ: Hình thức vấn đáp, thực hành.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi viết hoặc có thể thi vấn đáp, thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Phần lý thuyết:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

2.2. Phần thực hành

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Quản lý, theo dõi tình hình học sinh

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định.

+ Thực hiện nghiêm quy chế kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, giữ gìn vệ sinh chung, tham gia công tác vệ sinh bệnh viện định kỳ hằng tuần hoặc khi có yêu cầu.

+ Trong giờ học không sử dụng điện thoại, không tụ tập, đứng, ngồi ngoài hành lang.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về các bệnh nội khoa thường gặp và lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa người cao tuổi.

Chỉ tiêu về KHCS: Lập và phân tích được

TT	Nội dung	Số lần	Ghi chú
1	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tim mạch	2	Tại khoa tim mạch
2	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh hô hấp	2	Tại khoa hô hấp
3	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tiêu hóa	2	Tại khoa tiêu hóa
4	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tiết niệu	1	Tại khoa tiết niệu
5	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh cơ xương khớp	1	Tại khoa xương khớp
6	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh nội tiết	1	Tại khoa nội tiết
7	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh thần kinh	1	Tại khoa thần kinh
8	Lập và thực hiện KHCS trên người bệnh tâm thần	2	Tại khoa tâm thần

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Thực hành thủ thuật	Quan sát được	Tham gia được	Thực hiện được
1	Tiêm bắp, tiêm trong da, dưới da			5
2	Truyền bơm tiêm điện		1	

3	Tiêm tĩnh mạch			5
4	Thụt tháo bằng thuốc hoặc nước		1	
5	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng		1	
6	Thay chiếu, vải trải giường			5
7	Truyền dịch thông thường,truyền thuốc			2
8	Chăm sóc, phòng ngừa loét ép			3
9	Cho người bệnh ăn bằng thìa hoặc ăn qua ống thông dạ dày			3
10	Cho người bệnh thở oxy hoặc khí dung			2
11	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm			5
12	Đo và theo dõi các dấu hiệu sinh tồn			10
13	Ghi chép hồ sơ bệnh án và biểu mẫu chăm sóc nội khoa			2
14	Thông tiểu nam, nữ	1		
15	Cho bệnh nhân ăn qua sonde	1		
16	Rửa dạ dày	1		
17	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng phổi	1		
18	Phụ giúp bác sĩ nội soi	1		
19	Phụ giúp bác sĩ làm điện tim	1		
20	Truyền máu	1		

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học đào tạo được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học :

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của người học.

+ Trong quá trình giảng dạy thực hành, giảng viên cần làm thao tác mẫu cho sinh viên quan sát, nắm được các bước của quy trình kỹ thuật, phân tích các lỗi sai hỏng thường gặp khi thực hiện kỹ thuật, đồng thời quan sát sinh viên thực hiện các thao tác kỹ thuật, kịp thời uốn nắn các sai sót để sinh viên thực hiện đúng các bước theo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về trong chăm sóc người bệnh cao tuổi.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên môn học: Thực tập tốt nghiệp
Mã số môn học: MH 32
Thời gian môn học: 270 giờ *(Thực tập: 260 giờ; Kiểm tra: 10 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi đã hoàn thành chương trình chuyên môn nghề.
2. Tính chất: Là môn học bắt buộc.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Mô tả và thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong bộ máy tổ chức và hoạt động của các đơn vị y tế, đồng thời thể hiện rõ đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp tại nơi thực tập.

CĐRMH 2: Vận dụng linh hoạt kiến thức chuyên môn để thực hiện thành thạo, an toàn và hiệu quả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc toàn diện người bệnh dưới sự giám sát, đảm bảo tính khẩn trương, cẩn thận và chính xác.

CĐRMH 2: Thực hiện chuyên nghiệp các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe và hướng dẫn các thủ tục hành chính, đảm bảo sự hài lòng của người bệnh, người nhà và giữ vững tính bảo mật thông tin.

CĐRMH 3: Triển khai hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bao gồm việc lập kế hoạch chăm sóc, tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng tại địa phương theo đúng quy định.

CĐRMH 4: Thực hiện và đánh giá chính xác quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, đồng thời thể hiện năng lực làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập và kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh tại khoa thực tập.

CĐRMH 5: Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các báo cáo chuyên môn và nghiêm túc chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở y tế cũng như của nhà trường

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Mô tả được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các đơn vị y tế (nơi sinh viên đến thực tập) và vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại tuyến y tế (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố).
- Vận dụng được kiến thức các môn đã học để thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh tại cơ sở thực tập.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được một số kỹ năng chăm sóc sức khỏe cộng đồng (lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng, báo cáo kết quả tiêm chủng, tính chỉ số sức khỏe, ghi chép sổ sách…).
- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật điều dưỡng vào công tác chăm sóc, sơ cấp cứu để đảm bảo bảo việc chăm sóc người bệnh đạt hiệu quả và an toàn dưới sự giám sát của giảng viên hoặc điều dưỡng được giao phụ trách.
- Thực hiện được đón tiếp, hướng dẫn các thủ tục hành chính cho người bệnh và người nhà theo đúng quy định để họ thấy hài lòng trong quá trình thăm khám và điều trị bệnh tại cơ sở thực tập.
- Thực hiện và đánh giá được quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn tại cơ sở thực tập.
- Thực hiện được báo cáo giao ban trực theo đúng quy định và viết báo cáo tổng hợp đợt thực tập tốt nghiệp.
- Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại các cơ sở khám chữa bệnh và cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được vai trò, đạo đức của người điều dưỡng, tác phong khẩn trương, cẩn thận, chính xác trong khi thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh.
- Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, quản lý, xử lý tình huống tại khoa thực tập. Đảm bảo tính an toàn, bảo mật khi tiếp cận với người bệnh, gia đình người bệnh và các cá nhân có liên quan.

III. Nội dung môn học

- Thực hành các kiến thức, kỹ năng đã học của chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng cao đẳng vào thực tế chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh và tại cộng đồng.
- Tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng của cơ sở y tế khi thực tập cộng đồng.

1. Thực tập tại trạm Y tế xã:

Số TT	Nội dung thực tập
1	Tìm hiểu cộng đồng để thu thập thông tin, lựa chọn những vấn đề sức khỏe cần giải quyết
2	Lập kế hoạch TT – GDSK để giải quyết những vấn đề sức khỏe đã được xác định
3	Thực hiện các hoạt động TT – GDSK theo kế hoạch đã định
4	Chăm sóc cho người bệnh tại trạm y tế và gia đình
5	Thạm gia các chương trình y tế tại địa phương
6	Ghi chép bệnh án và hồ sơ sức khỏe và biểu mẫu sổ sách tại trạm y tế
7	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại trạm y tế

2. Thực tập tại bệnh viện tỉnh/thành phố (hoặc bệnh viện trung ương):

TT	Nội dung thực tập
1	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh/TW và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại các cơ sở đó
2	Thực hiện nhiệm vụ, chức năng của người điều dưỡng tại các khoa: Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Truyền nhiễm
3	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Nội khoa
4	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Ngoại khoa
5	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Nhi khoa
6	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc Sản - Phụ khoa
7	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc tại khoa Truyền nhiễm
8	Ghi chép bệnh án, mẫu biểu chăm sóc của các khoa lâm sàng thuộc BV huyện, BV tỉnh/TW
9	Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ đến khám, chữa bệnh tại BV các tuyến
10	Tham gia trực tại các bệnh viện

Chỉ tiêu tay nghề thực hành

TT	Chỉ tiêu tay nghề	Số lần thực hiện

TT	Chỉ tiêu tay nghề	Số lần thực hiện
1	Viết bản báo cáo về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của bệnh viện và chức trách, nhiệm vụ của người điều dưỡng tại cơ sở SV thực tập	01
2	Thực hiện tiếp đón người bệnh đến khám và điều trị	10
3	Thực hiện vận chuyển người bệnh	05
4	Thực hiện ghi chép hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc về điều dưỡng	10
5	Thực hiện kỹ thuật rửa tay thường quy	10
6	Thực hiện kỹ thuật làm sạch, khử khuẩn dụng cụ	03
7	Thực hiện kỹ thuật chuẩn bị giường đợi người bệnh/thay vải trải giường có người bệnh nằm	05
8	Thực hiện kỹ thuật vệ sinh cho người bệnh	02
9	Thực hiện kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn	10
10	Thực hiện kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông dạ dày	01
11	Thực hiện kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc	05
12	Thực hiện kỹ thuật lấy máu/nước tiểu làm xét nghiệm	05
13	Thực hiện kỹ thuật tiêm dưới da/tiêm bắp/ tiêm tĩnh mạch	10
14	Thực hiện kỹ thuật truyền dung dịch đường tĩnh mạch	05
15	Thực hiện kỹ thuật thay băng vết thương/vết mổ	02
16	Thực hiện kỹ thuật cắt chỉ vết thương/vết mổ	02
17	Thực hiện kỹ thuật thông tiểu nam/nữ	02
18	Thực hiện kỹ thuật ghi điện tâm đồ	05
19	Thực hiện kỹ thuật khí dung	02
20	Thực hiện kỹ thuật cho người bệnh thở oxy	02
21	Thực hiện kỹ thuật hút đờm	02
22	Thực hiện kỹ thuật chườm nóng/chườm lạnh	01
23	Thực hiện kỹ thuật thụt giữ/thụt tháo	01
24	Thực hiện kỹ thuật sơ cứu gãy xương	01
25	Thực hiện kỹ thuật sơ cứu vết thương mạch máu	01
26	Thực hiện kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn	01
27	Thực hiện kỹ thuật tắm bé	01
28	Thực hiện kỹ thuật thay băng rốn	01
29	Thực hiện kỹ thuật làm thuốc bộ phận sinh dục sau đẻ	01
30	Thực hiện tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	01
31	Thực hiện lập KHCS người bệnh Nội khoa	01
32	Thực hiện lập KHCS người bệnh Ngoại khoa	01
33	Thực hiện lập KHCS người bệnh Sản khoa	01
34	Thực hiện lập KHCS người bệnh Nhi khoa	01
35	Thực hiện lập KHCS người bệnh Truyễn nhiễm	01
36	Tham gia trực tại bệnh viện SV thực tập	02

TT	Chỉ tiêu tay nghề	Số lần thực hiện
Tổng		115

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm, thời gian học tập

- Trạm y tế xã: 2 tuần
- Bệnh viện tỉnh/thành phố: 4 tuần.

2. Trang thiết bị, máy móc, học liệu:

- Dụng cụ và trang bị: Bảng chỉ tiêu tay nghề thực tế tốt nghiệp, mẫu báo cáo thực tế tốt nghiệp tại cộng đồng, mẫu báo cáo thực tế tốt nghiệp tại bệnh viện tỉnh/thành phố hoặc TTTY quận/huyện, mẫu báo cáo giao ban ca trực, mẫu phiếu nhận xét của khoa thực tập, giấy giới thiệu của nhà trường gửi cho cơ sở y tế nơi sinh viên đến thực tập.
- Các điều kiện khác: Sinh viên phải hoàn thành xong chương trình chuyên môn nghề.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Kiểm tra thường xuyên: Sinh viên làm bài báo cáo báo cáo thực tập tốt nghiệp tại cộng đồng (có xác nhận của cơ sở thực tập) (1 điểm kiểm tra hệ số 1).
- Kiểm tra định kỳ:

+ Sinh viên làm 01 bài lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa thực tập (1 điểm kiểm tra hệ số 2).

+ Phiếu đánh giá thực tập tốt nghiệp tại bệnh viện (có xác nhận của cơ sở thực tập) (1 điểm kiểm tra hệ số 2).

- Thi kết thúc môn học: thi thực hành tại trường

Sinh viên bốc thăm giải quyết 1 tình huống trực tiếp (chăm sóc người lớn bệnh Nội khoa hoặc chăm sóc người lớn bệnh Ngoại khoa). Thời gian tối đa mỗi tình huống là 20 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên/điều dưỡng được phân công phụ trách: Quản lý, theo dõi tình hình sinh viên thực tập tại cơ sở y tế: Sĩ số, thời gian học/trực lâm sàng, thực hiện chỉ tiêu tay nghề, trang phục, giao tiếp, ứng xử, giữ vệ sinh khoa, phòng bệnh viện...
- Đối với người học:

+ Sinh viên phải tham gia 100% số buổi thực tập lâm sàng tại cơ sở thực tập. Nếu nghỉ có lý do phải có đơn xin phép nộp cho cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập và đăng ký để được bố trí đi bù. Nếu nghỉ không lý do phải nhận điểm 0 của khoa lâm sàng đó.

- Sinh viên phải tham gia trực theo sự phân công của cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập, nếu bỏ trực 1 buổi thì phải nhận điểm 0 và nhận hình thức kỷ luật theo quy định của nhà trường.
- Trong quá tình thực tập tại khoa sinh viên phải tuân thủ mọi nội quy, quy chế của bệnh viện cũng như của khoa tại cơ sở thực tập.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH Y

Tên môn học: Ngoại ngữ chuyên ngành y
Mã môn học: MH 33
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; *(Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra lý thuyết: 02 giờ)*

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học được thực hiện sau chương trình môn học Tiếng Anh, song song với các chương trình môn học/ mô đun chuyên môn.

2. Tính chất: Chương trình môn học Ngoại ngữ chuyên ngành Y bao gồm các kiến thức cơ bản tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

CĐRMH 1: Người học sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề. (NLCB4. Đạt năng lực sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên Tiếng Anh) ở trình độ tương đương Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, phục vụ cho học tập, nghiên cứu và giao tiếp chuyên môn.)

CĐRMH 2: Người học thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn. (CĐR 8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Phát triển được những kỹ năng: đọc hiểu, dịch các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Y, khai thác và cập nhật các tài liệu chuyên ngành Y;
- Đọc hiểu được các tài liệu chuyên ngành Y bằng tiếng Anh và tóm tắt nội dung chính của tài liệu;
- Nắm vững được vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản của tiếng Anh chuyên ngành Y.

2. Về kỹ năng

- Rèn luyện được kỹ năng phát âm từ vựng, kỹ năng đọc lướt, đọc hiểu tài liệu chuyên ngành Y;
- Khả năng nghe hiểu được một số nội dung cơ bản trong môi trường làm việc sau này;
- Luyện tập trình bày được chủ đề, phản xạ tình huống.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thái độ nghiêm túc trong học tập, chuẩn bị bài học, tài liệu được yêu cầu và tổng kết sau buổi học; Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	KT
1	Bài 1. Bệnh viện và cơ thể (Hospital and the body)	3	3		
2	Bài 2. Jane Johnson	2	2		
3	Bàit 3. Jane tại phòng bệnh (Jane on the ward)	3	3		
4	Bài 4. Thủ thuật vô khuẩn (Sterile procedures)	3	3		
5	Bài 5. Dụng cụ (Instruments)	3	3		
6	Bài 6. Chất tẩy trùng và chất khử	2	2		

	trùng (Disinfectants and antiseptics)				
7	Bài 7. Cấp cứu 1 (Casualty 1)	3	3		
8	Bài 8. Cấp cứu 2 (Casualty 2)	2	2		
9	Bài 9. Cấp cứu 3 (Casualty 3)	2	2		
10	Bài 10. Phòng bệnh 1 (The ward unit 1)	3	3		
11	Bài 11. Phòng bệnh 2 (The ward unit 2)	2	2		
12	Kiểm tra				2 (LT)
Tổng cộng		**30**	**28**		**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Bệnh viện và cơ thể (Hospital and the body) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:

- Từ vựng: Hiểu nghĩa từ, nhóm từ chỉ khoa phòng tại bệnh viện, các từ chỉ bộ phận cơ thể, các vết đau, cơn đau.
- Ngữ pháp: Đại từ quan hệ who, câu đề nghị lịch sự.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1.Vocabulary: Wards and departments, Parts of the body, Aches and pains.

2.2. Grammar: Relative pronouns *who,* Polite requests.

2.3. Text: A conversation.

Bài 2: Jane Johnson (Jane Johnson) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:

- Từ vựng: Hiểu nghĩa từ, nhóm từ chỉ môn học chuyên ngành Y, các cấp bậc điều dưỡng, các hoạt động điều dưỡng và các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Ôn tập thì Hiện tại đơn và luyện tập.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: Medical subjects, nursing levels, nursing duties, new words of the text.

2.2. Grammar: The present simple tense (Revision).

2.3. Text: Jane Johnson.

Bài t 3: Jane tại phòng bệnh (Jane on the ward) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:

- Từ vựng: Hiểu nghĩa từ, nhóm từ chỉ một số bệnh, các hoạt động điều dưỡng, và các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Ôn tập thì Quá khứ đơn, thì Hiện tại tiếp diễn và luyện tập.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: Diseases, nursing duties, new words of the text.

2.2. Grammar: The past simple tense, The present continuous tense (Revision).

2.3. Text: Jane on the ward.

Bài 4: Thủ thuật vô khuẩn (Sterile procedures) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:

- Từ vựng: Hiểu nghĩa từ, nhóm từ chỉ đồ dùng, dụng cụ y tế và các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Câu bị động, Công thức câu bị động với Thì Hiện tại đơn và Thì Quá khứ đơn.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: Medical instruments, new words of the text.
2.2. Grammar: The passive voice, The passive voice of the Present Simple and Past Simple Tenses.
2.3. Text: Sterile procedures.

Bài 5: Dụng cụ (Instruments) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa từ, nhóm từ chỉ dụng cụ y tế, cách sử dụng các dụng cụ y tế và các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Cấu trúc câu bị động chỉ mục đích.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: Medical instruments, usage, new words of the text.
2.2. Grammar: Passive voice for purpose – structures.
2.3. Text: Instruments.

Bài 6: Chất tẩy trùng và chất khử trùng (Disinfectants and antiseptics) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa từ, nhóm từ chỉ các chất tẩy trùng, chất khử trùng và các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Câu bị động (Thể phủ định, nghi vấn).
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: Disinfectants, antiseptics, chemical agents, usage, new words of the text.
2.2. Grammar: Passive voice (Negatives, Interogatives).
2.3. Text: Disinfectants and antiseptics.

Bài 7: Cấp cứu 1 (Casualty 1) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Thì Quá khứ tiếp diễn: Công thức, cách sử dụng, trạng từ; Câu bị động của Thì Quá khứ tiếp diễn, Đại từ quan hệ *who, that*.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: New words of the text.
2.2. Grammar: The past continuous tense, The passive voice of the past continuous tense, Relative pronouns *who, that*.
2.3. Text: Casualty 1.

Bài 8: Cấp cứu 2 (Casualty 2) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.

- Ngữ pháp: Thì Tương lai đơn: Công thức, cách sử dụng, trạng từ; Câu bị động của Thì Tương lai đơn, Đại từ quan hệ *that*.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: New words of the text.
2.2. Grammar: The Future simple tense, The passive voice of the Future simple tense, Relative pronouns *that*.
2.3. Text: Casualty 2.

Bài 9: Cấp cứu 3 (Casualty 3) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Thì Quá khứ hoàn thành: Công thức, cách sử dụng, trạng từ; Câu bị động của Thì Quá khứ hoàn thành.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: New words of the text.
2.2. Grammar: The Past Perfect tense, The passive voice of the Past Perfect tense.
2.3. Text: Casualty 3.

Bài 10: Phòng bệnh 1 (The ward unit 1) Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Thì Hiện tại hoàn thành: Công thức, cách sử dụng, trạng từ; Câu bị động của Thì Hiện tại hoàn thành.
- Bài khóa: Đọc hiểu bài khóa.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: New words of the text.
2.2. Grammar: The Present Perfect tense, The passive voice of the Present Perfect tense.
2.3. Text: The ward unit 1.

Bài 11: Phòng bệnh 2 (The ward unit 2) Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học này, người học đạt được:
- Từ vựng: Hiểu nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành trong bài khóa.
- Ngữ pháp: Hệ thống các Thì đã học.

2. Nội dung

2.1. Vocabulary: New words of the text.
2.2. Grammar: Tenses.
2.3. Text: The ward unit 2.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nói: Thuyết trình các chủ đề miêu tả bộ phận cơ thể, khoa phòng tại bệnh viện, một số bệnh, thủ thuật vô khuẩn, dụng cụ y tế, các chất tẩy trùng và khử trùng, miêu tả một ca cấp cứu, hoạt động của điều dưỡng tại bệnh viện.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

- 01 bài kiểm tra thường xuyên: Hình thức thảo luận; 01 bài kiểm tra định kỳ: hình thức trắc nghiệm + tự luận; Thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Ngoại ngữ chuyên ngành Y được sử dụng để giảng dạy chuyên ngành Y, Điều dưỡng, Hộ sinh trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Ngoại ngữ nâng cao

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Ngoại ngữ chuyên ngành Y trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh chuyên ngành Y tương đương do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Môn học được bảo lưu, công nhận kết quả học tập áp dụng theo quy định chung cho tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.
- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.
- Chương trình môn học Ngoại ngữ chuyên ngành Y được giảng dạy 30 giờ.
- Khuyến khích kết hợp với các phần mềm tự học tham khảo nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.
- Bên cạnh việc học 30 giờ trên lớp, người học tự học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. David Austin and Tim Crosfield, English for Nurses, Oxford University Press.

2. Trần Phương Hạnh, English in Medicine, 2004.
3. Trịnh Thị Thúy Lan, Hồ Liên Biên, Phạm Gia Khải, Nguyễn Văn Trường, English for Medical Students.
4. Oxford Learner's Dictionary: www.oxfordlearnersdictionaries.com/us

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC ĐIỀU DƯỠNG THẢM HỌA

Tên môn học: Điều dưỡng thảm họa
Mã môn học: MH 34
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ LT)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cao đẳng Điều dưỡng. Môn học được thực hiện trong học kỳ II năm thứ ba đối với sinh viên Cao đẳng điều dưỡng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm các kiến thức về khái niệm, nguyên nhân, phân loại mức độ thảm họa, tổn thất do thảm họa gây ra; chiến lược phòng chống thảm họa ở các quốc gia và công tác y tế trong phòng chống thảm họa; vai trò của điều dưỡng trong thảm họa và các định hướng phát triển, Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả trong một số tai nạn thương tích thường gặp khi thảm học xảy ra.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, phân loại mức độ thảm họa và những tổn thất do thảm họa gây ra; chiến lược phòng chống thảm họa ở các quốc gia và công tác y tế trong phòng chống thảm họa; vai trò của điều dưỡng trong thảm họa và các định hướng phát triển của điều dưỡng thảm họa CĐR 1,2)
- CĐRMH 2: Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả trong một số tai nạn thương tích thường gặp khi thảm học xảy ra (CĐR 2,4)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, phân loại mức độ thảm họa và những tổn thất do thảm họa gây ra.
- Trình bày được chiến lược phòng chống thảm họa ở các quốc gia và công tác y tế trong phòng chống thảm họa.
- Trình bày được vai trò của điều dưỡng trong thảm họa và các định hướng phát triển của điều dưỡng thảm họa.
- Trình bày được một số tai nạn thương tích thường gặp trong thảm họa, cách xử trí và phòng tránh.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế phân loại, sàng lọc nạn nhân, xử trí sơ cứu, cấp cứu và vận chuyển nạn nhân thảm họa.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn khi tham gia cấp cứu nạn nhân trong các thảm họa.
- Tham gia tích cực vào công tác phòng chống thảm họa trong cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Chương 1. Thảm họa và công tác phòng chống thảm họa				
1	Bài 1. Đại cương về thảm họa	1	1		0

2	Bài 2. Chiến lược phòng chống thảm họa của các quốc gia	2	2		0
3	Bài 3. Công tác y tế trong phòng chống thảm họa	8	8		0
4	Bài 4. Giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa	1	1		0
5	Kiểm tra	1	0		1
	Chương 2. Cấp cứu tai nạn thương tích thường gặp				
6	Bài 1. Cấp cứu nạn nhân bỏng	2	2		0
7	Bài 2. Cấp cứu nạn nhân bị điện giật	2	2		0
8	Bài 3. Cấp cứu nạn nhân đuối nước	2	2		0
9	Bài 4. Sơ cứu các vết thương	4	4		0
10	Bài 5. Cấp cứu nạn nhân hội chứng vùi lấp	2	2		0
11	Bài 6. Cấp cứu nạn nhân dị vật đường thở	1	1		0
12	Bài 7. Cấp cứu nạn nhân say nóng, say nắng	1	1		0
13	Bài 8. Các phương pháp vận chuyển nạn nhân	2	2		0
14	Kiểm tra	1			1
	Cộng	**30**	**28**	**0**	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Thảm họa và công tác phòng chống thảm họa

Bài 1: Đại cương về thảm họa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân thảm họa và những tổn thất do thảm họa gây ra.
- Trình bày được cách phân loại các mức độ thảm họa.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào phân loại các mức độ thảm họa.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng chống thảm họa.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguyên nhân thảm họa

2.1.3. Tổn thất do thảm họa

2.2. Phân loại thảm họa

2.2.1. Phân loại thảm họa theo số người bị tác động trực tiếp

2.2.2. Phân loại thảm họa theo yêu cầu can thiệp của ngành y tế

Bài 2: Chiến lược phòng chống thảm họa của các quốc gia Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được

- Trình bày được công tác phòng chống thảm họa tại Việt Nam và các nước trên thế giới.
- Trình bày được quan điểm và chiến lược chung trong phòng chống thảm họa của các quốc gia.
- Phân tích được quan điểm, chiến lược chung trong phòng chống thảm họa của các quốc gia.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng chống thảm họa.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Quan điểm chung
2.1.2. Công tác phòng chống thảm họa tại các nước
2.1.3. Công tác phòng chống thảm họa tại Việt Nam
2.2. Chiến lược chung trong phòng chống thảm họa
2.2.1. Chiến lược
2.2.2. Lực lượng tham gia
2.2.3. Nguyên tắc
2.2.4. Mục tiêu
2.2.5. Yêu cầu
2.2.6. Nhiệm vụ của từng lực lượng

Bài 3: Công tác y tế trong phòng chống thảm họa Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nhiệm vụ của Ngành y tế trong trong phòng chống thảm họa.
- Trình bày được công tác tổ chức, chỉ đạo điều hành các đơn vị y tế tại hiện trường thảm họa.
- Trình bày được quy trình nghiệp vụ cấp cứu nạn nhân trong thảm họa.
- Trình bày được công tác phân loại, xử trí nạn nhân tại hiện trường thảm họa và tại bệnh viện.
- Trình bày được quy trình quản lý điều hành tại hiện trường thảm họa và cách vận chuyển nạn nhân trong thảm họa.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào phân loại, sàng lọc nạn nhân tại hiện trường thảm họa và tại bệnh viện.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng chống thảm họa.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nhiệm vụ Ngành y tế trong phòng chống thảm họa
2.3. Tổ chức thực hiện
2.4. Chỉ đạo điều hành các đơn vị y tế tại hiện trường
2.4.1. Các thành phần đơn vị y tế tại hiện trường
2.4.2. Mục tiêu
2.5. Quy trình nghiệp vụ
2.5.1. Phát tín hiệu cấp cứu
2.5.2. Tiếp nhận tín hiệu cấp cứu
2.5.3. Xử lý thông tin cấp cứu
2.5.4. Đáp ứng yêu cầu cấp cứu và huy động cấp cứu
2.5.5. Kiểm soát cấp cứu thương vong hàng loạt
2.6. Phân loại nạn nhân tại hiện trường
2.6.1. Mục đích
2.6.2. Nguyên tắc
2.6.3. Các dạng phân loại
2.6.4. Hệ thống phân loại thảm họa (Prehospital Mass Triage Systems)
2.6.5. Tổ chức hoạt động phân loại
2.6.6. Các yêu cầu cho nhân viên phân loại (Triage officer)
2.7. Quản lý điều hành tại hiện trường

2.8. Vận chuyển nạn nhân
2.8.1. Nguyên tắc
2.8.2. Các điểm cần lưu ý khi vận chuyển nạn nhân
2.8.3. Tổ chức và phương thức vận chuyển
2.9. Giải quyết nạn nhân tử vong (tại hiện trường)
2.10. Xử trí tại bệnh viện
2.10.1. Chiến lược phòng chống thảm họa tại bệnh viện
2.10.2. Phương án kiểm soát cấp cứu hàng loạt tại bệnh viện

Bài 4: Giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được tính cần thiết của giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa.
- Trình bày được công tác triển khai giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa.
- Xác định được vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong việc phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do thảm họa gây ra.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sẵn sàng ứng phó với thảm họa.

2. Nội dung

2.1. Tính cần thiết của giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa
2.2. Triển khai giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa
2.3. Cải thiện chương trình đào tạo điều dưỡng trong phòng chống thảm họa

Kiểm tra: Thời gian: 1 giờ

Chương 2. Cấp cứu tai nạn thương tích thường gặp

Bài 1: Cấp cứu nạn nhân bỏng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Xác định được nguyên nhân, cách đánh giá vị trí, diện tích và độ sâu của tổn thương bỏng.
- Trình bày được cách sơ cứu, cấp cứu bỏng nói chung.
- Trình bày được cách sơ cứu, cấp cứu một số trường hợp bỏng đặc biệt và cách đề phòng tai nạn bỏng.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bỏng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bỏng.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.2. Tình trạng nạn nhân
2.2.1. Độ sâu của bỏng
2.2.2. Diện tích của bỏng
2.3. Cấp cứu bỏng nói chung
2.4. Cấp cứu một số trường bỏng đặc biệt
2.5. Đề phòng tai nạn bỏng

Bài 2: Cấp cứu nạn nhân bị điện giật Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân và tình trạng nạn nhân bị điện giật.
- Trình bày được các biện pháp sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị điện giật.
- Trình bày được cách đề phòng tai nạn do điện giật.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị điện giật.

- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị điện giật.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.2. Tình trạng nạn nhân
2.3. Cấp cứu nạn nhân bị điện giật
2.4. Đề phòng tai nạn điện giật

Bài 3: Cấp cứu nạn nhân đuối nước Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Nêu được nguyên nhân và tình trạng nạn nhân khi đuối nước.
- Nêu được cách xử trí cấp cứu nạn nhân đuối nước.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân đuối nước.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân đuối nước.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân
2.3. Tình trạng nạn nhân
2.4. Cấp cứu nạn nhân đuối nước
2.4.1. Nguyên tắc cấp cứu nạn nhân đuối nước
2.4.2. Cấp cứu nạn nhân đuối nước
2.5. Đề phòng tai nạn đuối nước

Bài 4: Sơ cứu các vết thương Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:
- Trình bày được phân loại vết thương và mục đích của sơ cứu vết thương.
- Trình bày được dấu hiệu, triệu chứng và cách sơ cứu vết thương phần mềm, vết thương bụng, vết thương ngực, vết thương đầu.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân vết thương phần mềm, vết thương ngực, vết thương bụng, vết thương đầu.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân vết thương phần mềm, vết thương ngực, vết thương bụng, vết thương đầu.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Sơ cứu vết thương phần mềm
2.2.1. Vết thương nhỏ
2.2.2. Vết thương lớn
2.3. Sơ cứu vết thương bụng
2.3.1. Dấu hiệu và triệu chứng
2.3.2. Xử trí cấp cứu
2.4. Sơ cứu vết thương ngực
2.4.1. Dấu hiệu và triệu chứng
2.4.2. Xử trí sơ cứu
2.5. Sơ cứu vết thương ở đầu
2.5.1. Dấu hiệu và triệu chứng
2.5.2. Xử trí cấp cứu

Bài 5: Cấp cứu nạn nhân hội chứng vùi lấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa về hội chứng vùi lấp.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của hội chứng vùi lấp.
- Trình bày được triệu chứng và diễn biến của hội chứng vùi lấp.
- Trình bày được cách sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị hội chứng vùi lấp.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị hội chứng vùi lấp.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân bị hội chứng vùi lấp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

2.3. Triệu chứng và diễn biến của hội chứng vùi lấp

2.4. Cấp cứu nạn nhân bị hội chứng vùi lấp

2.4.1. Sơ cứu

2.4.2. Dự phòng sốc và suy thận

2.4.3. Chống nhiễm khuẩn

2.4.4. Điều trị suy thận

Bài 6: Cấp cứu nạn nhân dị vật đường thở Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Trình bày được các dị vật đường thở thường gặp.
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các phương pháp sơ cứu dị vật đường thở.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân dị vật đường thở.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân dị vật đường thở.

2. Nội dung

2.1. Các dị vật thường gặp

2.2. Sơ cứu dị vật đường thở

Bài 7: Cấp cứu nạn nhân say nóng, say nắng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và tình trạng nạn nhân say nắng, say nóng.
- Trình bày được các phương pháp sơ cứu và đề phòng say nắng, say nóng.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế sơ cứu, cấp cứu nạn nhân say nắng, say nóng.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cứu, cấp cứu nạn nhân say nắng, say nóng.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Tình trạng nạn nhân khi say nóng, say nắng

2.3. Sơ cứu nạn nhân say nóng, say nắng

2.4. Đề phòng say nóng, say nắng

Bài 8. Các phương pháp vận chuyển nạn nhân Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên tắc cơ bản và các phương pháp vận chuyển nạn nhân chấn thương.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế vận chuyển nạn nhân chấn thương tại hiện trường thảm họa.
- Học tập tích cực, nghiêm túc, có tinh thần tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn cho nạn nhân và người cứu trong quá trình vận chuyển.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các nguyên tắc cơ bản khi vận chuyển nạn nhân
2.2.1. Nguyên tắc an toàn khi vận chuyển nạn nhân
2.2.2. Nguyên tắc bất động và vận chuyển nạn nhân nghi ngờ chấn thương cột sống cổ
2.3. Các phương pháp vận chuyển
2.3.1. Phương pháp dìu
2.3.2. Phương pháp kéo
2.3.3. Phương pháp cõng
2.3.4. Phương pháp bế (ẵm)
2.3.5. Phương pháp kiệu
2.3.6. Phương pháp khiêng
2.3.7. Phương pháp vận chuyển bằng ghế
2.3.8. Phương pháp vận chuyển bằng cáng cứu thương
2.4. Lưu ý khi vận chuyển nạn nhân

Kiểm tra: Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:
- Về kiến thức: Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm. Sinh viên phải trình bày được:
+ Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, phân loại mức độ thảm họa và những tổn thất do thảm họa gây ra.
+ Trình bày được chiến lược phòng chống thảm họa ở các quốc gia và công tác y tế trong phòng chống thảm họa.
+ Trình bày được vai trò của điều dưỡng trong thảm họa và các định hướng phát triển của điều dưỡng thảm họa.
+ Trình bày được một số tai nạn thương tích thường gặp trong thảm họa, cách xử trí và phòng tránh.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thông qua làm các bài tập thảo luận, phân tích và xử trí tình huống thảm họa cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài hình thức trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.
+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, giảng viên đưa ra các bài tập tình huống thảm họa giả định, chia nhóm sinh viên cùng thảo luận và đưa ra các biện pháp xử trí nhằm mục đích phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.
- Đối với người học:
+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.
+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về thảm họa, vai trò của điều dưỡng trong thảm họa, phân loại và xử trí trong các cấp cứu thảm họa.
4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2017), *Cấp cứu tai nạn thương tích*, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2014), *Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản,* Nhà xuất bản Y học.

3. Đỗ Công Tâm (2010), Bài giảng "Cấp cứu y tế trong thảm họa", Lớp định hướng bác sĩ Hồi sức cấp cứu, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

4. Tài liệu "Quy trình chuẩn ứng phó với thảm họa", Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam xuất bản tháng 01/2012.

5. Bộ Y tế (2025) Quyết định số 636/QĐ-BYT ngày 21/02/2025 Ban hành”tài liệu huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc”

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA

Tên môn học: Các chương trình Y tế quốc gia
Mã môn học: MH 35
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; thảo luận: 0; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học Các chương trình y tế quốc gia là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng điều dưỡng.
- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về các chương trình y tế quốc gia, giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt nội dung chính của chương trình y tế quốc gia.

II. Mục tiêu môn học:

- **CĐRMH 1:** Trình bày và phân tích được mục tiêu, đối tượng, nội dung hoạt động và các chỉ số đánh giá của các chương trình y tế quốc gia trọng điểm trong giai đoạn hiện nay.
- **CĐRMH 2:** Vận dụng được các kiến thức đã học vào hoạt động thực hành chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tại cộng đồng.
- **CĐRMH 3:** Sử dụng được công nghệ và chuyển đổi số trong việc theo dõi, báo cáo các chương trình y tế quốc gia thông qua hồ sơ sức khỏe điện tử và phần mềm quản lý.

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. **Về kiến thức:** Cung cấp mục tiêu, giải pháp và nội dung chuyên môn của các Chương trình Y tế Quốc gia trọng điểm giai đoạn 2026 – 2035.
2. **Về kỹ năng:** Cung cấp phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động y tế tại tuyến cơ sở trên nền tảng số.
3. **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Cung cấp ý thức tự giác, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm vận dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1. Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035	6	6		
2	Bài 2. Chương trình tiêm chủng mở rộng	4	4		
3	Bài 3. Chương trình phòng chống Lao	4	4		
4	Bài 4. Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030	4	4		
5	Bài 5. Công nghệ và Chuyển đổi số trong Y tế	4	4		
6	Bài 6. Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	6	6		
	Kiểm tra	2			2
	Tổng	**30**	**28**	**0**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035 Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức: Phân tích được các mục tiêu cụ thể, phạm vi triển khai và các nhóm giải pháp trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2035.
- Kỹ năng: Xây dựng được dự thảo kế hoạch phối hợp triển khai các hoạt động của chương trình tại địa phương.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thể hiện sự chủ động trong việc cập nhật các chính sách mới của quốc gia về y tế và dân số.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về nghị quyết
2.2. Mục tiêu thực hiện Chương trình
2.3. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện Chương trình.
2.4. Kinh phí thực hiện Chương trình
2.5. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình
2.6. Cơ chế, giải pháp thực hiện Chương trình
2.7. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện Chương trình

Bài 2: Chương trình tiêm chủng mở rộng Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được danh mục các loại vắc xin mới, lịch tiêm chủng và quy trình bảo quản vắc xin theo quy định của Bộ Y tế giai đoạn 2026-2028.
- Kỹ năng: Thực hiện đúng quy trình tư vấn, theo dõi phản ứng sau tiêm và quản lý đối tượng tiêm chủng trên hệ thống thông tin.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đảm bảo tính chính xác, an toàn và trách nhiệm cao trong công tác tiêm chủng phòng bệnh.

2. Nội dung

2.1. Sự cần thiết xây dựng kế hoạch
2.2. Kết quả triển khai tiêm chủng mở rộng năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025
2.3. Các hoạt động chính đã triển khai
2.4. Kế hoạch triển khai chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2026-2028

Bài 3: Chương trình phòng chống Lao Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Phân tích được tình hình dịch tễ bệnh Lao hiện nay và các chiến lược chẩn đoán, điều trị mới (Chiến lược 2X) của chương trình.
- Kỹ năng: Thực hiện được các kỹ năng sàng lọc, hướng dẫn người bệnh tuân thủ phác đồ điều trị và quản lý thuốc tại cộng đồng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự giác trong việc bảo vệ bản thân và cộng đồng, có thái độ đồng cảm, không kỳ thị đối với người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm tình hình công tác chống Lao ở Việt Nam
2.2. Các hoạt động chuyên môn đặc thù
2.3. Mục tiêu và các hoạt động trọng tâm

Bài 4: Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030 Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được thực trạng mức sinh và các nội dung cốt lõi của kế hoạch bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030.
- Kỹ năng: Vận dụng được các kỹ năng truyền thông, tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình phù hợp với từng đối tượng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tôn trọng quyền tự do cá nhân và thực hiện đúng các chuẩn mực đạo đức trong tư vấn dân số.

2. Nội dung

2.1. Sự cần thiết

2.2. Thực trạng mức sinh ở Việt Nam

2.3. Kế hoạch thực hiện chương trình đến năm 2030

Bài 5: Công nghệ và Chuyển đổi số trong Y tế Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu

- Kiến thức: Giải thích được vai trò và cấu trúc của Hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR) và hệ thống dữ liệu y tế quốc gia trên nền tảng số.
- Kỹ năng: Thành thạo các thao tác nhập liệu, khai thác và báo cáo số liệu chuyên môn trên các phần mềm quản lý y tế hiện hành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Bảo mật thông tin dữ liệu của người bệnh và tuân thủ các quy định về an toàn thông tin mạng.

2. Nội dung

2.1. Sử dụng Hồ sơ sức khỏe điện tử

2.2. Theo dõi và báo cáo chương trình qua các phần mềm quản lý y tế hiện hành

Bài 6: Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 Thời gian: 6 giờ

1.Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu chiến lược y tế Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045.
- Kỹ năng: Phân tích được mối liên hệ giữa các chương trình y tế quốc gia với việc hoàn thành các chỉ tiêu chung của chiến lược quốc gia.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định rõ vai trò và trách nhiệm cá nhân của người điều dưỡng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm

2.2. Mục tiêu

2.3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, internet.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.
4. Các điều kiện khác: Bút trình chiếu, micro, loa.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá khả năng phân tích mục tiêu và giải pháp chuyên môn của các chương trình y tế quốc gia giai đoạn 2026–2035.

- Kỹ năng: Đánh giá năng lực lập kế hoạch và thực hiện báo cáo chuyên môn trên các nền tảng y tế số tại tuyến cơ sở.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong việc bảo mật thông tin và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
2. Phương pháp:
- 01 bài thường xuyên- Bài kiểm tra ngắn (10-15 phút) trên lớp
- 01 bài kiểm tra định kỳ- Hình thức trắc nghiệm, tập trung vào nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia và Tiêm chủng mở rộng.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Thi trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học các chương trình Y tế quốc gia được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng điều dưỡng trong trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học;
- Đối với người học: Tham gia đầy đủ nội dung thảo luận, luyện tập nội dung các chương trình y tế quốc gia nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Nội dung cơ bản và phổ cập về các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đã được triển khai, nắm được mục tiêu định hướng và các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. Bộ Y tế (2025), *Thông tư số 12/2025/TT-BYT hướng dẫn danh mục vắc xin và tiêm chủng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng*, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2026), *Quyết định số 1069/QĐ-BYT về Kế hoạch hành động thực hiện chương trình điều chỉnh mức sinh thay thế giai đoạn 2026-2030*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Long và cộng sự (2022), *Hệ thống Y tế Việt Nam trong thời đại số*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 262/2025/QH15 về chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035*, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 89/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn 2045*, Hà Nội.
6. Thủ tướng Chính phủ (2026), *Chỉ thị số 17/CT-TTg về việc tăng cường chuyển đổi số và triển khai lộ trình khám sức khỏe định kỳ toàn dân*, Hà Nội.
7. Viện Chiến lược và Chính sách Y tế (2024), *Báo cáo Tổng quan Ngành Y tế Việt Nam giai đoạn 2015-2025 và định hướng 2030*, Bộ Y tế, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC DƯỢC LÂM SÀNG

Tên môn học: Dược lâm sàng
Mã môn học: MH 36
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ lý thuyết)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí của môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả; nguyên tắc lựa chọn thuốc, liều dùng, cách dùng, thời gian dùng thuốc; theo dõi hiệu quả điều trị, phát hiện và xử trí các vấn đề liên quan đến thuốc trong phạm vi hành nghề của Điều dưỡng trình độ cao đẳng.

2. Tính chất môn học: Môn học tự chọn. Dược lâm sàng là môn học chuyên môn ngành, có tính chất lý thuyết kết hợp với thực hành, có tính ứng dụng cao và gắn với thực tiễn nghề nghiệp của Điều dưỡng

Nội dung môn học tập trung vào các nguyên tắc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả; các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn và sử dụng thuốc; phản ứng có hại của thuốc, tương tác thuốc, chống chỉ định, thận trọng và các vấn đề thường gặp trong sử dụng thuốc; đồng thời rèn luyện kỹ năng thu thập, phân tích thông tin và tư vấn sử dụng thuốc phù hợp cho người bệnh.

Môn học góp phần hình thành năng lực thực hành nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và thái độ chuyên nghiệp của người Điều dưỡng trong việc bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả**,** hướng đến chăm sóc sức khỏe và bảo vệ người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong, người học đạt được CĐR MH:

- CĐRMH 1: Trình bày được các khái niệm cơ bản, nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong dược lâm sàng .
- CĐRMH 2: Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến dược động học, tương tác thuốc, ADR và dị ứng thuốc trong thực hành điều dưỡng .
- CĐRMH 3: Phân tích được nguy cơ và hậu quả của việc sử dụng thuốc không hợp lý ở các đối tượng đặc biệt.
- CĐRMH 4: Vận dụng được nguyên tắc sử dụng kháng sinh, thuốc chống viêm, vitamin và các thuốc thường dùng trong chăm sóc người bệnh.
- CĐRMH 5: Hướng dẫn được người bệnh sử dụng thuốc đúng cách và theo dõi các phản ứng bất lợi của thuốc.
- CĐRMH 6: Thực hiện đúng quy định chuyên môn, có thái độ cẩn trọng và trách nhiệm trong sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm về Dược lâm sàng, vài nét lịch sử về sự ra đời và phát triển của Dược lâm sàng.
- Trình bày được khái niệm dược động học, ý nghĩa cả các thông số dược động học, khái niệm, ý nghĩa của tương tác thuốc, phản ứng có hại của thuốc và dị ứng thuốc, các yếu tố ảnh hưởng, những thay đổi và lưu ý khi sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt.
- Trình bày và phân tích được nguyên tắc sử dụng kháng sinh, glucocorticoid, thuốc giảm đau ngoại vi, vitamin và thuốc điều trị bệnh loét dạ dày, tá tràng.

2. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng phân tích: Phân tích sự phối hợp thuốc; Phân tích những tương tác, ADR khi sử dụng và phối hợp thuốc...

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện thái độ thận trọng, tỷ mỉ, chính xác;
- Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập;
- Tuân thủ các quy định về y đức, quy chế ngành nghề.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về dược lâm sàng	1	1	0	
2	Bài 2. Dược động học lâm sàng	3	3	0	
3	Bài 3. Tương tác thuốc	4	4	0	
4	Bài 4. Phản ứng bất lợi của thuốc và cảnh giác thuốc	2	2	0	
5	Bài 5. Dị ứng thuốc	2	2	0	
6	Bài 6. Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt	4	4	0	
7	Bài 7. Sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn an toàn, hợp lý	4	4	0	
8	Bài 8. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống viêm cấu trúc Steroid và không Steroid	4	4	0	
9	Bài 9. Sử dụng Vitamin an toàn, hợp lý	4	4	0	
10	Kiểm tra	2			2
Cộng		**30**	**28**	**0**	**02**

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Đại cương về dược lâm sàng

1. Mục tiêu Thời gian: 1 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa Dược lâm sàng, 2 mục tiêu cơ bản của học phần.
- Trình bày được vài nét về sự ra đời và phát triển của học phần Dược lâm sàng, vài nét về hoạt động của Dược lâm sàng trên thế giới và Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Mục tiêu cơ bản của học phần
2.3. Vài nét về sự ra đời và phát triển của Dược lâm sàng
2.4. Vài nét về hoạt động của Dược lâm sàng trên thế giới
2.5. Tình hình hoạt động của Dược lâm sàng tại Việt Nam
2.5.1. Dược lâm sàng ở bậc cao đẳng
2.5.2. Mục tiêu cho học phần Dược lâm sàng ở hệ Cao đẳng
2.6. Những nội dung cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý

2.6.1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn thuốc an toàn, hợp lý
2.6.2. Các kỹ năng cần có của diều dưỡng khi hướng dẫn điều trị

Bài 2. Dược động học lâm sàng

1. Mục tiêu Thời gian: 3 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa của Dược động học và mục tiêu nghiên cứu về Dược động học lâm sàng.
- Trình bày được đặc điểm của các giai đoạn hấp thu, phân bố, chuyển hoá, thải trừ của một thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến các giai đoạn này.
- Trình bày được ý nghĩa cơ bản của các thông số Dược động học của 3 giai đoạn hấp thu, phân bố, thải trừ và ứng dụng của các thông số này trong Dược động học lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Các thông số dược động học
2.2.1. Sinh khả dụng:
2.2.2. Thể tích phân bố (Vd)
2.2.3. Hệ số thanh thải (Clearance = Cl)
2.2.4. Thời gian bán thải ($t_{1/2}$)
2.3. Ứng dụng của các thông số dược động học lâm sàng

Bài 3. Tương tác thuốc

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được khái niệm, phân loại, ý nghĩa của tương tác thuốc.
- Trình bày được khái niệm, và các ảnh hưởng của thức ăn, đồ uống đến thuốc và hướng dẫn thời gian uống thuốc hợp lý.

2. Nội dung

2.1. Tương tác thuốc - thuốc
2.1.1. Khái niệm chung
2.1.2. Phân loại tương tác thuốc
2.1.3. Ý nghĩa của tương tác thuốc
2.2. Tương tác thuốc - thức ăn - đồ uống
2.2.1. Khái niệm chung
2.2.2. Ảnh hưởng của thức ăn đến thuốc
2.2.3. Ảnh hưởng của đồ uống đến thuốc
2.2.4. Ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc kéo dài đến sự hấp thu các chất dinh dưỡng từ thức ăn
2.2.5. Hướng dẫn thời gian uống thuốc hợp lý

Bài 4. Phản ứng bất lợi của thuốc và cảnh giác thuốc

1. Mục tiêu Thời gian: 2 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa và 3 cách phân loại ADR.
- Trình bày được hai nhóm yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR.
- Trình bày và phân tích được 4 biện pháp hạn chế ADR.
- Trình bày và phân tích được 3 lĩnh vực ưu tiên của cảnh giác thuốc.

2. Nội dung

2.1. Phản ứng bất lợi của thuốc (Adverse Drug Reaction - ADR)
2.1.1. Định nghĩa và phân loại ADR
2.1.2. Những yếu tố liên quan đến phát sinh ADR

2.1.3. Biện pháp hạn chế ADR
2.1.4. Báo cáo ADR
2.2. Cảnh giác thuốc
2.2.1. Khái niệm về cảnh giác thuốc
2.2.2. Một số lĩnh vực ưu tiên của cảnh giác thuốc
2.2.3. Vai trò và nhiệm vụ của các tổ chức và cá nhân để thực hiện công tác cảnh giác thuốc

Bài 5. Dị ứng thuốc

1. Mục tiêu Thời gian: 2 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày và phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến dị ứng thuốc.
- Trình bày được phân loại và các biểu hiện lâm sàng của dị ứng thuốc.
- Trình bày được các biện pháp hạn chế dị ứng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Một vài nét nghiên cứu về dị ứng thuốc
2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát sinh dị ứng thuốc
2.2.1. Tính chất của thuốc
2.2.2. Đường vào cơ thể của thuốc
2.2.3. Cách sử dụng thuốc
2.2.4. Tuổi và giới
2.2.5. Cơ địa atopy và tiền sử dị ứng thuốc
2.3. Phân loại dị ứng thuốc
2.4. Các biểu hiện lâm sàng của dị ứng thuốc

Bài 6. Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được những ảnh hưởng của thuốc khi dùng cho phụ nữ có thai đối với thai nhi và nguyên tắc sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai.
- Trình bày được cách phân loại thuốc dùng cho phụ nữ có thai.
- Phân tích được những ảnh hưởng của thuốc dùng cho phụ nữ cho con bú đối với trẻ bú mẹ và nguyên tắc sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú.
- Liệt kê được những thay đổi về dược động học và dược lực học của thuốc khi dùng cho trẻ em, người cao tuổi.
- Trình bày được những vấn đề cần lưu ý khi sử dụng thuốc cho trẻ em và người cao tuổi.

2. Nội dung

2.1. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai
2.1.1. Ảnh hưởng của thuốc đối với thai nhi
2.1.2. Phân loại
2.1.3. Nguyên tắc trong sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai
2.2. Sử dụng thuốc cho phụ nữ ở thời kỳ cho con bú
2.2.1. Những yếu tố quyết định lượng thuốc vào đứa trẻ khi sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú
2.2.2. Những thuốc ảnh hưởng đến khả năng bài tiết sữa khi dùng cho phụ nữ đang cho con bú
2.2.3. Nguyên tắc trong sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú
2.3. Sử dụng thuốc trong nhi khoa
2.3.1. Phân loại trẻ em theo lớp tuổi
2.3.2. Những khác biệt về dược động học ở trẻ em
2.3.3. Những thay đổi trong đáp ứng thuốc ở trẻ em
2.3.4. Một số điểm cần lưu ý khi dùng thuốc cho trẻ em

2.4. Sử dụng thuốc cho người cao tuổi
2.4.1. Đặc điểm dược động học ở người cao tuổi
2.4.2. Thay đổi về dược lực học ở người cao tuổi
2.4.3. Đặc điểm bệnh lý liên quan đến sử dụng thuốc
2.4.4. Những vấn đề cần chú ý khi sử dụng thuốc cho người cao tuổi

Bài 7. Sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn an toàn, hợp lý

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa về kháng sinh đồ và áp dụng của kháng sinh đồ trong sử dụng kháng sinh.
- Trình bày được định nghĩa của sự kháng kháng sinh và biện pháp hạn chế sự kháng kháng sinh.
- Liệt kê và phân tích được 4 nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn hợp lý trong điều trị.

2. Nội dung

2.1. Một số Khái niệm cơ bản liên quan đến sử dụng kháng sinh
2.1.1. Nồng độ kìm khuẩn tối thiểu
2.1.2. Nồng độ diệt khuẩn tối thiểu
2.1.3. Kháng sinh kìm khuẩn và kháng sinh diệt khuẩn
2.1.4. Kháng sinh đồ
2.1.5. Sự kháng kháng sinh
2.2. Tác dụng không mong muốn và chống chỉ định
2.3. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị
2.3.1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn
2.3.2. Phải biết lựa chọn kháng sinh hợp lý
2.3.4. Phải sử dụng kháng sinh đúng thời gian quy định
2.4. Sử dụng kháng sinh trong dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật
2.4.1. Thời điểm đưa thuốc và đường đưa thuốc
2.4.2. Lựa chọn kháng sinh theo loại phẫu thuật
2.4.3. Độ dài của đợt điều trị

Bài 8. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống viêm cấu trúc Steroid và không Steroid

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Liệt kê và phân tích được các tác dụng không mong muốn của mỗi nhóm.
- Trình bày và phân tích được cách khắc phục từng tác dụng không mong muốn.
- Trình bày và phân tích được các chống chỉ định với mỗi nhóm thuốc.

2. Nội dung

2.1. Glucocorticoid
2.1.1. Đại cương
2.1.2. Tác dụng không mong muốn và cách khắc phục
2.1.3. Chống chỉ định
2.2. Thuốc chống viêm không Steroid (NSAID)
2. 2.1. Đại cương
2.2.2. Tác dụng không mong muốn và cách khắc phục
2.2.3. Tương tác thuốc cần tránh
2.2.4. Chống chỉ định

Bài 9. Sử dụng Vitamin an toàn, hợp lý

1. Mục tiêu Thời gian: 4 giờ

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được lượng cần bổ sung khi thiếu của một số vitamin và chất khoáng sau đây: A, C, B_1, B_6, B_{12}, Calci, sắt, Iod.
- Trình bày và phân tích được 4 nguyên nhân gây thiếu vitamin và xử trí khi thiếu vitamin.
- Trình bày 2 nguyên nhân thừa vitamin và 4 biện pháp tránh thừa vitamin.

2. Nội dung

2.1. Đặt vấn đề
2.2. Nhu cầu về vitamin và chất khoáng
2.3. Thiếu vitamin và chất khoáng
2.3.1. Nguyên nhân
2.3.2. Xử trí khi thiếu vitamin và chất khoáng
2.4. Thừa vitamin và chất khoáng
2.4.1. Nguyên nhân gây thừa và hậu quả
2.4.2. Các biện pháp tránh thừa vitamin

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: Phòng học chuyên môn.
2. Tranh thiết bị, máy móc: Bảng, phấn, máy tính, máy chiếu PROJECTOR..
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Video clip minh họa, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:
- Trình bày được khái niệm về Dược lâm sàng, vài nét lịch sử về sự ra đời và phát triển của Dược lâm sàng.
- Trình bày được khái niệm dược động học, ý nghĩa cả các thông số dược động học, khái niệm, ý nghĩa của tương tác thuốc, phản ứng có hại của thuốc và dị ứng thuốc, các yếu tố ảnh hưởng, những thay đổi và lưu ý khi sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt.
- Trình bày và phân tích được nguyên tắc sử dụng kháng sinh, glucocorticoid, thuốc giảm đau ngoại vi, vitamin và thuốc điều trị bệnh loét dạ dày, tá tràng.
- Kỹ năng:
- Rèn luyện kỹ năng phân tích: Phân tích sự phối hợp thuốc; Phân tích những tương tác, ADR khi sử dụng và phối hợp thuốc...
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua quan sát trực tiếp sinh viên trong quá trình học tập, cần đạt được các yêu cầu sau:
- Rèn luyện thái độ thận trọng, tỷ mỉ, chính xác.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường.
- Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao trong học tập.

Phương pháp đánh giá:

Điểm môn học là kết quả của 3 thành phần điểm, cụ thể như sau:
- Có 01 bài kiểm tra thường xuyên theo hình thức tự luận
- 01 bài kiểm tra định kỳ theo hình thức trắc nghiệm.
- Thi kết thúc môn học theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng của môn học:

Chương trình môn học Dược lâm sàng được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng Điều dưỡng tại trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.-

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:

- Đây là môn học gắn liền với thực tế nghề nghiệp của Điều dưỡng nên giáo viên, giảng viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học.
- Phần thảo luận, luyện tập tình huống nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.
- Đối với người học:
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.
- Có vở tự học và vở ghi chép bài trên lớp riêng.
- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, làm bài tập ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý: Các thông số dược động học, tương tác thuốc, phản ứng có hại của thuốc và dị ứng thuốc; Sử dụng vitamin, chống viêm steroid và không steroid, kháng sinh an toàn, hợp lý.

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. Nhà xuất bản Y học, *Dược thư quốc gia Việt Nam II*
2. Trường Cao đẳng Dược trung ương Hải Dương, *Giáo trình Dược lâm sàng.*
3. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Dược lâm sàng đại cương.*
4. Trường Đại học Dược Hà Nội, *Dược lâm sàng và điều trị*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM NÂNG CAO

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao
Mã môn học: MH 37
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Là môn học tự chọn

2. Tính chất: Là môn học đóng vai trò kết nối kiến thức khoa học cơ sở (Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh) với các triệu chứng lâm sàng nhi khoa. Môn học trang bị cho người học tư duy phân tích lâm sàng và năng lực thiết lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ bị bệnh

II. Mục tiêu môn học:

- CĐRMH 1: Áp dụng được kiến thức về giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, dinh dưỡng và các biểu hiện lâm sàng nhi khoa để phân tích tình trạng sức khỏe, xác định nhu cầu chăm sóc và các yếu tố nguy cơ ở trẻ em.(CĐR 2)
- CĐRMH 2: Phân tích được nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, các yếu tố nguy cơ và áp dụng được các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng bệnh truyền nhiễm trong chăm sóc trẻ em tại bệnh viện và cộng đồng. (CĐR 1,2).
- CĐRMH 3: Nhận định được tình trạng sức khỏe, phát hiện các dấu hiệu bất thường, xác định vấn đề ưu tiên và tham gia xử trí ban đầu đối với các bệnh thường gặp và một số tình trạng cấp cứu ở trẻ em.(CĐR 2,3, 4)
- CĐRMH 4: Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ mắc các bệnh nội khoa nhi theo đúng quy trình điều dưỡng, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. (CĐR 3)
- CĐRMH 5:Thực hiện được tư vấn, truyền thông và giáo dục sức khỏe cho trẻ em, gia đình và cộng đồng về dinh dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc và theo dõi trẻ tại nhà. (CĐR 5)
- CĐRMH 6: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, thái độ tận tình, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chủ động học tập, phối hợp làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong hoạt động chăm sóc trẻ em. (CĐR 1,5,6, 8)

1. Về kiến thức:

- Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và biện pháp phòng bệnh ở trẻ em.
- Trình bày được nguyên tắc chăm sóc, theo dõi, dinh dưỡng, dùng thuốc và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc trẻ bệnh.
- Phân tích được các yếu tố nguy cơ, đường lây truyền, nguyên tắc phòng bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc trẻ em.

2. Về kỹ năng:

- Nhận định được tình trạng sức khỏe, phát hiện các dấu hiệu bất thường và xác định các vấn đề ưu tiên trong chăm sóc trẻ em.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ bệnh theo đúng quy trình điều dưỡng, đảm bảo an toàn và phù hợp với từng bệnh lý.
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành nhi khoa; theo dõi, ghi chép và báo cáo diễn biến của trẻ bệnh.
- Thực hiện được tư vấn, truyền thông và giáo dục sức khỏe cho trẻ em, gia đình và cộng đồng về phòng bệnh và chăm sóc trẻ tại nhà.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện thái độ tận tình, cẩn thận, tôn trọng và đảm bảo an toàn cho trẻ bệnh trong quá trình chăm sóc.

- Chủ động học tập, cập nhật kiến thức, phối hợp làm việc nhóm và chịu trách nhiệm đối với hoạt động chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Sơ sinh				
	Bài 1. Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da tăng bilirubin tự do	2	2	0	
	Bài 2. Chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non	2	2	0	
	Bài 3. Nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh	2	2	0	
	Bài 4. Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm màng não mủ	2	2	0	
2	Chương 2: Máu				
	Bài 5. Chăm sóc trẻ bị bệnh bạch cầu cấp	1	1	0	
	Bài 6. Chăm sóc trẻ bị xuất huyết giảm tiểu cầu	1	1	0	
	Bài 7. Chăm sóc trẻ bị bệnh Beta Thalassemia	1	1	0	
3	Kiểm tra	1		0	1
4	Chương 3: Tiết niệu & nội tiết				
	Bài 8. Chăm sóc trẻ bị nhiễm trùng đường tiết niệu	1	1	0	
	Bài 9. Chăm sóc trẻ bị suy thận cấp	2	2	0	
	Bài 10. Chăm sóc trẻ đái tháo đường	2	2	0	
5	Chương 4: Tiêu hóa và dinh dưỡng				
	Bài 11. Chăm sóc trẻ thiếu vitamin A	1	1	0	
	Bài 12. Chăm sóc trẻ nôn trớ và táo bón	2	2	0	
	Bài 13. Chăm sóc trẻ dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa	1	1	0	
	Bài 14. Chăm sóc trẻ bị bệnh giun	1	1	0	
6	Chương 5: Thần kinh- Lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em				
	Bài 15. Chăm sóc trẻ bị bệnh xuất huyết não- màng não	2	2	0	
	Bài 16. Chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng	1	1	0	
	Bài 17. Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em	4	4	0	
7	Kiểm tra	1			1
	Cộng	**30**	**28**	0	**2**

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Sơ sinh

Bài 1: Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da tăng bilirubin tự do Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được đặc điểm chuyển hóa Bilirubin ở trẻ sơ sinh và các nguyên nhân gây tăng Bilirubin tự do.
- Phân biệt chính xác vàng da sinh lý và vàng da bệnh lý dựa trên triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng.
- Trình bày được quy tắc Kramer và các dấu hiệu cảnh báo vàng da nhân não.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cho trẻ vàng da tăng bilirubin tự do theo quy trình điều dưỡng
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện sớm vàng da trong "thời điểm vàng" để tránh di chứng não cho trẻ và có tinh thần trách nhiệm, tuân thủ các quy định an toàn khi chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da tăng bilirubin tự do

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các giai đoạn chuyển hoá
2.3. Nguyên nhân vàng da
2.3.1. Nguyên nhân tan máu
2.3.2.Thiếu hoặc rối loạn chức năng các enzym kết hợp
2.4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
2.4.1. Triệu chứng lâm sàng
2.4.2. Xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán nguyên nhân
2.5. Hậu quả của vàng da tăng bilirubin tự do
2.5.1. Vàng da nhân
2.5.2. Hội chứng mật đặc (Ladd)
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định điều dưỡng
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 2: **Chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non** Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được đặc điểm của trẻ sơ sinh thiếu tháng và cách nhận biết trẻ đẻ non và trẻ để đủ tháng nhẹ cân.
- Phân tích được các yếu tố nguy cơ và nguyên nhân thường gặp và các biện pháp dự phòng đẻ non
- Giải thích được các nguyên tắc chăm sóc thiết yếu và các biến chứng sớm thường gặp ở trẻ đẻ non (hạ thân nhiệt, suy hô hấp, nhiễm khuẩn, hạ đường huyết,…).
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc trẻ đẻ non theo đúng quy trình điều dưỡng
- Thể hiện thái độ nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm, chủ động tự học, tuân thủ quy định chuyên môn và bảo đảm an toàn trong chăm sóc trẻ sơ sinh.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2.1. Từ mẹ

2.2.2. Từ con
2.3. Đặc điểm hình thể trẻ đẻ non
2.4. Đặc điểm sinh lý bệnh và các nguy cơ của trẻ đẻ non
2.4.1. Suy hô hấp và ngạt khi đẻ
2.4.2. Hạ thân nhiệt
2.4.3. Hạ đường huyết
2.4.4. Viêm ruột hoại tử
2.4.5. Vàng da
2.4.6. Xuất huyết
2.4.7. Nguy cơ nhiễm khuẩn
2.4.8. Thiếu máu
2.4.9. Rối loạn điện giải
2.4.10. Hạ huyết áp
2.4.11. Trương lực cơ
2.5. Chăm sóc trẻ đẻ non
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 3: Nhiễm khuẩn sơ sinh Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được các đường lây truyền và yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn sơ sinh sớm và muộn.
- Trình bày được các biểu hiện lâm sàng của các bệnh nhiễm khuẩn nặng và nhiễm khuẩn tại chỗ.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh bị nhiễm khuẩn theo quy trình điều dưỡng.
- Xác định được thái độ nghiêm túc, tuân thủ tuyệt đối quy trình vô khuẩn để đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sinh lý bệnh
2.1.1. Trẻ dưới 1 tuần tuổi
2.1.2. Trẻ từ 1 tuần tuổi trở lên
2.2. Các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn sơ sinh
2.3. Các bệnh nhiễm khuẩn rốn
2.3.1. Viêm rốn
2.3.2. Hoại thư rốn
2.3.3. Viêm các mao mạch rốn
2.3.4. Uốn ván rốn
2.4. Các bệnh nhiễm khuẩn ngoài da, niêm mạc
2.4.1. Mụn phỏng nốt mủ
2.4.2. Mụn phỏng
2.4.3. Viêm da bong
2.4.4. Tưa miệng
2.5. Nhiễm khuẩn huyết
2.6. Nhiễm khuẩn đường hô hấp
2.7. Chăm sóc trẻ sơ sinh bị các bệnh nhiễm khuẩn
2.7.1. Nhận định điều dưỡng

2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm màng não mủ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây viêm màng não mủ (VMNM) ở trẻ sơ sinh.
- Phân tích được các biểu hiện lâm sàng đặc thù, cận lâm sàng và các biến chứng của viêm màng não mủ ở trẻ sơ sinh.
- Vận dụng các kiến thức đã học vào lập được kế hoạch chăm sóc điều dưỡng cụ thể theo từng vấn đề ưu tiên của người bệnh.
- Thể hiện tinh thần trách nhiệm, cẩn trọng, tỉ mỉ và tuân thủ tuyệt đối quy tắc vô khuẩn trong quá trình chăm sóc trẻ sơ sinh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân và sinh lý bệnh
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. 1.2. Dịch tễ
2.1.3. Yếu tố nguy cơ
2. Nguyên nhân và sinh lý bệnh
2.1. Nguyên nhân
2.3. Phân loại
2.4. Triệu chứng lâm sàng
2.4.1. Triệu chứng toàn thân
2.4.2. Triệu chứng thần kinh
2.5. Biến chứng
2.6. Cận lâm sàng
2.6.1. Xét nghiệm dịch não tủy
2.6.2. Các xét nghiệm khác
2. 7. Chăm sóc điều dưỡng
2.7.1. Nhận định điều dưỡng
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá chăm sóc
2.8. Phòng bệnh

Chương 2: Máu

Bài 5: Chăm sóc trẻ bị bệnh bạch cầu cấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và triệu chứng, biến chứng thường gặp của bệnh bạch cầu cấp ở trẻ em.
- Nêu được ý nghĩa của các xét nghiệm máu và tủy đồ trong chẩn đoán và theo dõi bệnh.
-Vận dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào thực hành lâm sàng chăm sóc trẻ bị bạch cầu cấp theo đúng quy trình điều dưỡng

- Nhận thức được vai trò hỗ trợ tâm lý của người điều dưỡng đối với trẻ mắc bệnh nan y và chủ động theo dõi và báo cáo kịp thời các dấu hiệu bất thường của trẻ.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa
2.2. Nguyên nhân
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Các triệu chứng do hậu quả lấn át tủy
2.3.2. Các triệu chứng do tăng sinh ác tính, thâm nhiễm ngoài tủy
2.3.3. Triệu chứng huyết học
2.3.3.1. Huyết đồ
2.3.3.2. Tủy đồ
2.3.3.3. Xét nghiệm di truyền
2.4. Chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 6: Chăm sóc trẻ bị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân của bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu ở trẻ em.
- Mô tả được các đặc điểm lâm sàng điển hình của xuất huyết do giảm tiểu cầu.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu theo đúng quy trình điều dưỡng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Xuất huyết do nguyên nhân tiểu cầu
2.1.1. Do giảm số lượng tiểu cầ
2.1.2. Do rối loạn về chất lượng
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Xuất huyết với các đặc điểm
2.2.2. Thiếu máu
2.3. Xét nghiệm huyết học
2.3.1. Các xét nghiệm đông máu
2.3.2. Công thức máu
2.3.3. Tủy đồ
2.4. Chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 7: Chăm sóc trẻ bị bệnh beta Thalassemia Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được định nghĩa và cơ chế di truyền gây lên bệnh beta Thalassemia.

- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và biến chứng thường gặp của bệnh beta Thalassemia ở trẻ em.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc sóc toàn diện trẻ bị bệnh beta Thalassemia.
- Xác định được tinh thần trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn truyền máu và chủ động tư vấn cho gia đình về việc tầm soát bệnh cho các thành viên khác và tư vấn di truyền trước khi sinh con tiếp theo.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Xét nghiệm
2.4. Chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Kiểm tra Thời gian: 1 giờ

Chương 3: Tiết niệu & nội tiết

Bài 8: Chăm sóc trẻ bị nhiễm trùng đường tiết niệu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi thường gây bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu ở trẻ em.
- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của nhiễm trùng đường tiết niệu ở trẻ em.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc trẻ bị bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu phù hợp với tình trạng của người bệnh.
- Thể hiện thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm và tuân thủ các nguyên tắc an toàn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.2. Nguyên nhân
2.2.1. Vi khuẩn
2.2.2. Yếu tố nguy cơ
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Hội chứng nhiễm khuẩn
2.3.2. Đái rắt, đái buốt, nước tiểu đục (đái mủ)
2.3.3. Một số triệu chứng khác
2.4. Cận lâm sàng
2.4.1. Cấy nước tiểu:
2.4.2. Soi nước tiểu
2.4.3. Xét nghiệm máu
2.4.4. Siêu âm thận tiết niệu
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 9: Chăm sóc trẻ bị suy thận cấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân biệt được nguyên nhân gây suy thận cấp trước thận, tại thận và sau thận ở trẻ em.
-Trình bày được các biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và diễn biến của suy thận cấp qua các giai đoạn ở trẻ em.
- Trình bày được các biện pháp phòng suy thận cấp cho trẻ em.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho trẻ bị bệnh suy thận cấp
- Chủ động học tập, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao năng lực chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.1.1. Suy thận cấp trước thận
2.1.2. Suy thận cấp tại thận
2.1.3. Suy thận cấp sau thận
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Giai đoạn tổn thương
2.2.3. Giai đoạn đa niệu
2.2.4. Giai đoạn hồi phục
2.3. Xét nghiệm đánh giá suy thận
2.4. Chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 10: Chăm sóc trẻ đái tháo đường Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại, nguyên nhân, đái tháo đường ở trẻ em.
- Mô tả chính xác các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các biến chứng của bệnh.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc trẻ đái tháo đường theo đúng quy trình điều dưỡng.

- Thể hiện sự ân cần, đồng cảm và kiên nhẫn khi tiếp xúc, chăm sóc trẻ em và người nhà bệnh nhi.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1.Đại cương

2.1.2. Dịch tễ học

2.1.3. Phân loại

2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Cận lâm sàng

5.2. Biến chứng

2.5.1. Biến chứng cấp tính

2.5.2. Biến chứng mạn tính

2.6. Chăm sóc

2.6.1. Nhận định điều dưỡng

2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.6.5. Đánh giá chăm sóc

2.7. Giáo dục suacs khỏe

2.8. Phòng bệnh

Chương 4: Tiêu hóa và dinh dưỡng

Bài 11: Chăm sóc trẻ thiếu vitamin A Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được vai trò của vitamin A trong cơ thể, những nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thiếu vitamin A ở trẻ em.
- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng do thiếu vitamin A ở trẻ em theo phân loại của tổ chức Y tế thế giới.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho trẻ bị thiếu vitamin A.
- Có ý thức tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và hướng dẫn gia đình thực hiện các biện pháp phòng chống thiếu vitamin A cho trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của vitamin A trong cơ thể

2.1.1. Đặc tính của vitamin A (Retinol)

2.1.2. Vai trò của vitamin A

2.2. Nguyên nhân gây thiếu vitamin A

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Triệu chứng không điển hình

2.3.2. Triệu chứng đặc hiệu

2.3.2.1. Quáng gà

2.3.2.2. Khô kết mạc

2.3.2.3. Vệt bitot

2.3.2.4. Khô mờ giác mạc

2.4.2.5. Loét nhuyễn giác mạc

2.4.2.6. Hoại tử toàn bộ giác mạc

2.4.2.7. Sẹo giác mạc

2.4. Kế hoạch chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán diều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 12: Chăm sóc trẻ nôn trớ và táo bón Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân gây và các yếu tố thuận lợi gây nôn trớ ở trẻ em.
- Phân biệt được nôn trớ sinh lý và nôn bệnh lý dựa trên các đặc điểm lâm sàng.
- Mô tả được nguyên nhân, biểu hiện lâm sàng và hậu quả của táo bón ở trẻ em
- Nhận định được các vấn đề chăm sóc và lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị nôn trớ hoặc táo bón phù hợp với tình trạng bệnh.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo an toàn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

A. Hội chứng nôn trớ
2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân.
2.2.1. Nôn triệu chứng do các bệnh ngoài đường tiêu hóa
2.2.2. Nôn do sai lầm về ăn uống
2.2.3. Nôn do bệnh ở đường tiêu hoá
2.2.3.1. Các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa
2.2.3.2. Các dị tật ở đường tiêu hóa và các bệnh cấp cứu ngoại khoa khác
2.2.3.3. Luồng trào ngược dạ dày thực quản
2.2.4. Nôn do rối loạn thần kinh thực vật
2.2.5. Do ngộ độc
2.3. Chăm sóc
2.3.1. Nhận định điều dưỡng
2.3.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.3.5. Đánh giá chăm sóc
B. Hội chứng táo bón
2.1. Nguyên nhân
2.1.1. Dị tật bẩm sinh đường tiêu hoá
2.1.2. Rối loạn chức năng đường tiêu hoá
2.2. Triệu chứng
2.2.1. Đặc điểm chính
2.2.2. Triệu chứng kèm theo
2.3. Chăm sóc người bệnh bị táo bón
2.3.1. Nhận định điều dưỡng
2.3.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.3.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 13. Chăm sóc trẻ bị dị tật ở đường tiêu hóa Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các dị tật bẩm sinh thường gặp ở đường tiêu hóa của trẻ sơ sinh.
- Mô tả được các biểu hiện lâm sàng, nguyên nhân, hướng xử trí và nguyên tắc chăm sóc trẻ bị dị tật hậu môn - trực tràng, teo thực quản và tắc ruột ở trẻ sơ sinh.
- Trình bày được các dấu hiệu dị tật sứt môi, hở hàm ếch để hỗ trợ chăm sóc và hướng dẫn gia đình đưa trẻ điều trị kịp thời.
- Nhận định được các vấn đề chăm sóc và lập được kế hoạch chăm sóc trẻ bị dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa phù hợp với tình trạng người bệnh.
- Có ý thức trách nhiệm cao trong việc theo dõi sát trẻ sơ sinh để phát hiện các dấu hiệu ngoại khoa cần xử trí khẩn cấp.

2. Nội dung

2.1. Những dị tật ở hậu môn, trực tràng
2.1.1. Hậu môn màng
2.1.2. Lỗ rò tầng sinh môn
2.1.3. Tật không hậu môn
2.2. Tịt thực quản
2.3. Tắc ruột sơ sinh
2.3.1. Triệu chứng
2.3.2. Nguyên nhân
2.3.2.1. Teo môn vị
2.3.2.2. Teo tá tràng
2.3.2.3. Teo ruột non
2.3.2.4. Teo đại tràng
2.3.2.5. Một số nguyên nhân khác
2.3.3. Chăm sóc
2.4. Tật sứt môi, hở hàm ếch (hở vòm miệng)
2.4.1. Phân loại
2.4.2. Chăm sóc

Bài 14: Chăm sóc trẻ bị bệnh giun Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền và tác hại của bệnh giun đối với sức khỏe trẻ em.
- Mô tả được các biểu hiện lâm sàng thường gặp của nhiễm giun ở trẻ em.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị nhiễm giun phù hợp với tình trạng bệnh.
- Chủ động tuyên truyền và nhắc nhở gia đình thực hiện tẩy giun định kỳ 6 tháng một lần cho tất cả các thành viên trong nhà.

2. Nội dung

2.1. Giun đũa
2.1.1. Triệu chứng lâm sàng
2.1.2. Những biến chứng có thể xảy ra khi giun quá nhiều
2.2. Giun kim
2.2.1. Nguyên nhân
2.2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.3. Giun móc
2.3.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1.1. Giai đoạn xâm nhập
2.3.1.2. Giai đoạn toàn phát
2.3.2. Xét nghiệm
2.4. Chăm sóc
2.4.1. Nhận định điều dưỡng
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Chương 5: Thần kinh và lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em

Bài 15: Chăm sóc trẻ xuất huyết não - màng não Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được nguyên nhân dẫn đến xuất huyết não - màng não ở trẻ em.
- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng bệnh xuất huyết não - màng não.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc trẻ bị xuất huyết não - màng não phù hợp với tình trạng người bệnh.
- Thể hiện sự tỉ mỉ, chính xác và trung thực trong việc theo dõi các dấu hiệu sinh tồn, tri giác (thang điểm Glasgow) và thóp của trẻ, nhận thức được rằng mỗi thay đổi nhỏ đều là chìa khóa để cứu sống bệnh nhi.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.1.1. Thể xuất hiện sớm
2.1.2. Thể xuất hiện muộn
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Thể sớm
2.2.2. Thể muộn
2.3. Xét nghiệm
2.3.1. Chọc dò tuỷ sống
2.3.2. Công thức máu
2.3.3. Máu đông
2.4. Phòng bệnh
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 16: Chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Phân tích được nguyên nhân, đường lây truyền và các yếu tố nguy cơ của bệnh tay chân miệng.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng và các cấp độ của bệnh tay chân miệng.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào lập kế hoạch sàng chăm sóc trẻ bị bệnh tay chân miệng.
- Thể hiện thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm và tuân thủ các nguyên tắc an toàn, kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ của bệnh tay chân miệng

2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Thời gian ủ bệnh
2.2.2. Giai đoạn khởi phát
2.2.3. Giai đoạn toàn phát
2.3. Biến chứng
2.4. Phân độ nặng của bệnh
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định điều dưỡng
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 17: Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được, ý nghĩa, mục tiêu và các nội dung của chiến lược xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em.
- Mô tả được cách thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí được trẻ bệnh dưới 5 tuổi theo hướng dẫn xử trí lồng ghép.
- Trình bày được các nội dung tư vấn cho bà mẹ có trẻ bệnh dưới 5 tuổi về cách theo dõi và chăm sóc tại nhà.
- Sử dụng thành thạo sơ đồ xử trí IMCI để phân loại đúng các bệnh lý thường gặp ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi và trẻ dưới 2 tháng tuổi.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng và tự tin trong việc đánh giá và phân loại bệnh nhi tại các cơ sở y tế ban đầu.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của chiến lược xử trí lồng ghép
2.1.1. Tình hình tử vong của trẻ dưới 5 tuổi và sự ra đời của chiến lược lồng ghép.
2.1.2. Mục tiêu của chiến lược
2.1.3. Nội dung của chiến lược
2.2. Tiến trình xử trí lồng ghép bệnh trẻ em tại phòng khám - các cơ sở y tế
2.3. Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng - 5 tuổi
2.3.1. Dấu hiệu nguy hiểm toàn thân
2.3.2. Ho hoặc khó thở (xem bài nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em)
2.3.3. Tiêu chảy (Xem bài chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp)
2.3.4. Sốt
2.3.5. Bệnh ở tai (xem bài nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em)
2.3.6. Kiểm tra suy dinh dưỡng và thiếu máu
2.3.7. Kiểm tra tiêm chủng (xem bài Tiêm chủng mở rộng)
2.3.8. Kiểm tra đánh giá những bệnh khác (nếu có)
2.4. Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí trẻ nhỏ bị bệnh (dưới 2 tháng tuổi)
2.4.1. Đánh giá, phân loại trẻ nhỏ có khả năng nhiễm khuẩn
2.4.2. Đánh giá, phân loại trẻ nhỏ tiêu chảy
2.4.3. Kiểm tra vấn đề dinh dưỡng hoặc nhẹ cân
2.4.4. Đánh giá bữa bú mẹ: Xem bài Nuôi con bằng sữa mẹ
2.4.5. Phân loại vấn đề nuôi dưỡng và nhẹ cân
2.4.6. Kiểm tra tiêm chủng (xem bài Tiêm chủng mở rộng)
2.4.7. Đánh giá các vấn đề khác

2.5. Xác định điều trị
2.6. Tham vấn cho bà mẹ

Kiểm tra Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Địa điểm học tập
- Phần lý thuyết được giảng dạy trên phòng học.

2. Trang thiết bị, máy móc: Máy tính, phông chiếu, projecter.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Giáo trình Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao của trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng
- Tài liệu tham khảo
- Giáo án, tài liệu phát tay cho sinh viên, câu hỏi thảo luận tình huống lâm sàng, kế hoạch giảng dạy lâm sàng, sổ tay lâm sàng, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp, bảng chỉ tiêu tay nghề, mẫu KHCS

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:
- Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải biết được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí và điều trị một số bệnh nội nhi và vận dụng được kiến thức vào lập kế hoạch chăm sóctrẻ bị bệnh.
- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Quan sát tinh thần tự học, ý thức trách nhiệm và thái độ xử trí tình huống lâm sàng trong các giờ thảo luận nhóm.

2. Phương pháp:
- Kiểm tra thường xuyên: 01 trắc nghiệm
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Trắc nghiệm
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho học sinh ngành Cao đẳng điều dưỡng của Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho học sinh trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.
+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn học sinh đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của học sinh.
- Đối với người học:
+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.
+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Học sinh cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, hướng xử trí các bệnh nhi khoa thường gặp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Nhi (2020.), Bài giảng Nhi khoa tập I, II, ĐHY Hà Nội, NXB Y học.
[2]. Bộ Y tế (2020), Hướng dẫn xử trí tiêu chảy ở trẻ em.

[3]. Bộ Y tế (2024), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học.
[4]. Đại học Y Hà Nội (2023), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học.
[5]. Đại học Y Hải Phòng (2025), Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa nâng cao.
[6]. Đinh Ngọc Đệ (2016) Chăm sóc sức khỏe trẻ em NXB giáo dục Việt Nam

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH NÂNG CAO

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao
Mã môn học: MH 38
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học phân bố kỳ 6 năm thứ ba của khóa học

2. Tính chất: Chương trình môn học gồm các kiến thức cơ bản về sức khỏe của người phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phát hiện được các nguy cơ sản khoa, chuyển tuyến kịp thời; hồi sức sơ sinh, chăm sóc mẹ và con sau đẻ; phát hiện và chăm sóc các bệnh phụ khoa thường gặp.

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Vận dụng kiến thức vào chăm sóc các bệnh phụ khoa thông thường, các diễn biến sau đẻ. Áp dụng được những kiến thức cơ sở để giải thích các triệu chứng của bệnh (CĐR 2).
- CĐRMH 2: Vận dụng kiến thức đã học phát hiện kịp thời và xử trí đúng các tình huống lâm sàng và chăm sóc toàn diện được người bệnh. (CĐR 3, 4).
- CĐRMH 3: Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khoẻ cho người bệnh và người nhà (CĐR 5).
- CĐRMH 4: Thể hiện được tình thần học tập tích cực, cập nhật thông tin, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; thao tác kỹ thuật an toàn thông tin, sử dụng được thiết bị số thích ứng môi trường làm việc(CĐR 8,9).

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Trình bày được các rnguyên nhân, triệu chứng rối loạn kinh nguyệt.
- Phát hiện và chăm sóc được bệnh lý,sản phụ khoa hay gặp ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ
- Xác định được ngôi, thế, kiểu thế và phát hiện kịp thời những dấu hiệu đẻ khó
- Đánh giá, chăm sóc được trẻ sơ sinh bình thường và bất thường
- Chăm sóc được thai phụ trước và sau mổ lấy thai

2. Về kỹ năng

Vận dụng được kiến thức điều dưỡng Sản phụ khoa trong phát phát hiện và giải quyết một số tình huống lâm sàng sản khoa

- Tư vấn được cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và tuổi tiền mãn kinh
- Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh trong sản phụ khoa.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện sự nghiêm túc trong khi nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo kết quả.
- Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh sản phụ khoa phù hợp với nhu cầu của người bệnh, sản phụ, gia đình và cộng đồng.
- Áp dụng thạo quy trình điều dưỡng.
- Thực hiện được các giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bênh, gia đình và cộng đồng trong cải thiện sức khỏe trong lĩnh vực sản phụ khoa.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Bài 1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ	2	2	

2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt	2	2	
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục	4	4	
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh sa sinh dục	1	1	
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh nghén, hội chứng nôn nặng	1	1	
6	Bài 6. Chăm sóc thai phụ trong đẻ khó	3	3	
7	Bài 7. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, cơ chế đẻ ngôi chỏm	3	3	
8	Bài 8. Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ	2	2	
9	Bài 9. Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ hậu sản	2	2	
10	Bài 10. Chăm sóc thai phụ trước và sau mổ lấy thai	2	2	
11	Bài 11. Chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường, ngạt sơ sinh	3	3	
12	Bài 12. Chăm sóc các bệnh lây truyền qua đường tình dục	3	3	
13	Kiểm tra	2		2
	Cộng	**30**	**28**	**2**

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được giáo dục sức khỏe cho phụ nữ nói chung.
- Trình bày giáo dục sinh sản cho phụ nữ ở tuổi sinh sản

Trình bày 8 điều phụ nữ ở tuổi trung niên nên làm

-Vận dụng được kiến thức bài học để tư vấn được một số tình huống sức khỏe cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức
- Phát hiện và xử lý được được những tình huống sức khỏe thường gặp

2. Nội dung

2.1. Giáo dục sức khỏe phụ nữ nói chung

2.1.1. Vệ sinh.

2.1.2. Chế độ làm việc.

2.1.3. Chế độ ăn uống, nghỉ ngơi.

2.1.4. Sinh hoạt tình dục.

2.2. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở tuổi sinh sản

2.3. Tám điều phụ nữ trung niên nên làm.

2.3.1. Ăn sáng mỗi ngày.

2.3.2. Năng vận động.32.3. Bổ sung can xi và vitamin D

2.3.4. Kiểm soát tress.

2.3.5. Bổ sung protein.

2.3.6. Trải nghiệm cảm giác phiêu lưu cùng bạn đời.

2.3.7. Không quên những buổi tụ tập với bạn gái thân thiết.

2.3.8. Duy trì lịch khám sức khỏe định kỳ.

Bài 2: Chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm về rối loạn kinh nguyệt và một số rối loạn kimh nguyệt hay gặp.
- Trình bày được các bước cơ bản trong điều trị rối loạn kinh nguyệt.
- Lập được kế hoạch chăm sóc một người bệnh rối loạn kinh nguyệt
- Tư vấn cách chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyêt
- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt
-Vận dụng được kiến thức bài học để biết các dấu hiệu rối loạn kinh nguyệt.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm.
2.1.1.2. Định nghĩa các rối loạn kinh nguyệt.
2.2. nguyên nhân
2.2. 1. Rong kinh, rong huyết, kinh nhiều, băng kinh, vô kinh thứ phát
2.2.2. Các tổn thương cụ thể ở cơ quan sinh dục
2.2.3. Các biến chứng liên quan đến thai nghén
2.2.4. Bệnh toàn thân
2.2.5. Các yếu tố do thuốc
2.3. Dấu hiệu phát hiện
2.3.1.Khai thác tiền sử và bệnh sử.
2.3.2. Khám lâm sàng.
2.3.3.Các xét nghiệm cận lâm sàng
2.4. Điều trị
2.4.1. Nguyên tắc điều tri
2.4.2. Điều trị nguyên nhân.
2.5. Kế hoạch chăm sóc.
2.5.1. Người bệnh điều trị ngoại trú.
2.5.2. Người bệnh ngoại trú.

Bài 3: Chăm sóc người bệnh có khối u sinh dục Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được phân loại, dấu hiệu phát hiện khối u sinh dục, u vú.
- Trình bày được tiến triển, biến chứng, hướng xử trí các khối u sinh dục, u vú.
- Lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh có khối u sinh dục, u vú.
- Vận dụng được kiến thức bài học để xác định được các khối u lành tính, ác tính.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2. 1. Khối u lành tính và ác tính âm hộ- âm đạo
2.1.1. Các khối u lành tính ở âm hộ.
2.1.2. Các khối u lành tính ở âm đạo.
2.1.3. Các khối u ác tính ở âm hộ.
2.1.4. Các khối u ác tính ở âm đạo.
2.2. Nang buồng trứng
2.2.1. Phân loại.
2.2.1.1. U nang cơ năng
2.2.2.2. U nang thực thể
2.2.2. Triệu chứng.

2.2.3. Tiến triển và biến chứng
2.2.4. Điều trị
2.2.5. Phòng bệnh.
2.3. U xơ tử cung
2.3.1. Lâm sàng và cận lâm sàng
2.3.2. Tiến triển và biến chứng.
2.3.3. điều trị.
2.4. Ung thư cổ tử cung
2.4.1. Các yếu tố nguy cơ.
2.4.2. Triệu chứng
2.4.3. Điều trị.
2.4.4. Dự phòng.
2.5. Ung thư niêm mạc tử cung
2.5.1. Các yếu tố nguy cơ.
2.5.2. Triệu chứng.
2.5.3. Điều trị.
2.6. Bệnh ở vú
2.6.1. Bệnh xơ nang tuyến vú.
2.7. Ung thư vú
2.7.1.Chẩn đoán.
2.7.2. Điều trị.
2.8. Chăm sóc người bệnh khối u sinh dục
2.8.1. Kế hoạch chăm sóc người bệnh điều trị nội khoa/ trước phẫu thuật
2.8.2. Kế hoạch chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật.

Bài 4: Chăm sóc người bệnh sa sinh dục Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán của sa sinh dục.
- Trình bày được hướng điều trị sa sinh dục.
- Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sa sinh dục.
- Vận dụng kiến thức để biết được bệnh sa sinh sục.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức
- Phát hiện và chăm sóc người bệnh sa sinh dục.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Cơ chế giữ tử cung không sa
2.3. Nguyên nhân
2.4. Triệu chứng
2.4.1. Triệu chứng cơ năng
2.4.2. Triệu chứng thực thể
2.5. Điều trị
2.6. Phòng bệnh
2.7. Chăm sóc người bệnh sa sinh dục
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.7.2.1. Trước mổ
2.7.2.2. Sau mổ
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.3.1. Trước mổ

2.7.3.2 Sau mổ
2.7.4. Thực hiện kế hoạch
2.7.5.1. Trước mổ
2.7.5.2. Sau mổ

Bài 5: Chăm sóc thai phụ nghén, hội chứng nôn nặng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của nghén.
- Trình bày được các giai đoạn của hôi chứng nôn nặng.
- Lập được kế hoạch chăm sóc thai phụ nghén nặng.
- Vận dụng được kiến thức bài học để biết được triệu chứng nghén và nôn nặng
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Khái niệm
2.2. Nguyên nhân.
2.3. Triệu chứng.
2.3.1. Triệu chứng nôn và gầy mòn.
2.3.2. Giai đoạn mạch nhanh và rối loạn chuyển hóa.
2.3.3. Giai đoạn biến cố thần kinh.
2.4. Điều trị.
2.5. Phòng bệnh.
2.6. Chăm sóc
2.6.1. Nhận định.
2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc.
2.6.3. Lập kế hoạc chăm sóc.
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc.
2.6.5. Đánh giá.

Bài 6: Chăm sóc thai phụ trong đẻ khó Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Kể những nguyên nhân đẻ khó về phía me, phía thai và phần phụ của thai.
- Dấu hiệu lâm sàng của đẻ khó.
- Lập kế hoạch chăm sóc thai phụ đẻ khó.

-Vận dụng được kiến thức bài học để xác định được các nguyên nhân đẻ khó do mẹ, thai nhi, phần phụ của thai.

- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân của đẻ khó
2.2.1. Đẻ khó về phía người mẹ.
2.2.1.1. Đẻ khó do khung chậu
2.2.1.2 Đẻ khó do khối u tiền đạo
2.2.1.3 Đẻ khó do âm hộ, âm đạo hẹp, tầng sinh mô không giãn nở.
2.2.1.4. Đẻ khó do tử cung có sẹo mổ cũ
2.2.1.5. Đẻ khó do rối loạn cơn co tử cung
2.2.1.6. Đẻ khó do cổ tử cung
2.2.2. Nguyên nhân về phía con
2.2.1. Ngôi thai bất thường
2.2.2. Thai to
2.2.3. Do phần phụ của thai

2.2.4. Do thầy thuốc xử trí chuyển dạ không đúng
2.3. Những dấu hiệu của đẻ khó trên lâm sàng
2.3.1. Dấu hiệu đẻ khó do mẹ
2.3.1.1. Người mẹ mắc các bệnh lý nội, ngoại khoa
2.3.1.2. Vóc dáng người mẹ
2.3.1.3. Người mẹ có các dị tật ở âm đạo
2.3.1.4. Người mẹ có khối u tiền đạo
2.3.1.5. Dấu hiệu đẻ khó do cơn co
2.3.1.6. Dấu hiệu đẻ khó do cổ tử cung
2.3.2. Dấu hiệu đẻ khó do ngôi và sự tiến triển của ngôi thai
2.3.3. Dấu hiệu đẻ khó do sức khỏe của thai
2.3.4. Dấu hiệu đẻ khó biểu hiện ở đầu ối, nước ối
2.3.5. Dấu hiệu đẻ khó do dây rau
2.4. Lập kế hoạch chăm sóc thai phụ trong đẻ khó
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá

Bài 7. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt và cơ chế đẻ ngôi chỏm Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Xác định đúng điểm mốc của ngôi thai và chẩn đoán được ngôi, thế, kiểu thế.
- Trình bày được sự tiến triển của ngôi thai và các mức độ lọt.
- Trình bày cơ chế đẻ ngôi chỏm.
- Vận dụng được kiến thức bài học để xác định được ngôi thai, thế kiểu thế và các mức độ lọt của thai.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Nhắc lại giải phẫu khung xương chậu
2.1.1. Eo trên
2.1.2. Eo giữa
2.1.3. Eo dưới
2. 2. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế và độ lọt
2.2.1. Ngôi
2.2.2.1. Ngôi dọc
2.2.2.2. Ngôi ngang
2.2.3. Cách xác định ngôi thai (chẩn đoán)
2.2.3.1. Nhìn
2.2.3.2. Sờ
2.2.3.3. Nghe
2.2.3.4. Thăm âm đạo
2.2.4. Thế thai
2.2.4.1. Định nghĩa:
2.2.4.2. Cách xác định thế thai
2.2.5. Kiểu thế
2.2.5.1. Định nghĩa
2.2.5.2. Phân loại

2.2.5.3. Cách xác định kiểu thế
2.2.6. Chẩn đoán độ lọt của ngôi thai
2.3. Cơ chế đẻ ngôi chỏm kiểu thế chẩm chậu trái trước.
2.3.1. Đẻ đầu
2.3.1.1. Thì lọt và xuống:
2.3.1.2. Thì quay và sổ:
2.3.2. Đẻ vai
2.3.3. Đẻ mông

Bài 8: Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, phân loại chảy máu sau đẻ.
- Trình bày nguyên nhân, dấu hiệu phát hiện và hướng xử trí chảy máu sau đẻ.
-Vận dụng được kiến thức bài học để phát hiện dấu hiệu chảy máu sau đẻ
Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Khái niệm.
2.2. Phân loại
2.3. Chảy máu nguyên phát
2.3.1. Chảy máu khi rau chưa sổ ra ngoài.
2.3.2. Chảy máu ngay sau sổ rau.
2.3.3. Dấu hiệu phát hiện
2.3.4. Xử trí.
2.4. Chảy máu thứ phát
2.4.1. Nguyên nhân.
2.4.2. Dấu hiệu phát hiện
2.4.3 Xử trí.
2.4.4. Chăm sóc
2.4.4.1 Nhận định.
2.4.4.2 Chẩn đoán chăm sóc.
2.4.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc.
2.4.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.4.5 Đánh giá.

Bài 9. Chăm sóc sản phụ trong thời kỳ hậu sản Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được 5 hiện tượng thay đổi giải phẫu sinh lý trong thời kỳ hậu sản.
- Trình bày được 4 hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ hậu sản.
- Phân tích được 3 nội dung cần theo dõi – chăm sóc sản phụ trong thời kỳ hậu sản(sau đẻ).
- Vận dụng được kiến thức bài học biết và phát hiện được các hiện tượng bất thường lâm sàng của thời kỳ hậu sản.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Những hiện tượng giải phẫu và sinh lý
2.1.1. Thay đổi ở tử cung
2.1.2. Thay đổi ở đoạn dưới và cổ tử cung
2.1.3. Thay đổi ở phúc mạc tử cung và niêm mạc tử cung
2.1.4. Thay đổi ở âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn
2.1.5. Thay đổi ở vú
2.2. Những hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ hậu sản

2.2.1. Sự thu hồi tử cung
2.2.2. Sản dịch
2.2.3. Sự xuống sữa
2.2.4. Các hiện tượng khác
2.3. Chăm sóc sản phụ thời kỳ hậu sản
3.1. Chăm sóc về tinh thần
2.3.2. Chế độ vệ sinh
2.3.3. Chế độ ăn uống
2.3.4. Chế độ sinh hoạt, đi lại, nghỉ ngơi
2.4. Theo dõi sản phụ trong thời kỳ hậu sản
2.4.1. Theo dõi toàn trạng
2.4.2. Theo dõi sự thu hồi tử cung và sản dịch
2.4.3. Theo dõi đại tiểu tiện

Bài 10: Chăm sóc thai phụ trước và sau mổ lấy thai Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được kế hoạch chăm sóc thai phụ trước mổ lấy thai
- Trình bày được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau mổ lấy thai
-Vận dụng được kiến thức bài học biết cách chăm sóc và phát hiện những dấu hiệu bất thường trước mổ lấy thai và sau mổ đảm bảo an toàn trên lâm sàng.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Chăm sóc thai phụ trước mổ lấy thai
2.1.1. Nhận định
2.1.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.1.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.1.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.1.5. Đánh giá
2.2. Chăm sóc sản phụ sau mổ lấy thai
2.2.1. Nhận định
2.2.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.2.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.2.5. Đánh giá

Bài 11. Chăm sóc sơ sinh bình thường, ngạt sơ sinh Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được cách khám, phân loại trẻ sơ sinh tại phòng đẻ.
- Trình bày cách chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tại phòng đẻ.
- Trình bày được cách chăm sóc và đánh giá phân loại trẻ sơ sinh non yếu.
- Vận dụng được kiến thức bài học để biết và phân loại trẻ sơ sinh bình thường, non yếu tại phòng đẻ.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức
- Phát hiện và chăm sóc được trẻ sơ sinh bình thường, non yếu.

2. Nội dung

2.1. Sơ sinh bình thường
2.1.1. Khái niệm về sơ sinh.
2. 1.2. Khám trẻ sơ sinh trong phòng sinh
2.1.2.1. Đánh giá tình trạng trẻ có cần can thiệp hồi sức không.
2.1.2.2. Thăm khám toàn diện và phát hiện các dị tật bẩm sinh nếu có.

2.1.3. Phân loại trẻ sơ sinh
2.1.3.1. Sơ sinh đủ tháng.
2.1.3.2. Sơ sinh non tháng
2.1.3.3. Sơ sinh già tháng
2.1.4. Theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh
2.1.4.1. Chăm sóc ngay sau khi sổ thai.
2.1.4.2. Chăm sóc rốn
2.1.5. Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ.
2.1.6. Các chăm sóc khác
2.2. Ngạt sơ sinh
2.2.1. Khái niệm.
2.2.2. Nguyên nhân
2.2.2.1. Các nguyên nhân liên quan về phía mẹ.
2.2.2.2 Các nguyên nhân liên quan đến thai.
2.2.2.3. Các nguyên nhân về phía phần phụ.
2.2.3. Đánh giá và phân loại
2.2.3.1. Các yếu tố trước khi đẻ.
2.2.3.2. Các yếu tố sau khi đẻ
2.2.4. Xử trí
2.2.4.1. Nguyên tắc xử trí.
2.2.4.2. Xử trí cụ thể
2.2.5. Chăm sóc
2.2.5.1. Nhận định
2.2.5.2. Chẩn đoán.
2.2.5.3 Lập kế hoạch chăm sóc.
2.2.5.4 Thực hiện kế hoạch chăm sóc.
2.2.5.5. Đánh giá.

Bài 12. Chăm sóc các bệnh lây truyền qua đường tình dục Thời gian: 3 giờ

1 Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, điều kiện thuận lợi gây nhiễm khuẩn các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
- Trình bày triệu chứng, hướng điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
- Lập được kế hoạch chăm sóc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
- Vận dụng được kiến thức bài học để xác định được các bệnh lây qua đường tình dục.
- Học tập nghiêm túc, có ý thức tự học để chủ động nâng cao kiến thức

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân
2.2. Điều kiện thuận lợi
2.3. Một số bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp
2.3.1. Viêm âm đạo do trùng roi (Trichomonas vaginalis)
2.3.2. Viêm âm đạo do nấm
2.3.3. Bệnh lậu
2.3.5. Bệnh giang mai
2.3.6. Sùi mào gà sinh dục
2.4. Tư vấn và phòng bệnh
2.4.1. Tư vấn
2.4.2. Phòng bệnh
2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
- Học liệu: Phim, tranh , ảnh minh họa, các tình huống lâm sàng, tài liệu phát tay cho người học, tài liệu tham khảo
- Nguồn lực khác: Phòng học chuyên môn

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Đánh giá kiến thức thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. Sinh viên phải biết được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí và điều trị một số bệnh sản phụ khoa thường gặp và vận dụng được kiến thức vào lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sản phụ khoa.
- Đánh giá kỹ năng của người học thông qua bài tập thảo luận tình huống lâm sàng.
- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trong các giờ học, có tinh thần tự học, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài. Hình thức trắc nghiệm
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: tích hợp, phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập mô phỏng tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về một số bệnh sản phụ khoa thường gặp và vận dụng được kiến thức đã học vào lập kế hoạch chăm sóc người bệnh sản phụ khoa.
4. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội (2020). Bài giảng sản phụ khoa tập 1, Nhà xuất bản Y học.
2. Đại học Y Hà Nội (2020). Bài giảng sản phụ khoa tập 2, Nhà xuất bản Y học.
3. Đại học Y Hà Nội (2022). Sản khoa, Nhà xuất bản Y học.
4. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2020. Bài giảng sản khoa, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO

Tên môn học: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao
Mã môn học: MH 39
Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra lý thuyết: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên môn ngành/nghề, được học khi sinh viên đã hoàn thành các môn học cơ sở và các môn học chuyên môn ngành, nghề bắt buộc.

2. Tính chất: Là môn học mang tính chất tổng hợp và chuyên sâu, đóng vai trò hoàn thiện kỹ năng chăm sóc người bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại (Răng hàm mặt, Tai mũi họng, Mắt) cho sinh viên điều dưỡng trước khi đi thực tế tốt nghiệp .

II. Mục tiêu môn học

- CĐRMH 1: Mô tả được cấu tạo giải phẫu và chức năng sinh lý của các cơ quan (Răng miệng, Tai mũi họng, Mắt) làm cơ sở cho việc nhận định các tình trạng bệnh lý. (CĐR 2)
- CĐRMH 2: Phân tích được các đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng thường gặp của các bệnh lý ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại răng hàm mặt, Tai mũi họng, Mắt. (CĐR 2, 7)
- CĐRMH 3: Trình bày được hướng xử trí sơ cứu, cấp cứu ban đầu và quy trình chăm sóc đối với các tình huống khẩn cấp (chấn thương hàm mặt, dị vật đường thở). (CĐR 4)
- CĐRMH 4: Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc chi tiết toàn diện cho người bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại, đảm bảo tính cá biệt và an toàn; Xây dựng được nội dung tư vấn giáo dục sức khỏe phù hợp cho từng mặt bệnh. (CĐR 3, 5, 6)
- CĐRMH 5: Nhận thức được tầm quan trọng trong việc tự học, cập nhật kiến thức y khoa liên tục và ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành điều dưỡng. (CĐR 1, 8)

Để đạt được các chuẩn đầu ra trên, cần cung cấp cho sinh viên:

1. Về kiến thức

- Mô tả được sơ lược cấu tạo giải phẫu và sinh lý các cơ quan chuyên khoa (Răng miệng, Tai mũi họng, Mắt).
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng xử trí cấp cứu ban đầu và điều trị một số bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại.

2. Về kỹ năng

- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc chi tiết toàn diện cho người bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại đảm bảo tính cá biệt và an toàn.
- Phân tích và đưa ra được các bước xử trí sơ cứu, cấp cứu ban đầu đúng nguyên tắc cho các tình huống khẩn cấp ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại dựa trên các tình huống lâm sàng giả định.
- Xây dựng được nội dung và phương pháp tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về các biện pháp phòng bệnh, phòng ngừa các biến chứng, tăng cường sức khỏe cho nhân dân.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và an toàn người bệnh trong thực hành điều dưỡng.

- Có tinh thần học tập nghiêm túc, chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

III. Nội dung

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

		Thời gian (giờ)		
STT	**Tên chương, mục**	**Tổng số**	**Lý thuyết**	**Kiểm tra**
	Chương 1. Ngoại khoa			
1	Bài 1. Chăm sóc người bệnh gây mê	1	1	
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh gây tê	1	1	
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh vết thương sọ não hở	1	1	
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh vết thương ngực	1	1	
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh hậu môn nhân tạo	2	2	
6	Bài 6. Chăm sóc người bệnh viêm tắc động mạch chi	2	2	
7	Bài 7. Chăm sóc người bệnh ung thư	1	1	
8	Bài 8. Chăm sóc người bệnh bỏng	1	1	
9	Bài 9. Chăm sóc người bệnh mổ ghép da	1	1	
10	Kiểm tra	1		1
	Chương 2. Răng hàm mặt			
11	Bài 1. Giải phẫu - Sinh lý răng miệng	1	1	
12	Bài 2. Chăm sóc người bệnh sâu răng	2	2	
13	Bài 3. Chăm sóc người bệnh sau nhổ răng	1	1	
14	Bài 4. Chăm sóc người bệnh chấn thương hàm mặt	2	2	
	Chương 3. Tai mũi họng			
15	Bài 1. Giải phẫu - Sinh lý tai, mũi, họng, thanh quản	1	1	
16	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa cấp	1	1	
17	Bài 3. Chăm sóc người bệnh viêm mũi, viêm xoang	1	1	
18	Bài 4. Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm amidan	2	2	
19	Bài 5. Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở	1	1	
	Chương 4. Mắt			
20	Bài 1. Giải phẫu - Sinh lý mắt	1	1	
21	Bài 2. Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc	1	1	
22	Bài 3. Chăm sóc người bệnh đục thể thủy tinh	1	1	
23	Bài 4. Chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp	2	2	

24	Kiểm tra	1		1
	Cộng	**30**	**28**	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Ngoại khoa

Bài 1: Chăm sóc người bệnh gây mê Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích, nguyên tắc sử dụng và các loại thuốc thường dùng trong tiền mê.
- Phân tích được đặc điểm, chỉ định, chống chỉ định của các nhóm thuốc mê và thuốc giãn cơ.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện, theo dõi người bệnh trước, trong và ngay sau khi gây mê.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ quy trình chăm sóc và theo dõi các biến chứng sau gây mê; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các loại thuốc dùng trong gây mê
2.2.1. Thuốc tiền mê
2.2.2. Thuốc mê
2.2.3. Thuốc giãn cơ
2.3. Các phương pháp gây mê
2.4. Chăm sóc người bệnh gây mê
2.4.1. Trước khi gây mê
2.4.2. Trong khi gây mê
2.4.3. Ngay sau khi gây mê

Bài 2: Chăm sóc người bệnh gây tê Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng, phân loại các phương pháp gây tê (gây tê tại chỗ, gây tê vùng) và đặc điểm của các thuốc gây tê thường dùng hiện nay.
- Phân tích được chỉ định, chống chỉ định và các thuốc thường dùng trong gây tê tủy sống.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện, theo dõi người bệnh trước, trong và ngay sau khi gây tê tủy sống.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ quy trình chăm sóc và theo dõi các biến chứng sau gây tê; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các phương pháp gây tê
2.2.1. Gây tê tại chỗ
2.2.2. Gây tê vùng
2.3. Các thuốc gây tê
2.4. Phương pháp gây tê tủy sống
2.4.1. Chỉ định
2.4.2. Chống chỉ định
2.4.3. Các thuốc thường dùng
2.4.4. Chăm sóc người bệnh gây tê tủy sống

Bài 3: Chăm sóc người bệnh vết thương sọ não Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được các chứng lâm sàng và giá trị của các xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán vết thương sọ não.
- Trình bày được hướng xử trí và nguyên tắc điều trị vết thương sọ não trường hợp đến sớm, đến muộn.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh vết thương sọ não theo các giai đoạn (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất khẩn trương và tầm quan trọng của việc xử trí sớm trong cấp cứu người bệnh vết thương sọ não; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Vết thương sọ não đến sớm chưa bị nhiễm khuẩn (trong vòng 6 giờ đầu)
2.2.2. Vết thương sọ não đến muộn đã bị nhiễm khuẩn (thường sau 24 giờ)
2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Xử trí vết thương sọ não
2.4.1. Tại tuyến y tế cơ sở
2.4.2. Tại tuyến điều trị
2.5. Chăm sóc người bệnh vết thương sọ não
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc người bệnh vết thương ngực hở Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và phân loại các thể lâm sàng của vết thương ngực hở.
- Phân tích được các triệu chứng lâm sàng và giá trị của các xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán vết thương ngực hở.
- Trình bày được hướng xử trí và điều trị vết thương ngực hở.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh vết thương ngực hở theo các giai đoạn (cấp cứu, trước mổ, sau mổ) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất khẩn trương và tầm quan trọng của việc xử trí sớm trong cấp cứu người bệnh vết thương ngực hở; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng của vết thương ngực hở
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng toàn thân

2.2.3. Triệu chứng thực thể
2.3. Xử trí vết thương ngực
2.3.1. Tại tuyến y tế cơ sở
2.3.2. Tại tuyến điều trị
2.4. Chăm sóc người bệnh vết thương ngực hở
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc người bệnh hậu môn nhân tạo Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, chỉ định, phân loại và các kiểu làm hậu môn nhân tạo.
- Phân tích được các biến chứng sớm và muộn của hậu môn nhân tạo để có hướng xử trí và dự phòng kịp thời.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh có hậu môn nhân tạo; Hướng dẫn được người bệnh/người nhà cách tự chăm sóc hậu môn nhân tạo tại nhà dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được những mặc cảm và rào cản tâm lý của người bệnh có hậu môn nhân tạo; xác định được trách nhiệm trong việc giáo dục sức khỏe, đảm bảo vệ sinh, vô khuẩn, tôn trọng quyền riêng tư của người bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Chỉ định làm hậu môn nhân tạo
2.3. Phân loại hậu môn nhân tạo
2.4. Các kiểu làm hậu môn nhân tạo
2.5. Biến chứng của hậu môn nhân tạo
2.5.1. Biến chứng sớm
2.5.2. Biến chứng muộn
2.6. Chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 6: Chăm sóc người bệnh viêm tắc động mạch chi Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây bệnh viêm tắc động mạch chi.
- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng điển hình (theo từng giai đoạn) và các xét nghiệm cận lâm sàng hỗ trợ chẩn đoán bệnh viêm tắc động mạch chi.
- Trình bày được các phương pháp điều trị hiện nay đối với bệnh viêm tắc động mạch chi.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm tắc động mạch chi theo từng giai đoạn điều trị (điều trị nội khoa, điều trị ngoại khoa, can thiệp nội mạch) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Xác định được tầm quan trọng của việc giáo dục người bệnh thay đổi lối sống để hạn chế tiến triển của bệnh; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.1.1. Khái niệm
2.1.2. Nguyên nhân
2.2. Các yếu tố nguy cơ trong bệnh viêm tắc động mạch
2.2.1. Các yếu tố bệnh lý
2.2.2. Chế độ sinh hoạt không hợp lý
2.2.3. Các yếu tố về thể tạng
2.3. Triệu chứng của viêm tắc động mạch chi
2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Các phương pháp điều trị chính
2.4.1. Điều trị nội khoa
2.4.2. Các phương pháp can thiệp nội mạch
2.4.3. Các phương pháp ngoại khoa
2.5. Phòng bệnh
2.6. Chăm sóc người bệnh viêm tắc động mạch chi
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 7: Chăm sóc người bệnh ung thư Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được các nhóm nguyên nhân gây ung thư và các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng có giá trị chẩn đoạn bệnh ung thư.
- Trình bày được nguyên tắc của các phương pháp điều trị ung thư (phẫu thuật, hóa trị, xạ trị) và vai trò của chăm sóc giảm nhẹ.
- Nêu được các biện pháp dự phòng bệnh ung thư hiệu quả ở các cấp độ I, II, III.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện, hỗ trợ tâm lý và giáo dục sức khỏe phù hợp với tâm lý người bệnh ung thư dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được giá trị của sự đồng cảm, chăm sóc giảm nhẹ và hỗ trợ tâm lý đối với người bệnh ung thư; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân ung thư
2.2.1. Tác nhân vật lý
2.2.2. Thuốc lá
2.2.3. Dinh dưỡng
2.2.4. Những yếu tố nghề nghiệp
2.2.5. Một số thuốc và nội tiết

2.2.6. Các tác nhân sinh học
2.2.7. Yếu tố di truyền và suy giảm miễn dịch
2.3. Triệu chứng ung thư
2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
2.4. Hướng điều trị ung thư
2.5. Phòng bệnh ung thư
2.6. Chăm sóc người bệnh ung thư
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 8: Chăm sóc người bệnh bỏng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, phân loại bỏng (theo diện tích, độ sâu) và các yếu tố tiên lượng mức độ nặng của bỏng.
- Phân tích được diễn biến các giai đoạn bệnh lý của bỏng (sốc bỏng, nhiễm khuẩn, nhiễm độc, hồi phục).
- Nêu được các nguyên tắc sơ cứu ban đầu và các phương pháp điều trị bỏng nặng hiện nay.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh bỏng theo từng giai đoạn bệnh lý dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của thái độ khẩn trương, đồng cảm và tuân thủ tuyệt đối quy trình vô khuẩn trong chăm sóc cấp cứu người bệnh bỏng; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Nguyên nhân và phân loại bỏng
2.2.1. Nguyên nhân
2.2.2. Phân loại
2.3. Các yếu tố tiên lượng bỏng
2.3.1. Căn cứ vào diện tích và độ sâu bỏng
2.3.2. Căn cứ vào tuổi và sức khỏe người bệnh khi bị bỏng
2.3.3. Căn cứ vào vị trí bỏng, tác nhân gây bỏng và hoàn cảnh bị bỏng
2.3.4. Căn cứ vào chất lượng sơ cứu và điều trị
2.4. Diễn biến của bỏng nặng
2.4.1. Giai đoạn sốc
2.4.2. Giai đoạn nhiễm khuẩn, nhiễm độc
2.4.3. Giai đoạn hồi phục hay suy kiệt
2.5. Sơ cứu bỏng nặng tại tuyến cơ sở
2.5.1. Loại bỏ nguyên nhân gây bỏng
2.5.2. Phòng chống sốc
2.5.3. Phòng chống nhiễm khuẩn
2.5.4. Vận chuyển người bệnh lên tuyến điều trị
2.6. Điều trị bỏng nặng
2.7. Chăm sóc người bệnh bỏng nặng

2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 9: Chăm sóc người bệnh mổ ghép da Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được mục đích của phẫu thuật ghép da, các phương pháp ghép da phổ biến và nguồn lấy da ghép.
- Phân tích được biến chứng có thể xảy ra sau mổ ghép da (chảy máu, nhiễm khuẩn, hoại tử mảnh da ghép).
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh trước mổ và sau mổ ghép da dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ quy trình vô khuẩn và sự tỉ mỉ trong chăm sóc ngoại khoa đối với sự thành công của phẫu thuật ghép da; chủ động, tích cực trong việc tự học và cập nhật các kiến thức y khoa mới nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc đảm bảo an toàn cho người bệnh trong thực hành lâm sàng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Mục đích của ghép da
2.3. Các phương pháp ghép da
2.4. Nguồn lấy da
2.5. Các biến chứng sau mổ ghép da
2.6. Chuẩn bị người bệnh mổ ghép da
2.7. Chăm sóc người bệnh sau mổ ghép da
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Kiểm tra: Thời gian: 1 giờ

Chương 2: Răng hàm mặt

Bài 1: Giải phẫu - Sinh lý răng miệng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được cấu tạo giải phẫu, sinh lý của răng và các tổ chức vùng quanh răng.
- Trình bày được số lượng, cách gọi tên răng (răng sữa, răng vĩnh viễn) và chức năng của từng nhóm răng trên cung hàm.
- Vận dụng được kiến thức đã học về giải phẫu, sinh lý răng miệng vào nhận định tình trạng sức khỏe răng miệng cơ bản trên lâm sàng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức cơ sở trong việc đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc người bệnh răng hàm mặt.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu - Sinh lý răng
2.1.1. Giải phẫu răng
2.1.2. Sinh lý răng
2.1.3. Cách đọc tên răng

2.2. Cấu tạo vùng quanh răng
2.2.1. Lợi
2.2.2. Dây chằng quanh răng
2.2.3. Xương ổ răng
2.2.4. Xương chân răng
2.3. Chức năng của hàm răng

Bài 2: Chăm sóc người bệnh sâu răng Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây bệnh sâu răng.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng tương ứng với từng giai đoạn (sâu men, sâu ngà) và các biến chứng thường gặp của bệnh sâu răng.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và các biện pháp dự phòng sâu răng trong cộng đồng.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc toàn diện người bệnh sâu răng ở các giai đoạn khác nhau.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện sớm và điều trị kịp thời bệnh sâu răng để phòng tránh các biến chứng nguy hiểm; xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc tuyền truyền, giáo dục sức khỏe về chăm sóc bảo vệ sức khỏe răng miệng cho cộng đồng;

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Các yếu tố gây sâu răng
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Sâu men
2.3.2. Sâu ngà
2.4. Biến chứng
2.5. Điều trị
2.6. Chăm sóc người bệnh sâu răng
2.6.1. Nhận định
2.6.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.6.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc người bệnh sau nhổ răng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các chỉ định, chống chỉ định (tạm thời/vĩnh viễn) của thủ thuật nhổ răng.
- Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng của các tai biến thường gặp trong và sau khi nhổ răng và hướng xử trí ban đầu.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh sau nhổ răng dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc theo dõi sát tình trạng người bệnh để phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường sau thủ thuật, xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc hướng dẫn người bệnh cách tự theo dõi, chăm sóc tại nhà trong những ngày đầu sau nhổ răng để phòng ngừa biến chứng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

2.2.1. Chỉ định nhổ răng
2.2.2. Chống chỉ định nhổ răng
2.3. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng
2.3.1. Ngất
2.3.2. Chảy máu kéo dài
2.3.3. Viêm ổ răng
2.4. Chăm sóc người bệnh sau nhổ răng
2.4.1. Nhận định
2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.4.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.4.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc người bệnh chấn thương hàm mặt Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được triệu chứng lâm sàng và hướng xử trí ban đầu một số chấn thương hàm mặt thường gặp (vết thương phần mềm, gãy xương hàm trên, gãy xương hàm dưới).
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh chấn thương hàm mặt ở giai đoạn cấp cứu và giai đoạn sau phẫu thuật/chỉnh hình dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được tính chất khẩn trương và tầm quan trọng của việc khai thông đường hô hấp, cầm máu trong cấp cứu chấn thương hàm mặt để bảo vệ tính mạng người bệnh; Nhận thức được những ảnh hưởng nghiêm trọng của chấn thương hàm mặt đến chức năng ăn nhai, phát âm và thẩm mỹ của người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Một số chấn thương hàm mặt thường gặp
2.2.1. Vết thương phần mềm
2.2.2. Gãy xương hàm
2.3. Chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt
2.3.1. Nhận định
2.3.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.3.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Chương 3: Tai mũi họng

Bài 1: Giải phẫu - Sinh lý tai, mũi, họng, thanh quản Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được cấu tạo giải phẫu và các chức năng sinh lý của tai, mũi, họng và thanh quản.
- Vận dụng được kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào nhận định tình trạng người bệnh và hỗ trợ các thủ thuật thăm khám vùng tai mũi họng.
- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức cơ sở trong việc đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc người bệnh tai mũi họng.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu - Sinh lý tai
2.1.1. Giải phẫu tai

2.1.2. Sinh lý tai
2.2. Giải phẫu - Sinh lý mũi
2.2.1. Giải phẫu mũi
2.2.2. Sinh lý mũi
2.3. Giải phẫu - Sinh lý họng
2.3.1. Giải phẫu họng
2.3.2. Sinh lý họng
2.4. Giải phẫu - Sinh lý thanh quản
2.4.1. Giải phẫu thanh quản
2.4.2. Sinh lý thanh quản

Bài 2: Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa cấp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân, các giai đoạn lâm sàng và hướng điều trị tương ứng cho từng giai đoạn của bệnh viêm tai giữa cấp.
- Phân tích được các biến chứng nguy hiểm của viêm tai giữa cấp và các biện pháp phòng bệnh hiệu quả.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm tai giữa cấp phù hợp với diễn biến bệnh dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc theo dõi sát người bệnh viêm tai giữa cấp để phòng ngừa và phát hiện sớm các biến chứng; xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc tuân thủ quy trình kỹ thuật chăm sóc tai và đảm bảo vệ sinh vô khuẩn để tránh nhiễm khuẩn ngược dòng.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Giai đoạn xung huyết (giai đoạn khởi phát)
2.2.2. Giai đoạn ứ mủ
2.2.3. Giai đoạn vỡ mủ
2.3. Tiến triển và biến chứng
2.3.1. Tiến triển
2.3.2. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.4.1. Điều trị toàn thân
2.4.2. Điều trị tại chỗ
2.4.3. Điều trị nguyên nhân
2.5. Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc người bệnh viêm mũi xoang Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây bệnh viêm mũi xoang.

- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, các giai đoạn tiến triển, biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm mũi xoang.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm mũi xoang ở giai đoạn điều trị nội khoa và sau phẫu thuật (nếu có) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc giáo dục sức khỏe, giúp người bệnh tuân thủ phác đồ điều trị, thay đổi thói quen sinh hoạt và môi trường sống để phòng bệnh tái phát.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Dịch tễ học của viêm mũi xoang
2.3. Nguyên nhân gây viêm mũi xoang
2.4. Triệu chứng lâm sàng
2.4.1. Viêm mũi xoang cấp tính
2.4.2. Viêm mũi xoang mạn tính
2.5. Tiến triển và biến chứng
2.6. Điều trị
2.6.1. Điều trị viêm mũi xoang cấp
2.6.2. Viêm mũi xoang mạn tính
2.7. Chăm sóc người bệnh viêm mũi xoang
2.7.1. Nhận định
2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.7.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm amidan Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:
- Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây bệnh viêm họng, viêm amidan.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng và các biến chứng của bệnh viêm họng, viêm amidan.
- Nêu được hướng điều trị nội khoa bệnh viêm họng, viêm amidan và chỉ định phẫu thuật cắt amidan hiện nay.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm họng, viêm amidan ở giai đoạn điều trị nội khoa và sau phẫu thuật cắt amidan (nếu có) dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng bệnh và điều trị dứt điểm các đợt viêm họng, viêm amidan cấp tính để tránh các biến chứng nguy hiểm; xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc theo dõi sát người bệnh sau phẫu thuật cắt amidan (đặc biệt là tình trạng chảy máu) để xử trí kịp thời.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Viêm họng, viêm amidan cấp
2.2.2. Viêm họng, viêm amidan mạn tính
2.3. Tiến triển và biến chứng
2.3.1. Tiến triển
2.3.2. Biến chứng
2.4. Điều trị

2.4.1. Viêm họng, amidan cấp
2.4.2. Viêm họng, amidan mạn tính
2.5. Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm amidan
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Phân tích được nguyên nhân và các hội chứng lâm sàng điển hình của dị vật đường thở.
- Trình bày được tiến triển và các biến chứng nguy hiểm của dị vật đường thở nếu không được xử trí kịp thời.
- Trình bày được nguyên tắc xử trí cấp cứu dị vật đường thở và chỉ định của các nghiệm pháp cấp cứu cơ bản (thủ thuật Heimlich, vỗ lưng ấn ngực) đối với từng đối tượng cụ thể.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh dị vật đường thở dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tính chất cấp bách và nguy hiểm đến tính mạng của dị vật đường thở để hình thành thái độ khẩn trương, bình tĩnh, quyết đoán trong tình huống cấp cứu đảm bảo an toàn cho người bệnh.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng cách phòng tránh và xử trí ban đầu khi gặp người bị dị vật đường thở.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Hội chứng xâm nhập
2.2.2. Hội chứng định khu
2.3. Tiến triển và biến chứng
2.4. Hướng xử trí
2.4.1. Tại nơi bị nạn
2.4.2. Tại y tế cơ sở
2.5. Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Chương 4: Mắt

Bài 1: Giải phẫu - Sinh lý mắt Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Mô tả được đặc điểm cấu tạo giải phẫu của nhãn cầu và các bộ phận bảo vệ nhãn cầu.
- Trình bày được các quá trình sinh lý cơ bản diễn ra trong nhãn cầu.
- Vận dụng được kiến thức về giải phẫu, sinh lý để giải thích các triệu chứng cơ năng thường gặp trong các bệnh lý về mắt.
- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức cơ sở trong việc lập kế hoạch chăm sóc và hỗ trợ điều trị cho người bệnh mắc các bệnh về mắt.

2. Nội dung
2.1. Đại cương
2.2. Nhãn cầu
2.2.1. Vỏ bọc nhãn cầu
2.2.2. Các môi trường trong suốt
2.3. Các bộ phận bảo vệ nhãn cầu
2.3.1. Hốc mắt
2.3.2. Mi mắt
2.3.3. Lệ bộ
2.4. Đường dẫn truyền thần kinh thị giác

Bài 2: Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng của các thể viêm kết mạc thường gặp.
- Phân tích được tiến triển, biến chứng có thể xảy ra và hướng điều trị bệnh viêm kết mạc.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh viêm kết mạc.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vệ sinh và vô khuẩn trong chăm sóc mắt để tránh lây nhiễm chéo cho bản thân và người xung quanh.
- Xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc giáo dục sức khỏe, giúp người bệnh hiểu rõ tính chất dễ lây lan của bệnh để chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa.

2. Nội dung
2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng thực thể
2.3. Tiến triển và biến chứng
2.4. Điều trị
2.5. Chăm sóc
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 3: Chăm sóc người bệnh đục thể thủy tinh Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và triệu chứng lâm sàng điển hình của bệnh đục thể thủy tinh.
- Phân tích được các biến chứng có thể xảy ra nếu không được điều trị kịp thời và các phương pháp điều trị bệnh đục thể thủy tinh hiện nay.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh đục thể thủy tinh giai đoạn trước mổ và sau mổ dựa trên tình huống lâm sàng cụ thể.
- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc vô khuẩn và quy trình kỹ thuật chăm sóc mắt để ngăn ngừa biến chứng nhiễm trùng nội nhãn sau mổ; xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc theo dõi sát các dấu hiệu bất thường sau mổ (đau nhức mắt, đỏ mắt đột ngột) để phối hợp xử trí kịp thời, bảo vệ thị lực cho người bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Triệu chứng lâm sàng
2.2.1. Triệu chứng cơ năng
2.2.2. Triệu chứng thực thể
2.3. Biến chứng
2.4. Điều trị
2.4.1. Điều trị đục thể thủy tinh bằng thuốc
2.4.2. Điều trị đục thể thủy tinh bằng phẫu thuật
2.5. Chăm sóc người bệnh đục thể thủy tinh
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 4: Chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được đặc điểm dịch tễ và các yếu tố nguy cơ gây bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp.
- Mô tả được triệu chứng lâm sàng, hướng xử trí cấp cứu và điều trị bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp hiện nay.
- Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp trong giai đoạn cấp cứu và sau khi ổn định nhãn áp.
- Nhận thức được bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp là một cấp cứu nhãn khoa tối khẩn cấp và mức độ nguy hiểm của bệnh đối với thị lực, từ đó hình thành thái độ khẩn trương, bình tĩnh, trong phối hợp xử trí nhằm hạ nhãn áp và bảo vệ thị thần kinh thị giác; xác định được trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng cách phát hiện bệnh sớm để phòng tránh mù lòa.

2. Nội dung

2.1. Đại cương
2.2. Dịch tễ học
2.3. Triệu chứng lâm sàng
2.3.1. Triệu chứng cơ năng
2.3.2. Triệu chứng thực thể
2.3.3. Triệu chứng toàn thân
2.4. Điều trị
2.4.1. Tại y tế cơ sở
2.4.2. Tại tuyến chuyên khoa
2.5. Chăm sóc người bệnh glôcôm góc đóng cơn cấp
2.5.1. Nhận định
2.5.2. Chẩn đoán điều dưỡng
2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Kiểm tra: Thời gian: 1giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo, tài liệu phát tay, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp.

V. Nội dung và phương pháp, Đánh giá kết quả chăm sóc

1. Nội dung:

- Đánh giá kiến thức thông qua bài thi trắc nghiệm. Sinh viên phải trình bày được:

+ Trình bày được sơ lược giải phẫu, sinh lý răng hàm mặt, tai mũi họng và mắt.

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, hướng xử trí các bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại.

+ Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại.

- Đánh giá kỹ năng thông qua làm các bài tập lập kế hoạch chăm sóc người bệnh toàn diện dựa trên các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm: Quan sát tinh thần tự học, ý thức trách nhiệm và thái độ xử trí tình huống lâm sàng trong các giờ thảo luận nhóm.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: 01 bài, hình thức trắc nghiệm.
- Kiểm tra định kỳ: 01 bài, hình thức trắc nghiệm.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy Điều dưỡng trình độ Cao đẳng của Trường cao đẳng Y tế Hải Phòng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Khi giảng dạy, giảng viên cần áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học như: phát vấn, dạy học theo tình huống, nêu vấn đề, thuyết trình, liên hệ thực tế lâm sàng nhằm gây được hứng thú học tập cho sinh viên và nâng cao chất lượng dạy học; phân nhóm cho sinh viên trao đổi với nhau, trình bày và thảo luận theo nhóm để giúp người học nắm vững các kiến thức và kỹ năng sau mỗi buổi học.

+ Trong quá trình giảng dạy lý thuyết, giảng viên cần kết hợp giữa giảng trên lớp với hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm bài tập lập kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh theo tình huống lâm sàng để phát huy tính sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên.

- Đối với người học:

+ Đi học đầy đủ và nghiêm túc, chú ý lắng nghe, quan sát, tích cực tham gia thảo luận nhóm, học và làm bài tập đầy đủ ở nhà theo yêu cầu.

+ Chủ động đọc tài liệu trước khi đến lớp, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, hướng xử trí và quy trình chăm sóc các bệnh ngoại khoa chuyên sâu và chuyên khoa hệ ngoại.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Ngọc Tuấn (2016), *Điều dưỡng ngoại khoa*, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Phạm Khánh Hoa (2017), *Tai mũi họng*, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3]. Nguyễn Tấn Cường (2017), *Điều dưỡng ngoại, tập 1,2,* Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục.

[4]. Trần Bình Giang (2018), *Tài liệu đào đạo Điều dưỡng ngoại khoa*, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Bộ môn Răng hàm mặt, Đại học Y Hà Nội (2025), *Bài giảng Răng hàm mặt*, Nhà xuất bản Y học.

[6]. Bộ Y tế (2024), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về mắt*, Nhà xuất bản Y học